TIN VĂN

- thông tin
- nghị luận
- sáng tác
- văn học
- nghệ thuật

VĂN BÚT NAM HOA KỲ
Chủ Trương

LỜI VÀO TẬP

Khi những cơn gió đông bắc chỉ còn thỏang qua trên miền đất cực nam Hoa kỳ, như một chút lưu luyến trước giờ chia tay luôn luôn mang đến cho mỗi chúng ta một chút bùi ngùi. Và sau đó gió tháng ba lần theo nắng ấm trở về, những nụ hoa Blue Bonnets đặc trưng cựa mình vươn cánh, báo hiệu mùa Xuân đang đến. Những chiếc áo ấm được xếp lại nhường chỗ cho áo hoa khoe sắc với xuân thì. Cùng thời, thư đi tin lại báo hiệu một mùa vui trên từng trang viết của những người cầm bút. Dĩ nhiên, những sáng tác mới của các văn thi hữu gần xa không chỉ là ngợi ca mùa Xuân vốn đã đầy hương sắc mà còn là khơi dậy niềm tin giữa người với người nói chung và người Việt ly hương nói riêng. Hoài niệm một mùa qua, hoan ca cho một mùa đang tới, là sự xác tín thời gian không dừng lại và con người vẫn còn đó một hướng đi.

Chúng tôi những người cầm bút, cùng chung sinh hoạt dưới mái nhà Văn Bút Nam Hoa kỳ cũng không ngoài thông lệ. Và Tin Văn 4 đã vượt qua những chặn đường chật hẹp để đến với người đọc hôm nay. Nhắc đến những chặn đường chật hẹp chính là muốn nói đến những khó khăn trong việc phổ biến văn học (một phần của văn hóa Việt Nam) tại xứ người. Khi mà chữ nghĩa có nguy cơ cạn kiệt, tim óc của người cầm bút cũng dần dà chai cứng vì những nhiêu khê đời tị nạn. Sống giữa xứ ngươì, giao tiếp để mưu sinh chắc chắn là phải thường xuyên dùng tiếng nước người, và tiếng nước ta dần dà bị thu hẹp trong những ngõ ngách gia đình. Chính vì thế sáng tác văn học nghệ thuật cũng sẽ mai một nếu chúng ta thiếu đi một chút quan tâm cùng chữ nghĩa.

Vẫn còn đó một quê hương rách nát thì chúng ta phải mặn mà tâm niệm:...tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời... Trên quan niệm ấy, chúng tôi, một lần nữa khẳn định rằng cầm bút là một thiên chức, sáng tác là một phần của đời sống và tập hợp phổ biến sáng tác là một nhiệm vụ mà mỗi một người yêu nước cần phải tiếp tay gìn giữ.

Mơ ước thì thật nhiều, như thiếu nữ vừa thay áo mới lại muốn có ngay một màu áo mới hơn, như phụ nữ nhan sắc đã mãn khai lại muốn mình đẹp hơn thêm nữa, như tâm lý người thường khi mưa dầm rét lạnh mong có ngay một chút nắng hanh vàng và khi nắng mang về gió cát, nóng rát da lại muốn chút mưa bay.

Viết đồng nghĩa với thay đổi, không thể đi mãi trên một lối mòn, người viết chính là người khai phá phải chấp nhận những khó khăn, san bằng những nghịch lý. Đôi khi phải hy sinh cả bản thân mình cho khát vọng

vươn tới chân thiện mỹ.

Như tiền nhân một thời đi mở nước
Chân trần đâu sá những chông gai
Với tay không ngăn bờ phá núi
*Với trái tim khát vọng một sơn hà.**
(khuyết danh)

Tự xác định thế đứng của chính mình, Tin Văn đã đang và sẽ tiếp tục vượt qua những khó khăn thực tế để tồn tại ngõ hầu góp thêm hương sắc cho vườn hoa văn học hải ngoại. Hy vọng là nguồn ánh sáng để vươn tới, nhưng khả năng có giới hạn. May mắn thay bên cạnh chúng tôi vẫn còn nhiều tấm lòng nặng tình cùng chữ nghĩa đã không ngừng khuyến khích yểm trợ vật chất cũng như tinh thần cho Tin Văn 4 có mặt hôm nay. Chúng tôi thành tâm tri ân Quý mạnh thường quân, Quý độc giã và đặc biệt Quý văn Thi hữu từ phương xa đã gửi bài cộng tác, nhờ đó Tin Văn mỗi ngày mỗi phong phú hơn.

Tin Văn 4 đến với Quý độc giả giữa mùa Xuân nước Mỹ, chỉ mong được là một bông hoa lạ góp thêm hương sắc cho muôn hoa đang nở rộ trong mỗi trái tim người ■

Trân trọng,
Tháng 3-2008
Ban Biên tập.

BỐN NGÀY TẠI BLED

Tường Trình về cuộc Hội Thảo "Nhà văn Vì Hòa Bình" 2008

Sơn Tùng

Ljublijana Airport – Jullian Aps – Alpine range

Cuộc Hội thảo "Nhà văn vì Hòa Bình" (Writers for Peace) lần thứ 40 đã được tổ chức tại Bled, Slovenia, từ 26 đến 30 tháng 3.2008 với sự tham dự của các đại biểu thuộc 30 trong khoảng 150 Trung tâm thành viên Văn Bút Quốc Tế (VBQT), trong đó có hai đại biểu của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN).

Cuộc hội thảo năm nay bao gồm hai chủ đề "Ý thức Âu Châu" (What is European Consciousness) và "Đạo tắc trong lịch sử" (An Ethical Attitude to History as a Source of Peace). Chúng tôi đã chọn chủ đề thứ hai để tham dự và đã viết một bài tham luận tựa đề "Lights of Paris, Tears of Saigon" (Ánh sáng Paris, Nước mắt Sài-gòn), nói về mối liên hệ bi thảm giữa Việt Nam và Pháp trong hơn một thế kỷ qua cùng với những ngang trái của lịch sử và những huyền thoại được tạo thành bởi tuyên truyền cộng sản và định kiến của truyền thông cánh tả phương Tây. Bài viết này (*) đã được in vào tập tài liệu của cuộc hội thảo cùng với 29 bài viết khác của các nhà văn trên thế giới. Ngôn ngữ được dùng trong cuộc hội thảo là Anh ngữ, Pháp ngữ và tiếng Slovenia.

Chúng tôi đến Bled ngày 26.3, và đã tham dự các cuộc họp cùng những sinh hoạt bên lề như nói chuyện về văn học, ngâm thơ, triển lãm, tiếp tân. Tại cuộc thảo

luận bàn tròn với chủ đề "Nhà văn vì Hòa Bình" sáng ngày Thứ Sáu 28.3, có mười một diễn giả đã lên tiếng dưới sự điều hợp của Nhà văn Edvard Kovac thuộc Trung tâm Slovenia, cũng là một giáo sư đại học. Những nhà văn hội viên VBQT gồm đủ mọi khuynh hướng đã mổ xẻ vấn đề "lịch sử và hòa bình", đi từ biện luận cho rằng thái độ nghiêm túc trong lịch sử là một phương thức xây dựng hòa bình đến đả phá coi lịch sử như một nguồn gốc của chiến tranh. Những "điểm nóng" trên thế giới hiện nay cũng đã được một số diễn giả nói đến – như chiến tranh Iraq, tranh chấp Do Thái – Palestin, vấn đề Kosovo, vv.

Tác giả trên bàn thuyết trình.

Vấn đề Việt Nam được đặt ra đã làm nhiều người ngạc nhiên và chăm chú lắng nghe, ghi chép. Không đủ thì giờ để đọc nguyên văn bài tham luận, tôi vắn tắt nêu ra ba huyền thoại về Việt Nam đã được tạo thành ở phương Tây do tuyên truyền cộng sản, do định kiến thiên lệch của truyền thông tả phái Âu Mỹ, do tham vọng của Pháp muốn tìm lại vai trò đã mất ở cựu thuộc địa Đông Dương. Tôi đã đưa ra những dẫn chứng để bác bỏ ba huyền thoại: Hồ chí Minh là một người có tinh thần cách mạng quốc gia, chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến của người Mỹ, và chế độ cộng sản ngày nay đã đổi mới, so chiếu với sự thật Hồ Chí Minh là một cán bô cộng sản chuyên nghiệp, Chiến tranh Việt Nam là cuộc xâm lăng của CSBV vào quốc gia có chủ quyền Việt Nam Cộng Hòa, và chế độ cộng sản hiện nay tại Việt Nam chỉ cải cách kinh tế và vẫn giữ nguyên bản chất độc tài, tàn bạo.

Tôi đã nêu ra bằng chứng mới nhất về bộ mặt phi nhân bản của CSVN khi trong Tháng Hai vừa qua đã ra lệnh cấm phát hành tập thơ của Trần Dần sau khi ông đã bị đàn áp vì ngòi bút và phải sống trong bóng tối hơn nửa thế kỷ và đã chết hơn mười năm trước.

Kết luận, tôi kêu gọi trí thức và sử gia Tây phương hãy tôn trọng sự thật và can đảm nhìn vào quá khứ cũng như hiện tại, đừng làm ngơ trước tội ác của cộng sản trong khi lặp đi lặp lại tội ác của Quốc xã Đức thời Thế Chiến II dù tội ác của cộng sản ghê tởm khủng khiếp hơn nhiều.

Ngày hôm sau, 29.3.2008, nhật báo "DELO" của Slovenia trong bài tường thuật cuộc hội thảo đã viết về phát biểu của tôi như sau: "Chủ tịch VBVNHN Sơn Tùng đã nói về những huyền thoại đối với Việt Nam, và chỉ rõ rằng chế độ cộng sản Việt Nam ngày nay vẫn tiếp tục đàn áp người dân, vi phạm nhân quyền."

Sau cuộc họp, Nhà văn Edvard Kovac, người điều hợp cuộc thảo luận, cảm ơn tôi đã nói lên những

40. srečanje pisateljev PEN na Bledu

Kako do kulture miru?

Prevodna kultura kot temelj evropske zavesti – Namesto zgodovine vojn poučevati zgodovino sprave in sočutja – Pogum iraške novinarke

Danes je zadnji dan srečanja PEN. Izbrana mednarodna druščina literatov bo šla na ekskurzijo v Celje, z večerjo na Bledu se bo letošnje srečanje literatov končalo. Če so se v četrtek posvetili vprašanju evropske zavesti in jo obravnavali na dopoldanski in popoldanski okrogli mizi, so včerajšnje dopoldne razpravljali o etičnem odnosu do zgodovine kot vira miru.

V četrtek popoldne so povabljeni govorniki o vprašanju evropske zavesti razmišljali predvsem z vidika književnosti. Moderator **Marjan Strojan** je poudaril pomen prevodne književnosti ali kulture prevajanja, ki »ima glavno vlogo pri konstituiranju evropske zavesti«. Iz prispevkov Sibële Petlevski, Paula Scotta, Sylvestra Clancierja, Constantina Abalura, Horia Gârbere, Tecie Werbowski, Phillipa Pujasa pa smo lahko izluščili naslednje poante. Evropo definira njena narodna, kulturna in predvsem jezikovna različnost. Jeziki predstavljajo evropsko bogastvo, ki ga je treba negovati. Pri tej nalogi imajo ključno vlogo prevodi. Evropsko bogastvo je tudi to, da manjšim narodom priznava njihovo enakovredno mesto tako v evropski književnosti kot na družbeno-političnem področju.

Zgodovina miru

Včerajšnja okrogla miza pa je, če grobo povzamemo, prinesla dve vrsti prispevkov. Edvard Kovač, Monique-Lise Cohen, Igor Grdina, Teresa Salema, Sylvestre Clancier, Zeki Ergas in Kjell Olaf Jensen so naslovno temo obravnavali skozi nekoliko bolj teoretske premisleke. Tako je **Edvard Kovač**, denimo, spodbudil k temu, da bi začeli razmišljati o zgodovini miru, tj. tisti zgodovini, ki obravnava spravo, odpuščanje in jo sestavljajo dogodki za mir. **Cohenova** je, izhajajoč iz Platonove in Kantove filozofije, razmišljala o (etični) odgovornosti subjekta, ki predstavlja temelj za

> Mirovni komite Mednarodnega PEN je sprejel dve resoluciji, v eni je obsodil kitajsko nasilje v Tibetu, v drugi opozoril na izginjanje petih manjšin v Iraku. Poleg tega je na kosovske in srbske člane PEN naslovil pismo, v katerem jih poziva, naj vzpostavijo stik med seboj in obsodijo nasilje na obeh straneh. Podobno pismo so naslovili tudi na ciprske in turške člane PEN

njegovo svobodo. **Igor Grdina** pa je poudaril, da je bolj kot zgodovinska obdelava, ki temelji na vzročno-posledični zvezi in kronologiji, pomembna zgodovina »drame osebnosti«. **Teresa Salema** je izpostavila, da svoje svobode – denimo ne gledati televizije, ne škodovati itd. – ne izkoriščamo dovolj. Kulturo miru, ki bi jo lahko vzpostavili z učinkovitim izobraževalnim sistemom, pa je predlagal **Ergas**.

Realno izkustvo vojne

Druga vrsta prispevkov je temeljila na bolj osebnih izkušnjah vojne in konfliktov. **Elizabeth Csicsery - Rónay** je s kolegi delila svojo izkušnjo ameriškega mirovnega gibanja za konec vojne v Vietnamu v šestdesetih in sedemdesetih letih prejšnjega stoletja. Pripadnik ene od izginjajočih iraških manjšin **Basim Mardan** je spregovoril o pogumni iraški novinarki Atwar Bahjat, ki je s svojo junaško smrtjo uspela povezati Iračane. Predstavnik vietnamskega PEN v eksilu **Son Tung** je spregovoril o mitih, ki so povezani z Vietnamom, pri čemer je opozoril, da vietnamski komunistični režim še danes krši človekove pravice in terorizira svoje ljudstvo. **Sami Michael**, Izraelec, ki je nekoč živel v Iraku, je pripovedoval o svojih izkušnjah in življenju v Izraelu, o kulturi vojne, ki je tam navzoča v vseh družbenih sferah, in jo obsodil.

V debati po okrogli mizi je ena od palestinskih gostij Hanan Awwad porvala k natančnejši artikulaciji koncepta kulture miru, s pomočjo katerega bi lahko mednarodni PEN predlagal tudi konkretne korake k njeni vzpostavitvi.

JELA KREČIČ

sự thật mà không ai nói tại diễn đàn này. Ông nhấn mạnh: "Murder is murder". Tôi cảm thấy thật ấm lòng.

Nhưng không phải mọi người đều cùng một ý nghĩ như vậy. Như tôi đã nói, các nhà văn quốc tế góp mặt tại đây có nhiều khuynh hướng khác nhau, kể cả thiên tả, thân cộng, hay từng là thành viên nòng cốt của "phong trào phản chiến" thời chiến tranh VN.

Trong những cuộc tiếp xúc bên lề, chúng tôi đã có dịp nói chuyện và cố gắng "giải độc" những người này. Anh Nguyễn Đăng Tuấn, người bạn đồng hành, đã tỏ ra rất sắc xảo trong lãnh vực này. Anh mềm mỏng, kiên nhẫn đối thoại để thuyết phục "đối phương".

Cũng chính Nguyễn Đăng Tuấn đã trở thành "ngôi sao" trong "Đêm Văn học" quốc tế tại Trzin khi anh ngâm bài thơ "Em

Nguyễn Đăng Tuấn (ngồi giữa) trong "Đêm Hội Thơ" quốc tế.

bé Việt Nam làm điếm" bằng tiếng Anh mà anh là tác giả. Anh cũng đã ngâm thơ bằng tiếng Việt theo yêu cầu của ban tổ chức và sau đó được đài truyền hình Slovenia phỏng vấn để giới thiệu văn hóa Việt Nam với khán giả địa phương.

Bốn ngày tại Bled có rất nhiều sinh hoạt, ngày nào cũng từ sáng sớm đến tối khuya, chạy từ thành phố này tới thành phố khác. Slovenia là một nước nhỏ, không tới hai triệu dân, tách ra từ Liên Bang Nam Tư sau khi khối Cộng sản Đông Âu sụp đổ, và tuyên bố độc lập năm 1991, nhưng là một dân tộc có truyền thống văn hóa lâu đời và một nền văn học phong

Truyền hình Slovenia phỏng vấn Nguyễn Đăng Tuấn.

phú. Một đất nước tuyệt đẹp với những người dân hiếu khách. Ngày nào chúng tôi cũng được thị trưởng một thành phố đãi tiệc, và trưa ngày 27.3, Tổng thống Danilo Turk đã thết đãi các nhà văn từ nhiều nơi trên thế giới đến đây, bắt tay chuyện trò với từng người. Mọi người đã mỉm cười khi ông tổng thống nước chủ nhà (cũng mỉm cười) nói (bằng tiếng Anh) "các chính trị gia thường sợ phải nói chuyện với nhà văn", nhưng ông thì thích đối thoại với các nhà văn vì ông là một giáo sư đại học trước khi được bầu làm tổng thống.

Tổng thống Danilo Turk hỏi han tác giả.

Dù bận rộn với cuộc hội thảo, chúng tôi không quên một "sứ mạng" khác, tuy là "bên lề" nhưng cũng rất quan trọng đối với VBVNHN. Chúng tôi đã có hai buổi họp với ông Tổng Thư ký VBQT Eugene Schoulgin và Giám-đốc Chương-trình VBQT Frank Geary để thảo luận về vấn đề nội bộ VBVNHN. Tuy nội dung là "họp" nhưng đã diễn ra trong hai buổi ăn sáng, vì không còn thì giờ nào khác với một chương trình đã kín đặc những sinh hoạt

của cuộc hội thảo. Qua những trao đổi thẳng thắn nhưng khá thân tình, chúng tôi đã mổ xẻ mọi khía cạnh của vấn đề nội bộ VBVNHN và cuối cùng đã đồng ý là mọi xáo trộn phải chấm dứt, và trở lại những sinh hoạt quy củ dựa trên những nguyên tắc dân chủ, trên Hiến chương và Điều lệ của VBQT cũng như Điều lệ VBVNHN. Tôi, với tư cách Chủ tịch BCH VBVNHN, đã cùng ký với Tổng Thư ký VBQT Eugene Schoulgin và Giám-đốc Chương Trình Frank Geary trong một văn thư sẽ được gửi cho tất cả hội viên VBVNHN để thông báo về thể thức sẽ được áp dụng để bầu cử Ban Chấp Hành nhiệm kỳ tới cho VBVNHN.

Ước vọng của chúng tôi là với quyết định chung này, và với thiện chí của mọi hội viên, VBVNHN có thể bước vào một tương lai mới với những sinh hoạt ổn định để có những đóng góp xứng đáng vào văn học cũng như góp tiếng nói cần thiết trên diễn đàn quốc tế.

Sau mỗi chuyến đi xa, người ta thường có một điều đáng để ghi nhớ nhất. Điều đáng để tôi ghi

Hình ảnh thanh bình của Bled.

nhớ nhất trong bốn ngày ở Bled là cái bắt tay của Nguyễn Đăng Tuấn sau khi tôi chấm dứt bài nói và trở lại ghế ngồi bên cạnh anh. Cái bắt tay chúc mừng và như thầm chia sẻ cảm nghĩ nhẹ nhàng sau khi cùng nhau hoàn thành trách nhiệm nặng nề trên vai. Phần tôi, giờ phút ấy có một ước mơ: sẽ có nhiều người Việt Nam hơn, tài giỏi hơn, lên tiếng trước những diễn đàn quốc tế để nói lên SỰ THẬT về Việt Nam và đòi hỏi CÔNG LÝ cho người dân Việt Nam, cho những người đang sống và cả cho những người đã chết oan khiên.

(Hết)

(*) Xin đọc nguyên văn bài tham luận "Lights of Paris, Tears of Saigon".

Tác giả và Tổng Thư ký VBQT Eugene Schoulgin.

ÁNH SÁNG PARIS, NƯỚC MẮT SAIGON

Nhà văn Sơn Tùng, Chủ tịch Văn Bút VNHN, và Nhà văn Nguyễn Đăng Tuấn, Chủ tịch Khu Vực Đông Nam Hoa Kỳ VBVNHN, tham sự cuộc Hội thảo "Nhà văn vì Hòa Bình (Writers for Peace) lần thứ 40 do Văn Bút Quốc Tế tổ chức tại Bled, Slovenia, từ ngày 26 đến 31.3.2008. Đây là bài tham luận của Ông Sơn Tùng đã được in vào tài liệu để thảo luận tại các phiên họp. VBVNHN

(40th International PEN Conference: An Ethical Attitude to History as a Source of Peace)

LIGHTS OF PARIS, TEARS OF SAIGON

History of a tragic relationship

By Son Tung

(Vietnamese Abroad PEN)

In the past two thousand years, Europe witnessed several big events and a transformation – from the Roman empire's Constantine (306-377) to the France monarchy's Philip in 13th and 14th century, followed by the Renaissance and the scientific revolution, then the age of enlightenment and at last waves of socialist revolution in France and communist revolution in 20th century with two World Wars and the Cold War.

After the Renaissance and lasting until early 20th century, European Christian civilization spread toward many other continents. This expansion of influence marked the most splendid era of Europe, along with the flourishing of colonialism.

Several European countries rushed to colonize countries in other continents, from Africa to South America, to Asia. In Asia, most countries - including China and India, two vast countries with old civilization – were conquered by smaller countries from the West. Japan was an exception thanks to its early modernization.

As for Vietnam, a country in the Far East, she was defeated and occupied by France, a European country similar in size but outmatched Vietnamese military might. Along with the occupied forces and colonial rule, the French brought to Vietnam its slogan "Liberty, Equality, Fraternity".

Consequently, those beautiful thoughts impregnated in many Vietnamese generations from French great authors such as Rousseau, Voltaire, and Montesquieu. Chinese thousand year cultural influence in Vietnam society eventually faded due to the attraction of Western civilization with its glory both in technology and philosophy.

Ironically, it was the same French colonial rulers that blatantly suppressed the uprisings of Vietnamese trying to free their country. Many patriots were imprisoned, deported, and executed, but the resistance rarely ceased, even when French

colonial development in Vietnam reached its zenith in the early 20th century.

Those phenomena in the same time exposed "two Frances": one represented by the ruthless conquerors, and another for the philosophers, writers, poets with great thoughts who inspired a modernizing movement in Vietnam looking to France as a center of Western civilization. Several young Vietnamese went to France where they studied science, technology, philosophy, political economy, etc, or sought a way to free Vietnam from the yoke of colonial rulers. Among them was Nguyen Tat Thanh, who later took a pseudonym as Nguyen Ai Quoc.

Traveling to France in 1911 as a janitor on a merchant ship, Nguyen Ai Quoc learned about socialism and communism in the land of "Liberty, Equality, Fraternity", and became a founding member of the French Communist Party in 1920. Shortly after, he went to Moscow to be trained as a professional communist revolutionary, and came back to Vietnam in 1945 under the new name as Ho Chi Minh. He then maneuvered to take control the resistance forces against French Colonialism.

Today, in the 21st century, more than 80 million Vietnamese are swallowing bitter fruits from a tree sowed by Ho Chi Minh who brought the seed from Paris. Now, however, the old communist tree in France is withered after the collapse of the Soviet and Eastern Europe communist bloc. In recent elections in France, the Communist Party got only about 2 percents of votes. Paris is still "the City of Light", but Saigon - once "the Pearl of the Far East"- had its name changed and has been suffering under communist tyranny.

The relationship between Vietnam and France in the past over half century is worthy to be considered while we discuss the ethics of history and the morality of historians.

The history of the relationship between Vietnam and France is a sad one, especially for the Vietnamese who were victimized by the recent conflict in their fatherland. Indeed, after the World War II, when the colonialism disintegrated, it was the French re-conquest of Vietnam that made Ho Chi Minh and his communist followers the "liberators" in the fight for their country's independence.

Ironically, soon after France was freed from Nazis occupation, Charles de Gaulle – French liberation hero – sent troops to Vietnam in an attempt to reclaim the former colony. This ambitious adventure subsequently caused an unnecessary liberation war (as declared by Vietnamese communists) and a pseudo-anticommunis t war (as French said) that lasted 8 years (1946-1954), ceased only when French army was defeated at Dien Bien Phu. This unnecessary war might have been avoided had French government at the time wisely

dealt with its former colony as the Britons did with India, Malaysia and Singapore which saved those countries from falling under the communist yoke.

After the victory at Dien Bien Phu, Ho Chi Minh was rewarded sovereignty over North Vietnam by the Geneva conference in 1954. French stayed in Vietnam for two more years when a democratic regime was formed in the South with the support of the United States.

The "second Vietnam war" (1960-1975) was an invasion of South Vietnam by North Communists, but because of communist propaganda, liberal left bias of Western media, French ambition to retrieve a lost role in former colony – American participation was condemned and the war was seen from the West as a "liberation war" and Ho Chi Minh was painted as a great nationalist leader.

This myth was demolished only after the North Vietnamese Communists blatantly violated the Paris 1973 cease-fire agreement. With Soviet and China military aids, the communists launched an all out offensive to overrun the South. After their victory in April 1975, they set up hundreds of "re-education camps" throughout the country, where thousands of hapless victims of their success languished in near-starvation conditions for years. The communist victory caused millions of "boat people" to flee in small wooden boats in an unprecedented exodus to seek freedom. It has been estimated that one third of them perished on the high sea.

Today, Vietnamese people are suffering under a regime of brutal dictators whose crimes were summarized in the "Black Book of Communism" by Stéphane Courtois and five other co-authors, along with the crimes of other communist regimes that caused the deaths of more than one hundred million innocents world wide. In Vietnam today, many people are imprisoned just because of trying to practice the basic human rights that people in the West have been enjoying for so long – such as freedom of speech, freedom of religion, and freedom of expression.

For several years now, International PEN Writers in Prison Committee has been working hard in order to protect writers, journalists who were systematically repressed and imprisoned by the Vietnamese communist rulers. And for years other human rights organizations in Europe also condemned the Socialist Republic of Vietnam for its cruel treatment to its own people.

Europe faces big changes and challenge in the 21st century. To deal with current and future issues, Europe must have an accurate and courageous view of what happened in the past and what is happening now, not only in Europe but also in the outside world, with an ethical attitude towards history and conscience of historians.

How can historians in the West response to Alan C. Cors, a professor of Europe intellectual history at the University of Pennsylvania (USA) when he complained: "The West accepts an epochal, monstrous, unforgivable double standard. We rehearse the crimes of Nazism almost daily; we teach them to our children as ultimate historical and moral lessons; and we bear witness to every victim. We are, with so few exceptions, almost silent on the crimes of communism." And here is what he said about the crimes of communism: "No cause, ever, in the history of mankind, has produced more cold-blooded tyrants, more slaughtered innocents and more orphans than socialism with power. It surpassed, exponentially, all other systems of production in turning out the dead."

It is time for European and American historians to recognize the abuses of the past and gain full awareness of the tyranny that exists in Vietnam today. No ethical historian can view the current situation in Vietnam without condemning the human rights violations of the current communist regime and its corrupt ruling class, which was created through violence, imprisonment and murder. It is only when "liberty, fraternity and equality" are truly practice in Vietnam that its people can truly be free and live in peace.

ÁNH SÁNG PARIS, NƯỚC MẮT SÀI-GÒN

Lịch sử của một mối tương quan bi thảm

Sơn Tùng

Trong 2,000 năm qua, Âu Châu đã trải qua rất nhiều biến cố và đổi thay – từ các vương quyền thời Constantine của Đế quốc La-mã (306-377) đến triều đại Philip của Pháp vào Thế kỷ 13, 14, tiếp đó là thời Phục hưng rồi thời kỳ cách mạng khoa học, đến thời đại ánh sáng và sau cùng là các làn sóng cách mạng xã hội tại Pháp và cách mạng vô sản vào Thế kỷ 20 với hai trận đại chiến và cuộc Chiến tranh Lạnh.

Chính từ sau thời Phục hưng và kéo dài tới đầu thế kỷ 20, nền văn minh Ki-tô giáo của Âu Châu đã tỏa rộng ra nhiều lục địa khác. Sự bành trướng ảnh hưởng ấy đã đánh dấu thời kỳ huy hoàng nhất của Âu Châu cùng lúc với giai đoạn cực thịnh của chủ nghĩa thực dân.

Các nước Âu Châu thi nhau đi xâm chiếm thuộc địa, từ Phi Châu đến Mỹ Châu, Á Châu. Tại Á Châu, hầu hết các nước - kể cả Trung Hoa và Ấn Độ, hai nước rộng lớn với những nền văn minh lâu đời - đều bị các nước Tây Âu nhỏ hơn chinh phục, trừ Nhật Bản nhờ đã chọn con đường canh tân sớm.

Riêng Việt Nam, một nước ở Viễn Đông, không nhỏ hơn nước Pháp nhưng đã bị đánh bại và bị xâm chiếm vì yếu hơn về sức mạnh quân sự. Cùng với đoàn

quân viễn chinh, người Pháp đã đem theo vào Việt Nam khẩu hiệu: "Tự do, Bình đẳng, Huynh đệ".

Những tư tưởng cao đẹp ấy đã thấm nhuần nhiều thế hệ người Việt qua các tác giả nổi danh như Rousseau, Voltaire, Montesquieu. Ảnh hưởng hàng ngàn năm của văn hóa Trung Hoa trong xã hội Việt Nam đã bị phai nhạt vì sự lấn áp và hấp dẫn của nền văn minh Tây phương rực rỡ cả về kỹ thuật, lẫn triết học.

Tuy nhiên, thật mỉa mai, cùng lúc ấy chế độ thuộc địa đã dùng bạo lực đàn áp những cuộc nổi dậy để mưu giành lại độc lập cho Việt Nam. Nhiều người yêu nước đã bị tù tội, lưu đày, và xử tử, nhưng sự đối kháng ít khi đình chỉ, kể cả lúc chế độ thuộc địa của Pháp tại Việt Nam phát triển tới mức huy hoàng nhất vào đầu thế kỷ 20.

Hiện tượng ấy đã cùng lúc phơi bày "hai nước Pháp" khác nhau. Một nước Pháp của những kẻ đi chinh phục đất đai, tàn bạo, và mặt khác là một nước Pháp của những triết gia, nhà văn, nhà thơ với những tư tưởng vĩ đại đã tạo ra một phong trào canh tân ở Việt Nam, hướng về nước Pháp như một trung tâm của văn minh Tây Âu. Nhiều người đã sang Pháp học hỏi về khoa học, kỹ thuật, triết học, kinh tế, chính trị, hay tìm phương cách giải phóng Việt Nam khỏi ách thực dân. Một trong những người này là Nguyễn Tất Thành, về sau đội dưới một tên giả là Nguyễn Ái Quốc.

Sang Pháp năm 1911 với nghề làm bồi trên tàu biển, Nguyễn Ái Quốc đã học hỏi về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản tại đất nước của "Tự do, Bình đẳng, Huynh đệ", và trở thành một đảng viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp vào năm 1920, rồi sau đó được đưa sang Nga đào tạo thành một cán bộ cộng sản quốc tế để trở về Việt Nam năm 1945 với tên mới là Hồ Chí Minh, tìm cách nắm quyền lãnh đạo các lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày nay, ở Thế kỷ 21, hơn 80 triệu dân Việt Nam đang ăn cái trái đắng do Hồ Chí Minh đem từ Pháp về gieo trồng, trong lúc cái gốc cây già cỗi tại nước Pháp đã suy tàn cùng với phong trào cộng sản quốc tế sau sự sụp đổ của Liên Sô và khối Cộng sản Đông Âu. Trong những cuộc bầu cử gần đây tại Pháp, đảng Cộng sản chỉ chiếm được khoảng hai phần trăm tổng số phiếu bầu. Paris vẫn rực rỡ đèn hoa, trong lúc Sài-gòn – một thời từng được gọi là "Hòn ngọc Viễn đông" – đã bị mất tên và quằn quại dưới bạo lực cộng sản.

Những gì đã xảy ra trong mối tương quan giữa Việt Nam và Pháp trong khoảng thời gian hơn nửa thế kỷ vừa qua rất đáng được nhắc tới trong lúc chúng ta thảo luận về đạo tắc của lịch sử và luân lý của các sử gia.

Mối tương quan giữa Việt Nam và Pháp là một liên hệ đáng buồn, đặc biệt là với những người Việt Nam đã trở thành nạn nhân trong cuộc tranh chấp vừa qua trên đất nước của họ. Thật vậy, khi chủ nghĩa thực dân bị suy sụp sau Thế Chiến II, chính sự tái chính phục Việt Nam của

người Pháp đã làm cho Hồ Chí Minh và các đảng viên cộng sản của ông ta trở thành "những kẻ giải phóng" chiến đấu để giành độc lập cho đất nước của họ.

Mỉa mai thay, ngay sau khi được giải phóng khỏi Đức Quốc-xã, Charles de Gaulle, người anh hùng của nước Pháp tự do, đã đưa quân trở lại Việt Nam để toan tái lập chế độ thuộc địa. Cuộc phiêu lưu đầy tham vọng này đã gây ra một cuộc "chiến tranh giải phóng không cần thiết" (do cộng sản nhân danh) và một cuộc "chiến đấu chống cộng giả hiệu" (do người Pháp nại ra) kéo dài tám năm (1946-1954), chỉ chấm dứt sau khi quân đội Pháp bị đánh bại tại trận Điên Biên Phủ. Cuộc chiến tranh không cần thiết này đã có thể tránh được nếu chính phủ Pháp thời ấy cũng đối xử một cách khôn ngoan với cựu thuộc địa như người Anh đã làm với Ấn Độ, Mã Lai và Singapore nhờ đó các nước này đã không bị rơi vào gông củm cộng sản.

Sau chiến thắng Điện Biên, Hồ Chí Minh được chia tặng quyền thống trị miền Bắc Việt Nam tại Hội nghị Genève năm 1954. Pháp còn ở lại Việt Nam thêm hai năm cho đến khi một chính thể dân chủ được thành lập tại miền Nam với sự trợ giúp của Hoa Kỳ.

"Cuộc Chiến tranh Việt Nam thứ hai" (1960-1975) là một cuộc xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt vào miền Nam Việt Nam, nhưng vì tuyên truyền của cộng sản, khuynh hướng thiên tả của truyền thông Tây phương, thái độ ganh tị của giới cầm quyền Pháp mưu tìm lại một vai trò đã mất tại cựu thuộc địa – sự tham chiến của người Mỹ đã bị lên án, và cuộc chiến ấy đã được nhìn từ Tây phương như một cuộc "chiến tranh giải phóng", và Hồ Chí Minh được tô vẽ như một "lãnh tụ quốc gia" vĩ đại.

Huyền thoại này chỉ đổ vỡ sau khi Cộng sản Bắc Việt xé bỏ Hiệp định Pairs 1973, dốc toàn lực đánh chiếm miền Nam Việt Nam vào tháng 4 nặm 1975, với viện trợ quân sự của Liên Sô và Trung Cộng. Sau khi chiến thắng, CSVN đã dựng ra hàng trăm trại tập trung cải tạo trên khắp nước, nơi hàng trăm ngàn người đã bị đày ải nhiều năm trong tình trạng đói khổ. Chiến thắng của Cộng sản đã đẩy hàng triệu "thuyền nhân" ra biển khơi bất chấp nguy hiểm đi tìm tự do trên những con thuyền gỗ nhỏ, mà khoảng một phần ba đã bỏ thây trên biển.

Ngày nay, nhân dân Việt Nam đang sống dưới một chế độ tàn bạo mà tội ác đã được lược kê trong cuốn "Sách đen của Chủ nghĩa Cộng sản" của Stéphane Courtois và năm tác giả khác, cùng với tội ác của những chế độ cộng sản khác đã tàn sát hơn một trăm triệu người vô tội trên thế giới. Ở Việt Nam hiện nay, đang có nhiều người bị cầm tù chỉ vì muốn sử dụng những quyền tự do căn bản mà người dân ở phương Tây đã được hưởng từ lâu – như tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, và tự do diễn đạt tư tưởng.

Từ nhiều năm nay, Ủy Ban các Nhà văn bị cầm tù thuộcVăn Bút Quốc Tế đã nỗ lực hoạt động để

bảo vệ những nhà văn, nhà báo bị đàn áp một cách có hệ thống và bị giam cầm tại Việt Nam. Các tổ chức nhân quyền khác ở Âu Châu cũng đã không ngừng lên tiếng kết án sự đối xử bạo ngược của CSVN với chính người dân Việt Nam.

Âu Châu ngày nay đang biến đổi, và đối diện với những thử thách lớn vào đầu Thế kỷ 21. Để đối phó với những vấn đề trước mắt và tương lai, Âu Châu cần có cái nhìn chính xác và can đảm về những gì đã xảy ra trong quá khứ và những gì đang diễn ra trong hiện tại, không phải chỉ ở Âu Châu mà ở cả thế giới bên ngoài, với đạo tắc của lịch sử và lương tâm của những nhà viết sử.

Các sử gia phương Tây trả lời thế nào về lời ta thán của Alan C. Cors, một giáo sư về môn lịch sử trí thức Âu Châu tại Đại Học Pennsylvania: "Phương Tây chấp nhận một tiêu chuẩn kép kỳ quái về lịch sử không thể tha thứ được. Chúng ta nhắc lại tội ác của chủ nghĩa Quốc-xã gần như mỗi ngày; chúng ta đem những tội ác ấy để dạy cho con cháu chúng ta như là những bài học lịch sử và luân lý tuyệt đối; và chúng ta đem nhân chứng đến từng nạn nhân. Trừ một số rất ít ngoại lệ, chúng ta hầu như im lặng về những tội ác của chủ nghĩa Cộng sản."Và đây là tội ác của cộng sản mà ông ta đã vạch ra: "Trong lịch sử loài người, chưa từng có cớ lý nào đã sản xuất nhiều bạo chúa máu lạnh, nhiều người vô tội bị tàn sát và nhiều trẻ mồ côi hơn là chủ nghĩa xã hội khi nắm quyền. Nó vượt qua với cấp số nhân tất cả các hệ thống khác trong việc sản xuất xác chết."

Đã tới lúc các sử gia Âu Châu và Mỹ cần nhìn nhận sự sai phạm trong quá khứ và nhận thức đầy đủ về sự tàn bạo hiện hữu tại Việt Nam. Không sử gia lương thiện nào có thể viết về tình trạng hiện nay tại Việt Nam mà không lên án sự vi phạm nhân quyền của chế độ cộng sản hiện tại và lên án giai cấp thống trị thối nát đã được tạo lập qua bạo lực, tù đày và sát nhân. Chỉ khi nào "Tự do, Huynh đệ và Bình đẳng" được thực thi tại Việt Nam thì người dân mới có tự do thực sự và sống trong hòa bình.

CHIẾN DỊCH TIẾP VẬN THƠ ĐẾN OLYMPIC BẮC KINH 2008

Sơn Tùng

Olympic Muà Hè kỳ thứ 29 sẽ được khai mạc tại Bắc Kinh vào đúng 8 giờ 8 phút 8 giây ngày 8 tháng 8 năm nay, 2008, với khẩu hiệu "Một Thế Giới, Một Ước Mơ" (One World, One Dream).

Đây là Thế Vận Hội được tổ chức lần đầu tiên tại Trung Hoa và đã được chính phủ Trung Cộng đầu tư rất nhiều tiền của, công sức để thực hiện nhằm mục đích tuyên truyền. Tuy nhiên, càng gần tới ngày khai mạc càng có nhiều đám mây đen nổi lên ở cuối chân trời, cả ở trong nước Tàu lẫn ở thế giới bên ngoài.

Ở trong nước Tàu, mặc dù bị kiểm soát chặt chẽ và đàn áp thô bạo, những người tranh đấu cho nhân quyền, bất đồng chính kiến, các tổ chức tôn giáo chui và Pháp Luân Công vẫn hoạt động ngầm và có thể gây ra những biến cố chính trị nhân dịp Thế Vận Hội 2008 với sự góp mặt của hàng trăm đoàn lực sĩ và báo chí khắp thế giới.

Ở bên ngoài, nhiều tổ chức nhân quyền đã khởi phát các chiến dịch chống đối, tẩy chay Olympic 2008 tại Bắc Kinh, hay lợi dụng cuộc tranh tài thể thao lớn này để lưu ý dư luận quốc tế về chính sách đàn áp đối lập, tước đoạt nhân quyền trầm trọng của chính quyền Trung Cộng.

Cũng trong mục đích này, Văn Bút Quốc Tế đã phát động một Chiến dịch Tiếp vận Thơ vòng quanh thế giới giống như cuộc rước đuốc Thế Vận mà chặng cuối cùng sẽ là Bắc Kinh vào ngày 8 tháng 8, 2008, ngày khai mạc Thế Vận Hội kỳ 29.

Bài thơ được tiếp vận là bài "Tháng Sáu" (Liuyue) của Shi Tao, một nhà báo Trung Hoa và một hội viên Văn Bút, đang bị giam tù 10 năm về tội "tiết lộ bí mật nhà nước ra ngoại quốc". Tháng 4/2004, Shi Tao dùng điện thư (Yahoo!) gửi ra một web site ở hải ngoại bản tin về một tài liệu được đọc trong một cuộc họp của tòa soạn Đương Đại Thương Báo (Dangdai Shangbao). Tài liệu này do văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Hoa gửi tới các báo để cảnh cáo giới truyền thông về những bài viết nhân kỷ niệm lần thứ 15 cuộc nổi dậy và tàn sát ở Thiên An Môn, Bắc Kinh, ngày 4 Tháng 6, 1989. Theo hồ sơ tòa án, Công ty Yahoo! (Hong Kong) Holdings Ltd đã cung cấp cho công an Trung Cộng căn cước của Shi Tao. Shi Tao bị bắt và đã viết bài thơ ngắn "Tháng Sáu", một bài suy tưởng về cuộc thảm sát năm 1989 gần như cùng thời điểm, 9/6/2004.

Bài thơ bằng chữ Hán và được một hội viên Văn Bút Sydney, Chip Rolley, dịch ra Anh ngữ như sau:

Tháng Sáu

My whole life
Will never get past "June"
June, when my heart died
When my poetry died
When my lover
Died in romance's pool of blood

June, the scorching sun burns open my skin
Revealing the true nature of my wound
June, the fish swims out of the blood-red sea
Toward another place to hibernate
June, the earth shifts, the rivers fall silent
Piled up letters unable to be delivered to the dead

Nguyên văn chữ Hán:

Để "tiếp vận" bài thơ này, Văn Bút Quốc Tế đã kêu gọi các Trung tâm thành viên cử đại diện dịch ra ngôn ngữ của nước mình và gửi cho ban tổ chức bản dịch và bản ghi âm.

Văn Bút VN Hải Ngoại đã đề cử Nhà thơ Đào Vĩnh Tuấn, Tổng Thư Ký BCH, thay mặt Trung tâm tham dự Chiến dịch Tiếp vận Thơ đầy ý nghĩa này.

Sau thời gian chuẩn bị, Chiến dịch Tiếp vận Thơ sẽ được tiến hành theo một lộ trình qua các Trung tâm tham dự được hiện ra bằng một đốm sáng trên bản đồ trên web site của Chiến dịch Tiếp vận Thơ. Vì VBQT có nhiều Trung tâm thành viên hơn là các thành phố rước Đuốc Thế Vận, lộ trình Tiếp vận Thơ sẽ khác với lộ trình rước Đuốc Thế Vận, tuy nhiên Ban Tổ Chức sẽ cố gắng theo sát lộ trình Đuốc Thế Vận cùng với những tin tức cập nhật về vụ án Shi Tao.

Mỗi khi cuộc Tiếp vận Thơ đến một Trung tâm, Trung tâm ấy sẽ phát động các sinh hoạt như sau:

1. Phổ biến một thông cáo báo chí vào ngày bài thơ "đến", công bố bản dịch bài thơ, lưu ý dư luận về vụ án Chi Tao và những nhà văn khác đang bị cầm tù ở Trung Cộng, cùng với những mục tiêu rộng hơn của Chiến dịch Trung Quốc do VBQT phát động. Nếu dịp này xảy ra cùng lúc với ngày đến của Đuốc Thế Vận sẽ là cơ hội tốt để báo chí biết tới Chiến dịch Tiếp vận Thơ Chi Tao.

2. Tổ chức một sinh hoạt trong ngày bài thơ đến. Sinh hoạt này có thể gồm những cuộc đọc bản dịch bài thơ bằng ngôn ngữ địa phương, cùng với văn chương Trung Hoa, những bài phát biểu, tuyên cáo lưu ý công luận về những vụ đàn áp người cầm bút tại Trung Cộng mà VBQT đang can thiệp.

Được biết Đuốc Thế Vận sẽ được rước qua Việt Nam trước khi đến Bắc Kinh nhưng Chiến dịch Tiếp vận Thơ Chi Tao sẽ không tới Việt Nam vì Việt Nam không có Trung tâm Văn Bút và cũng có nhiều nhà văn bị đàn áp, cầm tù mà VBQT đã can thiệp.

Trước tháng 4/1975, Trung tâm Văn Bút Việt Nam ở Sài-Gòn là hội viên duy nhất của VN trong VBQT cho đến khi tự giải thể sau

khi chế độ VNCH sụp đổ. Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại được thành lập và được VBQT thu nhận năm 1979 trong kỳ Đại Hội lần thứ 44 tại Rio de Janeiro, Brazil.

Từ đó, VBVNHN không ngừng làm việc với VBQT để can thiệp cho nhiều người cầm bút bị đàn áp, tù tội tại Việt Nam, và đã bị những văn nô của chế độ cộng sản viết nhiều bài báo vu khống, đả kích.

Chiến dịch Tiếp vận Thơ Chi Tao cũng sẽ là cơ hội để VBVNHN lưu ý công luận về chính sách đàn áp văn nghệ sĩ và độc quyền tư tưởng, độc quyền ngôn luận của CSVN.

JUNE by Shi Tao

THÁNG SÁU

(Vietnamese version by Vĩnh Tuấn)

Tháng sáu đời tôi hết

Trái tim tôi khô héo
Dòng thơ tôi cạn kiệt
Trong hồ máu tình yêu
Người yêu tôi cũng chết

Tháng sáu lửa mặt trời
Đốt cháy đỏ thịt da
Bày vết thương rỉ máu
Từng âm ỉ trong ta

Bầy cá của tháng sáu
Ngụp lặn giữa nhiễu nhương
Đi tìm chốn nương thân
Cố bơi ra biển máu

Địa cầu vào tháng sáu
Nghiêng ngửa chốn bình yên
Dòng sông buồn tháng sáu
Cũng cạn kiệt cội nguồn

Những tờ thư chồng chất
Không có chổ để đưa
Những tờ thư không đến
Vì ai cũng không còn.

THÁNG SÁU

(Dịch Thơ của Shi Tao
Vietnamese version by Nguyễn Văn Thông)

Cả đời tôi
Chìm trong Tháng Sáu.
Tháng Sáu, tim tôi ngừng đập,
Dòng thơ tôi khô-cạn,
Vì người yêu tôi chết trong vũng máu tình-yêu.

Tháng sáu, nắng cháy nứt da,
Phơi trần vết thương rỉ máu.
Tháng Sáu, loài cá bơi khỏi biển máu,
Tìm một nơi nào nương-náu.
Tháng Sáu, đất chuyển-động, sông ngừng trôi,
Thư-từ chất đống vì người nhận đã chết.

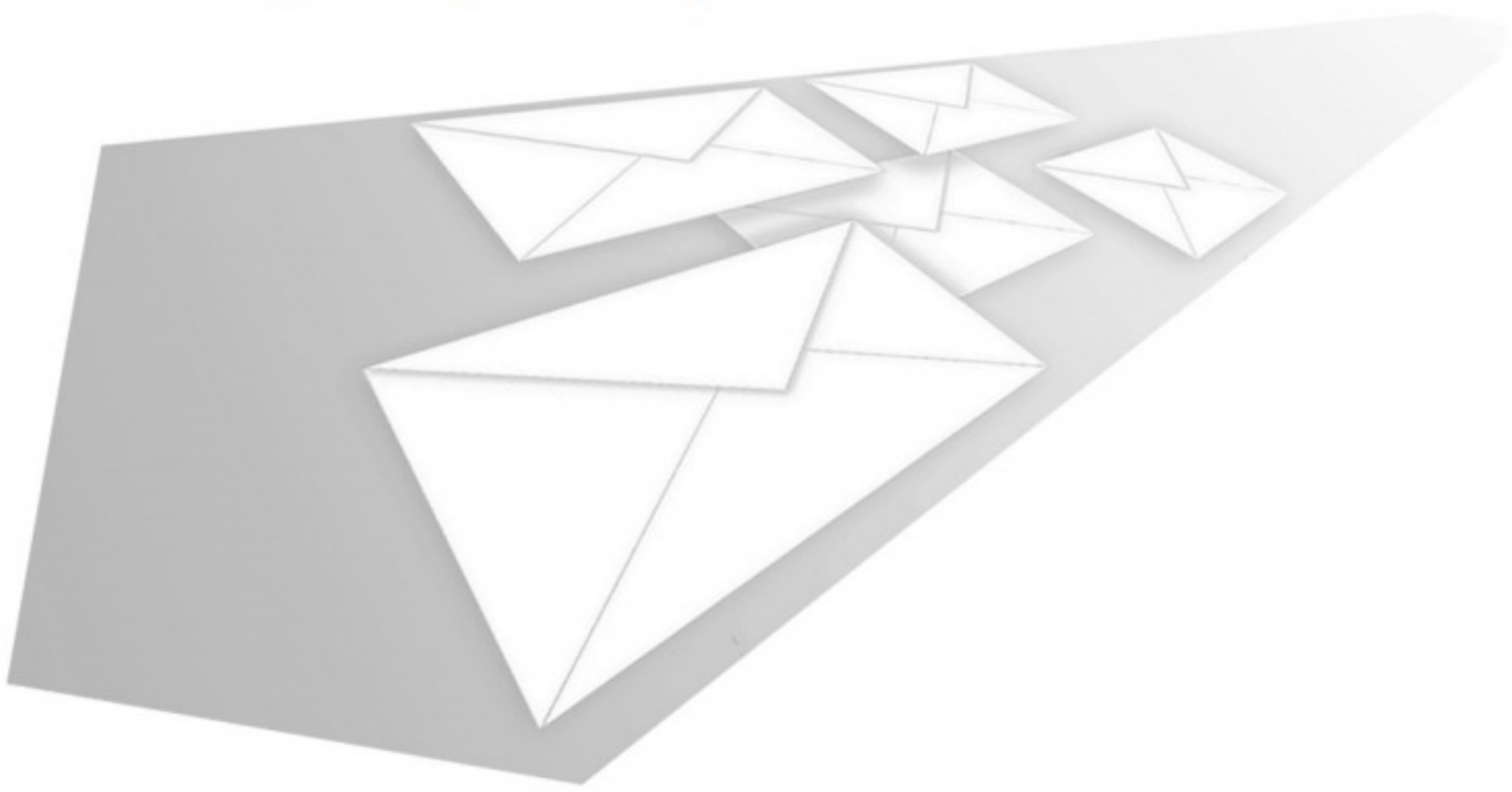

THÁNG SÁU

(June, by Shi Tao
Vietnamese version by Cung Vũ)

Đời tôi, Tháng Sáu vùi sâu
Tim tôi ngừng đập, thơ sầu chết theo
Chìm trong vũng máu, người yêu.
Nắng thiêu Tháng Sáu, tiêu điều cháy da
Phơi trần trụi vết thương ta
Cá theo Tháng Sáu bơi ra khỏi miền
Lìa biển máu, giấc đông miên
Địa cầu Tháng Sáu ngửa nghiêng vơ chừng
Dòng sông nín lặng mịt mùng
Thư từ chất đống vì không ai còn...

Đặc Phái Viên BNS Xây Dựng
Hoàng Minh Thúy

Ra Mắt Tác Phẩm "Chăn Gối Ngày Về" Của Nhà Văn Phạm Ngũ Yên

Đón mừng Giáng Sinh và năm mới, Houston rộn ràng với biết bao sinh hoạt của các hội đoàn, làm cho khung cành lạnh lẽo của mùa Đông bỗng nhiên ấm áp đôi chút, vì nhờ dịp này bạn bè có cơ hội gặp gỡ, trò chuyện.

Trong khung cảnh tấp nập đó, chương trình ra mắt tác phẩm và tác giả của Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ tổ chức vào chiều Chủ Nhật 30 tháng 12, 2007 không thu hút đông đảo khách tham dự, đa số đông hiện diện đều là văn thi hữu trong thành phố. Họ đã gạt bỏ nhiều tiết mục khác để đến chung vui với gia đình Văn Bút Nam Hoa Kỳ trong dịp phát hành đặc san Tin Văn và chào mừng Nhà văn Phạm Ngũ Yên khai sinh đứa con tinh thần thứ 2, Tuyển tập Truyện ngắn mang tên "Chăn Gối Ngày Về".

Chương trình tổ chức tại Hội Quán đài Little Saigon vào Chủ Nhật 30, tháng 12, 07, khai mạc lúc 2 giờ 30 với lời giới

thiệu sơ lược về sinh hoạt của Văn Bút Nam Hoa Kỳ của nhà văn Thu Nga về từ Dallas, TX. Trong dịp này, Luật sư Hoàng Duy Hùng được mời lên máy vi âm phát biểu với tư cách là quan khách. Sau khi có lời chào mừng, LS Hùng tự giới thiệu Hùng là thành viên trẻ tuổi nhất của Văn Bút Nam Hoa Kỳ, Hùng cũng vừa đắc cử Chủ tịch CĐNV Quốc Gia Houston & Vùng Phụ Cận cho nhiệm kỳ 2008-2011. Là một thành viên của Văn Bút với quan niệm dùng Ngòi Bút thay Súng đạn, để chiến đấu cùng bạo quyền CS Việt Nam trong phương diện văn hóa, Hùng mong rằng những ngày tháng tới, Cộng Đồng NVQG dưới sự hoạt động của tân Ban Chấp Hành, sẽ có nhiều cơ hội giới thiệu đến Văn Bút Nam Hoa Kỳ những người trẻ tuổi hơn Hùng, dùng văn hóa để tiếp tay trong cùng tác đấu tranh.

Phần giới thiệu tác giả và tác phẩm do nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân (đương kim Chủ tịch Văn Bút Nam HK 2005 – 2008) phụ trách. Đây là một nhà văn quân đội, anh viết ít, nhưng mỗi bài viết của anh đều mang rất nhiều tâm sự của một người lính, khắc khoải, đau đớn vì phải rã ngũ tan hàng. Mỗi bài viết đều liên quan đến những chiến trận lớn, nhỏ anh đã trải qua trong suốt cuộc đời cầm súng của một đơn vị tác chiến, mặt đối mặt với địch quân. Vì vậy, khi phát biểu về một tác giả chuyên viết những chuyện tình buồn, dang dở, đắng cay, anh có những nhận xét và lời phát biểu rất ví von, chúng tôi xin ghi lại nguyên văn:

Kính thưa quý quan khách
Kính thưa quý văn thi hữu
Kính thưa quý thân bằng hữu

Thưa quý vị, tôi với anh Phạm Ngũ Yên là bạn, chúng tôi đã sinh hoạt chung với nhau nhiều năm và có lẽ chúng tôi khá hiểu nhau, hiểu đến cái mức có thể biết người kia nghĩ gì, viết như thế nào và có lẽ cũng vì quá biết nhau như vậy mà anh Phạm Ngũ Yên đã ít tìm đọc tôi và tôi cũng vậy, ít tìm đọc Phạm Ngũ Yên. Như thế không có nghĩa là tôi không biết gì về Phạm Ngũ Yên, không hãnh diện về Phạm Ngũ Yên, không vui mừng vì sự đóng góp của anh trong kho tàng văn học. Tôi biết, trong rừng chữ nghĩa ngát hương của chúng ta, không chỉ có Mai Thảo viết văn xuôi bằng thư; không chỉ Hòang Ngọc Tuấn với Hình Như Là Tình Yêu mới làm rộn ràng những trái tim mới lớn, và không chỉ Từ Kế Tường, Mường Mán mới mở ra một khung trời cho tuổi ngọc, tuổi hồng. Chúng ta còn có Phạm Ngũ Yên, người được gọi là nhà văn của tình yêu, người luôn tuôn tràn lên giấy những dòng chữ êm ái, mượt mà.

Thưa quý vị, tôi quí mến Phạm Ngũ Yên, tôi trân trọng những đóng góp của Phạm Ngũ Yên nhưng xin nói thật lòng, trước sau, tôi chưa bao giờ háo hức tìm đọc Phạm Ngũ Yên. Đây có lẽ là một thiệt thòi, một mất mát cho riêng tôi nhưng tôi có lý do để làm như vậy. Một lần nào, ở đâu đó tôi có nói: "Bi kịch của đất nước và thảm kịch của mỗi phận người hình như đã làm tôi bớt đi những mơ mộng",

trái tim vốn cũng từng có thời rộn rã của tôi như đã bị xé ra từng mảnh nhỏ: một chút ở lại với những anh em, đồng đội trên các chiến trường, một chút buồn rầu cùng nỗi bi uất của bạn bè trong các trại tù lớn nhỏ, một chút muộn phiền cùng đồng bào trong các đảo ở trại tỵ nạn thời đóng cửa thanh lọc bẽ bàng, và đôi lúc, một chút bừng bừng vì những tiếng gọi: "dù nơi xứ người lụa là phủ thân, nào hồn quê ta muôn đời hoa gấm, nam nhi bảy thước tay súng với tay cờ, lời nguyền xưa vang trong tim ta rực lửa". Với trái tim "nhiều chuyện" như vậy, tôi sợ, tôi không còn đủ rung động để chia xẻ những phút giây tình tự trong ánh đèn mờ giữa tiếng nhạc dìu dặt và những bước nhảy lả lướt trong vòng tay ấm; tôi không còn đủ ướt át để lỗi nhịp con tim trước hình ảnh hai mái đầu chụm lại dưới ánh nến lung linh để cùng uống chung Ly Rượu Bờ Sông (tựa một chuyện ngắn của PNY) và nếu tôi cứ trơ trơ như vậy trước những tình tự mà Phạm Ngũ Yên muốn dàn trải, muốn gởi gắm, tôi sẽ không thể truyền đạt bất cứ điều có ý nghĩa đến quí vị, và nếu như thế, tôi sẽ phụ lòng quí vị, phụ lòng tác giả. Tôi không muốn như vậy nên khi Phạm Ngũ Yên muốn tôi giới thiệu tác phẩm của anh đến quí vị, bằng chỗ tình thân tôi đã đùa đùa thật thật nói với anh: "có lẽ bạn đã chọn lầm người, giá như tác phẩm của bạn là "súng đạn ngày về", hay "tiếng thét ngày về" gì đó, có lẽ tôi sẽ hứng thú, sẽ say mê hơn để nói, còn Chăn Gối Ngày Về của bạn, có lẽ sẽ có nhiều người khác nói hay hơn tôi. Phạm Ngũ Yên hiểu tôi, anh không trách nhưng đã nghiêm mặt, thật thật đùa đùa nói với tôi: "Bạn biết tôi là một người lính trong cái quân đội hào hùng nhưng bất hạnh, anh dũng mà oan khiên của chúng ta, bạn cũng biết tôi là người tỵ nạn "u uẩn chiều loạn lạc, buồn viễn xứa khôn khuây" vậy chả lẽ bạn không biết tôi viết về tình yêu không chỉ để nói đến tình yêu hay sao. Biết đâu, đọc kỹ bạn sẽ tìm thấy điều bạn muốn được nói đến."

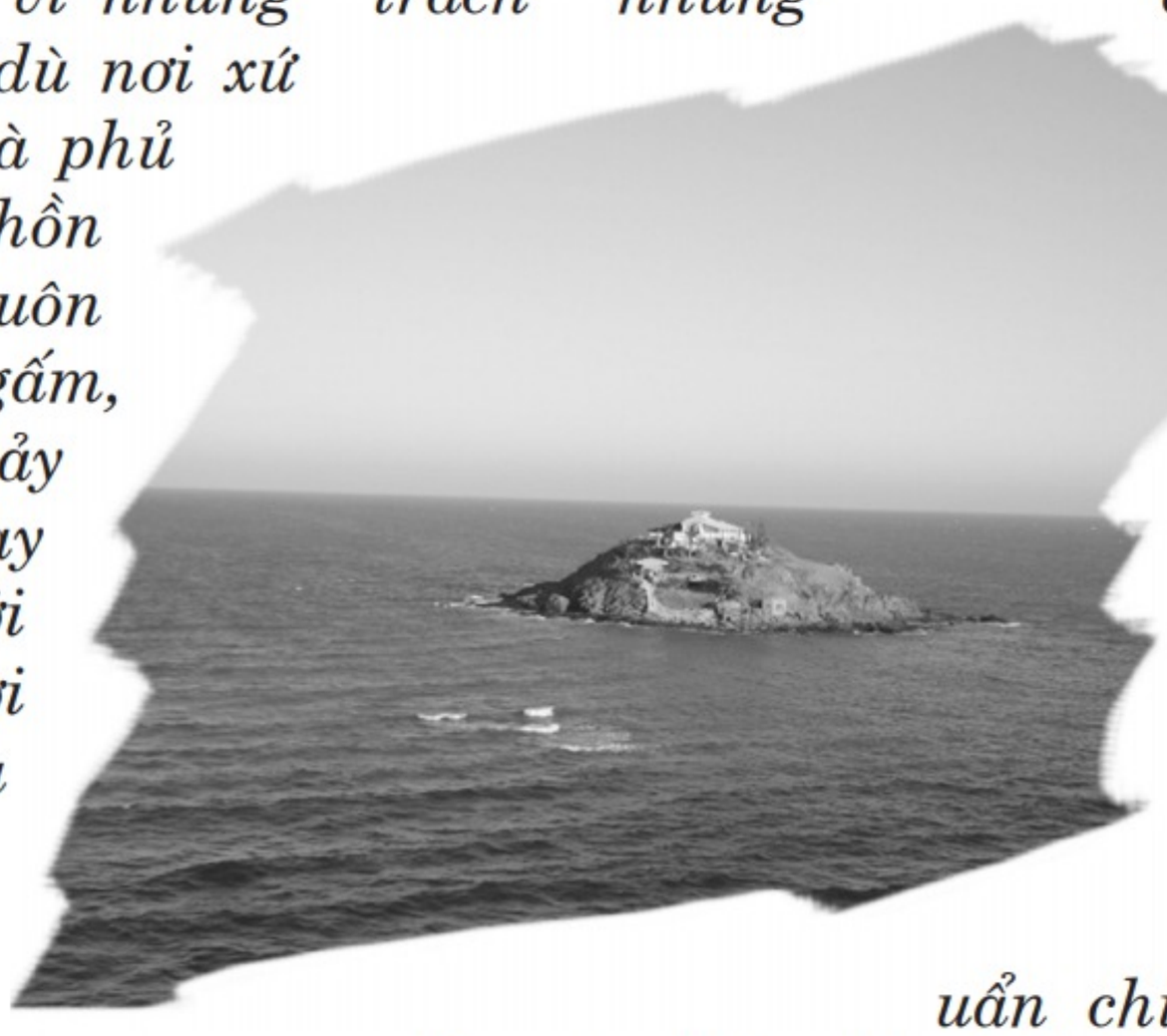

Tôi nghe lời Phạm Ngũ Yên, đọc sách của anh và càng đọc, tôi càng thấy quả đúng như điều tôi đã nghĩ, không đọc Phạm Ngũ Yên là một thiệt thòi, một mất mát. Nói Phạm Ngũ Yên là nhà văn của tình yêu, điều đó đúng nhưng chưa đủ. Con người của Phạm Ngũ Yên, tác phẩm của Phạm Ngũ Yên quả đã chuyên chở, đã gởi gắm nhiều điều để chúng ta chia xẻ và trân trọng, vượt xa những đề tựa bóng bẩy chỉ có khả năng đánh lừa cảm giác người đọc. Phạm Ngũ Yên, trước hết là một

người lãng mạn, rất lãng man. Thưa quý vị, có lẽ nhiều người trong chúng ta đã từng đi lại trên con đường 71 Houston- Austin, nhiều người trong chúng ta đã từng ngồi trong những quán cà phê Starbucks; nhiều người trong chúng ta đã qua lại cổ thành Alamo, chúng ta đã nhìn thấy những cây sồi trụi lá, nhìn những rừng hoa dại bạt ngàn dọc các xa lộ hun hút hay những cơn gió vần vũ trong vịnh Mexico. Có thể chúng ta cảm được vị cà phê ngon, có thể chúng ta trầm trồ trước những cảnh trí hùng vĩ và xinh đẹp và mọi việc dừng lại ở đó. Lòng chúng ta vẫn dửng dưng, hồn chung ta vẫn lạnh lẽo trước những quang cảnh, những hình ảnh không phải là của mình, không thuộc về mình nhưng Phạm Ngũ Yên thì không giống như vậy. Mỗi một hình ảnh, mỗi một cảnh trí đều gợi lại cho anh cả một trời quê hương. Với Phạm Ngũ Yên nhìn đâu cũng thấy ngôi làng nhỏ bên kia Cầu Cỏ May, nhìn đâu cũng thấy những cây bàng trong sân trường Trung Học Vũng Tàu, thấy con đường tắt từ Bãi Sau ra Bãi Trước thời nghịch phá, thấy ngôi nhà thờ cổ ở Di Linh, thấy những đồi trà bạt ngàn ở Bảo Lộc, thấy cà phê Tùng với cả một thời sương mù Đà Lạt. Đọc Phạm Ngũ Yên là theo anh về lại quê hương, về lại với một trời kỷ niệm.

Thưa quý vị, Phạm Ngũ Yên kế tới là người đau nỗi đau rất dài, rất đậm của chính mình, của bằng hữu mình, của quê hương mình, của dân tộc mình. Chăn Gối Ngày Về gồm 14 chuyện ngắn mang những tên gọi rất mộng, rất thơ nhưng đàng sau những thơ mộng gượng gạo cố tô vẽ cho đời một sắc tươi là những thảm kịch, những nỗi đau.

Xin cùng lướt qua một phần thật nhỏ về một công trình, một gởi gắm rất lớn của Phạm Ngũ Yên.

Cổ Tích kể về sư đổ vỡ mối tình đầu đầy ước mơ và hy vọng của một thiếu nữ 22 tuổi. Nỗi đau

quá lớn, vết thương quá sâu nhưng nỗi đau này, vết thương này đã trở thành quá nhỏ, quá tầm thường trong lòng người thiếu nữ tỵ nạn luôn mang trong lòng hình ảnh buồng phổi đen vì vết đạn thù của cha, một chiến binh thời chinh chiến cùng những thống khổ, điêu linh của đất nước mình, dân tộc mình. Quá khứ hào hùng của cha anh, như một lực đẩy, một sức nâng giúp người thiếu nữ kiêu hãnh đứng dậy từ nỗi đau riêng của mình.

Đừng Nói Lời Chia Tay kể về một thiếu phụ Kampuchia xinh đẹp và lãng mạn, nàng yêu và được yêu bởi một người không cùng tiếng nói nhưng rất gần gũi kể cả địa lý cùng hòan cành lịch sử và những thảm họa trong cuộc sống. Người thiếu phụ đáng yêu của chúng ta luôn sống trong thấp thỏm lo âu, nàng không bao giờ có thể quên những cánh đồng chết, những dòng sông máu trên quê hương nàng và người đàn ông nàng yêu, cũng luôn quặn lòng khi nhớ đến những xác người trên Đại Lộ Kinh Hoàng, nhớ đến thảm kịch Tết Mậu Thân, nhớ đến nỗi kinh hoàng trên tỉnh lộ 7. Hai tâm hồn cùng đau nỗi đau của tổ quốc mình và cùng tìm thấy niềm an ủi dịu dàng khi có nhau.

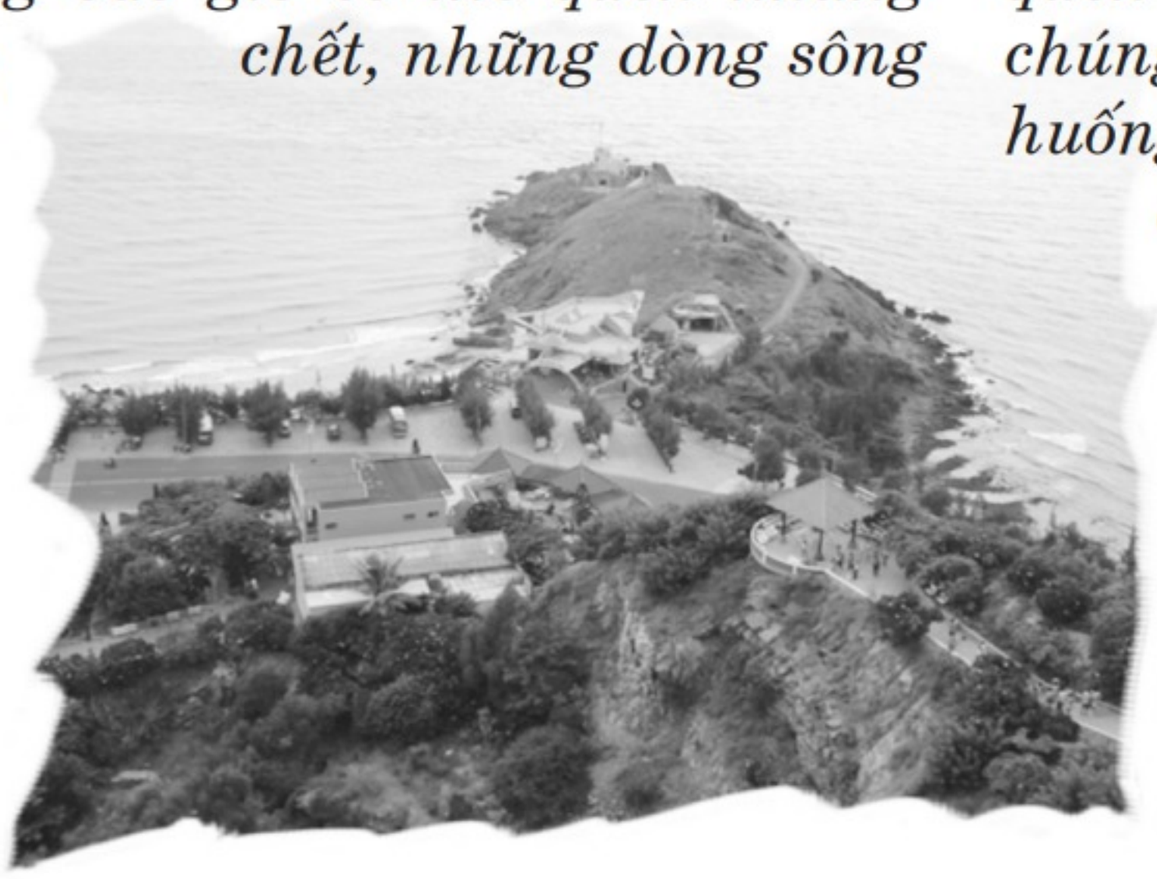

Như Vết Cắt Của Đời là bị kịch và cũng là điểm sáng của người thiếu phụ mang tên Linda. Nàng có dáng dấp của một thiếu nữ Việt Nam nhưng luôn tự nhận là đến từ Philippine. Nàng bán nhan sắc hàng đêm ở đường số 6 Austin, nàng thức suốt đêm chia bài, uống rượu cùng khách nhàn du trên những du thuyền sang trọng ở Florida. Đời đã đưa đẩy nàng vào con đường trụy lạc không có lối về nhưng rồi nàng đã yêu và được yêu. Trong niềm hạnh phúc muộn màng, nàng đã òa vỡ niềm vui bằng tiếng mẹ đẻ Việt Nam của mình. Con thiêu thân luôn mang trong lòng trái tim Việt Nam với niềm tự hào dân tộc đã phải tự từ bỏ quốc tịch của mình vì tự ái dân tộc, vì niềm kiêu hãnh giống nòi. Thân xác nàng nhầy nhụa, nhưng trái tim nàng luôn trong trắng.

Mười bốn chuyện ngắn, mười bốn cuộc tình, mười bốn cảnh đời, rất gần gũi, rất quen thuộc với mỗi chúng ta. Mỗi tình huống, mỗi nhân vật đại diện cho chúng ta, nói thay cho chúng ta về cả những hạnh phúc mong manh và những chia lìa nghiệt ngã trong nỗi tan tác của cả một dân tộc.

Thưa quý vị. Tôi vừa nói tôi đã mất mát, đã thiệt thòi khi đã không tìm đến với Pham Ngũ Yên sớm hơn. Tôi hy vọng quý vị không phải hối tiếc như tôi, tôi hy vọng mỗi quý vị sẽ có một Chăn Gối Ngày Về, và mỗi người thân, mỗi bằng hữu của quý vị cũng cần có một cuốn Chăn Gối Ngày Về.

Tôi nói điều này sau khi chiêm nghiệm sự thiệt thòi của chính mình.

Xin hân hạnh giới thiệu tập truyện Chăn Gối Ngày Về của Phạm Ngũ Yên.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào quý vị.

Nguyễn Mạnh An Dân

(Ghi chú: Bài viết ghi lại từ một bài nói ứng khẩu, do vậy nhiều chỗ trong bài là văn nói chứ không phải văn viết. Xin quý vị thông cảm)

****

Phần thích thú nhất của các khách tham dự, là được nghe tác giả Phạm Ngũ Yên (về từ Austin), lên trình diện độc giả. Nhìn thấy dáng dấp ông, là đã nhìn thấy ngay sự trầm mặc, nhẹ nhàng, từ tốn của một người có một đời sống nội tâm mãnh liệt.

Phạm Ngũ Yên là bút hiệu của một người họ Trần, sinh năm 1945, tại Vũng Tàu, một thành phố du lịch có một bãi biển nổi tiếng nằm cách Saigon khoảng 100 cây số. Phạm Ngũ Yên cũng là một người lính (ngành Truyền Tin) và được giải ngũ vì thương tật vài tháng trước khi có biến động tháng Tư đen.

Đến Hoa Kỳ từ năm 1991, Phạm Ngũ Yên khởi nghiệp viết văn từ năm 1992, nổi tiếng trong văn bút là một nhà văn viết văn xuôi như người ta làm thơ. Anh cũng đã từng được bầu làm Chủ tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ hai nhiệm kỳ (2000 - 2004). Đây là tác phẩm văn thứ hai, sau tuyển tập Hoa Bluebonnets Cho Hai Người, phát hành năm 1994.

Mười năm dàn trải tâm tình của mình trên nhiều bài viết, người ta tìm thấy nhà văn này luôn nhớ về quê hương của anh phảng phất qua nhiều bài viết, như anh đã tâm sự với khán giả trong buổi ra mắt sách cuối tuần qua:

"Tôi sinh ra tại một quận nhỏ bên kia cầu Cỏ May. Nó nằm trong thành phố Vũng Tàu. Cái quận đó ngày xưa có tên là Vũng Vàng, bây giờ gọi là Vũng Tàu. Phía bên kia là biển và Núi Lớn – Núi Nhỏ. Phía bên này là những ruộng muối, những rừng tràm mịt mùng và ruộng đồng cò bay thẳng cánh. Chính vì cái thổ ngơi như vậy, một thổ ngơi pha trộn nhiều dòng nước. Nước mặn từ biển chảy vào và nước ngọt từ đồng ruộng chảy ra và đặc biệt từ nơi đó có một dòng nước, không mặn và không ngọt, người ta gọi là nước lợ. Cho đến giờ phút này, tôi không biết cái mùi vị của biển cả, cái đôn hậu của ruộng đồng, và ở giữa dòng nước lợ đó ảnh hưởng đến cuộc đời tôi như thế nào, nhưng tôi biết là nó có ảnh hưởng. Nó nằm đầy trong tâm hồn của tôi, trong văn chương của tôi.

Đời sống của tôi, đôi khi là sự pha trộn bởi mùi vị mặn mòi của biển và sự ngọt ngào của sông, để từ đó tình yêu của tôi cũng bốc hơi mang một hơi thở khác. Đó là đau khổ. Sự đau khổ tồn tại trong văn chương tôi, trong các truyện ngắn, trong các bài tạp ghi. Và cho đến giờ phut này, đọc lại, tôi vẫn còn ngạc nhiên. Ai đó đã từng nói rằng, một nhà văn là một con ốc nhỏ ngậm trong lòng cả một đại dương. Tôi không tham vọng như vậy. Tôi chỉ

muốn làm một con ốc nhỏ mang trong lòng của nó một chút mùi vị của biển cả. Cái vùng biển trong thời niên thiếu của tôi. Và một chút mùi vị của rừng núi sương mù khi tôi vào lính.

Tôi không biết văn chương có làm thay đổi được đời sống hay không, nhưng tôi biết rằng trong chừng mực nào đó, văn chương có làm đẹp cho đời sống...

- Tôi quan niệm rằng, nếu viết ra không làm cho cuộc đời này tuyệt hảo hơn thì cũng đừng làm cho nó xấu xa, tồi tệ hơn...

Nhiều người nói rằng, tôi viết văn buồn quá!

Đúng như lời tâm sự của Phạm Ngũ Yên, trong các truyện ngắn tình cảm đôi lứa của anh, kết cuộc những mối tình đều không có đêm tân hôn, cũng không có những ngày dài hạnh phúc. Chúng ta sẽ thấy các đôi tình nhân này, sau những ngày hẹn hò mặn nồng, cuối cùng đều gặp những ngã rẽ, những con đường một chiều và không tìm ra exit. Họ chia tay nhau và lìa nhau biến vào cõi sương mù mịt....

Kết luận, Phạm Ngũ Yên trang trọng gửi đến Ban Tổ Chức và cử tọa lời biết ơn chân thành về những ưu ái đã bỏ thì giờ quí báu trong một ngày cuối năm bận rộn, để tham dự buổi ra mắt đứa con tinh thần của anh, thân ái chúc Tết cử tọa và thông báo: "Tất cả tiền bán sách hôm nay, đều tặng cho Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ làm quỹ sinh hoạt."

Tuyển tập "Chăn Gối Ngày Về" dày trên 300 trang, giá bán 10 đô la, là một tập sách đáng để trong tủ sách gia đình của bạn, với những lời văn như thơ và những chuyện tình lãng mạn. Tác giả cho biết, sẽ lần lượt ấn hành Dấu Chân Nào Theo Biển, Bé Ơi Đừng Khóc và Thơ Tình Phạm Ngũ Yên....

Cũng trong dịp này, Trung Tâm Văn Bút Nam HK cũng ra mắt đặc san Tin Văn, được biếu cho các cử tọa, có nội dung ghi lại các sinh hoạt nội bộ và phổ biến các đoản truyện, thơ của thành viên đang sinh hoạt với Trung Tâm.

Trong vài năm gần đây, tình trạng sinh hoạt của Văn Bút Nam Hoa Kỳ có phần bị trì trệ vì những lủng củng nội bộ và những tác động xấu từ bên ngoài đã làm cho nhiều văn thi hữu nản lòng Cũng nhờ sự sáng suốt, tinh tế và nhạy bén của một số thành viên then chốt đã nhanh chóng mang lại sự ổn định trong sinh hoạt của Hội. Hiện nay Hội được sự lèo lái của một nhà văn quân đội (Nguyễn Mạnh An Dân), người ta hy vọng Khu Vực Văn Bút Nam Hoa Kỳ sẽ có bộ mặt mới và hoạt động hữu hiệu hơn.

Buổi ra mắt tuyển tập Chăn Gối Ngày Về của nhà văn Phạm Ngũ Yên và đặc san Tin Văn còn có phần văn nghệ "Cây nhà lá vườn" do nhạc sĩ Linh Phương đàn dương cầm và các anh chị em nghệ sĩ trong vùng.

Chấm dứt chương trình có phần Tiệc Trà thân mật ■

Hoàng Minh Thúy

Vài Cảm Nghĩ Về Thơ Tuý Hà - Phương Triều
Biển Ơi, Đừng Khóc - Phạm Ngũ Yên

Vài cảm nghĩ về thơ Tuý Hà

■ ***Phương Triều***

Túy Hà là một sắc diện độc đáo của thi ca hải ngoại. Tôi nói độc đáo là muốn nói lên một suy nghĩ: Người làm thơ không nên đi vào đường mòn của người khác, và cũng không đi vào đường mòn của chính mình.

Hồi mới làm thơ, có lần tôi bị Thầy quở, "Anh làm mười cũng như một bài. Vậy là không được. Bài sau phải khác bài trước". Lời quở của Thầy khiến tôi bừng tỉnh và soi sáng tôi.

Tôi đọc thơ Túy Hà và quả thấy bài sau khác bài trước và không giống thơ người khác. Đây là ưu điểm và cũng là điểm đặc sắc của Túy Hà.

Xin mở ngoặc ở đây. Tôi không phải là nhà phê bình văn học. Tôi viết bài nầy ở vị trí một người bạn và là một độc giả của Túy Hà. Tuy nhiên, tôi cũng hiểu rằng, không phải vì tình bạn mà đánh trống thổi kèn tâng bốc quá đáng. Như vậy lại vô tình làm mất giá trị của bạn.

Tôi gặp Túy Hà một đôi lần. Anh có phong cách một tay giang hồ kỳ hiệp. Nhưng nếu anh mặc áo khinh cừu, tay cầm bầu rượu thì giống một trích tiên lăn lóc giữa chốn bụi hồng! Xin lỗi, đây chỉ là một cách nói đệm cho vui. Túy Hà là hình ảnh phong trần của một thế hệ thanh niên hào kiệt và hào hoa. Những hào kiệt sa cơ thất thế, chịu đựng muôn vàn vùi dập và trên thân thể cũng như thân thế đã mang biết bao vết thương đau đớn của lịch sử. Do vậy, thế hệ thanh niên đó ít có người làm thơ tình, ngoại trừ những bài thơ dành cho quê hương, cho cha mẹ, cho vợ con trong những năm tháng trầm luân! Hầu như không tìm thấy trong thơ của họ những câu thơ "hẹn hò ghế đá công viên, cà-phê quán gió, nhạc xập xình" hoặc những bài thơ than van rên rỉ nói về những mối tình ngang trái dở dang tưởng tượng. Và, như có lần tôi nói về thơ Tô Thùy Yên, thơ của họ vốn là những giọt máu ứa trên từ ngữ.

Đã là kiêu bạc cùng thơ
Du hành cõi lạ vẫn mơ khứ hồi,
Chân tâm mở rộng đất trời
Âm dương hoán chuyển bạc vôi hữu hình.

Trái tim tím ngắt chiều buông
Sóng xô thuyền dạt cánh buồm tả tơi.
Cuối đường một cuộc rong chơi
Trang thơ nhỏ máu khóc cười

mà đau

Cài hờ lên cửa tặng nhau
Đời thơ lỡ vận, xuống câu lạc vần. (*)
(về Thi sĩ Tô Thùy Yên)

Cùng thế hệ của mình, Túy Hà oằn nặng trên vai nỗi đau của dân tộc. Chúng ta ngưỡng mộ thơ anh và quí mến anh. Thử đọc:

...Thanh cổ kiếm trao ai về đất trích
Giữ dùm tôi như giữ chút tự hào
Là tinh anh của người lính cũ
Vẫn còn nguyên
Dẫu chí lớn chưa về.
Người trẻ hôm nay luôn nhớ dùm tôi nhé.
Lửa đấu tranh là hơi ấm bạn đường.
Chữ Tự do viết nên từ máu
Không viết bằng biểu ngữ tung hô.

Đổi họ thay tên, chuyển dời quốc tịch
Nhớ đừng quên, còn đó Tổ quốc buồn. (*)

Hai tập thơ Dấu Ấn Da Vàng và Rực Rỡ Đời Thường của Túy Hà gặt hái thành công đáng kể và gây tiếng vang trong văn giới. Tôi nghĩ sự thành công của anh là do sự đồng cảm và đồng điệu của những người cùng trải qua một giai đoạn nhiễu nhương của lịch sử. Thơ anh tạo một xúc động sâu sắc khi người đọc tìm thấy hình ảnh và tâm trạng của chính mình trong đó.

Túy Hà có vẻ chưa tự bằng lòng với mình và muốn đi tiếp trên lộ trình thi ca. Đây là một điểm son và chắc chắn Túy Hà còn đi xa hơn nữa.

Tôi nghĩ người làm thơ một khi tự mãn và trở nên cao ngạo là tự mình chấm dứt bút nghiệp của mình.

Bên hàng dậu cây Ngâu rụng lá
Nắng quái chiều hôm chênh chếch hiên nhà
Mái tóc Mẹ hiền nhuộm đầy khói bếp
Thẫn thờ tựa cửa đợi ai về. (*)

"Mái tóc Mẹ hiền nhuộm đầy khói bếp". Tôi đã bần thần ngẩn ngơ rất lâu khi đọc câu thơ nầy của Túy Hà và đã ràn rụa nước mắt. Tôi chưa từng đọc câu thơ nào độc đáo như thế về hình ảnh người mẹ hiền. Ở miệt vườn có nhiều thứ để chụm lò và loại nào cũng um khói, ngoại trừ than đước, nhưng than đước thì mắc tiền, lại khó mua. Trong khi đó mẹ có thể quơ mớ rơm, mớ điên điển, vỏ gòn, lá dừa khô... để chụm lò. Nhưng khói của những thứ nầy sẽ xông đen hai buồng phổi và làm cay mắt mẹ. Tôi nghĩ

những câu thơ như thế làm lớn thêm tầm vóc của Túy Hà. Quả thật không cần đem những từ ngữ triết học cao siêu và những từ ngữ bóng bẩy vào thơ. Mà chính những câu, những chữ như vậy mới là thơ!

Túy Hà như là dòng sông
Nước buồn chảy ngược bờ trông phương nào.
Vẫn là đêm tối mơ sao
Giật mình hỏi sóng biết bao giờ ngừng. (*)

Ví mình như một dòng sông và hỏi sóng biết bao giờ ngừng? Có lẽ Túy Hà đã có sẵn câu trả lời. Chúng ta đã tìm thấy câu trả lời khi cắn răng chịu đựng sự dày xéo của những phong ba. Nhưng những người trai thế hệ dẫu múa gươm hay múa bút vẫn giữ phong cách và tinh thần thượng võ. Do vậy, ta không ngạc nhiên khi đọc những dòng cảm khái đầy hào khí của họ.

•

Tôi thường có thói quen mỗi khi vớ được một tạp chí đều đọc tất cả các bài thơ trong đó. Bài nào cảm thấy thích thú tôi đọc một mạch tới câu cuối. Bài nào thích vừa tôi đọc phân nửa. Bài nào không thích tôi chỉ đọc vài câu.

Mỗi lần gặp thơ Túy Hà tôi đều đọc hết bài. Không phải vì tác giả mà vì bài thơ.

Austin, Texas tháng 1 năm 2008

PHƯƠNG TRIỀU

(*) Thơ Túy Hà.

Biển Ơi, Đừng Khóc

■ ***Phạm Ngũ Yên***

1. Không ai gởi cho nàng đóa hoa nhân ngày Mothers' Day. Chỉ còn tôi. Tôi mua nó nơi một siêu thị sáng nay. Từ mùa xuân vừa qua, hai hàng cây vào cổng nghĩa trang đã xanh đầy lá và trên bải cỏ phẳng phiu có dấu cắt của người làm vườn.

Không có lời thầm thì của gió để đưa đến tai nàng một lời tạ lỗi vì lâu lắm rồi, mọi lời nói đều vô nghĩa. Từ lâu lắm rồi tôi không còn thói quen để nói một mình khi đối diện với Ng. Có nhiều nỗi nhớ như những bó hoa được gói ghém trong một bao kiếng, có thắt nở vải nhiều màu và được đánh dấu cẩn thận. Có nhiều nỗi nhớ trần trụi và phơi bày ra giữa nắng gió cùng rét mướt. Và đàng sau đó có bao nhiêu tấm lòng thủy chung của người còn sống? Tôi không hình dung được vì riêng tôi, tôi sẽ không muốn khua động một vết thương đời.

Vài ngôi mộ mới đắp chưa có kịp mộ bia. Vài ngôi mộ không được chăm sóc vì thân nhân hình như không còn tại đây. Những cây dâu có thân trắng bệt vì thời gian đứng im lặng như chứng tích của một bất hạnh. Mưa không lớn lắm nhưng đủ để tôi ướt át và tôi phải vào ngồi lại trong xe, nhìn ra quạnh hiu bên ngoài với một

trái tim sũng nước. Đời sống còn quá nhiều nghịch lý nhưng đời sống cũng quyến rũ không kém. Ly cà phê để trong vị trí của nó bên cạnh tay lái đã nguội lạnh từ lâu. Nhưng mùi hương của Hazelnut còn vương vãi chung quanh chỗ ngồi. Quanh những dây an toàn. Chiếc gạt nước uể oải chuyển động trên mặt kính mờ đục, tiếng kêu tựa như tiếng rít róng của một mù phù thủy già. Giữa tiếng rầm rì của máy xe chờ đợi khởi hành và hình ảnh bó hoa còn nguyên bao kiếng nằm trang trọng trước mộ bia, tôi muốn nói với nàng rằng đã đến giờ chia tay. Rằng hẹn sẽ gặp lại, kỳ tới. Những cuộc đời thiếu hơi ấm một bếp lửa luôn là những hướng đời chạy ngược về hai phía.

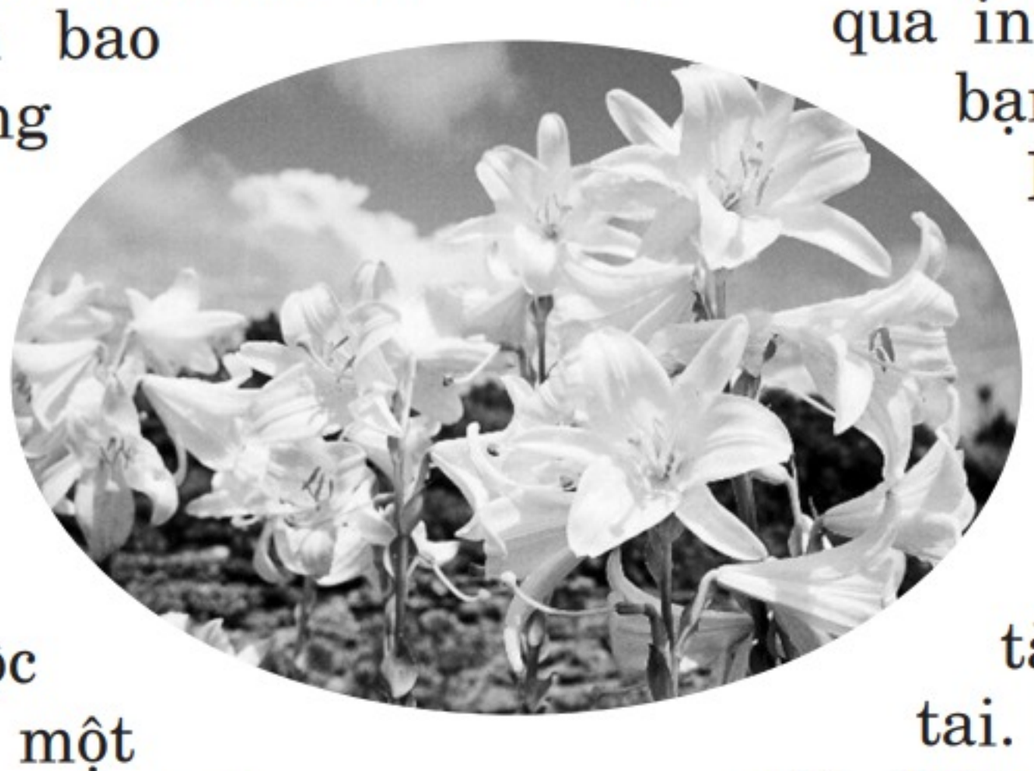

Có bao giờ chúng ta tự hỏi rằng những con ve sầu đã sống hết cuộc đời nó ra sao khi mùa hè không còn? Khi những lá khô xô xuống đời nhau để tiễn đưa một ngày cũ? Có biết bao điều quen lạ xãy ra trong thành phố này. Vì người đàn bà trở nên quyến rũ hơn bao giờ hết, khi nàng ngồi một mình. Mái tóc được vén lên cao để chiếc gáy trắng màu sửa phơi ra liền lạc với đôi vai trần. Đó là những hình ảnh đầu tiên tôi bắt gặp khi tôi trở về Houston. Trong cái không khi se sắt của một ngày mưa và đường xá ướt đẫm những bụi nước, màu mắt của nàng làm cho buổi sáng càng thẳm xa. Nhưng hình như tôi sắp phải rời bỏ chỗ ngồi quen thuộc trong quán để trở về. Hồn lạnh căm tiếng gió. Và trống rỗng một màu đời.

2. Khi con bão bay ngang qua thành phố biển của tôi, năm rồi, bạn tôi là Huỳnh Quốc Hải đã gởi cho tôi những bức hình ghi nhận những khung cảnh nhà cửa, đường phố bị tàn phá dưới đường đi của bão. Những bức hình được chụp bằng máy Digital và phóng qua internet cho nhóm bạn hữu Vũng Tàu. Hải tình cờ có mặt tại đó khi anh từ Mỹ trở về thăm nhà, cũng vửa tình cờ chứng kiến sự tàn phá của thiên tai. Ngoài những câu giới thiệu đôi nét chính về tình trạng đỗ nát tại các nơi mà chúng tôi từng có kỷ niệm ngày xưa, có một câu anh viết làm tôi xúc động:

"Các bạn có còn nhớ cây điệp giữa khu nhà Lồng Chợ hay không? Cây điệp rất già nua, rất lâu đời, nơi mà chúng ta thường ra coi các đoàn Sơn đông mãi võ diễn tuồng. Cây điệp đó cũng bị tróc gốc hết rồi..."

Thành phố nơi tôi khôn lớn, luôn có rất nhiều hình ảnh mật thiết đã theo tôi đi suốt những mùa trăng thơ ấu. Những hình ảnh đó từng khua động hồn tôi như tiếng sóng xô vào bờ cát mỗi ngày. Chúng như bóng mát che kín hồn tôi, và đôi khi làm thành cánh gió kéo theo từng cánh diều

lộng lẫy bay qua tuổi thơ tôi. Có những con đường, những cửa tiệm mãi đậu xuống trí nhớ của các đứa con trai vùng biển, không bao giờ chìm khuất, không bao giờ tàn phai. Dù qua bao tháng năm thay đổi. Dù những đứa con của Vũng Tàu bây giờ đã già nua, đã hom hem như lá úa, như cây đời. Làm sao chúng tôi có thể quên mất tên của các con đường như Trấn Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Phan Thanh Giản...? Làm sao chúng tôi có thể quên tên các tiệm buôn bán nằm song song hai bên đường Trưng Trắc, Trưng Nhị...? Các tiệm Thanh Bình, Tây Hồ, Nhựt Tân, Lâm Quới Cảnh, Liên Tinh, Thăng Long, Nguyễn Văn Tư, Văn Ánh...

Tiệm Kim Phượng là một trong những cửa tiệm đã từng góp phần làm nên lịch sữ phồn vinh của Vũng Tàu. Kim Phượng là một tiệm vừa chụp hình vừa bán những đồ đạc liên quan đến nhiếp ảnh. Sau này tiệm có bán thêm đồ bách hóa, giầy dép...

Huỳnh Quốc Hải lớn hơn tôi một tuổi nhưng anh học chung lớp với tôi những năm Trung Học Đệ Nhứt Cấp. Anh là một trong những đứa con trai cưng của gia đình Kim Phượng. Đúng như câu nói ngày xưa, Hải thuộc dân con nhà giàu, học giỏi và rất đẹp trai. Thời đi học, những anh em của Hải đã nổi tiếng đào hoa và từng là nổi say đắm của các cô gái cùng lớp. Sau khi gia nhập quân đội- là binh chũng Không

Quân, Hải cũng vẫn là người lính hào hoa và thường xuyên làm mê hoặc phụ nữ.

Đó là chuyện của ngày xưa, của những thập niên 60, 70. Cấp bậc cuối cùng của anh khi gần mất nước là Thiếu Tá Không Quân, ngành Hoa tiêu Quan sát. Sau năm 1975, Hải cùng chung số phận với những Sĩ Quan thuộc chế độ cũ, anh bị tù và khi trở về thì cùng lúc nghe vợ anh mất. Giống như lời thơ của Hữu Loan:

"lấy chồng thời chiến chinh
mấy người đi trở lại,
lở khi mình không về,
thương người vợ hiền bé bỏng chiều quê
nhưng không chết người trai khói lửa
mà chết người em nhỏ hậu phương...

em ơi giây phút cuối
không đuọc nghe em nói
không được thấy nhau một lần...
khi gió chớm thu về gờn gợn nước sông
chiếc bình hoa ngày cưới
được thay bằng chiếc bình hương tàn lạnh vây quanh..."

Anh đã tìm gì sau những ngày trở về từ trại tù đắng cay? Chỉ còn là những hoa ô môi nở trắng như khăn tang trên đầu của con thơ và đàng sau anh là dòng sông, nơi bắt đầu của biển. Không hề có tiếng cười và một bếp lửa long lanh màu đời. Anh trở lại Vũng Tàu sống chung với gia đình. Buồn và hoang mang hơn ngày còn ở trong tù.

Ông bà Kim Phượng tìm cách cho anh vượt biên bằng đường biển. Trước ngày Hải đi khoảng vài tháng, tôi có ghé thăm anh tại nhà. Anh tôi đưa ra ngồi quán cà phê vỉa hè gần quầy sửa chìa khóa của một người bạn, cũng học chung thời Trung Học. Đó là lần cuối tôi gặp anh ở trong nước. Hơn 10 năm sau tôi mới gặp lại Hải ở hải ngoại.

Góc ngã tư đường Phan Thanh Giản và Lý Thường Kiệt buổi sáng thưa thớt xe cộ và người mua bán. Bàn ghế chông chênh nơi quán cà phê sao giống như cuộc đời chúng tôi lúc đó. Thềm đường loang lỗ những mảnh xi măng nứt nẻ không được tu sửa. Đâu đây, những biểu ngữ giăng ngang hai trụ điện, ca ngợi một "thành phố mười mùa hoa". Có những đóa hoa tỏa ngát hương thơm vì mùi vị an bình. Có những đóa hoa làm úa sầu hạnh phúc. Những người chiến thằng luôn tưởng họ là những người bổng dưng đem đến cho dân chúng miến Nam những niềm vui. Nhưng thấp thoáng đàng sau cái thiên đàng treo kia có biết bao là cuộc đời mệt lã?

Cũng nơi quán cà phê vỉa hè nầy, chúng tôi đã từng chia xẻ với nhau những đắng cay vì đời không cho nhiều vị ngọt. Cái đắng cay đồng nghĩa với bất trắc, sợ hải, khi chung quanh chúng tôi mỗi ngày đón nhận thêm một tin xấu từ một người thân hay bạn bè. Nó không đủ để chúng tôi cạn kiệt niềm tin, nhưng có khả năng làm cho những mơ ước bị bào mòn, bị kéo xuống thấp la đà với cơm áo. Giống như cành diều ngẫn ngơ trên một góc phố buồn, lòng chúng tôi chao đảo giữa chừng, sắp đứt.

Cũng nơi quán cà phê này, chúng tôi đón nhận thêm một vài người bạn học cùng thời, cùng lớp. Nguyễn Văn Lô mỗi ngày đạp xe từ Rạch Dừa, Cát Lở ra ngồi cụng ly với chúng tôi. Lô cũng là lính Không Quân như Hải, nhưng là Sĩ QuanTiếp Liệu tại Quân Đoàn 2, Nha Trang, Lý Ngươn Hồng đi Quân Cảnh Tư Pháp, bị thương giải ngũ ngũ trước ngày sập tiệm, nhà gần bên hông rạp Võ Ngọc Chấn, cách chỗ chúng tôi ngồi có một block đường, uống rượu nhiều hơn ăn cơm, đêm về nhà kêu cửa bà già không được, ngủ tại hành lang. Lý Ngươn Hồng cũng thuộc type người đẹp trai, nhưng hơi nhỏ con. Rượu vào "đủ đô" hát bản "Mùa Thu Lá Bay" bằng hai thứ tiếng. Tiếng Việt và tiếng Tàu. Tiếng hát lã lướt không thua gì Doanh Doanh bây giờ. Có Lê Công Thiện ở Xóm Vườn, đóng ghe "dả cào" nhưng không phải để đánh bắt cá tôm mà để chờ ngày ra khơi. Có Phạm Văn Phước, sĩ quan không quân, lái trực thăng ngoại hạng. Những tình huống khó khăn và nguy hiểm, phi hành đoàn giao cho

Phước. Trong một lần tản thương, trực thăng bị trúng đạn. Phước bị thương một chân vả giải ngủ trước ngày mất nước. Về Vũng Tàu lấy vợ. Có Nguyễn Minh Tân, sáng say chiều sỉn. Vừa uống rượu vừa nói chuyện tiếu lâm. Buổi sáng chúng tôi tụ tập dưới tán dù vải chỉ che một phần bóng mát lên chiếc bàn sửa ổ khóa của một người bạn khác. Ly cà phê ngập ngừng trên môi mỗi người như tiếng lá khô rụng xuống bên hiên đời. Buổi chiều tàn ánh nắng, chúng tôi gầy độ nhậu. Đôi lúc có mưa bay trên đầu, bên kia đường là tiệm kem Đại Nam, nơi từng có mấy chĩ em chủ quán có những đôi mắt xanh như màu biển khơi. Tấm lòng của những gả con trai chùng xuống và ướt át mưa bụi, đôi lúc trái tim tưởng như có thể phơi bày ra rõ ràng bên này chai rượu ruợu đế. Nhưng không phải như vậy. Vì buổi sáng hôm sau tụ tập "điểm danh" mới biết tin "ai còn ai mất". Có người vượt thoát thành công. Có người thất bại. Trong những người may mắn có Huỳnh Quốc Hải, Vợ chồng Lê Công Thiện, Lý Nguơn Hồng. Sau này có thêm Nguyễn Văn Lô. Còn Phạm Văn Phước bị chết ngay lúc xuống bãi. Để lại một vợ và bầy con nheo nhóc. Nguyễn Minh Tân không chịu đi, cũng không có cơ hội để làm đơn theo chương trình H.O. vì ở tù không đủ 3 năm, giờ đang làm tu sĩ tại gia, (tiệm Nhựt Tân) ăn chay trường và đêm đêm tiếng tụng kinh gõ mõ của anh bay xa ra tận bên kia đường Trưng Trắc.

Những gã đàn ông lỡ thời và nát ngứu tương lai đi trên những chuyến ghe khác nhau, lầm lũi nhưng nôn nóng một bến bờ xa lạ. Họ ra đi, nhưng không hình dung nơi sẽ đến. Không biết về đâu, về đâu...

Cuối cùng họ gặp nhau trên đảo.

Huỳnh Quốc Hải đến đảo và nghe nói dường như anh có một mối tình trên đảo. Một thời gian sau anh được định cư tại Hoa Kỳ. Anh lập gia đình với một người phụ nữ khác, cùng làm chủ một tiệm Nail ở Alabama. Rồi chia tay. Rồi gặp gở một người phụ nữ khác, rồi chia tay. Cuộc đời của anh được viết xuống bằng những trang nhật ký tình yêu mà trong đó mỗi dòng chữ nổi cộm lên sự chia ly, tan tác. Bây giờ thì Hải sống an phận (như lời anh nói) tại Houston với hai người cháu gái con của bà chị ruột. Thỉnh thoảng anh về Việt Nam thăm lại bà Mẹ đã hơn 90 tuổi. Cụ bà còn sống, nhưng đôi mắt đã lòa. Bà ở cùng với đứa con gái út, cũng có tên là Kim Phượng, tại ngôi

nhà cũ- ngôi nhà và cũng là cửa tiệm- từng chứng kiến sự khôn lớn, thành đạt của mỗi đứa con thân yêu.

Một lần trở về Việt Nam, anh gặp lại một người tình cũ đang là nữ dược sĩ phục vụ tại bệnh viện Cần Thơ. Những gì đã đến và đã xãy ra mà theo anh nói với chúng tôi- trong những cuộc họp mặt tại Dallas- thì đó là một tình yêu cuối đời (?). Tôi hi vọng như vậy. Những con sói rừng hoang đã thấm mệt để không còn rong chơi và chạy đuổi theo những vạt nắng làm cháy rát môi khô rồi chăng? Người phụ nữ đó đang ở Cần Thơ và chờ đợi một cánh buồm chuyển bến.

3. Tháng 5 ở Hoa Kỳ có ngày Lễ Mẹ. Những đứa con hiếu thảo ở Mỹ sẽ nhớ về đấng sinh thành của mình và nếu cần để cho tình cảm trở nên sâu đậm hơn thì đóa hoa hồng sẽ thay mặt nói lên điều đó. Người ta ước tính sẽ có mấy trăm triệu đô la sẽ bỏ ra trong ngày lễ quan trọng này để trang trải cho chi phí mua hoa và quà cáp cho Mẹ.

Con gái tôi không cỏn Mẹ để tuần qua nó đi ra siêu thị tìm mua một bó hồng. Trên cánh đồng tuổi thơ ngày nào, nó sẽ không có cơ hội để nhớ về những bước đi chập chững vào đời. Về cái nắm tay hờ hững nhưng ngậm hết nỗi chua xót mà bây giờ nó mới chạm đến.

Hai mươi một tuổi, nó đang đi về phía trước với lòng êm ả những niềm vui. Như đường phố đang cháy thênh thang những tấm lòng của phượng. Còn tôi thì sao?

Mẹ tôi đã không còn cách đây 10 năm. Khi bà mất tôi không có măt ở Viêt Nam để chia sớt với gia đình một mảnh khăn tang. Trong khi mưa bay trên đường chiều mịt mùng, làm ướt những tờ giấy vàng mã bị rụng rơi. Những gì mất đi, chúng ta không thể thu nhặt lại. Trong đó tình yêu, lòng hiếu thảo và sự biết ơn.

Một buổi chiều tháng năm, đang lúc làm việc tại sở làm thì có tiếng chuông điện thoại cầm tay reo. Bên kia đầu dây là tiếng nghẹn ngào cùa Huỳnh Quốc Hải. Anh đang ngồi ở phòng đợi phi trường và loan báo cho tôi biết Mẹ anh, bà Kim Phượng vừa mới mất tại Vũng Tàu. Anh phải mua gấp vé máy bay để về Việt Nam, và chỉ còn kịp nhờ tôi bày tỏ lại với bằng hữu. Hơn sáu mươi tuổi đời và sắp đi hết con đường tử sinh, nhưng không biết tại sao tôi nghe thấu đáo hết sự run rẫy từ một buồng tim già nua đang

cách xa tôi mấy trăm dặm đường dài, trong tiếng gầm rú của phi cơ ngoài phi đạo. Tôi cảm nhận được trong hơi thở của anh, đang ràn rụa nước mắt và bất chợt tôi và anh cùng cảm giác được sự yếu đuối, sự non trẻ như mới ngày nào, cách đây năm mươi mấy năm, tôi và anh, và những bạn hữu cùng thời tại Vũng Tàu- đã yếu đuối nép mình dưới cánh tay của các bà Mẹ để đến trường.

Trong tất cả các bà Mẹ Vũng Tàu chúng tôi, thì có lẽ cụ bà Kim Phượng là có tuổi thọ hơn hết. Bà mất vừa đúng 94 tuổi. Mẹ của Hồ Danh Lịch mất năm 92 tuổi tại Cần Giờ. Mẹ của Nguyễn Văn Lô, của Trần Quang Thọ, của Nguyễn Văn Khổ, của tôi lần lượt ra đi cách đây nhiều năm. Bà cụ thân mẫu của Đỗ Khắc Khoan thì vừa mới qua đời năm ngoái tại California. Mẹ của Mai Văn Tư cũng vậy, qua đời tại Bến Đình, Vũng Tàu.

Huỳnh Quốc Hải đang ở Việt Nam để tham dự tang lễ Cụ Bà Quản Thị Huyền. Không biết anh đau khổ nhiều như thế nào, nhưng tôi biết anh sẽ nghe trong lòng mình ít nhiều giông bão. Những cơn bão luôn đi qua đời sống, qua những vai đời và xóa sạch không thương xót mọi dấu tích tưởng chừng như sẽ không có một áp lực hay một tai ương nào có thể chạm đến. Giống như cây điệp già nua trước nhà Lồng Chợ, giữa hai con đường Trưng Trắc Trưng Nhị. Cây điệp đã trốc gốc. Đã bị đốn ngã.

Một lần tôi nghe anh nhắc đến thời niên thiếu của mình, khi anh còn đi học. Giữa khuya, đang ngủ trong nhà anh chợt thức vì tiếng chân khua động lề đường Trưng Trắc- con đường trước nhà anh. Đó là tiếng guốc gõ lộp cộp của mấy bà cụ già đi coi hát cải lương về khuya. Họ vừa đi vừa bàn tán về tuồng hát, về những đào kép, về những gánh hát đương thời. Nhóm này qua rồi nhóm khác đến. Trước khi họ đến tiệm Kim Phượng thì tiếng nói loáng thoáng ở tiệm trồng răng Lâm Quới Cảnh. Rồi âm thanh trở nên rõ ràng hơn khi đoàn người đi ngang nhà. Cuối cùng chìm khuất khi quẹo về cuối góc tiệm Tây Hồ. Tôi ngạc nhiên hỏi lại anh tại sao mấy cụ già đi coi hát lại về hướng đó. Anh trả lời đó là những người ngụ tại Xóm Nhà Thờ và Xóm Lưới. Một số khác về hướng sân vận động. Họ mượn con đường Trưng Trắc để đi vì đường xá sạch sẽ và có nhiều ánh điện. Có thể khi anh nằm nghe tiếng guốc khua động như vậy, thì biết đâu, trong căn phòng riêng của mình, Cụ Bà Kim Phượng cũng nằm nghe như vậy. Bà đã từng nghe những âm thanh thân mật, dễ thương đó trong suốt ngần ấy năm trong đời?

Lũ lượt mọi người vượt qua biển dâu. Những con người của mấy mươi năm cũ không còn.

Nhưng những điều nhỏ nhặt như vậy không vượt qua trong đời sống chúng tôi mà đang sánh vai song hành. Đôi lúc chúng tồn tại và rực rỡ ghim chặt xuống tâm hồn lưu vong như những vì sao đêm ghim chặt ánh sáng của mình trên nền trời....

PNY

Thơ Văn Hữu

CHỈ CÒN ĐỂ NHỚ - lan cao

KHÓC - lan cao

PHẠM HI Trong thương nhớ - lan cao

TIỄN ĐƯA Tống tửu Phạm Hi - tuý hà

ĐÓA HOA DUYÊN NỢ - vô tình

TÌNH YÊU CỦA TRẦM - vô tình

CON THUYỀN VƯỢT BIÊN - vô tình

ĐIỀN GIA LẠC - nguyễn đức nhơn

THƯƠNG TIẾC - vô tình

QUÊ HƯƠNG NỖI NHỚ - lê hữu hiệu

XUÂN VỀ NHỚ MẸ - lê hữu hiệu

NGHÌN NĂM VẪN VẬY MỘT TÀ ÁO EM

- vĩnh tuấn

THEO GIÁ MÂY NGÀN - vương thảo yên

VỌNG VỀ MỘT ĐẠI TỰ ĐÃ BỊ TỔN

THƯƠNG - nguyen thế giác

CHI LÀ NHÁNH PHÙ VÂN - yên sơn

CHỈ CÒN ĐỂ NHỚ

Lan Cao

Tay nâng ly rượu buồn không nhắp
Từng áng mây trôi chẳng một lời
Gió tạt qua đây rồi biến mất
Một trời tĩnh lặng, một mình tôi

Cảm sầu nến khóc rơi từng giọt
Chạnh buốt tâm hồn kẻ lão niên
Năm tháng trườn qua tóc gục trắng
Tuổi già sức yếu phải dừng chân

Bạn bè một thuở đi gần hết
Con cháu xa xôi chẳng đứa gần
Đong đời nợ nước chưa cân đủ
Bài thơ dang dở đối không vần

Bâng khuâng lão sĩ xoay ly rượu
Rượu chỉ mình ta rượu lạnh lùng
Đối gương lấy bóng ngồi quanh rượu
Một chút ấm tình bóng thủy chung

Có phải cô đơn hay ẩn data
Thầm lặng mà nghe chuyện đã rồi
Lật tìm dấu vết đời năm cũ
Ngóng nước chờ non cảnh mỏi mòn

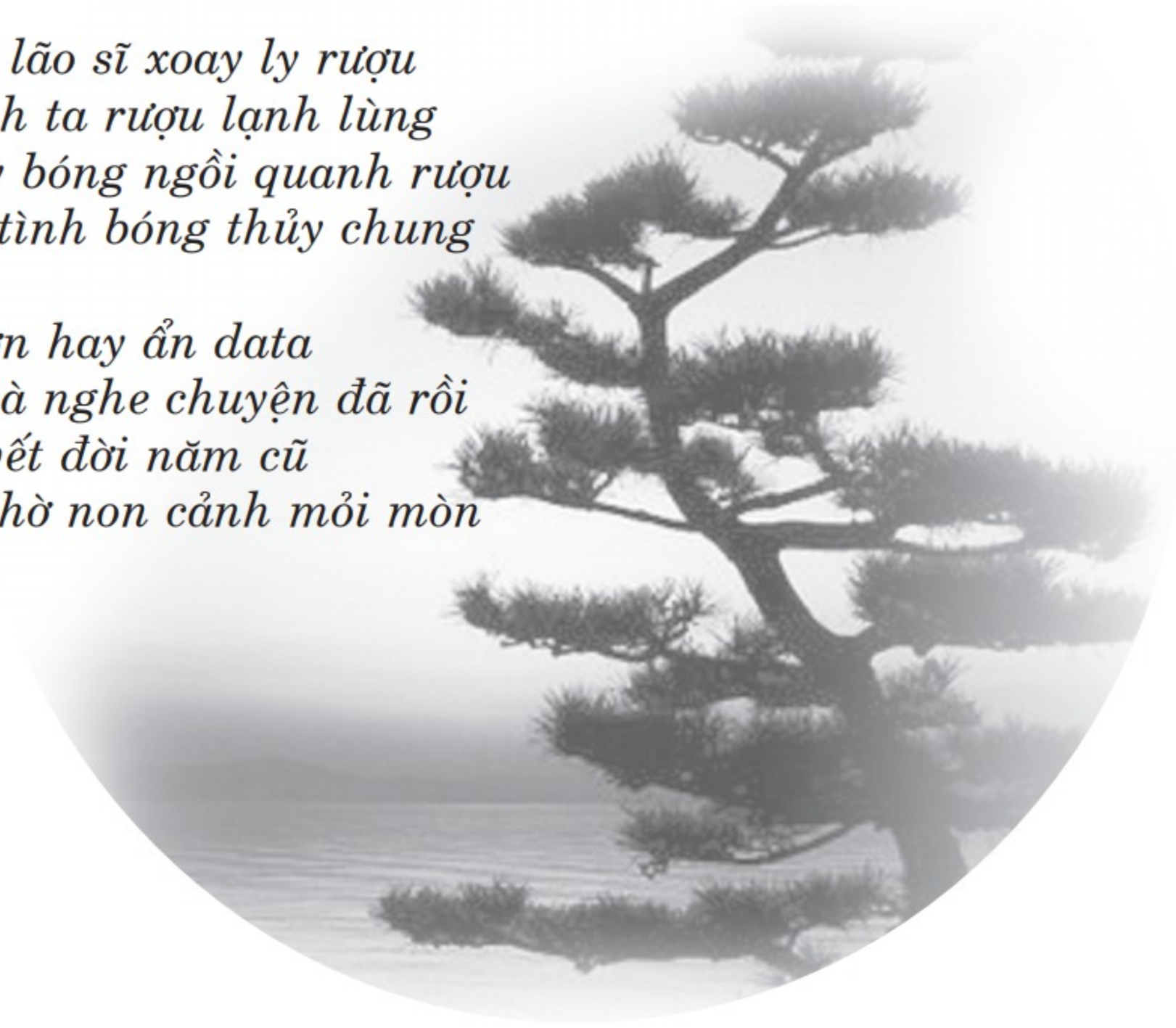

KHÓC

Lan Cao

Chính trưa em khóc mặt trời
Nửa đêm lại khóc xót đời Hằng Nga
Bao giờ em khóc tình ta
Giọt đau nhỏ xuống quê nhà nhiễu nhương

Làm thinh khóc với đoạn trường
Trái tim thở dốc ngược đường khóc ai
Nằm lăn trên dấu chấm dài
Hóa thân chim Cuốc khóc hoài sông đêm

Nhìn hoa khóc với mưa đen
Soi gương khóc với cơn ghen tuổi đời
Khỏa thân con cá lội bơi
Nắng mưa vinh nhục dòng trôi vô thường

Khi già hạt lệ như sương
Rơi trên cỏ lá khu vườn tịnh yên
Giấc mơ quá khứ triền miên
Vì tương lai trốn vào miền hư vô

Mới sinh em khóc vu vơ
Lớn lên em khóc thành thơ của đời
Bây giờ đứng giữa chơi vơi
Buồn vui lẫn lộn dưới trời mây hoang

PHẠM HI
Trong thương nhớ

Lan Cao

Đêm nay mây trời xuống thấp
Nhủ nặng sầu, vương gió lạnh mùa đông
Len cửa đến, mang anh về nhóm Bụi
Để buồn vui, tâm sự kẻ phiêu bồng

Có anh không, đêm mùa Xuân sắp đến
Bạn tha hương, Phố núi ngập người
Vui văn nghệ, mà anh nào chẳng hát
Phạm Hi ơi! anh bỏ bọn tôi rồi

Thời lính trẻ, anh xông pha trận mạc
Đạn quân thù không giết nổi người trai
Tù cải tạo, gian nan xô chẳng ngã
Bước lưu vong, tay trắng vẫn khôn màng

Có lúc anh say, níu vai tôi khóc
Lúc tỉnh cười, chồng tâm sự quê hương
Vào nghiệp báo, H.O. và thời Đại
Mộng dạt dào tuổi lính đã hoa sương

Nhưng trời gọi, thế gian nào cản được
Buông tay rồi, tình bạn tiếc thương nhau
Ngoài kia mây gió trôi mau
Đêm nay không biết anh sầu hay vui

TIỄN ĐƯA
Tống tửu Phạm Hi

Túy Hà

Đưa nhau một đoạn đường này
Mai kia biết có ai người tiễn ta
Tự dưng lạnh cả thịt da
Gió mưa rát mặt nhạt nhòa dấu chân

Phạm huynh hí lộng quỷ thần
Nửa cười nửa khóc xác thân tro tàn
Nửa đời mơ cõi địa đàng
Cùng trời cuối đất mênh mang vẫy vùng

Nửa đời khổ lụy tột cùng
Chìm trong khốn khó vẫn không cúi đầu
Giờ nằm đây hứng lệ sầu
Có nghe tiếng hát vực sâu kinh buồn

Có nghe gió lạnh mưa tuôn
Giữa dòng nước chảy ngược nguồn quạnh hiu
Hỡi ơi! số phận không chìu
Nắng phai gió hú muôn chiều xót xa

Phạm huynh ơi! cõi ta bà
Từ nay thiếu bóng bạn ta thật rồi
Nhớ quán xưa lạnh chỗ ngồi
Còn vương khói thuốc ngậm ngùi nhớ nhau

Thôi thì miên viễn ngàn sau
Hẹn nhau gặp cõi nỗi đau không còn
Thiên thu vĩnh biệt vuông tròn
Cung đàn dứt tiếng vẫn còn dư âm

Đưa nhau một đoạn đường gần
Thật ra là đã đôi bờ chia xa
Nỗi đau quanh quẩn trong ta
Như là sương khói sơn hà còn nguyên

Phạm huynh ơi! hãy bình yên
Rượu này một chén hồn thiêng cạn cùng

ĐÓA HOA DUYÊN NỢ

(Cho Họa Mi - Con Chim Trường Sơn)

Vô Tình

Xa cách chim bay nửa địa cầu
Buồn vui - thương nhớ lẫn cùng nhau
Cuối tuần điện thoại - dù khốn khó
Suốt tháng Email kể cũng ngầu

Quà cáp - Xuân nầy - anh gởi tặng
Đóa hoa Duyên Nợ sắc hồng nâu
Cho dù băng giá - hoa tươi thắm
Sưởi ấm cho em cảnh tủi sầu

Hoa nầy gởi tặng nàng Thơ đó
Cánh đỏ - cánh nâu rất mượt mà
Vốn sống băng sơn - nên giống đá
Đồng bằng cũng họp mới kiêu sa!

Hoa nầy sống mãi - nhờ không khí
Ánh mắt thân thương cũng hợp hòa
Hoa tỏa hương thơm - mùi quý phái
Ngất ngây lưu luyến động Hằng Nga

TÌNH YÊU CỦA TRẪM

Tặng Ái Khanh phương xa
Dzua Vô Tình

Trẫm thấy Khanh buồn - Khanh biếng ăn
Tiếng đồn len lỏi khắp thâm Cung
Cung tần - Mỹ nữ đều lo lắng
Kể cả danh y - lẫn cận thần

Trẫm ngẩn người ra – nghe bẩm – báo
Trẫm cười nhẹ nhõm rõ nguyên nhân
Thì ra quanh Trẫm - tồn Cung nữ
Khanh ốm Khanh buồn Khanh phát ghen

Để tránh Khanh buồn - Khanh ốm ghen
Trẫm đà ra lệnh - khắp nhân gian
Từ nay cấm chỉ: trai nhiều vợ
Kể cả dân đen đến Thượng Hồng

Trẫm sẽ sửa sai - tôn Hiến pháp
Trẫm càng bảo vệ luật Hôn nhân
Nêu ai trái đạo - đày ra đảo
Cho sóng du dương - đẻ thả giàn

Để tỏ thâm tình - Trẫm đến thăm
Cho Khanh bồi dưỡng bởi nhân sâm
Cho Khanh giải trí bằng thơ nhạc
Trẫm sẽ vang danh biết nịnh đầm

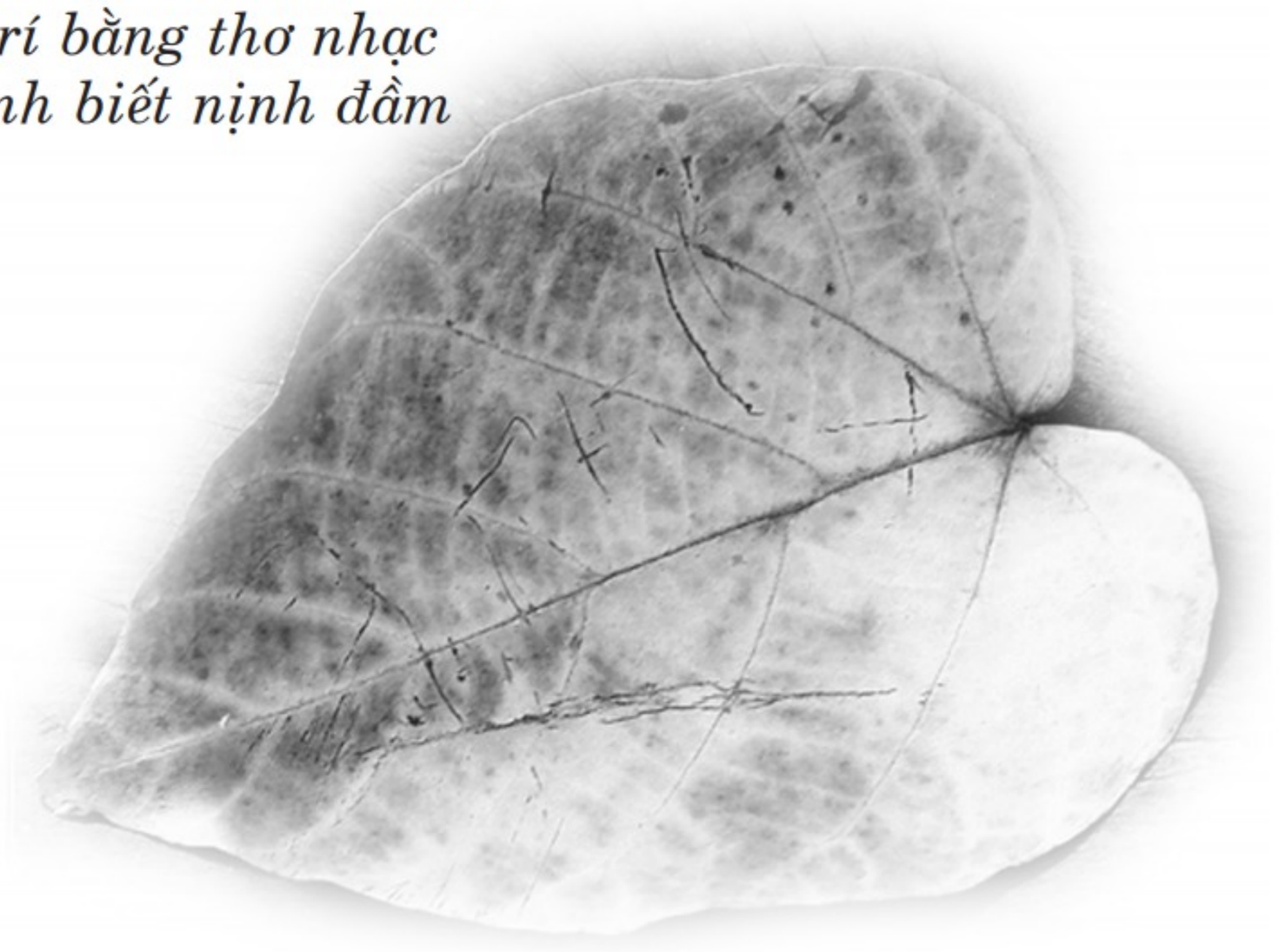

CON THUYỀN VƯỢT BIÊN

(Để nhớ ngày Vượt Biên năm 1981)
Vô Tình

Thôi em - cứ mặc thuyền trôi
Từ sông ra biển - để rồi lênh đênh
Trời bao la - Biển mông mênh
Thuyên ta trôi nổi - hải trình lưu vong
Hên xui sống chết giữa dòng
Mặc cho hải tặc cuồng ngông cướp thuyền
Ra đi – dù biết truân chuyên
Miễn sao đến bến – Nhân quyền – Tự do
Khi xưa – Ta nhớ con đò
Đứng trên bờ cát ngẩn ngơ nhìn thuyền
Đò ơi - Ta cũng lặng yên
Ngắm nhìn Non Nước để buồn Mỹ Khê
Bấy giờ lòng dạ tái tê
Hoàng hôn ngã bóng nhớ về Đà giang

THƯƠNG TIẾC

(Để nhớ một thời PCT)
Vô Tình

Sẽ có một ngày – gần đây
Anh về thăm lại dáng gầy em xưa
Vườn thơ xanh mát tàu dừa
Có cây khế ngọt đong đưa trái nhiều
Ngày xưa ai biết thương yêu
Thống qua ánh mắt - mỹ miều ý thơ
Thế rồi ta sống trong mơ
Chờ ngày tốt nghiệp bên bờ có nhau

Xa nhau chỉ cách cây cầu
Thế thời thay đổi đớn đau chia lìa
Bây giờ hai đứa phân chia
Đứa bên Châu Mỹ đứa kia quê nhà
Làm sao tìm lại - ngày qua
Để cùng thương tiếc chan hòa tuổi thơ

điền gia lạc

nguyễn đức nhơn

"bạch đầu nhân túy
*bạch đầu phò, điền gia lạc"**
cái thú điền viên
hai thằng đầu bạc
bê rượu ra sân
chén tạc, chén thù
ngửa mặt lên trời
cười đến ngất ngư
xem thế sự như trò chơi con trẻ
cạn chén đi anh
bọn mình say một bữa
để thấy đời còn đẹp biết bao!
mái tóc hai thằng
bạc trắng như nhau
như những đám mây chiều trôi lãng đãng
đàn vịt rỉa lông trên bờ ao cạn
đàn gà con bươi rác sau hè
chạy quanh sân
đàn trẻ nô đùa
giàn bầu, mướp
cũng đơm hoa, nở nhụy
cạn đi anh
bọn mình say túy lúy
để nghe đất trời
thở nhịp thiên nhiên
hãy quên đi
những chuyện não phiền
mà uống cạn chén đời trong mộng tưởng
tôi đâu phải là kẻ hằng tâm, hằng sản
mà chỉ là thằng khố rách, áo ôm
mượn chiếc cần
ngồi câu áo, câu cơm
đâu có ôm mộng lớn
chờ thời như Lã Vọng
đâu có chí lớn làm con cá kình
vượt trùng dương
cỡi sóng
tôi chỉ là thằng con nít sống lâu năm
còn anh?

thì cũng là thằng lạc chợ, trôi sông
giả hiền sĩ gạt đời kiếm bữa
dựng lều chõng
hai thằng nương tựa
bê rượu ra sân
hai đứa khề khà
“bạch đầu nhân túy
bạch đầu phò, điền gia lạc”
cạn chén đi anh
bọn mình
chén thù
chén tạc
đời vui như mở hội đầu xuân
chếnh choáng men say
rượu ngọt lạ lùng
chiều xuống thấp
đẹp vô cùng anh nhỉ?
gặp bạn hiền
rượu ngàn ly chưa phỉ
ngất ngưởng bên nhau
nói chuyện bao đồng
khi trở về
có lội suối, qua sông
nhớ chống gậy mà dò sâu, cạn!
“bạch đầu nhân túy
bạch đầu phò, điền gia lạc!”

** Cổ thi.*
(Nhớ buổi nhậu với Trần Yên Thảo ở Bình An)

QUÊ HƯƠNG NỖI NHỚ

Lê Hữu Liệu

Tôi nhớ gì quê hương
Bao kỷ niệm thân thương
Thuở ấu thơ bom đạn
Chiến tranh và tai ương

Tôi nhớ gì quê hương
Những thao thức đêm trường
Của mẹ già khắc khoải
Ngóng tin con chiến trường

Tôi nhớ gì quê hương
Những mảnh đời thê lương
Phế binh và côi cút
Sau cuộc chiến đau thương!

Tôi nhớ gì quê hương
Bao cảnh đẹp nghê thường
Bao la đồng lúa chín
Những dòng sông yêu thương...

Tôi nhớ gì quê hương
Bóng em xưa chung trường
Mắt nhìn nhau, ước mộng
Giờ xa cách muôn phương

Tôi nhớ gì quê hương
Bắc, Nam những con đường
Đêm ngày ôm sóng vỗ
Nghe tiếng hát đại dương

XUÂN VỀ NHỚ MẸ

Lê Hữu Liệu

Mẹ ơi, trên bước đường phiêu bạt
Con vẫn mang hình ảnh mẹ yêu
Bao đêm thức giấc hồn lưu lạc
Mộng về thăm Me, nhớ nhung nhiều...

Bên đây đông lạnh tuyết rơi bay
Hiu hắt lòng con, nhớ những ngày
Xuân về bên Mẹ, ôi vui quá
Được Mẹ cưng chìu, hạnh phúc thay!

Quê cũ giờ đây sắp đón Xuân
Bông mai nở rộ, nắng vàng sân
Muôn người háo hức chờ năm mới
Chắc Mẹ đang buồn, có phải không?

Ôi Mẹ! Làm sao con quên được
Suốt đời tần tảo Mẹ nuôi con
Hy sinh hạnh phúc, bao mơ ước
Mẹ chỉ mong ngày con lớn không...

Chinh chiến điêu tàn mãi diễn ra
Đạn bom tàn phá khắp quê nhà
Bao đêm Mẹ thức, lo cầu nguyện
Cho đàn con Mẹ đừng cách xa.

Nhưng ôi, hoàn cảnh đẩy con đi
Đất nước an bình vẫn biệt ly
Bao nhiêu người chết trong im lặng
Biển cả, mồ chôn vạn tử thi...

Tết này con vẫn còn xa Mẹ
Chắc hẳn chưa về vui đón Xuân
Phương xa, Mẹ ạ con luôn nhớ
Mẹ hiền con,cao cả vô ngần

Nghìn Năm Vẫn Vậy Một Tà Áo Em

Cảm tác bài thơ Một Thiên Thu Với Rông Tà Áo Bay Của Hải Phương

Vĩnh Tuấn

Mùa xuân em bước chân vào
Nghìn năm rộng mở vạt tà áo bay
Mùa xuân em đất trời bày
Bao năm cổ tích trời nay mượt mà
Mùa xuân em bước chân ra
Càn khôn khép lại vạt tà lặng im

Theo Gió Mây Ngàn

Vương Thảo Yên

Bài xướng

ừ thôi không thể tròn vuông
tiếc làm chi nữa
thêm buồn
thêm đau
vết son rồi cũng phai mầu
vết trong tim đã nát nhàu
thời gian
giữ sao được gió qua ngàn
cánh hoa phố nội ngỡ ngàng
rụng
rơi

ừ rồi tình sẽ mù khơi
giữ chi nỗi nhớ chơi vơi đêm về
mảnh trăng tàn khuyết
lỗi thề
chơ vơ một bóng
não nề canh thâu

sau lưng
trước mặt
là đâu
loanh quanh mấy đoạn đường tàu
chia phôi
trăm điều không nói
...cũng thôi
nỗi niềm biết có khôn nguôi
cũng đành...

xuân tàn
phai nhạt mầu xanh
sóng đưa xóa hết ngọn ngành dấu
chân
dã tràng một kiếp hoá thân
tiếc chi một cõi trầm luân mỏi
mòn

mai anh về
...chắc đâu còn
mùi hương tóc thuở sắc son đợi chờ
mai em về
...bước hững hờ
nhớ
quên
bỏ lại
bên bờ phù vân

ừ thì thôi hết bâng khuâng
ừ thì là mộng
chỉ ngần ấy thôi...

Vọng Về Một Đại Tự Đã Bị Tổn Thương

Nguyễn Thế Giác

Nhớ ngày xưa
tóc còn để chỏm đến trường
tôi bắt đầu học bài quê hương đầu tiên
rồi tập đọc triền miên
nhại theo giọng ông thầy giáo già mỏi mệt
nước Việt Nam ta, có hình cong chữ S
chạy dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau
thầy tôi nói thật mau
có lẽ người muốn dằn cơn đau
vào tận cùng tha thiết
giang sơn mình biết bao lần chiến tranh hủy diệt
tưởng chừng một bãi tha ma
có nhiều đền đài
tráng lệ
nguy nga
rồi thời gian trôi qua
loài người đua nhau tàn phá
đất nước mình rừng tiếp rừng
nửa vòng tay ôm tròn biển cả
lưng dựa vào vách đá Trường Sơn
mẹ Việt Nam chịu nhiều nghiệt ngã
thành người mẹ vong niên
nhói cơn đau
ốm yếu
muộn phiền
giải đất thiêng chia cắt ba miền
Trung Nam Bắc nối dài đường giây xuyên Việt
tình mẹ Âu Cơ
một trời thắm thiết
cha Lạc Long Quân
dạy đàn con phải biết bảo vệ cõi bờ
chữ S khiêm nhường
nhìn biển Thái Bình Dương nên thơ
từng hòn đảo mờ mờ sương khói
một dân tộc kiên cường
xẻ núi
phá rừng
chiếc áo Bà Ba của quê hương cũn cỡn trên lưng
trầm mình từ đồng chua lầy lội
đắp lên thành đại tự mến yêu
giờ bỗng dưng một sớm một chiều
ải Nam Quan và quần đảo Trường Sa của quê cha

đã chia chác cho cường lân phương Bắc
tôi gạn hỏi thầy tôi
chỉ vì tuổi trẻ đong đầy thắc mắc
kính thưa thầy
sao quê mình trở thành đất giặc
lãnh hải mình lại chia cắt cho Tàu
thầy lắc đầu
buông cặp kiếng lão chập chững nói từng câu
quân bán nước có sá gì Tổ Quốc
tiền nhân mình vun quén từng tấc đất
cho cháu con một lãnh thổ vẹn toàn
đến bây giờ hồn Đại Kiệt khóc nỉ non
giặc mai phục
lập đồn
đóng móc
thế là mình không còn Bản Giốc
thác ngàn ơi vọng mãi trong ta
hỏi thủy triều
ai bán đứng Hoàng Sa
và dâng cúng những gì thêm nữa
thầy khóc thét
linh hồn tôi chan chứa
thế hệ nào mới rửa nhục nữa đây
nén đau thương
đếm từng đốt hao gầy
lên nức nở
mãi vọng về đại tự
chữ S tôi ơi
có nghe chăng nỗi niềm tâm sự
của những người yêu nước, hôm nay
vì thù hằn phải chấp nhận lưu đày
nửa thế kỷ say mềm đời viễn xứ
có nhiều đêm buồn
tôi hong khô từng trang lịch sử
ông cha mình bao phen chận đứng loài thú dữ
từng phá Tống, bình Chiêm, dẹp Thanh, diệt Minh
thế hệ chúng mình chẳng ngại hy sinh
sẽ có một Hội Nghị Dziên Hồng thời hậu duệ
để thấy trái cam từ trong tay những người trẻ
vắt ra thành liều độc dược cường toan
đốt thành than loài điếu đóm
tế lễ những oan hồn
đã thủy táng vì Quốc Gia dân tộc
quyết tử chiến vào năm nào tàn khốc
giành lại quyền lãnh hải Việt Nam

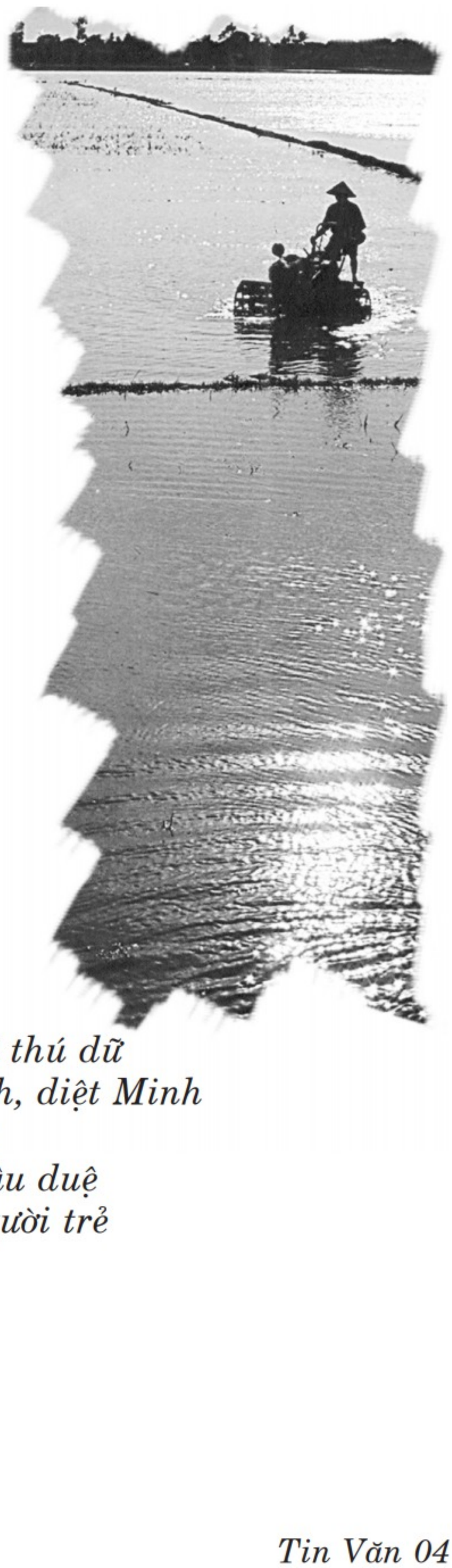

Chỉ Là Nhánh Phù Vân

Yên Sơn

Bài họa

Biết rằng không thể tròn vuông
Chia tay
Chắc sẽ rất buồn
Rất đau
Năm canh tim thở mạch sầu
Ngày dài sáu khắc héo nhàu
Trái ngang
Sương rớt muộn
Gió mơn man
Câu ca lỗi nhịp
Cung đàn phím lơi

Biết rằng tình sẽ mù khơi
Che trăng tàn khuyết
Lạnh lời nhớ thương
Sao câu hẹn ước lửa hương
Vẫn luôn vang vọng
Vẫn vương vấn sầu
Loanh quanh
Chẳng biết về đâu
Ngập ngừng tay vẫy chuyến tàu
Hoàng hôn
Trăm lần dại
Mấy lần khôn
Quay lưng
Cúi mặt
Nghe hồn rưng rưng
Biết tình là nhánh phù vân
Dã tràng một kiếp hóa thân
Ngậm ngùi
Trăm lần khổ
Mấy lần vui
Mà sao cứ mãi một đời bon chen

Mai về suối tóc hương sen
Ủ xuân thì
Mỗi chiều lên
Đêm dài
Khánh ngân rời rạc hiên ngoài
Niềm riêng canh cánh
U hoài
Nhớ
Quên
Vô thường một đoá lênh đênh
Dẫu cho cuối thác đầu ghềnh
Cũng cam

Vạn Lý Trường Sa — *Nguyễn Hữu Nghĩa*
Trước Thời Cuộc — *Trương Sĩ Lương*
Tiếng Bistrot Dưới Góc Nhìn Văn Hóa — *Huỳnh Quang Thế*

Vạn lý trường sa

Nguyễn Hữu Nghĩa

Đối với dân tộc Việt, biến cố quan-trọng nhất trong năm, là việc Trung Cộng chính-thức-hoá việc xâm chiếm các hải đảo Việt-nam, bằng cách lập huyện Tam-sa, gồm Trường-sa (mà họ gọi là Nam-sa), Trung sa (quần đảo Penghu gần Đài-loan) và Hoàng-sa (mà họ gọi là Tây-sa), sát-nhập vào tỉnh Hải-nam. CSVN mặc nhiên chấp-nhận, sau khi cho phép phát-ngôn-viên phản-đối vài câu chiếu lệ, và tìm cách ngăn chặn dân-chúng biểu-tình phản-đối.

Hải đảo cát vàng

Sách vở đã nói nhiều về Hoàng sa, Trường sa của Việt-nam. Tôi xin viết gọn về vùng hải đảo mà tiền nhân ta gọi là Vạn lý trường sa, đại trường sa, hoàng sa, bãi cát vàng hay cồn vàng.

Quần-đảo Hoàng-sa (người Bồ-đào-nha gọi là Parcel, tức đá ngầm; Anh, Pháp: Paracel) gồm 15 đảo, và 15 đá, hòn, bãi và cồn, cách bờ Việt-nam 200 hải-lý, nằm ngang Quảng-Trị, Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, rộng khoảng 15.000 cây số vuông, giữa Đông kinh-tuyến 111 đến Đông kinh-tuyến 113, từ Bắc vĩ tuyến 15 độ 45 đến Bắc vĩ tuyến 17 độ 05. Chung quanh quần đảo sâu 1 cây số. Giữa các đảo sâu khoảng 100 mét. Đảo Hòn Đá cao nhất, 15 mét; đảo Tri-tôn thấp nhất, 3 mét.

Quần đảo Trường-sa (Pháp gọi là Archipel des iles Spartly; Anh: Spratley Islands/Spratlies; Phi: Kalayaan; Nhật: Shinnan Guto) gồm 138 đảo, đá, bãi và bãi ngầm, cách Cam Ranh 250 hải-lý, từ Đông kinh-tuyến 112 đến Đông kinh-tuyến 115 và từ Bắc vĩ-tuyến 6, đến Bắc vĩ-độ 11 độ 28, rộng khoảng 170.000 cây số vuông.

Người Trung-hoa mới đặt tên "Tây-sa" và "Nam-sa" và ghép hai quần-đảo này vào bản đồ Trung-hoa từ năm 1909, trước đó không có. Ngược lại, sách Hải Ngoại Kỷ Sự của Thích Đại Sán (người Hán) in năm 1696, đã ghi lại sự kiện Chúa Nguyễn sai thuyền ra khai-

thác hải-sản trên Vạn lý trường sa và vớt các vật quí trên các tàu ngoại-quốc lật chìm vì vướng bãi ngầm tại đây.

Các hải đảo này đã nằm trong bản đồ cương thổ Việt-Nam từ thời chúa Nguyễn, đầu thế kỷ 17 (theo Thiên Nam Tứ Chí Lộ Đồ Thư, 1686; Hồng Đức Bản Đồ, Toàn Tập Nam Lộ, Phủ biên Tạp Lục, Lê Quí Đôn, 1821); Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, Phan Huy Chú, 1821; Đại Nam Thực Lục, 1821; Hoàng Việt Địa Dư Chí, 1833; Đại Nam Hội Điển Sự Lệ, 1851). Thời Gia-long, 1802, và về sau, Hoàng-sa và Trường-sa có khi là trấn, có khi là phủ, thuộc tỉnh Quảng-Ngãi, do hai đội hải quân Hoàng-sa và Bắc hải trấn giữ.

Ngoài ra, còn có nhiều tài liệu của Tây phương xác-định chủ quyền của Việt-Nam trên Hoàng-sa và Trường sa, gồm: Hải trình tàu Amphitrite (1701), sách Mémoire sur la Cochinchine của JB Chaigneau in năm 1820, Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, mours at coutumes của Giám mục Tabert, in năm 1833; An Nam Đại Quốâc Hoạ Đồ của Giám mục Tabert in năm 1838, The Journal of the Asiatic Society of Bengal, tập 6, The Journal of the Geographycal Society of London của Gutz Laff, in năm 1849.

Thời Pháp-thuộc, quần đảo Trường sa thuộc tỉnh Bà-Rịa, và quần đảo Hoàng-sa thuộc tỉnh Thừa-Thiên. Pháp đã đặt các trạm khí tượng số 48859 trên đảo Phú-lâm/Ile Boisée và số 48860 trên đảo Hoàng sa/Pattle, cùng với bia chủ quyền Đông Pháp (tức Việt-nam), do hai đội lính Bảo-an trấn giữ.

Thời Nam Bắc phân chia (1954-1975), hai quần đảo Hoàng-sa và Trường-sa nằm dưới vĩ-tuyến 17, thuộc quyền quản-trị của chính-phủ Việt Nam Cộng Hoà. Năm 1956, khi Phi-Luật-Tân tranh chấp các đảo phía tây Trường-sa, Pháp lên tiếng chất-

chính, và hải-quân VNCH đã đổ bộ lên các đảo đó, cắm cờ, dựng lại bia chủ quyền.

Năm 1961, TT Ngô Đình Diệm ban hành sắc lệnh 174-NV, lập xã Định Hải trên quần đảo Hoàng-sa, thuộc quận Hoà Vang, tỉnh Quảng-Nam.

Năm 1973, TT Nguyễn Văn Thiệu xếp quần đảo Trường-sa vào xã Phước-Hải, quận Đất đỏ, tỉnh Phước-Tuy.

Ngày 19.1.1974, Trung Cộng đem Hải quân tấn công và chiếm đóng Hoàng sa. Cộng-sản Bắc Việt câm nín. Chính-phủ bưng biền Huỳnh Tấn Phát (Giải Phóng Miền Nam) nhỏ-nhẻ đề nghị "các nước có liên-quan xem-xét vấn-đề và giải quyết bằng thương lượng." Chỉ có chính-phủ VNCH phản-ứng mạnh. Phái đoàn quan-sát-viên của VNCH tại LHQ đã khiếu nại với Hội Đồng Bảo An LHQ. Mặt khác, TT Nguyễn Văn Thiệu ra lệnh huy-động lực-lượng Hải-quân tiến về Hoàng-sa, và trận hải-chiến lịch sử khai diễn. Chiến hạm chỉ huy Kronstad 271 Trung Cộng bị Hải quân VNCH đánh đắm, và một số lớn chiến hạm, tiểu đỉnh của quân bắc xâm bị hư hại nặng. Hải quân Trung Cộng tháo chạy, nhưng sau đó trở lại với lực-lượng Hải Lục Không quân hùng hậu, có cả tiềm thuỷ đỉnh hộ tống. Để bảo toàn lực lượng, VNCH phải rút lui. Ba mươi ba năm sau, ngày 2.12.2007, Trung Cộng chính-thức lập đơn-vị hành-chánh trên hai quần-đảo Việt-nam, sau khi đưa Hải quân sang diễn-tập rầm-rộ để thị-uy. Vụ dâng đảo, bán biển của đảng Cộng-sản Việt-Nam hoàn-tất. Hơn tám mươi triệu dân Việt uất-nghẹn.

Mất biển là mất thế phòng-thủ chiến-lược

Sau 6 năm, Trung Cộng đã cắm xong các cột mốc biên-giới ở tỉnh Lào Cai. Các vị thế chiến lược trên địa hình nay đã nằm sâu trong lãnh-thổ Trung-hoa. Cửa ngõ xâm-nhập Hà-nội từ phía Vân-nam nay đã bỏ trống. Một khe núi chiến-thuật dài hơn 1 cây số, sâu 6 cây số, nơi một tiểu đoàn lính CSVN đã đút nút, chặn đứng bước tiến của một đại đơn-vị Trung Cộng, đã bỏ ngỏ. Các mốc biên giới ở các tỉnh khác, Quảng-Ninh, Lạng-Sơn, Cao-Bằng, Hà-Giang và Lai-Châu cũng sẽ được nghiên-cứu để dời sâu vào lãnh-thổ Việt-Nam. Đó là chuyện trên bộ.

Trên biển, trước đây, lãnh hải Việt-Nam trên vịnh Bắc phần đã bị thu hẹp, nay đến Vạn lý trường sa, một cứ điểm vừa quan-trọng về kinh-tế (mỏ dầu) vừa là vị-trí chiến-lược có tầm mức quốc-tế.

Nắm được Vạn lý trường sa, Trung Cộng khống-chế hải-đạo quốc-tế nối liền hai châu Á-Mỹ, và các quốc gia trong vùng. Giàn phi-tiễn của Trung Cộng đặt trên hai quần đảo này chĩa vào Việt-Nam, Phi-Luật-Tân, Brunei và Đông Mã-Lai như những lưỡi dao đồ tể kề vào yết hầu các con thịt. Trong bốn nghìn năm lịch sử, Bắc quân muốn tiến vào Việt-Nam bằng hai lối thuỷ bộ, đã phải trả giá rất đắt. Ngày nay, cả hai phía Lào Cai và vịnh Bắc phần, đều bỏ trống! Hoàng-sa và Trường sa trở thành hai cứ điểm

xuất-phát và tiếp-liệu để mở rộng cuộc chiến-tranh xâm lấn trong vùng. Không phải chỉ riêng Việt-Nam, mà hơn phân nửa các nước Đông Nam Á lâm nguy.

Bẽ gãy luận-cứ của Trung Cộng

Để tô son trát phấn cho cuộc xâm-lăng, Bắc-kinh đã tham-lam đưa ra rất nhiều luận-điểm, luận-cứ và luận-chứng, trong đó có nhiều chỗ huyễn hoặc, mơ hồ, hay mâu-thuẫn.

Có khi, Bắc-kinh nói rằng toàn bộ các hải-đảo trên biển Đông thuộc về Trung-hoa, căn-cứ vào một bài thơ Đường.

Có khi Bắc-kinh nói rằng cho tới năm 1909, chưa ai đặt chân lên các đảo, và họ là người đầu-tiên đổ bộ, bắn đại-bác để nhận chủ quyền. Rồi cũng trong bản tin đó, khi mô tả diện địa, Bắc-kinh nói thêm, có một ngôi miếu cổ tại đó. Chưa ai đặt chân tới, mà có miếu, và lại là miếu cổ! Sử sách Việt-nam ghi rõ, các miếu, cột mốc và cả cây cối trên Hoàng sa và Trường-sa, là do bộ Công xây và trồng vào đời vua Minh Mạng (1820-1840), ít nhất 167 năm trước.

Hôm 11.12.2007, Trung Cộng đưa ra lập-trường 4 điểm để bảo-vệ chủ-quyền của họ ở Hoàng-sa và Trường-sa.

Thứ nhất, là đồ sành sứ trên đảo mang niên-đại nhà Hán, và do người Hán làm.

Thứ hai, Hiệp-ước Pháp-Hoa 1887 công-nhận chủ quyền của Trung-hoa từ phía Đông kinh-tuyến 105 độ 43.

Thứ ba, Trung-hoa là nước đầu-tiên đổ bộ lên Hoàng-sa và Trường-sa năm 1909.

Thứ tư, Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hoà (Bắc Việt) đã bán Trường-sa và Hoàng-sa cho Trung-hoa năm 1958 để đổi lấy viện-trợ quân-sự để xâm-lăng miền Nam, còn có văn thư của Thủ-tướng CS Bắc Việt Phạm Văn Đồng và lời nói Ngoại trưởng Ung Văn Khiêm làm bằng.

Lập trường bốn điểm của Trung Cộng, không có căn-bản nên không đứng vững.

Thứ nhất, ở thủ-đô Trung-hoa có ngôi Tử Cấm Thành do người Việt (kiến-trúc-sư Nguyễn An) làm, và trong đó có khá nhiều món thủ-công-nghệ và sành sứ mang niên-đại triều Nguyễn, vậy thì, đất Bắc-kinh thuộc chủ-quyền người Việt chăng? Trung Cộng chiếm đóng các hải-đảo Việt-nam từ 1974 đến nay, muốn chôn giấu vào đó cả một viện bảo-tàng cũng được, nói chi dăm ba cái chậu sành, bát mẻ!

Thứ hai, đường thẳng theo kinh-tuyến ghi trong Hiệp-ước Pháp Hoa 1887 chỉ nhằm phân-định hải-phận ở vịnh Bắc-phần, bắt đầu từ ngoài khơi bờ biển Hoa-Việt ở phía Bắc cho tới ngoài khơi bờ biển miền Trung của Việt-Nam. Nếu kéo dài thêm cho tới tận vĩ-tuyến 6 thì không riêng gì Hoàng-sa, Trường-sa, mà cả các tỉnh Trung Việt ở vành cong nhìn ra biển Đông cũng lọt nốt vào tay Trung-hoa. Phải chăng đó là mưu-định tương-lai của Bắc-kinh?

Thứ ba, như đã nêu ở phần

trên, Trung-hoa đổ bộ Hoàng-sa, Trường-sa sau người Việt đã mấy trăm năm. Phá miếu, đẵn cây, huỷ bia, đào cột mốc cũ, lập sân bay, xây đồn cất luỹ, chôn giấu cổ vật, tự sửa bản đồ... thì dễ, nhưng làm sao Bắc-kinh độn-nhập được các văn-khố của Anh, Pháp, Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha để huỷ tang diệt tích?

Thứ tư, cái thư dâng biển do Thủ tướng CS Bắc Việt Phạm Văn Đồng gửi Tổng lý Châu Ân Lai năm 1958, hoàn-toàn không có giá-trị, vì hai lẽ. Trước hết, đó là văn thư, là công hàm, không phải hiệp-ước, không được Quốc-hội phê chuẩn. Tiếp theo, và quan-trọng hơn hết, theo Hiệp-định Genève, Hoàng-sa và Trường-sa nằm dưới vĩ-tuyến 17, nên thuộc về VNCH, không thuộc Cộng-sản Bắc Việt. Việt-nam Dân-chủ Cộng-hoà không thể bán món hàng mà lúc đó họ không có. Cộng-hoà Nhân-dân Trung-hoa không thể mua, hay đổi chác, món hàng mà người ta không có. Thế nhưng chuyện buôn vịt trời vẫn cứ diễn ra trong lịch-sử, vì một bên thiếu liêm-chính, và bên kia, thiếu trí-tuệ.

Nhà nước Cộng-sản Việt-Nam cần làm gì?

Thứ nhất, phải tố-cáo hành-vi xâm-lăng của Trung Cộng trước công-luận thế-giới như VNCH đã làm trước đây. Năm 1974, khi Trung Cộng tấn công Hoàng sa, VNCH tuy không phải là thành-viên Liên Hiệp Quốc, nhưng đã lên tiếng phản-đối và kiên-trì theo dõi hồ sơ khiếu-tố. Nay CSVN chẳng những đã là thành-viên, mà còn có cả tiếng nói trong Hội Đồng Bảo An LHQ, họ phải khiếu-nại, nếu như còn chút lương tri và phẩm-cách của một người Việt.

Thứ hai, phải tôn-trọng quyền biểu-tình để bày tỏ lòng yêu nước của dân-chúng. Phải nung-đúc tinh-thần thanh-niên, sinh-viên, học-sinh về truyền-thống bảo-vệ đất nước của tiền-nhân trước làn sóng bắc xâm.

Thứ ba, hiện-đại-hoá quân-đội. Cuộc chặn đứng được Trung Cộng năm 1979 đã thuộc về quá-khứ xa xăm. Người lính trẻ nhất thời đó, nay đã chuẩn bị bước vào tuổi ngũ tuần. Ba mươi năm không hành-quân, không thao-dượt, quân đội CSV ngày nay chẳng khác gì quân đội Trung Cộng 29 năm trước...

Cuối cùng, nếu không làm được những điều trên, đảng Cộng-ản Việt-Nam nên tự giải-tán để chuộc tội cướp nước (tức cướp chính quyền) rồi bán nước. Nhà cầm quyền hiện tại có thể được lưu dụng với tư cách những cá-nhân không đảng phái, để tổ-chức bầu cử tự-do có quốc-tế giám-sát. Đất nước Việt-Nam cần có một chính-thể tự-do dân-chủ thực-sự để đoàn-kết trong ngoài, lấy lại những phần đất, phần biển đã mất, và giữ gìn bờ cõi trước tham-vọng của ngoại-bang.

Trào-lưu tiến-hoá của nhân-loại đã chứng-minh, trước sau gì Cộng-sản sẽ phải ra đi, hoặc qua một tiến-trình chuyển-tiếp ôn-hoà, không đổ máu, hoặc qua một cuộc cách-mạng bạo-lực.

Dân-tộc Việt vốn hiếu hoà, nhưng không ngại hi-sinh./.

Nguyễn Hữu Nghĩa

Trước thời cuộc:

Cơn sốt Bạch Ốc 2008, Cộng Hòa Dân Chủ ai thắng?

Trương Sĩ Lương

Cuộc đua vào Bạch Ốc đầy hấp dẫn và gay cấn giữa hai ngôi sao Hillary Clinton và Barack Obama được mô tả là đã cuốn hút người dân Hoa Kỳ tham gia mạnh mẽ nhất trong lịch sử các cuộc bầu cử sơ bộ của đảng Dân Chủ.

Sự chiến thắng liên tục của TNS Obama trong 3 tháng đầu 2008, khiến bộ chỉ huy vận động tranh cử của TNS Clinton trở nên lúng túng và phải thay đổi chiến thuật. Ngay tức khắc, TNS Clinton đã dồn nỗ lực, vận động ráo riết tại 2 tiểu bang có con số đại biểu lớn là Texas và Ohio để tiếp tục cuộc đua. Ngay cả cựu TT Clinton cũng đã lên tiếng như một lời kêu gọi cử tri ở 2 tiểu bang này rằng: "Hillary có được đảng Dân Chủ đề cử hay không chắc chắn đang nằm trong tay quý vị".

Thế rồi bà Clinton đã thắng ông Obama sát nút ở 2 tiểu bang Ohio và Texas có con số đại biểu lớn này vào hôm 4-3-08, chận được cái đà thắng "momentum" của Obama; nghĩa là bà Clinton đã có thể tiếp tục cuộc đua cho tới ngày đại hội đảng Dân Chủ được tổ chức vào ngày 25-8-08 tại Denver, Colorado, nhưng bà vẫn đang ở thế yếu. Đứng trước những

khó khăn này, bà Clinton đang vận động ráo riết hơn và phải thắng với tỷ lệ lớn ở các tiểu bang còn lại: Pennylvania ngày 22-4; Indiana ngày 6-5; N Carolina ngày 6-5; Kentucky ngày 20-5; Oregon ngày 20-5 và S. Dakota ngày 3-6. Nếu không, người ta e rằng bà Clinton sẽ khó thắng nổi Obama trước đại hội đảng Dân Chủ. Tại đại hội này, với số 795 Siêu Đại Biểu (Super-delegates) sẽ quyết định dồn phiếu cho ứng cử viên nào có số đại biểu cao hầu có đủ túc số 2025 để được đảng chính thức đề cử. Hiện tại TNS Obama được 1,578 đại biểu, trong khi bà Clinton chỉ được 1,467.

Tại sao đảng Dân Chủ lại có con số 795 Siêu Đại Biểu (ĐB) này, họ là ai? Theo đảng quy, họ là những chính khách, gồm: Thượng khách danh dự như cựu tổng thống, phó tổng thống, Chủ tịch đảng, nghị sĩ, dân biểu, Thống Đốc tiểu bang, và những yếu nhân lãnh đạo đảng các cấp... Hiện tại, theo thống kê thăm dò, bà Clinton đang được 232 siêu ĐB ủng hộ; ông Obama được 170 siêu ĐB ủng hộ và số 351 siêu ĐB còn lại, chưa quyết định họ sẽ dồn phiếu cho ai trước đại hội đảng.

Thông thường thì số siêu ĐB chưa quyết định theo ai, họ sẽ bỏ phiếu thuận cho ứng cử viên nào đã được đa số Đại biểu của 50 tiểu bang chọn trong mùa bầu cử sơ bộ. Thế nhưng, nếu hai ứng cử viên có số ĐB sát nhau, cũng theo tài liệu của đảng Dân Chủ, họ không nhất thiết phải bỏ phiếu cho ứng cử viên đã thắng cử ở các cuộc bầu cử sơ bộ. Nếu sự việc xảy ra như vậy, nội bộ đảng Dân Chủ, người ta e rằng, sẽ đưa tới một biến cố chia rẽ trầm trọng trong lịch sử của đảng này.

Thử bàn vài điểm cho vui

1) Có nhiều người thắc mắc, tại sao TNS Obama lại lên như vù vù trong những cuộc bầu cử sơ bộ như vậy? Sức đẩy nào đã giúp ông thu hút giới trẻ, nhất là giới trí thức trung lưu mà đại đa số là người da trắng?

Một số bình luận gia cho rằng:

a) Ông Obama lên vù vù là do thị hiếu của đa số đảng viên Dân Chủ, thành phần ưa chủ trương thay đổi, nhất là giới trẻ. Thật ra, họ chỉ muốn thay đổi, tốt hay xấu, hậu xét, miễn là có thay đổi.

b) Theo một nhận xét khác, ông Obama là một người trẻ, có tài hùng biện, thu hút người đối diện, nhưng thực chất chưa đạt tới mức trung bình của một nhà lãnh đạo. Ông có thể là một nhà cách mạng, có thể tạo khí thế cho một cuộc cách mạng, một phong trào đấu tranh nào đó, chứ không thể là một chính trị gia để lãnh đạo một quốc gia.

c) Có người lý luận cách khác: TT Bush đâu có kinh nghiệm của một chính trị gia sáng giá, nhưng ông cũng đã đắc cử hai nhiệm kỳ? Ông Obama, một người trẻ trung, có tài hùng biện, ông như một hiện tượng lạ (phenomenon) mà nước Mỹ cần có để thay đổi cuộc diện bởi người dân đã mệt mỏi vì chiến tranh, nhất là kinh tế suy trầm.

d) TNS Obama đã và đang được giới truyền thông thổi lên ào ào. Người ta cho rằng, đó chính là thế lực khó hiểu mà chính giới đang suy nghiệm tại sao?

Xin lướt sơ qua về tử vi của TNS Obama trong năm Mậu Tý tốt xấu ra sao. Sinh năm 1961, tuổi Tân Sửu, mạng Bích Thượng Thổ, ông bị sao Thủy Diệu chiếu, có hạn ở cung hỏa, đầu năm tương đối còn nhẹ nhưng cuối năm sẽ gặp nhiều khó khăn. Thế nhưng lý số chỉ là xem qua cho vui. Chờ xem!

Cũng xin lướt sơ qua về tử vi của bà Clinton để quý vị nghiệm thử có đúng hay không. Bà Clinton, sinh năm 1947, tuổi Đinh Hợi, mạng Ốc thượng thổ, năm nay gặp sao Thái Bạch khá nặng, tức sạch nhà sạch cửa, mất của thua thân. Bà Clinton, tuy tài giỏi về nhiều mặt, nhưng đã nhảy vào cuộc đua không đúng thời điểm. Cũng xin nói vài nét cho vui. Chờ xem!

2) Có người thắc mắc tại sao một nữ lưu tài giỏi như TNS Hillary Clinton, ăn nói lưu loát, điềm đạm, có sự hỗ trợ đắc lực của phu quân là cựu TT Clinton lại yếu trước cuộc đua vào Bạch Ốc như vậy? Tại sao hệ thống truyền thông lại xoay qua ủng hộ TNS Obama mạnh như thế?

Người ta cho rằng, khởi đi từ những cuộc tranh luận giữa các ứng cử viên và bà Clinton. Sau đó, cựu TT Clinton nhảy vào chỉ trích nặng nề TNS Obama. Chính giới của đảng Dân Chủ như TNS Kennedy, Kerry có lên tiếng khuyên can, nhưng vì ông bà Clinton không nghe lời nên họ đã nhảy vào ủng hộ ông Obama. Đó cũng là lý do đã tạo ra một ấn tượng không mấy tốt cho bà Clinton.

Một lý do khác khá thầm kín, đó là chính giới cho rằng một thế lực rất mạnh (tài phiệt) đứng đàng sau nhìn thấy Hoa Kỳ đang lâm chiến với các tổ chức khủng bố Hồi giáo tại Trung Đông, chiến trường A-phú Hãn và Iraq chưa yên, đang ở giai đoạn khó khăn. Quốc gia Iran đã và đang có ý đồ gây hấn với tây phương về vũ khí chiến lược, khó tránh một cuộc xung đột xảy ra về năng lượng tại Trung Đông. Do đó, một nước Mỹ cần tiếp tục mạnh về đối ngoại, quốc phòng v.v... để đối đầu. Nếu đảng Dân Chủ lên nắm hành pháp trong nhiệm kỳ tới, với đường hướng thiên tả, yếu cả hai mặt quân sự và ngoại giao, e rằng sẽ tạo nên thế mạnh cho các tổ chức khủng bố. Vì vậy, thế lực mạnh ấy đã vận động báo giới để đưa Obama đối đầu với TNS McCain, thay vì để bà Clinton ra lãnh đạo, với ê-kip hùng hậu, đầy kinh nghiệm chính trị thì TNS McCain sẽ khó nuốt. Nghĩa là nếu bà Clinton được đề cử thì ông Obama dễ chấp nhận đứng chung liên danh Clinton-Obama hơn. Liên danh này sẽ có nhiều cơ hội đánh bại TNS McCain của đảng Cộng Hòa vào cuộc bầu cử mùng 4 tháng 11 năm nay. Thế nhưng, thế lực ngầm ấy đã vận động, đã vạch thế cờ để Dân Chủ phải thua Cộng Hòa thêm một nhiệm kỳ nữa.

Nếu sự việc xảy ra như thế thì gần giống như chuyện khó khăn mà đảng Dân Chủ đã gặp phải

vào năm 1972, khi ông George McGovern, một nhân vật cực tả, phản chiến, bị một số siêu Đại biểu chống đối trong việc đề cử tại đại hội đảng Dân Chủ ở Miami, Florida, mặc dù ông thắng sát nút TNS Hubert Humphey ở các cuộc bầu cử sơ bộ. Kết cuộc, ông McGovern vẫn được đảng đề cử, nhưng ông đã bị TT Nixon (CH) đánh bại thê thảm với tỷ số 48/50 tiểu bang.

Xin điểm sơ qua vài nét về tiểu sử của mỗi vị ứng cử viên để quý bạn đọc theo dõi.

UCV HILLARY CLINTON

TNS Hillary Clinton sinh ngày 26 tháng 10 năm 1947, tuổi Đinh Hợi, vừa tròn 60 chục, tốt nghiệp luật sư tại Yale University vào năm 1973. Bà là một trong số 100 luật sư giỏi nhất của nước Mỹ, trở thành đệ nhất phu nhân vào năm 1993. Sau khi rời Bạch Ốc vào năm 2001, bà đắc cử vào Thượng Viện liên bang, đơn vị New York (DC) với tỷ lệ kỷ lục. Sau nhiều năm thăm dò, đầu năm 2007, bà đã quyết định ra tranh cử ghế tổng thống Hoa Kỳ. Theo thống kê, bà là ứng cử viên vận động được nhiều tiền nhất của đảng DC. Về tính tình, bà được mô tả là một phụ nữ thông minh, thâm trầm, được cảm tình của quần chúng nhiều nhất là sự chịu đựng của bà trong vụ TT Clinton lăng nhăng tình ái với cô Monica Lewinsky.

UCV BARACK OBAMA

TNS Barack Obama sinh ngày 4 tháng 8 năm 1961 tại Hawaii, mẹ là bà Ann Duham, da trắng, bố là ông Barack Obama Sr. người nước Kenya, du học tại ĐH Hawaii, gặp bà Duham cùng trường, lấy nhau và sinh ra Barack Obama. Khi Obama lên hai tuổi, ông bà Obama Sr. ly dị, bà Ann Duham tái giá với một sinh viên người Nam Dương và sau đó về quê hương chồng sinh sống một thời gian. Năm 5 sau, cậu Obama trở về Hawaii sống với ông bà ngoại, và rồi thời gian sau theo ông bà ngoại về New York. Obama theo học tại Columbia University và tốt nghiệp cử nhân chính trị vào năm 1983. Sau một thời gian làm việc, Obama vào học luật và tốt nghiệp luật sư ưu hạng tại đại học Harvard. Năm 2004, Obama nổi tiếng qua bài diễn văn tại Đại Hội Đảng Dân Chủ. Thừa thắng xông lên, Obama ra tranh cử Thượng Viện Hoa Kỳ, đơn vị Illinois và đắc cử vẻ vang. Ông còn là một nhà văn nổi tiếng với ba tác phẩm bán chạy nhất. Cuốn "Dreams From My Father" là một tác phẩm đã tạo thêm sự thu hút của ông trong chính trường Hoa Kỳ.

UCV JOHN MCCAIN

TNS John McCain sinh ngày 29-8-1936 tại Panama, trưởng thành trong một gia đình danh giá con nhà tướng. Ông nội và thân phụ đều mang cấp tướng Hải Quân Hoa Kỳ. Phụ thân ông từng là Tư Lệnh Hải Quân Thái Bình Dương. Ông McCain tốt nghiệp trường Hải Quân Hoa Kỳ năm 1958, sĩ quan hoa tiêu

phản lực (Navy Pilot). Trong cuộc chiến Việt Nam, ông tình nguyện ra chiến trường bằng 23 phi vụ chinh phạt Bắc Việt. Rủi thay, ngày 26-10-1967, khi thi hành phi vụ thứ 23, máy bay của ông bị phòng không của CSBV bắn rơi và ông bị bắt làm tù binh. Không bao lâu, CSBV khám phá ông McCain là con trai của tướng Tư Lệnh Hải Quân - TBD, do đó CSBV đã chiêu dụ McCain bằng cách đề nghị cho sớm tự do, nhưng McCain đã từ chối vì biết chắc CSBV sẽ lợi dụng đòn tâm lý để tuyên truyền. Do đó, McCain đã chịu chung sự hành hạ dã man của CSVN tại các nhà tù hỏa lò khắp nơi trên lãnh thổ Bắc Việt với 5 năm 6 tháng tù. Vào tháng 3 năm 1973, McCain được trả tự do sau khi hiệp định Hòa Bình Paris ký kết.

Khi hồi hương, ông tiếp tục theo học National War College, tốt nghiệp năm 1974 và lưu ngũ cho đến năm 1982, ông đắc cử dân biểu Hạ Viện và cũng là năm ông rời quân đội. Năm 1987 ông đắc cử vào Thượng Viện cho đến hiện tại.

Năm 1999, TNS McCain cũng đã đương đầu với TT Bush trong cuộc đua vào Bạch Ốc. Ông cũng đã thắng nhiều cuộc bầu cử sơ bộ, sát nút W. Bush, nhưng cuối cùng đành chịu thua vì đảng đề cử W.Bush ra tranh cử TT với số cử tri đoàn trội hơn ông.

TNS McCain có tất cả 7 con, 4 trai ba gái. Hai đời vợ, bà trước là Carol, có một con chung và 2 người con riêng. Vợ thứ hai là bà Cindy, có 4 con cho đến ngày nay. Tất cả đều đã trưởng thành. TNS McCain được mô tả là người thẳng thắn, yêu nước, yêu quân đội. Ông ủng hộ cuộc chiến Iraq và đòi phải tăng thêm quân số nơi chiến trường mới có thể thắng trận Iraq.

HIỆN TƯỢNG MCCAIN

Riêng TNS McCain, sau khi thắng lớn ở nhiều tiểu bang, đã đạt được 1,282 ĐB, quá con số quy định 1,191. tức là đã được đảng đề cử. Thế nhưng người ta vẫn chưa quên cách đây vài tháng, ông chỉ là một bóng mờ trước các UCV như Giuliani, Romney, Huckabee v.v... Thế rồi, sau cuộc bầu cử sơ bộ ở tiểu bang New Hampshire, TNS McCain đã lật ngược thế cờ và lên như diều gặp gió. Tại sao lại có hiện tượng lạ như vậy? Người ta cho rằng giới Liberal (trung hữu và tả) và một số nhỏ thuộc khối bảo thủ của đảng Cộng Hòa đã dồn phiếu cho ông, bởi số đông cử tri này vẫn tin ở quá khứ quân nhân hào hùng; đồng thời với kinh nghiệm hơn 20 năm ở vai trò lập pháp tại lưỡng viện quốc hội, ông có thể thắng được hai đối thủ, hoặc bà Clinton, hoặc ông Obama.

Tuy vậy, giới bình luận cho rằng những khuyết điểm của TNS McCain cũng có thể ảnh hưởng thất lợi tới cuộc bầu cử vào tháng 11 này: 1) Tính tình nóng nảy như Trương Phi. 2) Không được khối bảo thủ Cộng Hòa (CPAC) ủng hộ vì lập trường thiên tả của ông ở nghị trường trong quá khứ. 3) Ngay cả giới cựu chiến binh (cuộc chiến VN) cũng không ưa ông vì thành tích ủng hộ CSVN

trước thời kỳ thiết lập bang giao giữa CSVN và Hoa Kỳ.

Vì những lý do trên, cũng trong ngày 7-2, TNS McCain đã bay đến cuộc hội thảo của CPAC để đính chính ông là UCV bảo thủ và kêu gọi đảng đoàn kết để chận đứng làn sóng của đảng Dân Chủ đang xoáy mạnh vào của bầu cử sắp tới.

Mặc dầu ông McCain khả quyết như vậy, nhưng trong lòng thành phần cử tri bảo thủ có tin vào ông hay không là chuyện khác. Người ta cho rằng điều duy nhất mà ông McCain có thể đoàn kết và lôi kéo được toàn khối cử tri Cộng Hòa, cũng như số cử tri độc lập dồn phiếu cho ông là việc kêu gọi sự hợp tác để chọn Romney — UCV được đa số khối bảo thủ ủng hộ — đứng chung liên danh làm phó tổng thống cho ông. Nếu được như vậy thì cơ hội đối đầu với liên danh TNS Clinton, hay TNS Obama để giành được Bạch Ốc là chuyện có thể xảy ra!

Người ta cũng thấy, nếu ông Romney chịu nhận đứng vào vai phó tổng thống cho liên danh McCain thì con đường bước lên ngôi tổng thống vào 4 năm sau là chuyện có thể xảy ra. Nếu năm nay liên danh McCain thắng cử, năm 2009 ông McCain đăng quang ở tuổi 72. Rồi 4 năm sau ở tuổi 76-77 ông còn đủ sức để gánh vác việc nước hay không? Hay phải đưa ông phó ra tranh cử nhiệm kỳ hai? Trường hợp, liên danh McCain thất cử kỳ này thì 4 năm sau một trong hai ông cũng còn trẻ để ứng cử một cách dễ dàng vào nhiệm kỳ 2012 vì họ đã có thành tích và tên tuổi.

Chúng tôi tin rằng ông Romney có cơ hội nhiều hơn khi đứng chung liên danh với ông McCain. Lý do đơn giản là ông có nhiều kinh nghiệm về xây dựng kinh tế, lại được khối bảo thủ Cộng Hòa ủng hộ. Ông McCain rất cần một nhân vật có tài về lãnh vực kinh tế như thế trong cuộc chạy đua với đảng Dân Chủ kỳ này. Thế nhưng, giới thạo tin cũng cho rằng ông McCain sẽ chọn một trong vài nhân vật trẻ trung để đối đầu với bà Clinton, hoặc ông Obama của đảng Dân Chủ. Lá bài tẩy quan trọng này sẽ "bật mí" nay mai. Ông McCain có thắng hay không còn tùy vào những cuộc đột biến thế giới, nhất là tại chiến trường máu lửa Trung Đông.

Thật ra, chiến trường chính trị Hoa Kỳ đột biến khó lường. Ông McCain, Obama, hay bà Clinton có vào Bạch Ốc thì cũng thế thôi. Nước Mỹ vẫn thế! Thế giới vẫn rối beng như mọi ngày, đời sống con người vẫn đầu tắt mặt tối và quả đất vẫn cứ quay!

Lý luận, góp ý là một chuyện, nhưng tướng bất cập số. Nếu số trời đã định ông Obama có tướng quân vương, được toàn dân tung hô, và sẽ là vị Tổng thống da đen đầu tiên trong lịch sử của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ thì chỉ có Trời mới biết được.

Nếu bà Clinton được đề cử và thắng cử ở giây phút chót, rồi sẽ trở thành một nữ tổng thống đầu tiên của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ thì cũng chỉ có Thần Hoàng mới biết trước được! Chờ xem!

LỜI KẾT

Tính đến năm nay, tập thể người Việt trên đất Mỹ nói riêng và hải ngoại nói chung, đã là năm thứ 33 trên đất người. Với thời gian dài như thế, theo lẽ tự nhiên, không nhiều thì ít, chúng ta cũng phải hội nhập vào những sinh hoạt xã hội, đời sống với người dân bản xứ... Hội nhập để mưu sinh; hội nhập để có tiếng nói và tranh đấu cho quyền lợi của chúng ta khi cần thiết là chuyện đáng làm. Và hội nhập không có nghĩa là lìa bỏ nguồn gốc.

Một trong những vấn đề cần hội nhập với xã hội dân chủ nơi chúng ta đang sinh sống là bầu cử. Sau gần 33 năm ly xứ, ngày nay, thế hệ con em và chính chúng ta cũng đã, đang bước tới giai đoạn ứng cử, bầu cử một cách nghiêm chỉnh. Đó chính là một trong những quyền lợi căn bản của người dân.

Suốt 33 năm dài trên đất Mỹ, chúng ta đã chứng kiến và tham gia tới 7 cuộc bầu cử Tổng thống. Chúng tôi chỉ ghi lại những vị Tổng Thống đắc cử: TT Cater 1977-1980, 1 nhiệm kỳ; TT Reagan 1981-1988, 2 nhiệm kỳ; TT Bush (bố) 1989-1992, 1 nhiệm kỳ; TT Clinton 1993-2000, 2 nhiệm kỳ và TT Bush (con) 2001-2008, 2 nhiệm kỳ; và rất nhiều cuộc bầu bán các vị dân cử các cấp từ tiểu bang tới liên bang.

Từ ngày người Việt tị nạn chân ướt chân ráo đến Mỹ vào năm 1975, thì năm 1977 là năm hai ứng cử viên Gerald Ford (CH) và Jimmy Cater (DC) chạy đua vào Bạch Ốc. Dĩ nhiên, vào thời gian đó, chúng ta chưa có quốc tịch Mỹ và phải đầu tắt mặt tối vật lộn với cuộc đời tị nạn đầy khó khăn trên xứ lạ quê người nên ít ai có thì giờ tham gia, theo dõi như bây giờ. Dĩ nhiên vẫn có một thiểu số người ủng hộ và theo dõi thời sự, hoạt động ủng hộ cho TT Ford, vị ân nhân của người Việt tị nạn CSVN. Nhưng tiếc thay, TT Ford đã bị thất cử vì đảng Dân Chủ lợi dụng việc khai thác tối đa về sự thất bại của đảng Cộng Hòa trong cuộc chiến Việt Nam.

Từ giữa thập niên 80 đến nay, chúng ta, với ý thức phải có tiếng nói, trước nhất là tranh đấu cho quyền dân sinh nơi mình đang cư ngụ; sau đó là xử dụng lá phiếu của mình để có thể ảnh hưởng tới các vị dân cử, nếu có cơ hội thay mình, tranh đấu cho tự do dân chủ Việt Nam. Sự hội nhập đáng khích lệ ấy không ít thì nhiều cũng đã ảnh hưởng tới những quyết định về đường hướng, chính sách của các nước Tây phương, nhất là Hoa Kỳ đối với CSVN trong suốt 33 năm qua.

Dĩ nhiên, vì quyền lợi của các quốc gia sở tại, có lúc chính chúng ta cảm thấy cơ quan hành pháp (do chúng ta bỏ phiếu) đã đi ngược lại nguyện vọng của mình như dưới thời TT Clinton của đảng Dân Chủ, vào giữa thập niên 90, Hoa Kỳ đã bỏ cấm vận và thiết lập bang giao cấp tốc với CSVN — một hình thức thừa nhận bạo quyền CSVN — một chế độ tàn ác nhất trong lịch sử cận đại của dân tộc Việt. Chế độ này đã bỏ tù hàng triệu người dân vô tội. Bằng chứng sống hùng hồn nhất là chính sách cai trị tàn bạo khắc

nghiệt đã áp đặt lên đầu người dân, khiến 3 triệu người phải bỏ nước ra đi tìm tự do khắp nơi trên địa cầu.

Rồi tiếp theo, cuối năm 2006, TT Bush của đảng Cộng Hòa lại viếng thăm Việt Nam nhân dịp tham dự Hội Nghị APEC. Trước khi đi, hành pháp Bush còn vận động cho CSVN vào WTO (Tổ chức Mậu Dịch Thế Giới) và rút tên CSVN ra khỏi danh sách CPC (các nước cần quan tâm về tự do tín ngưỡng). Chưa hết, khi đến Việt Nam, TT Bush còn ca ngợi sự phát triển kinh tế của CSVN; và điều làm cho người Việt hải ngoại bất mãn nhất là ông không hề đề cập đến các nhân vật đang đấu tranh cho dân chủ tự do, chứ đừng nói tới chuyện đi thăm các nhà đấu tranh nổi tiếng về tôn giáo như Hòa Thượng Thích Quảng Độ và LM Nguyễn Văn Lý v.v... Đúng y như lý luận của người đời từ cổ chí kim: "Tất cả chỉ vì quyền lợi"! Tuy vậy, sự kiên trì hội nhập để đấu tranh trên chính trường nơi chúng ta sinh sống không vì thế mà bị sút giảm tinh thần. Chúng ta không xoay được hành pháp thì vận động giới lập pháp, tức là các dân biểu, nghị sĩ để vận động và tiếp tục đấu tranh cho tự do dân chủ ở quê nhà.

Riêng Việt Nam cũng sẽ có biến động, hiểu theo nghĩa chế độ Cộng Sản bất nhân sẽ bị cáo chung. Người ta cho rằng, từ những cuộc xuống đường khiếu kiện của dân oan, đến giới trẻ khắp nơi đã và đang xuống đường biểu tình chống Trung Cộng xâm lấn lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam, cộng thêm với cao trào đòi dân chủ càng ngày càng lan tràn; nhất là việc Giáo Hội Công Giáo Việt Nam đã nhập cuộc dưới hình thức cầu nguyện và đòi lại tài sản của giáo hội một cách cương quyết, đã làm cho cộng sản bối rối. Những cuộc đấu trí ngoạn

mục giữa các vị lãnh đạo tôn giáo và đảng cộng sản chính là nguyên nhân, mầm mống đưa tới sự sụp đổ của bạo quyền CSVN. Đó là ước mơ và nguyện vọng của hơn 85 triệu người dân trong và ngoài nước, ngoại trừ tập đoàn đảng viên Cộng Sản và bọn tay sai của họ đang cai trị và hưởng lợi.

Mùa quốc nạn chung 30 tháng 4 lần thứ 33 sắp tới, chúng ta cũng cần ôn lại thành tích đấu tranh chống độc tài cộng sản của người Việt hải ngoại. Phải thành thật công nhận suốt 32 năm qua, mặc dầu Cộng Sản Hà Nội vẫn luôn luôn thò bàn tay nối dài, sử dụng tiền bạc, tay sai, đặc công phá hoại, truyền thông nô dịch... tìm đủ mọi cách để khống chế cộng đồng người Việt lưu vong hải ngoại, nhưng họ vẫn thất bại. Bằng chứng là lá cờ máu đi tới đâu cũng bị tập thể người Việt hạ xuống. Chiến dịch dựng cờ vàng đã được các nước trên thế giới tự do công nhận như một biểu tượng của tự do dân chủ. Đó là một điểm son, một chiến công của tập thể người Việt không cộng sản trong suốt 32 năm qua.

Bên cạnh những thắng lợi về chiến dịch cờ vàng, những cuộc biểu tình của tập thể người Việt hải ngoại chống các tay trùm Cộng sản Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Tấn Dũng là cái tát vào mặt bạo quyền CS Hà Nội. Về mặt văn hóa vận, cán bộ văn công "duyên dáng" nếu chỉ âm thầm móc nối thực hiện các show nhạc lẻ tẻ tại vài địa phương thì người ta không để ý, nhưng để lót đường cho chiến dịch tuyên vận đại quy mô tung ra hải ngoại là bị vạch mặt đào thải!

Dĩ nhiên là CSVN vẫn chai lì thực hiện âm mưu xé lẻ chúng ta bằng những thủ đoạn: tung tiền mua chuộc, đầu tư cơ sở làm ăn rửa tiền, cấy người, gây mâu thuẫn trong các hội đoàn, đoàn thể người Việt Quốc Gia, tạo nên những hội "ma", hội giả để gây hoang mang. Một số khác móc nối những tên chạy cờ, tung hỏa mù, phá phách những chiến sĩ đang xung trận trên lãnh vực văn hóa, làm loãng khí thế đấu tranh của người Việt chống Cộng.

Trên các diễn đàn Internet hằng ngày, các tên đặc công VC móc nối, y như những con ma trơi lì lợm lải nhải tạo mâu thuẫn, hiềm khích, nhưng chúng chỉ gây ảnh hưởng được vài người dễ tin. Còn đa số người Việt hải ngoại đã hiểu rõ sự gian manh của tập đoàn CSVN, của những tên chạy mối, những tên vô lại với hành động thối tha bất chấp liêm sỉ v.v... nên nhất định không thể sa vào bẫy sập.

Dù ai tiên đoán vận mệnh thế giới như thế nào trong năm Mậu Tý đi nữa, chúng ta vẫn hy vọng và cầu nguyện cho nhân loại tai qua nạn khỏi. Riêng dân tộc Việt Nam sớm có tự do dân chủ, xã hội giàu mạnh, văn minh, theo kịp đà tiến hóa của nhân loại. Cũng hy vọng những kẻ đang lãnh đạo đất nước sớm hồi tâm, chuyển hướng thánh thiện, đặt quyền lợi Tổ Quốc lên hàng đầu, trả lại quyền làm chủ đất nước thật sự cho người dân, nhằm đưa dân tộc ra khỏi vòng vây luẩn quẩn của tham lam và tội ác.

Trương Sĩ Lương

Tiếng Bistrot dưới góc nhìn văn hóa

Huỳnh Quang Thế

Tại các thành phố lớn Hoa kỳ, nơi người Việt tập trung đông đảo, một xã hội Việt nam thu nhỏ lại đã được thành hình với các cuộc lễ kỷ niệm lịch sử, lễ hội dân gian, nếp sống giao tiếp cũng giống như ngày xưa tại quê nhà.

Về phương diện ẩm thực các nhà hàng với các thức ăn thuần túy của từng miền, từng tỉnh quê hương đã được ủng hộ. Vài thành phố lớn đã có những tiệm bánh Pháp do người Việt đã sống nơi đó, học nghề, và sang Hoa Kỳ lập gia đình, lập nghiệp. Bánh ngọt của những cửa hiệu này là những bánh ngọt được làm với công thức, nguyên liệu và hương vị của Pháp. Các quán cà phê với internet và nhạc sống cuối tuần được phát triển mạnh mẽ. Mỗi quán cố gắng mang một sắc thái riêng với thức ăn, nước uống giải khát và âm nhạc. Có những quán muốn mang sắc thái quán cà phê hương vị Pháp, người ta đặt tên là cà phê bistro. Chữ cà phê này có nghiã một nửa là quán cà phê có đủ loại cà phê, gỏi cuốn, chả giò, internet, văn nghệ cuối tuần. Còn một nửả là vài thức ăn nấu theo kiểu Pháp thông dụng, như breakfast với trứng chiên oeuf au plat hay omelette, bánh croissant, pâté-chaud. Điều này dễ hiểu, vì muốn tồn tại, quán cà phê cần phải đa dạng, vì người Việt sống tại đất nước Hoa Kỳ đã hội nhập vào nền văn hoá xứ này. Rất ít người Việt đi thăm viếng thân nhân tại nước Pháp, cũng như tại Âu châu, và có lẽ một phần vì nhiều lý do khác nhau, người Việt tại Hoa kỳ không hẳn thích nghi với nền văn hoá Pháp qua các món ăn. Cũng có những tiệm ăn với bún riêu, bún bò Huế, lẩu mắm, canh chua cá kho tộ... nhưng cũng để là bistro. Tất cả có lẽ vì không hiểu rõ ý nghĩa của tiếng này, hoặc cố tình đánh lừa thực khách.

Bistrot là một trong những nét đặc thù của nền văn hóa Pháp. Tiệm ăn bistrot luôn luôn mang tính cách một địa phương của Pháp với thực đơn thích hợp. Bên ngoài nước Pháp, việc sử dụng tiếng bistrot với một tiệm

ăn nơi xa xôi cách trở biển cả Đại Tây dương như tại Hoa Kỳ, khó có điều kiện thích hợp, so với các nước láng giềng của Pháp.

Bistrot là một nhà hàng nhỏ của khu phố với khung cảnh rất gia đình, rất hữu tình để tiêu khiển với bạn bè. Nó có tính cách khác hẳn với một nhà hàng thông thường. Tại tiệm ăn bistrot, người ta có thể kêu một bánh sandwich và một ly rượu vang để thưởng thức là chuyện hàng ngày trong đời sống. Các đĩa lớn nhỏ nơi đây thường là loại sành trắng thô. Khăn trải bàn là loại giấy kẻ ô vuông, nhiều thực khách quen có khăn trải bàn riêng dành cho họ. Phần lớn thực khách đến đây ăn uống rất vội vàng. Họ trao đổi câu chuyện rất to tiếng, tạo nên không khí huyên náo, và thường gọi người hầu bàn bằng tên. Nhiều lúc thiếu chỗ ngồi, và vì ít thời giờ không thể chờ đợi, thực khách mới đến chia ra ngồi cùng bàn với thực khách đang ăn uống, dù không quen biết. Có thể họ xin dùng một miếng khoai tây chiên trong đĩa trong lúc chờ đợi món ăn thật nóng mang ra.

Bếp bistrot là loại bếp thể hiện nét văn hóa của dân tộc Pháp, không cầu kỳ, dễ chế biến, nhưng rất ngon, rất thịnh soạn mà lại ít tốn kém. Tất cả nguyên liệu đều theo mùa sản xuất, được mua rất tươi ở mỗi buổi chợ, giống như bếp quê nhà Việt Nam chúng ta. Đất đai của nước Pháp có những vùng duyên hải, đồng bằng và đồi núi với những địa chất khác nhau, và yếu tố khí hậu khác nhau, nên các thổ sản có những hương vị và phẩm chất khác nhau, các loại thổ sản cũng có thể khác nhau.

Các thức ăn chính yếu gồm các loại soupe rất ngon, các đĩa rau mang tính cách đồng quê, món thịt hầm với rượu vang Việc dọn thức ăn lên bàn cũng mang sắc thái riêng, nếu thực khách kêu một đĩa pâté, người hầu bàn không mang đến một lát pâté, mà mang đến cả một bánh pâté để khách hàng tùy nghi thưởng thức. Nếu thực khách chọn gà rô-ti, người hầu bàn sẽ mang đến nguyên con gà rô-ti và cắt dọn ra đĩa tại bàn ăn của thực khách. Mỗi bửa ăn tại tiệm bistrot thường phải có rượu vang ngon và bánh mì baguette nóng hổi.

Người Pháp trong lúc ăn chỉ dùng rượu vang thích hợp với thức ăn để thưởng thức hương vị của thức ăn và hương vị của rượu vang. Sau khi ăn xong, các bà rút lui, nếu cánh đàn ông còn ngồi lại, lúc đó là thời giờ của cà phê, hút thuốc, và uống rượu mạnh [liqueur].

Những thức ăn thường được gọi là món ăn bistrot nằm trong cả trăm thực đơn. Vì nguyên liệu là thổ sản của mỗi địa phương, nên mỗi vùng có thực đơn riêng rẽ của vùng. Thức ăn thường tùy thuộc vào loại rượu vang và phó mát [cheese] địa phương. Toàn nước Pháp có 159 tiêm ăn thuần túy bistrot. Tại Thủ đô Paris và vùng Ile de France bao quanh có 87 tiệm bistrot với thực đơn Bistrot Paris. Một số tiệm bistrot do người chủ gốc gác từ các miền của nước Pháp đến Paris lập nghiệp, có những thức ăn đặc thù của quê hương. Vì vậy thực đơn của những tiệm bistrot tại Paris

rất đa dạng. Vùng Bourgogne và Lyon, miền trung-đông có 12 tiệm bistrot với thực đơn Bistrot Lyon, và các vùng khác có thực đơn riêng như Bistrot Strasbourg, Bistrot Nice, Bistrot Marseille...

Ngày xưa, lãnh thổ nước Pháp được chia làm nhiều Tỉnh, ngày nay hệ thống hành chánh này không còn nữa. Nhưng tên của những vùng đó mang tính cách nếp sống truyền thống, đặc biệt trong lối nấu nướng thức ăn vẫn được sử dụng. Toàn nước Pháp được chia làm 11 vùng đánh dấu từ A đến K.

A- Bretagne- Bán đảo phía Tây có rất nhiều cá và loại Belon oyster rất ngon. Thịt cừu, cá biển nơi đây đều có vị mặn của muối biển, vì vậy việc nấu nướng cũng khác. Vùng này có lobsters, oysters, scalop [sò], mussels [chem chép].

B- Normandie- Tây-Bắc, giáp với biển Manche – vùng này sản xuất kem,bơ và phó mát Camember rất ngon, được dùng trong hầu hết thức ăn của dân Pháp. Những con cừu nhờ được nuôi dưỡng trong vùng đồng cỏ xâm xấp nước mặn ven biển, cung cấp thịt cừu rất ngon.

C- Champagne- phía Bắc - giáp với nước Belgique. Nơi đây sản xuất rượu Champagne nổi tiếng và xúc xích rất ngon. Ngư cảng vùng này quan trọng nhứt của nước Pháp, đánh được rất nhiều cá. Tuy nhiên mọi thức ăn như pho-mát ngửi có mùi nước tẩy, bia uống cũng rất nồng.

D- Touraine- phía Tây- được gọi la khu vườn trái cây của nước Pháp. Trong thực đơn vùng này có cá hồi [trout] nấu đông, thịt heo quay với qủa mận khô [prune] dấu vết thời Trung cổ. Vùng này có nhiếu lâu đài của các vua nước Pháp về đây nghỉ ngơi. Lâu đài hay mọi nhà tư nhân đều có vườn cây ăn trái. Những thức ăn danh tiếng nhứt về trái nho phát xuất tại Touraine. Cây hẹ là đặc điểm trong thức ăn và ngải giấm [tarragon], đậu khấu [nut-meg], giấm nho mới sản xuất, tất cả góp phần tạo ra thức ăn rất tươi.

E- Ile de France- vùng Trung ương, bao gồm Thủ đô Paris. Vùng đất mầu mỡ chung quanh Paris là nơi phát xuất kỹ thuật nấu nướng phẩm chất cao. Nơi đây ngày xưa, bếp núc các nhà vua và các vị công hầu trở nên một nghệ thuật nấu ăn. Người ta cạnh tranh sáng tạo các món ăn ngon. Truyền thống đó được tiếp nối và thu hút thiên tài nấu ăn từ các miền của nước Pháp. Trái cây, rau cải vùng này có hương vị đặc biệt.

F- Alsace-Lorraine- vùng Đông–Bắc- giáp biên giới với nước Đức. Đất cát vùng này rất phì nhiêu, sản xuất được rượu ngon. Sản phẩm là pâté gan ngỗng, xúc xích và thịt nguội [ham]. Vì trước đây thường xuyên bị Đức chiếm đóng, nên ảnh hưởng của Đức thể hiện trong việc nấu nướng thức ăn. Vùng Lorraine có nét Pháp nhiều hơn một chút so với vùng Alsace. Rượu vang Alsace là đối thủ cạnh tranh với rượu vang của Đức.

G- Bourgogne [Burgundy] vùng Trung –Đông. Vùng này sản xuất rượu vang danh tiếng

thế giới. Rượu vang trắng và rượu vang màu đỏ dịu giữ vai trò quan trọng trong bếp nấu Burgundian. Rượu vang đỏ là nguyên liệu then chốt trong món thịt bò bourguigon ngon hàng đầu. Hằng năm đều có tổ chức Hội chợ nghệ thuật ẩm thực tại Dijon, thành phố chánh của vùng Bourgogne, lôi cuốn thực khách sành ăn khắp thế giới.

H- Bordeaux- vùng Tây-Nam, giáp giáp với biển Đại Tây dương và Tây ban nha. Rượu vang Bordeaux cùng hàng với rượu vùng Burgundy xuất cảng ra thế giới. Vùng này cũng sản xuất rượu Cognac, Armagnac, và phó mát Roquefort danh tiếng, và pâté gan. Bờ biển có oysters rất ngon và cá. Các thức ăn cũng được phát triển nấu nướng rất tinh xảo để thích hợp với rượu ngon. Vùng này rất phổ thông thức ăn pipérade- loại trứng chiên omelette mùa hè, và garbure- loại trứng chiên mùa đông.

I- Franche-Comté- phía Đông dọc theo dãy núi Alpes, giáp biên giới với Thụy sĩ và Ý-đại-lợi. Đây là vùng núi cao, thức ăn nơi đây hương vị rất đậm đà. Nổi tiếng nhứt là loại gà Bresse, thịt rất ngon. Nấm, thỏ rừng, nai, heo rừng, heo nhà là thức ăn căn bản của vùng. Dê và bò cũng được nuôi thả rong trên núi, nhằm sản xuất sửa, bơ, phó mát Comté rất được ưa chuộng. Thức ăn thịt hầm và trứng chiên omelette nơi đây được các bếp trên thế giới noi theo.

J- Languedoc, Foix, Roussillon- phía Nam giáp với biển Méditerranée [Địa trung hải], và giáp biên giới với Tây-ban-nha. Vùng này trước đây là tiền đồn của Đế quốc La Mã, vì vậy đã để lại dấu vết trên việc nấu nướng với món cassaulets thịt ngỗng hay vịt, heo hay trừu với xúc xích và đậu trắng. Vùng Foix và Roussillon dọc theo dãy núi Pyrénées, bếp Tây-ban-nha ảnh hưởng đặc biệt trong món trứng chiên omelette.

K- Provence- phía Đông-Nam giáp với biển Méditerranée. Vùng này là nơi nghỉ mát từ thời đại Đế quốc La Mã. Giống như các vùng đất phía bắc biển Méditerranée, việc nấu nướng thường sử dụng tỏi, dầu olive và cà-tô-mát, các loại cá biển, tôm cua, sò với nhiều gia vị hơn vùng phía bắc nước Pháp. Vùng này sản xuất rượu vang ngon, và trù phú về ô-liu, rau cải và trái cây.

Sự khác biệt về nguyên liệu thổ sản các vùng đất nước Pháp nêu trên, giúp tạo nên những món ăn khác nhau, với loại rươu vang thích hợp. Vì vậy, nếu các tiệm ăn bistrot tại Hoa kỳ chỉ có thực đơn phổ thông, và rượu vang chung chung hoặc không có rượu

vang đi kèm thức ăn, là không thể hiện được hình thức của một tiệm bistrot.

Muốn tỏ ra là người sành điệu biết thưởng thức hương vị cuộc đời qua phong thái ăn uống, điều cần thiết là phải hiểu rõ vài điều căn bản ghi trên, cũng như những điểu hiểu biết cần thiết khác.

Trên phương diện ngôn ngữ, tiếng bistro là một ngoại lệ trong ngôn ngữ Pháp, nó đã tạo ra sự tranh cãi dai dẳng về từ ngữ này. Người Pháp tự thích thú về một giai thoại ý nhị có tính cách lịch sử. Và khi một từ ngữ che dấu ngọn nguồn, người ta có khuynh hướng truy tầm nó. Điều này làm cho trí tưởng tượng có cơ hội hoạt động mạnh mẽ nhằm đưa ra một lý luận giải thích hợp lý xuôi tai.

Nhiều người qủa quyết như chứng kiến tận mắt, tiếng bistro xuất xứ từ sự thiếu kiên nhẫn của những người Cosaque [lính Nga] chiếm đóng thành phố Paris vào năm 1814, sau khi Hoàng đế Napoléon thua trận. Những người lính Cosaque cỡi những con ngựa gầy gò dành chạy trên thảo nguyên, mệt nhọc, khát nước, đầy vẻ vui mừng hoang dại. Họ xông vào quán và la lên "bystro", có nghĩa nhanh lên, để nhân viên phục vụ mang đến cho họ chút rượu vodka ưa thích. Một thứ rượu truyền thống của Nga chắc chắn không thể có được vào thời gian đó tại quảng trường Concorde giữa Thủ đô Paris.

Người ta hiểu sự đòi hỏi nước uống, không có điều gì tự nhiên hơn. Và tiếng những người Cosaque kêu lên trở thành một từ ngữ dành chỉ nước uống. Điều này cũng tương tợ như vào thời kỳ vua Louis XV, câu tiếng Đức vasitas hỏi người Pháp một cách sơ đẳng was ist das? điều gì vậy? Tiếng bistro được xem là xuất hiện vào những năm 1814-1815 rất được sử dụng trong tuần lễ nữ thánh Aragon. Tiếng bistrouille hay bistouille xuất hiện cùng thời với tiếng bistrot. Dường như tiếng bistro được nhắc tại Paris, đến từ vùng Picardie phía bắc nước Pháp, cũng như đến từ vùng Auvergne giữa nước Pháp.

Cà phê xuất hiện tại Pháp vào thế kỷ thứ 17. Người ta bán cà phê trong các quán rượu, và được gọi là cabaret de café, và sau hết là quán cà phê. Có lẽ là điều thực, tiếng bistrot là cách gọi một quán rượu bán cà phê pha rượu, mà những người miền bắc gọi là bistouille- hai lần pha trộn, hay là một loại rượu rẻ tiền người ta thường dùng trong một bistrot.

Tiếng bistro có một nguồn gốc ý nhị, kỳ lạ, không có thực, với nhiều nguồn tài kiệu khả tin nhưng cần bàn cãi, và vẫn còn là điều bí ẩn. Bistro một thứ nước uống ngon của Pháp, nhưng lại được gọi bằng từ ngữ bình dân và hổn tạp, trái ngược với lối diễn tả trong sáng của tiếng Pháp.

Tham khảo:

- *Magazine littéraire số 388 Juin 2000*
- *Les 200 meilleures recettes de Bistrot_ Patricia Wells*
- *The cooking of provincial France_ M.F.K. Fisher*
- *Wines and spirits_ Alec Waugh*

Phỏng Vấn

Phỏng Vấn Luật Sư Trần Lâm

Phan Đình Minh

Phỏng Vấn Nhà Thơ Túy Hà

Đặc Phái Viên Tin Văn

Phỏng Vấn Luật Sư Trần Lâm

Phan Đình Minh

Đài phát thanh Sài-Gòn-Dallas 890 AM phỏng vấn luật sư Trần Lâm, Hải Phòng:

"...tôi mà nhớ cái đó làm gì! 16 chữ vàng mà lại đánh nhau tùm lum mà vàng bạc cái gì."

Phan Đình Minh: Có người đã được nghe luật sư Trần Lâm, có người chưa được biết luật sư Trần Lâm. Thưa luật sư có thể nói một đôi dòng về luật sư?

Ls Trần Lâm: Tôi xin nói một đôi điều về cá nhân. Tôi năm nay đã quá nhiều tuổi rồi, hơn 80. Tôi sinh tại Ninh Bình. Khi các bạn vào miền Nam vào năm 1954 thì tôi đã 20 tuổi. Tôi cũng có được học chút ít, bây giờ văn hóa là thấp đấy. Nhưng thời kỳ 70-80 năm trước thì cũng là người có học. Tôi cũng như mọi thanh niên Việt Nam, cũng tham gia vào kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, rồi cũng vào đảng. Công việc của tôi làm thì trước đây tôi cũng có làm báo, dạy học. Về nghề luật sư của tôi thì có một thời gian đi làm công tác ở tòa án, bây giờ tôi nghỉ. Tôi đã về hưu lâu quá rồi, 24-25 năm rồi. Có tham gia vào công việc của nhà nước Việt Nam cách đây 24-25 năm, còn từ đó đến giờ thì làm tự do. Vừa mở trường trung học tư thục vừa làm luật sư và một vài việc khác nữa.

Bản thân thì có mấy nét như vậy thôi. Kiểm điểm lại thì trong khi mình làm việc cho nhà nước thì cũng có làm cho dân được việc nọ việc kia. Nhưng trong tình hình chung thì cũng có những sai sót mà mình cũng không chủ động để làm điều đó, nhưng trong tình hình chung thì cũng có những sai sót. Cũng may là đã về hưu quá lâu rồi cho nên thời kỳ 25 năm nay chuyển biến, nó có nhiều cái tiêu cực, nhiều cái đáng chê trách. Cũng may là 25 năm nay mình không làm việc nhà nước nữa. Nhờ Trời nên tôi nhiều tuổi nhưng vẫn còn khỏe cho nên vẫn làm việc được. Nhất là vẫn còn minh mẫn, đấy là cái may Cũng là cái phúc, đức được cái đó. Hôm nay được trao đổi với các bạn là một điều tôi rất mừng. Sắp sửa cũng sang năm mới, chúc các bạn vạn sự an lành.

Phan Đình Minh: Thưa luật sư Trần Lâm, thay mặt cho toàn thể anh chị em trong chương trình "Từ Cánh Đồng Mây", cũng như cá nhân tôi Phan Đình Minh cũng như toàn thể anh em trong đài Sàigòn Dallas 890 AM, trước hết chúng tôi xin kính chúc Cụ một năm mới dương lịch được an khang và trường thọ. Được thưa chuyện với Cụ, là một người rất trọng kính, theo như tôi biết năm nay Cụ đã 84 tuổi rồi và tiếng nói của Cụ còn rất là mạnh khoẻ đối với anh em. Thưa cụ, đi ngược

dòng thời gian vào trước năm 1954 khi gia đình tôi đưa tôi vào trong Nam để sinh sống ở trong Nam và Cụ ở lại miền Bắc. Từ khoảng năm 1954 đến năm 1975 có những điều gì đặc biệt mà luật sư Trần Lâm còn nhớ lại, thưa luật sư?

Ls Trần Lâm: Điều nhớ lại thì nó ở trọng điểm nào, chớ điều nhớ lại thì nó rất nhiều điểm. Điểm mình nhớ lại là khi đó mình còn trẻ, lúc đó tâm tư, tình cảm thì rất vui tươi và bao nhiêu khó khăn gian khổ điều chịu đựng một cách vui vẻ. Thế nhưng trong quá trình đó rồi đến năm 1975 thì vẫn còn giữ được cái đó. Thế nhưng dần dần thì cũng cảm thấy cuộc đời người ta nói rằng càng về già thì nó không còn cái vui tươi như xưa nữa. Trong những năm sau thì tình hình trong nước cũng có nhiều điều không ưng ý, vì thế cho nên cũng cảm thấy buồn buồn. Thế nhưng bây giờ chúng tôi có suy nghĩ như thế này, tương lai mình vẫn tin tưởng hoàn toàn, mình có khác với các bạn ở ngoài không biết có thấy không chớ chúng tôi thấy sự thay đổi, tương lai nó vẫn đang chờ chúng ta. Tôi thấy rằng tương lai tốt đẹp rồi sẽ tới. Cho nên tôi muốn gởi đến các bạn là chúng ta hãy tin tưởng, nhất định là cái tốt đẹp nó sẽ chiến thắng cái gì mà không tốt đẹp.

Phan Đình Minh: Thưa luật sư Trần Lâm, cách đây rất lâu chúng tôi được liên lạc với một người rất thân với Cụ và cũng rất gần nhà Cụ, đó là nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa. Ông có tâm tình với tôi là tất cả những điều ông ấy đã nói hay Cụ đang nói với anh em chúng tôi, những người Việt Nam thân mến của Cụ từ nửa vòng trái đất. Nếu những điều Cụ nói mà trước đây 15-25 năm thì Cụ và nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa đã bị lên án tử hình rồi. Nhưng có lẽ ngày hôm nay, như Cụ nói những điều tươi đẹp nó sẽ đến với quê hương Việt Nam. Trước khi chúng ta nhìn đến điều tươi đẹp thì chúng ta phải nhìn về quá khứ để hoạch định cho một kế hoạch tươi đẹp cho đất nước. Năm 1954 khi chúng tôi đi vào Nam người ta nói một điều sai lầm nhất của đảng cộng sản lúc bấy giờ đó là cải cách ruộng đất và đánh tá điền. Năm 1975 khi những người ở ngoài miền Bắc chiến thắng trong miền Nam và VNCH không còn có trong lịch sử của xã hội chủ nghĩa thì một điều sai lầm nữa của đảng cộng sản đã bắt tất cả những người tài giỏi, bắt tất cả những tinh hoa của nước Việt Nam trong miền Nam đi tù. Cụ có nghĩ rằng hai điều đó có phải là những điều sai lầm nhất mà đảng cộng sản đã lặp đi lặp lại để ngày hôm nay chúng ta phải ở trong một cái thế rất khó khăn của nước Việt Nam hay không?

Ls Trần Lâm: Điều thứ nhất là cải cách ruộng đất thì điều đó người ta đã tổng kết rồi. Và cái đó người ta đã thừa nhận là một sai lầm rất ghê gớm. Cái sai lầm ấy nó đánh vào dân tộc, nó đánh vào lãnh đạo của đảng. Cái đó người ta đã nhận rồi. Bây giờ thì mọi người đã nhận, người dân cũng đã nhận ra, những người cộng sản cũng đã nhận ra rồi. Thế thì cái

đó ta cho qua.

Cái thứ hai là sau năm 1975 thì người ta thấy cái sai lầm lớn nhất là người ta đang tranh luận về cuộc chiến tranh, phải hay không phải, đúng hay không đúng mà tiến hà nh như thế là có lợi hay không có lợi và như vậy thì thế nọ thế kia. Và cái đó bắt đầu người ta đã suy nghĩ chỗ đó. Và cái thứ hai nữa là người ta thấy rằng chuyện cải tạo, bắt những người đi tù (gọi là cải tạo, gọi là học tập nhưng thực ra là đi tù) thì người ta cảm thấy cái đó là không đúng. Thì bây giờ người ta cũng nhận rồi. Hiện nay ở trong nước cũng đã có một trào lưu, người ta phân tách lại những quá khứ và người ta phân tách lại chiến tranh Việt Nam. Nhiều người đã nhận thấy là cuộc chiến tranh miền Nam, cái tốt cũng có mà mặt trái cũng có.

Bây giờ người ta tỉnh táo hơn, người ta nhìn lại cái đó thì người ta đánh giá một cách khách quan hơn. Nhưng thực ra đây là những dư luận chứ còn chính ra đảng cộng sản chưa có một thái độ rõ ràng về chiến tranh miền Nam.

Cái đó thì chưa rõ ràng như cải cách ruộng đất thì đã có rõ rà ng rồi. Cải cách ruộng đất thì đảng cộng sản đã thừa nhận rồi, và cũng như mọi người đánh giá. Còn chiến tranh miền Nam thì mới có dư luận của quần chúng, thí dụ như ông thủ tướng cũ hay một số nhà trí thức thì bây giờ đang xem xét cái đó. Nhưng cái chính thức của nhà nước thì chưa có ý kiến về cái này. Nhưng dù sao tôi thấy cũng đã có sự chuyển biến. Thà dụ như ông Triết đi Mỹ nói những điều gì đó, thì hiện nay người ta đã suy nghĩ về cái đó rồi. Cho nên là sự suy nghĩ ấy nó đã cân bằng, nó đã hòa nhập với suy nghĩ ở bên ngoài chưa, của các bạn chưa thì cái đó tôi chưa có tài liệu. Nhưng tôi thấy là đã có một sự suy nghĩ. Tức là người ta nói là đã có một sự nhìn lại, còn thừa nhận sự nhìn lại ấy như thế nào thì chính thống chưa có nhưng trong nhân dân thì bây giờ đã có dư luận về việc phải nhìn lại đó. Nhìn lại cả mình nữa, nhìn lại miền Bắc, nhìn lại miền Nam. Nhìn lại tất cả, cũng như chuyện thuyền nhân thì cũng phải nhìn lại. Tức là bây giờ cái nhìn lại thì người ta đã có rồi, mà cũng không phải ít người đâu. Đã có một tình hình như thế trong dư luận nhân dân và dư luận trong đảng, dư luận trong nhà nước. Dư luận của nhiều người chứ không phải như trước cứ kết luận một chiều đâu. Bây giờ không có cái đó nữa.

Phan Đình Minh: Người ta nói nếu nhìn quá khứ của một người thì ta giám định việc làm của người đó ngày hôm nay và trong tương lai. Đối với anh em nghệ sĩ chúng tôi ở bên ngoài chúng tôi rất cảm mến luật sư Trần Lâm là vì theo những tin chúng tôi biết được hầu như không có một vị luật sư nào dám đứng ra để biện hộ cho tất cả những người đang tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền cho Việt Nam ngoài luật sư Trần Lâm.

Chúng tôi xin đi ngược lại thời điểm quá khứ năm 1975 một chút. Tôi nghĩ lúc đó Cụ vẫn còn trẻ, khoảng hơn 50 tuổi. Tâm tình của luật sư Trần Lâm nghĩ,

cái chiến thắng mà những người ngoài miền Bắc nói là chiến thắng miền Nam. Tâm tình của Cụ thế nào? Cụ có thấy đó là tâm tình của một nước Việt Nam hai bên đã đi gần lại với nhau, đã anh em một nhà hay không, thưa cụ?

Ls Trần Lâm: Bây giờ phải trở lại lúc bấy giờ. Tất cả mọi người đều nghĩ rằng là cuộc chiến tranh chống Mỹ và chiến thắng. Người ta nghĩ rằng một số người miền Nam đi theo Mỹ, như thế là chống lại tổ quốc. Quan điểm lúc bấy giờ thì như vậy, mọi người đều nghĩ như vậy cả. Chúng tôi cũng chỉ hiểu đến mức ấy thôi, là m sao mà chúng tôi sáng suốt đến chừng mực rằng chúng tôi có được những suy nghĩ độc đáo như ngà y hôm nay. Tức là phải có thời gian rồi chúng tôi mới nhìn lại chớ lúc bấy giờ thì mình cũng như mọi người, tức là Mỹ là kẻ thù, là người xâm lược. Thế còn những người ở miền Nam là những người đi theo Mỹ, như thế là những người ấy chống lại dân tộc. Lúc bấy giờ thì người nào cũng nghĩ như thế cả, cả những người sáng suốt. Như chúng tôi thì chúng tôi cũng thừa nhận là chúng tôi nghĩ như thế.

Thế nhưng do chỗ đó nên nhiều người nói lại là không đúng đâu. Hay bây giờ người ta nói cuộc chiến tranh đó là cuộc chiến tranh 'ủy nhiệm', chắc các vị cũng thừa hiểu rồi. Người ta nói là cuộc chiến tranh 'ủy nhiệm', Việt Nam đánh có phải cho Việt Nam đâu. Việt Nam đánh nhau như thế không phải là vấn đề giải phóng dân tộc mà Việt Nam đánh là vì theo Liên Xô, theo TQ gì gì đó để làm cuộc chiến tranh. Không phải là cuộc chiến tranh giải phóng như Việt Nam nói, như nhiều người nói mà đây là một cuộc chiến tranh 'ủy nhiệm'. Bây giờ nó đang có những chuyện đó.

Hiện nay những người trí thức, những người hiểu biết một cách bình thường thôi thì người ta cũng đã có một sự nghĩ lại rồi. Cái khôn ngoan, thông minh, hiểu biết nó cũng phải có thời gian mới có điều kiện. Anh bị bưng bít tất cả mà anh chỉ có những thông tin một chiều thôi thì dĩ nhiên anh phải nghĩ điều đó chớ làm sao mà anh có thông tin được.

Hay chẳng hạn như bây giờ người ta mới đưa ra những câu chuyện rằng người Việt Nam đánh người Việt Nam là tự mình bị người ta xúi dại. Bây giờ tư tưởng đó đã bắt đầu có rồi. Tình hình nó vậy, cho nên nói để cho các bạn biết rằng năm 1975 thì người nào ở miền Bắc cũng hồ hởi thế là nước nhà thống nhất, thế là nước nhà được tự do hoàn toàn, lúc bấy giờ ai cũng vui sướng cả. Nhưng về sau thì thấy cuộc chiến tranh đó nó tàn khốc quá, nó thiệt thòi quá. Mà như vậy thì dân tộc bị thiệt thòi thôi, anh em đánh nhau do bên ngoài nó xúi dại, nó đã có những tư tưởng như thế rồi. Sự đối xử với những người ở miền Nam vì tham gia cuộc chiến tranh thì coi như kẻ thù là không đúng. Bây giờ có những tư tưởng nói theo Mỹ, như chiến tranh Nam-Bắc của Mỹ thì bây giờ người ta cũng nói rằng khi chấm dứt thì hai bên đều bắt tay nhau v.v Bây giờ đã có một sự hồi tưởng, phân tích lại, sự quay

ngược trở lại hiện nay đã có cái đó. Như thế là đã có một sự phản biện, một sự tỉnh táo, đã có một sự suy nghĩ lại và cũng đã có một nhận định khác đi. Nhưng hiện nay cái đó chỉ là lẻ tẻ trong từng người và nói ra một cách còn dè dặt, trên báo chà cũng có đề càŒp nhưng nói ra nó còn ẩn dụ, nó còn quanh co, còn phần nhỏ. Những điều các bạn bâng khâng thì hiện nay người ta đã đặt ra để người ta suy nghĩ.

Các bạn hãy chờ, cái gì là chân lý với lịch sử, với thời gian... Cái gì là chân lý nó sẽ là chân lý. Nếu bây giờ bắt phải kết luận ngay thì chính tôi cũng chưa dám làm việc đó bởi vì tôi cũng chưa đủ thời gian, chưa đủ điều kiện để là m việc đó.

Phan Đình Minh: Thưa luật sư Trần Lâm, nếu xét về tuổi đời thì những người lãnh đạo trong nước thì tôi nghĩ là họ cũng vào khoảng tuổi của tôi bây giờ đây. 4 vị lãnh đạo trong nước bây giờ, ông Nông Đức Mạnh, ông Triết, ông Dũng và ông Phú Trọng, tôi nghĩ đã hơn một lần luật sư được gặp họ, luật sư đánh giá sự lãnh đạo của những người này như thế nào, thưa luật sư?

Ls Trần Lâm: Tôi đánh giá như thế này. Tôi cũng có được tiếp xúc với các vị ấy, nhưng bây giờ nghĩ lại thì tôi thấy rằng hiện nay điều kiện của thế giới, điều kiện của trong nước, những thuận lợi, khó khăn, những mũi nhọn, tất cả những vấn đề thì tôi càng thấy hiện nay hình như là nó vượt qua tầm của các vị ấy. Thấy như là một người chèo lái một con thuyền mà hình như là cái tầm của các vị chưa kịp với đòi hỏi của thời đại. Ngược lại, có những vị tôi nghĩ rằng tiếp thu cái mới, với tới cái mới, cũng có vị còn chưa đáp ứng được.

Vì thế cho nên điều lãnh đạo hiện nay là một điều mà người dân đang lo lắng vô cùng. Người ta lo lắng như đang ngồi trên một cái ô tô mà phải đi một tốc độ rất ghê gớm thì mới kịp với giờ tới đích, mà đường xá thì không phải dễ dàng, thì người cầm lái người ta càng thấy rằng hình như chiếc xe đi để đạt được sự an toàn, người ta có sự lo lắng. Hiện nay tôi nghĩ tất cả người dân ở trong nước người ta lo lắng về các vị cầm đầu. Đấy là lo lắng về bản thân các vị.

Nhưng còn một cái lo lắng nữa là quan điểm về đường lối chính trị, tức là Việt Nam tiến lên theo con đường nào, làm những việc gì thì càng thấy hình như còn bị vướng cái chủ nghĩa, vướng cái ý thức hệ, vướng cái ở trong quan điểm tổng quát như cái kim chỉ nam. Mà hiện nay cái kim chỉ nam ấy vẫn còn có sự băn khoăn là cứ theo đường lối xã hội chủ nghĩa thì liệu thắng hay không thắng, có giải quyết được tình hình của Việt Nam không, có tiến lên được không, có mở mày mở mặt hay không. Ở trong nước hiện nay người ta lo, thứ nhất là bản thân các vị chưa đủ cái tầm đối với một nước Việt Nam đang vươn lên với muôn vàn khó khăn. Đấy là tính về cá nhân, tính về con người.

Còn điều thứ hai người ta lo lắng là cái chủ nghĩa có còn phù hợp, phù hợp đến mức nào. Có

người dám nói có người không dám nói. Nhưng cái người ta băng khoăn là nếu mình giữ thế này, tức là tính bảo thủ cứ giữ nguyên quan điểm như thế thì liệu cái quan điểm đó nó có phù hợp với thời đại không, hay cái đó nó đã lạc hậu rồi mà không chuyển theo một cái mới. Như thế tức là vừa nghĩ về cái đạo, vừa nghĩ về cái tầm, về con đường và đồng thời cũng nghĩ về từng con người. Một con người có hai yếu tố, yếu tố của cái đầu của họ, bản lỉnh của họ, lòng yêu nước của họ v.v và thứ hai nữa là họ đi theo con đường nào. Hiện nay nó vẫn có hai cái đó là mối lo hiện nay của nhiều người. Có người dám nói ra như tôi nhưng cũng có người không dám nói ra; cũng có người dám nói ra mạnh hơn cũng có người lo lắng ở trong lòng. Nhưng nếu ai suy nghĩ thì đều nằm ở hai điều ấy cả.

Mà người ta cho bây giờ không phải là thời cơ chúng ta không có. Thời cơ ở Việt Nam hiện nay là một thời cơ và ng. Nhưng có nắm được thời cơ đó hay không. Cũng như là anh có một phương tiện nhưng anh có sử dụng được nó không, hay anh lại để nó mất đi. Bây giờ người ta đang lo lắng về thời cơ và thách thức thời cơ và tầm vóc của mình. Vì thế cho nên bây giờ có người nói rằng chúng ta cứ cất cánh nhưng có người nói rằng liệu chúng ta có cất cánh được không?

Phan Đình Minh: Thưa Cụ Trần Lâm, tôi biết Cụ là một đảng viên cộng sản nhưng tôi xin được phép thưa với Cụ như thế này, nếu tôi có một bàn tay hay tôi có một phép mầu nhiệm nào mà tôi được phép chỉ định Cụ làm thủ tướng hay làm chủ tịch nhà nước thì chắc chắn là tôi sẽ chỉ định ngày mai. Tâm tình của Cụ tôi đọc được như thế này, ở nước Việt Nam chúng ta có nghĩa là có Cụ và có tôi, có hơn 80 triệu người ở trong nước và có hơn 3,5 triệu người ở hải ngoại này. Chúng ta không thiếu nhân tài, chúng ta không thiếu người yêu nước nếu Cụ theo dõi tình hình anh em chúng tôi bên ngoài này. Dầu rằng chúng tôi chỉ ở nước Hoa Kỳ và thế giới này mới có 32 năm thôi nhưng người Việt Nam chúng tôi làm vinh danh cho nước Việt Nam rất nhiều. Cái chính của một chế độ độc tài, của một chế độ cộng sản đó là cái chính mà để họ được ngồi trên đó là nghèo, dốt và sợ. Người ta phải làm cho người dân nghèo đi, dốt đi và sợ đi thì người ta mới ngồi mãi được. Cụ nghĩ thế nào về điều 4 hiến pháp của nhà nước Việt Nam bây giờ thưa cụ?

Ls Trần Lâm: Điều 4 hiến pháp người ta sinh là cũng là từ điều 6 của hiến pháp Liên Xô, tức cũng là một sự học mót thôi, cũng là một cái rập khuôn của người khác thôi. Điều 4 là một điều để khẳng định rằng đảng cộng sản là đảng lãnh đạo đất nước lâu dài, mãi mãi. Đấy để xác định vai trò lãnh đạo, như thế tức là người nào chống lại lãnh đạo thì có điều 4, như vậy đã là chống hiến pháp nó là điều 6 của hiến pháp Liên Xô, không có gì mới cả. Đầu tiên Liên Xô có cái đó thì bây giờ Việt Nam cũng phải có cái đó để duy trì cái của mình. Nhưng bây giờ

nó có một điều khác là Liên Xô không còn, còn TQ hiện nay thì nói lập lờ như thế thôi, và người ta đang chờ xem sự toàn trị của TQ vì TQ đang nói là đa đảng thì người ta đang chờ xem thật hay giả.

Còn lẽ dĩ nhiên Việt Nam bây giờ thì xin báo là các bạn nên bình tỉnh cho tôi một chút, hiện nay người ta cũng đã đặt vấn đề ra để xem xét lại vấn đề đó. Nhưng chưa đặt ra một cách ráo riết, một cách trực tiếp, một cách rõ ràng nhưng cũng muốn rằng con đường đi lên như thế nào và đối với sự lãnh đạo của đảng thì ta nên sửa sang như thế nào. Tức là người ta đã thấy cần phải sửa đổi, nhưng sửa đổi như thế nào người ta còn đang lúng túng. Nói như bây giờ, một lúc mà người ta nói rằng tôi thôi, tôi giao cho nhân dân tôi không giữ điều 4 nữa, thì điều đó là người ta chưa dám làm. Nhưng rục rịch thay đổi, chuyển biến làm sao cho nó phù hợp thì hiện nay đang làm. Nếu người nào ở trong nước tỉnh táo thì thấy rằng những người cầm quyền, đảng cầm quyền đang là m cái việc điều chỉnh đó. Xin các bạn chờ một chút, còn hiện nay các bạn cứ nghĩ rằng cần phải có một cuộc cách mạng, tức là đảo lộn thì ở Việt Nam không có đâu là vì không có đảng tranh, không có đảng đối lậŒp. Người dân như rắn không đầu, không có đầu thì ai đứng lên để là m cuộc gọi là cách mạng màu xanh, màu đỏ, màu và ng như ở Đông Âu. Vì thế chuyện đảo lộn trong một lúc là không có. Không thể được bởi vì ai cầm đầu bây giờ. Còn đảng cộng sản đúng là toà n trị bây giờ. Nhưng đảng cộng sản bây giờ thì thấy rằng cái toà n trị của mình cũng đã thấy rất gay go. Đúng là là m cho dân sợ, làm cho mọi người ngu dốt v.ỵ cũng có cái đó thậŒt đấy nhưng bây giờ khổ lắm, nó đã hòa nhập quốc tế thì người ta có điều kiện để không ngu nữa. Mọi việc thì bây giờ người ta hiểu hết rồi. Người ta nói rằng người dân yếu quá nên mới sợ chớ mỗi ngày người ta khôn lên thì cái sợ sẽ bị át đi.

Bây giờ các bạn về nước thì thấy là nó có nhiều cái thay đổi lắm. Thí dụ như ông phòng thuế bây giờ nói là tôi phải ủng hộ các doanh nghiệp để các doanh nghiệp đóng thuế, để lấy tiền thuế để nuôi bộ máy nhà nước, ông phòng thuế đã nói công khai như thế, chớ không phải ổng nói một cách mị dân. Như thế, những điều người ta nói rằng dân chủ nhân quyền, người ta nói rằng đảng phải thế nọ thế kia, người ta đã bắt đầu rồi. Vì thế tôi nói rằng tôi vui là vì sự chuyển biến nó không được như sự mong muốn của các vị bên ngoài nhưng nó đang thay đổi. Nó đang thay đổi từ từ. Tuy nó thay đổi từ từ mà nó thay đổi một cách chắc chắn.

Nếu như trước đây 5, 7 năm thì cuộc nói chuyện tối hôm nay ngày mai tôi đã sống không yên ổn rồi. Mà hiện nay chúng ta nói chuyện thì có nhiều người nghe, không phải chỉ có các bạn và tôi.

Phan Đình Minh: Tôi rất đồng ý với Cụ như vậy. Thưa Cụ là một người trong ngà nh tư pháp, đối với xã hội Hoa Kỳ và nếu Cụ nhìn rõ thì tất cả các xã hội, các chính

quyền nào cũng có một tổ chức hành pháp, lập pháp và tư pháp. Nhưng ở trong nước thì các vị đó như theo danh xưng của Cụ nói, đó là 'đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ'. Ba cái đó nó có hợp với hành pháp, lập pháp và tư pháp hay không?

Ls Trần Lâm: Việc đầu tiên là xin cải chính, tôi chỉ là thẩm phán của tòa án nhân dân tối cao, chứ chưa bao giờ được chức phó chánh án. Còn chuyện các bạn nói thì nó chỉ là những khẩu hiệu, lúng ca lúng cúng 'nhà nước của dân, do dân vì dân'. Người ta hỏi là "do dân" ở chỗ nào, "vì dân" ở chỗ nào. Thế rồi "nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" thì người ta lại bảo là lẩm cẩm, sao lại là là m chủ, đã là m chủ thì ta bảo tất cả mọi người phải nghe, chớ nhân dân làm chủ mà còn bị quản lý thì chủ lại bị lãnh đạo. Nhân dân làm chủ thì nhân dân phải lãnh đạo nhân dân chứ, họ bầu nhau ra rồi họ lãnh đạo chứ. Nhân dân làm chủ mà lại bị quản lý, thì tôi hỏi rằng đã làm chủ mà còn bị quản lý, thế thì đã bị quản lý, lãnh đạo thì sao làm chủ được. Đấy là những câu lẩn quẩn, ngồi mãi rồi nghĩ ra những cái slogan của người ta nhẽ ra như vậy rồi. "Của dân, do dân, vì dân" lấy của Jefferson ra để học hành cứ nói người ta đang chê cái chính thể hiện nay là thích những khẩu hiệu. Người ta nói làm gì chỉ có một số chuyên viên đi theo chỉ làm báo cáo và viết diễn văn thôi cứ dùng văn chương rồi nói câu nọ câu kia. Chẳng hạn như TQ là 16 chữ vàng, rồi 4 chữ bạc cái đó là cái khó chịu nhất.

Phan Đình Minh: 16 chữ và ng đó là chữ gì ạ?

Ls Trần Lâm: 16 chữ vàng là 2 ông TQ và Việt Nam nhất trí với nhau là sự quan hệ giữa hai nước là chúng ta thực hiện theo 16 chữ vàng là của ông Hồ Cẩm Đào nêu ra là tình hữu nghị anh em, đối tác thân thiện tôi mà nhớ cái đó làm gì. 16 chữ vàng mà lại đánh nhau tùm lum mà vàng bạc cái gì!

Phan Đình Minh: Thưa cụ, đi ngược lại thời gian, tôi được ba mẹ tôi đưa vào miền Nam năm 1954, chúng ta lấy vĩ tuyến 17 một thủa bên kia là của các Cụ, bên phía này là của miền Nam. Cụ đã nhìn thấy thấu suốt tình hình năm 1954 ở ngoài miền Bắc cũng như miền Nam. Ở ngoài miền Bắc lúc đó thì chính những người trong đảng cộng sản xúi dân đi biểu tình, xúi dân xuống đường đòi quyền này quyền kia và ở trong miền Nam thì cũng có những người tu hà nh theo cộng sản và đã khênh bà n thờ Phật xuống đường để làm chuyện này chuyện kia. Nhưng bây giờ Cụ có nhắc đến vấn đề những người TQ thân mến 16 chữ vàng. Tôi xin được hỏi về tình hình của các con em, các cháu của Cụ ở trong nước và đặc biệt ngày hôm nay 19/1 tại Hoa Kỳ, tất cả nơi các tiểu bang lớn nơi có tòa lãnh sự Trung Cộng thì tất cả các em sinh viên cũng đang xuống biểu tình trước các tòa lãnh sự của TQ. Tại sao các em là m việc cho nhà nước lại bị nhà nước cấm, thưa Cụ?

Ls Trần Lâm: Chuyện ấy là một chuyện nhức nhói quá ông ạ. Tức là bây giờ các em nó biểu

tình, đáng nhẽ mình phải khuyến khích nó biểu tình nữa. Nếu mà mình không có súng đạn, không có tà u chiến để ra mà thu hồi lại mảnh đất của tổ quốc của mình thì mình phải đấu tranh chính trị. Như tôi đã viết, là bây giờ mình phải là m mọi việc để cho thế giới biết việc nà y và mình phải tuyên bố rằng hiện nay tôi chưa có điều kiện nhưng khi nà o tôi có điều kiện tôi sẽ thu hồi. Tức là anh dùng quân sự để anh giữ nó, bây giờ tôi chịu anh nhưng khi nà o tôi có điều kiện thì tôi sẽ thu hồi. Lẽ nhiên chữ thu hồi ấy có thể thu hồi bằng chính trị mà cũng có thể thu hồi bằng quân sự. Và việc đó để cho nó dứt khoát trên sàn thế giới biết rằng bây giờ Việt Nam chưa đánh TQ nhưng không phải chịu vĩnh viễn. Cứ tuyên bố đấy là đất nước của Việt Nam.

Việc các em và cả toàn dân người ta biểu tình thì đáng nhẽ ra nhà nước phải ủng hộ. Mà nhà nước cũng phải có một thái độ kiên quyết. Nhưng ở ta hiện nay thì cái đó nó nhức nhối quá. Nhà nước thì lại không muốn cho dân biểu tình. Cái không muốn cho dân biểu tình thì tôi đã phân tách và tôi đã viết trên văn bản, và cái này cũng đã gởi đi các nơi.

Nó có hai yếu tố:

Yếu tố thứ nhất là không hiểu quan hệ giữa Việt Nam và TQ? Công khai thì như chúng ta đã biết, trong nước ngoài nước đã biết, và lẽ dĩ nhiên là ngoài nước lại biết có khi rõ hơn là ở trong nước. Đấy là quan hệ đôi bên, là hình như Việt Nam sợ rằng nó rạn nứt quan hệ với TQ. Ngại TQ, sợ TQ cho nên là không dám làm bậy.

Còn một phía thứ hai, quan điểm của tôi thì tôi cũng đã nói rồi. Nhưng tôi thấy rằng chưa được ai hưởng ứng suy nghĩ ấy cả. Hôm nay với các bạn tôi cũng nói cái suy nghĩ đó. Rằng ở ta hiện nay thì đảng và nhà nước không muốn có những biểu tình chính trị, bởi vì biểu tình chính trị thì người ta nói đấy là dạy người dân làm chính trị. Dân làm chính trị thì phải dạy cho người ta bầu cử, dạy cho người ta viết báo, dạy cho người ta xuống đường. Vậy thì nếu bây giờ mà để cho người dân xuống đường, người dân người ta quen chuyện xuống đường đi thì nguy quá. Để cho người ta viết báo thì cũng nguy quá. Để người ta đòi bầu cử tự do thì cũng nguy quá. Bởi vì nếu người dân làm được 3 chuyện đó thì việc toàn trị của đảng là không thực hiện được.

Vì thế cho nên quan điểm của tôi thì có hai nội dung: Nội dung thứ nhất là không hiểu quan hệ giữa Việt Nam và TQ như thế nào mà các vị lãnh đạo lại rụt rè trong việc làm cho nó ra chuyện việc biển đông này. Thì không hiểu nội tình nó có chuyện gì. Điều thứ hai nữa là biểu tình rầm rộ thì đảng không muốn là vì sợ rằng biểu tình nó quen đi, người dân làm chính trị nó quen đi, biểu dương lực lượng nó quen đi rồi đến một lúc nào cái đó nó sẽ thành ra một cái nếp thì có đường nguy hiểm cho việc toàn trị của đảng. Tôi cũng đã viết cái nà y lên giấy tờ hẳn hoi, chớ

không phải chỉ có lời nói với các bạn tối hôm nay.

Phan Đình Minh: Thưa Cụ Trần Lâm, câu trả lời của Cụ thì tôi suy nghĩ theo cá nhân của tôi là nói đi nói lại cái vòng luẩn quẩn của mấy vị lãnh đạo bây giờ đều muốn người dân nghèo dốt và sợ, nói đi nói lại thì những người lãnh đạo bây giờ chỉ muốn giữ điều 4 hiến pháp. Là một luật sư chắc Cụ cũng đồng ý với tôi là điều 23 của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tất cả những điều gì ngày 9/11/1946 dính líu tới quốc gia đều phải được thỏa thuận và phê chuẩn của quốc hội. Ông Phạm văn Đồng ngày 14/9/1958 cho một công hàm thừa nhận chủ quyền Trường Sa và Hoà ng Sa là của người Tàu, điều này đã đi ngược lại ước nguyện của dân tộc, điều thứ hai nếu nói về tầm vóc quốc tế thì 2 quần đảo này phải được sự thông báo của toàn thể các quốc gia chung quanh là quần đảo đó thuộc về ai và làm gì, điều thứ ba là tôi đi ngược lại hiệp định Geneve năm 1954 là quần đảo Trường Sa và Hoà ng Sa nằm về phía miền Nam, ngày 19/1/1974 hải quân Việt Nam Cộng Hòa đã oai hùng chống lại với hải quân Trung Cộng và đã có tới 59 chiến sĩ hải quân đã anh dũng hy sinh tại đây, và tôi nghĩ rằng ngày 19/1 năm nay tại Hà Nội hay ngày hôm qua tại Hà Nội khi các em sinh viên xuống đường để chống lại việc thừa nhận đảo HS và TS này; thưa Cụ có nghĩ rằng trong tâm các em cũng nghĩ là người Việt Nam, dầu có mặt áo dưới mầu cờ của hải quân VNCH hay có mặc áo dưới màu cờ của VNDCCH cũng là những người đang bảo vệ đất tổ và cần được ghi danh, ghi rõ những điều đó hay không thưa LS Trần Lâm?

Ls Trần Lâm: Việc ngăn cản người Việt Nam biểu tình chống lại việc thôn tính ở biển Đông của TQ bi đàn áp thì chưa đàn áp mà lại bị giải tán một cách ôn hòa là điều hiện nay toàn dân nếu ai biết đều thấy làm khó chịu ghê gớm chỗ đó, trong nước cũng có suy nghĩ như là ông và các bạn vừa nói. Việc HS và TS trước kia nhiều người dân không biết đến nhưng bây giờ người ta biết đến rồi, việc nhức nhối trong việc này và các câu hỏi đặt ra thì trong đó cũng đặt ra như vậy không có gì khác, nhưng hiện nay các bạn không biết là có chuyện động trời nữa là có những người TQ đi du lịch kéo đến trước cửa ĐSQ/TQ hô to là một giọt dầu của TS là máu của TQ!, đấy là chuyện kỳ cục ở Hà Nội mà hình như các bạn chưa biết!?

Việc ấy thì trong nước và ngoài nước đều có sự suy nghĩ giống nhau rồi, còn chuyện làm cho dân sợ, dân ngu là mình hư cấu lên nói cho nó rộng nhưng mà phải nói là ĐCS muốn giữ cái toàn trị của mình mà muốn giữ cái toàn trị của mình thì có bao nhiêu cách chứ không phải chỉ có làm cho dân sợ, dân ngu như các bạn nói đâu nhưng làm việc gì cũng phải nghĩ đến cái vai của mình, làm sao giữ vững ngôi vị của mình thì cái đó mới quán xuyến tất cả mọi việc chớ không phải 4 việc bạn nói đấy là hư cấu lên, hình tượng hóa lên nó chuyển sang dạng văn học.

Nói tóm lại nếu đã toàn trị thì mọi hành vi lớn nhỏ đều nhằm mục đích toàn trị, cái gì có thể làm được thì làm được mà có thể làm được lúc này mà lúc khác lại không làm được, hôm nay không cho làm nhưng ngày mai sự tiến triển thì phải cho làm như là 2 bên kéo co, dẫm từng bước một, đó là cuộc đấu tranh hiện nay là như vậy. Những việc các bạn nói trong nước nhiều người cũng biết như thế chứ không phải không nhưng người ta đang lúng túng là đảng thì toàn trị mà người dân thì đòi dân chủ nhưng người toàn trị thì thực hiện những cái nào và người dân chủ đòi quyền như thế nào? Đấy là sự đang kéo co.

Phan Đình Minh: Chúng tôi thay mặt toàn thể anh em cám ơn Cụ, thời gian bên Cụ bây giờ khuya lắm rồi nhất là đối tuổi của Cụ, còn vài phút cuối của chương trình chúng tôi xin dành cho Cụ để tâm tình với những đồng bào, với những người đồng hương, với những người cùng nói một tiếng Việt Nam đang lắng nghe chương trình ngày hôm nay thưa Cụ.

LS Trần Lâm: Chúng tôi rất mừng là quan hệ gần đây việc đảng và nhà nước thiết lậŒp đối với kiều bào ở bên ngoài làm cho xích lại gần, chẳng hạn như việc đi về tự do hơn, rồi lắng nghe nhau hơn, rồi mời bà con về nước để giúp nước, v.v... tức là sự cởi mở đã rõ. Chúng tôi thấy như thế cũng chưa hoàn toàn đáp ứng được cái mong mỏi của các bạn bên ngoài, nhưng mà bây giờ tiến bộ rất nhiều, tôi nghĩ cái sự kỳ thị, sự e ngại không phải là không còn, nhưng các bạn nên nghĩ lại là nước Việt Nam không chỉ có... đừng nói chữ ĐCS, tôi thì tôi không thích 'ĐCS cầm quyền', tôi không thích từ đó mà tôi đã nói chuyện cũng như tôi đã viết thì tôi viết là 'đảng cầm quyền' hoặc 'những người cầm quyền' bởi vì cũng xin nói với các bạn trong nước hiện nay có 3 triệu 300 ngàn người đảng viên, nhưng người ta tính ra thì có 60 ngàn người là có quyền vị, cầm lấy vận mệnh nước Việt Nam gọi là toà n trị thôi chớ còn nhiều người đảng viên cs nheo nhóc lắm, y như người dân thường, cũng khổ cực, cũng bị tất cả những điều người dân ta thán đều có cả. Vậy ta nên dùng đảng cầm quyền, những người cầm quyền chớ còn ĐCS có 3 triệu 300 nghìn người cs thì đã có mấy người đọc trước tác của Max, của Lenin, người ta có biết gì là cs đâu? Người ta đầu tiên là người yêu nước rồi đi theo rồi ra như thế này thì khép cho họ là người cs. Ở ngoài thì nói người cs A,B,C,D như thế này làm cho những người trong nước phản cảm đấy! Người ta bảo rằng tôi có quyền hành gì đâu, có được gì đâu, tôi cũng nghèo, cũng bị sách nhiểu, cũng bị là m khó thế mà ở ngoài cứ bảo tôi làm khó cho mọi người mà chính tôi đang bị làm khó mà anh lại bảo tôi làm khó cho mọi người, thế oan cho tôi quá! Đấy là tâm tình nói với các bạn như vậy mà có lẽ các bạn thử xem có phải là hiện nay có những người cs tử tế không hay tất cả đều là CS cho nên cứ nói là người cầm quyền thôi. Chứ còn cái nghi kỵ. Bây giờ trở lại cái điều các bạn nghi kỵ thì tôi thấy rằng làm

sao các bạn có thể không nghi kỵ được bởi lâu nay bao nhiêu việc xảy ra làm cho người ta có ý niệm rằng không thay đổi thì khó chơi lắm, ngại lắm, lo lắm, có thật hay không thật, thật hay giả thì dĩ nhiên phải có như thế. Theo tôi thì các bạn nên nghĩ cho kỹ, tôi xin góp với các bạn lời thật chớ không phải giả, vì sao thật, cái trào lưu nó bắt người ta phải thật còn lòng con người chưa biết thế nào nhưng việc đặt ra rồi thì là việc công khai và ai cũng sợ công khai thì đó là thật, theo tôi cho là thật, thật đây không phải là tự đáy lòng tôi nhưng phải nói là tôi phải thật vì khách quan buộc tôi phải thật, buộc tôi phải làm việc đó, còn nếu không làm việc đó thì tôi lại thấy nguy hại cho tôi thì chúng ta phải nhất trí là thời thế nó thay đổi thì việc ấy là thật vì thời thế!

Phan Đình Minh: Thưa LS Trần Lâm, chúng tôi xin được mượn phép dùng lời cố Tổng Thống Ronal Reagan nói trước khi Ông về hưu mà tôi nghĩ rằng khi Ổng về hưu thì cũng bằng tuổi của Cụ, Ông đã nói rằng: "Cuộc đời tôi đang tiến tới hoàng hôn nhưng đất nước này đang tiến tới một tương lai sáng lạn". Tôi nghĩ rằng cuộc đời của Cụ cũng đang tiến tới hoàng hôn như là lời Cụ nói và như tâm tình của anh em chúng tôi cũng tin tưởng bên ngoài là đất nước VN cũng đang sẽ tiến tới một bình minh tươi sáng. Tôi thay mặt cho toàn thể anh chị em trong chương trình 'Từ Cánh Đồng Mây' cũng như đài Sài-Gòn Dallas 890 AM xin kính chúc Cụ một giấc ngủ thật an lành, thật hạnh phúc và chắc chắn rằng chúng tôi sẽ liên lạc với Cụ trong những ngày sắp tới, xin kính chào Cụ và chào tạm biệt.

Ls Trần Lâm: Kính chào các bạn và chúc các bạn mọi sự đều như ý.

Phỏng Vấn Nhà Thơ Túy Hà

Đặc Phái Viên Tin Văn

Trao Đổi Để Sáng Tỏ

LTS: Sau một thời gian dài với nhiều biến động thất lợi cho uy tín và danh dự chung của VBVNHN, tạo nên bởi một thiểu số cá nhân thiếu lương tâm và trách nhiệm, bằng sự đoàn kết gắn bó và bằng nổ lực xây dựng của tuyệt đại đa số các TT trực thuộc VBVNHN, sinh hoạt của VBVNHN lẽ ra đã ổn định và phát triển sau khi một Ban Chấp Hành được bầu ra bởi 9/11 TT dưới sự giám sát của VBQT và nhất là sau Đại Hội VBVNHN Kỳ VII được tổ chức tại Washington DC trong tháng 10 năm 2007 vừa qua để thông qua bản tu chính Nội Qui, Điều Lệ.

Thật đáng tiếc, do lòng đố kỵ và những tham vọng riêng có tích cách bè phái, cục bộ, vẫn còn một thiểu số người lợi dụng những sơ hở của điều lệ cũ, lợi dụng những giao tình với vài thanh viên thuộc VBQT và lợi dụng sự tự do phát biểu trên các diễn đàn để tiếp tục tung ra những tin tức thất thiệt, những lập luận ngụy tạo hòng làm giảm uy tín của VBVNHN và tạo sự chán chường mệt mỏi cho những người có lòng vì những ý đồ riêng của họ.

Hiểu rõ tính cách quan trọng của vấn đề, chúng tôi đã tìm gặp nhà thơ Túy Hà, Tổng Thư Ký VBVNHN, Khu Vực Nam Hoa Kỳ, là một trong số 5 đại biểu trong phái đoàn tham dự Đại Hội Kỳ VII VBVNHN vừa qua để tìm hiểu những sự thật. Sau đây là một số những trao đổi giữa phái viên Tin Văn và Văn Hữu Túy Hà.

Tin Văn: Thưa văn hữu, gần đây, qua những thông báo chính thức của VBVNHN trên trang nhà của Văn Bút cũng như qua những thông tin từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau trên các diễn đàn, chúng tôi được biết là Đại Hội Kỳ VII VBVBHN đã tiến hành suôn sẽ và thành công tốt đẹp. Tuy nhiên, cùng lúc đó, trên các diễn đàn cũng có một ít những thông tin (phần lớn là bằng một văn phong thiếu trong sáng, và bằng những lập luận thiếu cơ sở) mang ý nghĩa ngược lại. Vậy chuyện gì đã xảy ra?

Túy Hà: Thưa anh, chuyện những thông tin - với văn phong và lập luận như anh đề cập - không phải là chuyện lạ trên các diễn đàn, phân tích văn phong và lập luận, mặc dù các bài viết được ký dưới nhiều ám danh khác nhau, nhưng tựu chung các bài viết này đều có chung những đặc điểm là được "tung hứng " bởi một số người rất giới hạn và được sử dụng với mục đích đánh phá bất kể lẽ phải và sự thật. Xin nêu một bằng chứng điển hình về

điều tôi vừa gọi là "bất kể lẽ phải và sự thật" này: Những ngày qua chắc anh có đọc được một vài bài viết gọi Đại Hội VII VBVNHN là bất hợp lệ với lý do là Đại Hội không đủ túc số đại biểu tham dự. Xin trực tiếp và ngắn gọn về vấn đề này: VBVNHN có 11 TT trực thuộc. Trước ngày Đại Hội khai mạc, TT Quebec thông báo quyết định tự ý ngưng sinh hoạt vì vậy số TT còn lại là 10. Trong 10 TT này, TT Nam California vì vừa bầu cử Tân BCH 1 tuần trước Đại Hội nên không kịp thì giờ chuẩn bị tham dự Đai Hội, riêng hai TT Úc Châu và Âu Châu vì xa xôi, khó khăn về phương tiện di chuyển nên không thể cử Đại Biểu tham dự Đ H nhưng có văn thư chính thức ủng hộ Đại Hội và cam kết thừa nhận và chấp hành mọi quyết đính của Đại Hội. Tóm lại đã có 9/10 TT trực thuốc VBVNHN tham dự Đại Hội (7 TT hiện diện và 2 có văn thư ủng hộ). Thưa anh, với túc số 9/10 thành viên tham dự trong bất cứ sinh hoạt của một tổ chức nào, nếu là người công chính và ngay thật. Có ai có thể nói là sinh hoạt đó bất hợp lệ vì không đủ túc số?

Tin Văn: Xin anh cho biết khái lược về diễn tiến và thành quả của Đại Hội VBVNHN Kỳ VII?

Túy Hà: Ngắn gọn là rất vui và có nhiều ý nghĩa, thể hiện quyết tâm và nổ lực xây dựng ngôi nhà văn bút của toàn thể hội Viên VBVNHN. Có bảy phái đoàn đại biểu từ khắp nơi về tham dự Đại Hội, hùng hậu nhất là phái đoàn Khu Vực Nam Hoa Kỳ của chúng ta với 5 đại biểu chính thức và mười dự thính viên. Đại Hội kéo dài trong hai ngày với ba buổi họp quan trọng để thảo luận và đúc kết Bản Nội Qui Điều Lệ của VBVNHN và một buổi văn nghệ họp mặt để Ban Tổ Chức Đại Hội tường trình kết quả trước các phái đoàn đại biểu cũng như các hội đoàn, các cơ quan truyền thông báo chí và cộng đồng đia phương Trong dịp này, VBVNHN đã vinh danh 5 văn nghệ sĩ đã có nhiều đóng góp cho sinh hoạt văn hóa trong vùng gồm có nhà thơ Trần Quốc Bảo, nhà văn Hà Bỉnh Trung, họa Sĩ Vũ Hối, nhà thơ Vi Khuê và nhà thơ Vương Đức Lệ.

Tin Văn: Văn hữu vừa nhắc đến Bản Nội Qui Điều Lệ và chúng tôi cũng có đọc đâu đó trên các diễn đàn những lời phản bác văn bản này với lý do là Ban Chấp Hành đã không chấp hành khuyến cáo của Văn Bút Quốc Tế, không mời những người được Văn Bút Quốc Tế qui định vào Ban Soạn Thảo bản Dự Thảo Nội Qui Điều Lệ của VBVNHN. Chúng tôi rất ngạc nhiên khi thấy việc soan thảo nội qui điều lệ là việc làm nội bộ của VBVNHN tai sao VBQT lại có những hướng dẫn, những khuyến cáo , điều này có phải là vi phạm hiến chương VBQT, không tôn trọng quyền tự quyêt của các Trung Tâm thành viên của VBQT hay không? Nếu phải, VBVNHN đã có thái độ và hành động gì trước sự việc này.

Túy Hà: Đúng như văn hữu nhận xét, do không hiểu rõ nội tình của VBVNHN và do bị ảnh hưởng bởi những phản ảnh sai lạc

sự thật từ một vài cá nhân có giao tình riêng như chúng tôi đã nói ở đầu, VBQT đã có những quyết định thiếu khách quan và thiếu trung thực, vi phạm quyền tự trị của VBVNHN. Ban Chấp Hành VBVNHN đã có nhiều văn thư phân tích, trình bày và đề nghị những giải pháp vừa để giữ gìn thanh danh và uy tín của VBQT vừa để bảo vệ danh dự và sự độc lập của VBVNHN. Hy vọng sẽ có nhiều diễn biến tích cực trong những ngày sắp tới.

Tin Văn: Ngoài những nổ lực của VBVNHN, các khu vực trực thuộc, đặc biệt là khu vực Nam Hoa Kỳ - nơi được coi như "điểm nóng" dẫn đến những xáo của VBVNHN trong thời gian qua - có nổ lực nào nhằm làm sáng tỏ vấn đề, giúp mọi phía nhìn ra được những sự thật để sinh hoạt của VBVNHN sớm ổn định và gặt hái được nhiều thành quả tốt đẹp trong tương lai không?

Túy Hà: Xin được gởi đến văn hữu hai phụ bản, một là lời trình bày gởi VBQT của Khu Vực Nam Hoa Ky và thư trả lời của TTK/VBQT và một là thư tâm tình gởi nhà văn Trang Châu của nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, hy vọng, qua hai văn bản chuyên chở cả những sự thật, được trình bày bằng cả tấm lòng này sẽ có được những hồi báo tốt đẹp.

Dear Mr. Schoulgin,

As the President of Southern USA Chapter of VWA, I would like to express my admiration on your administrative role of International PEN, and my appreciation on your good will to help normalize our VWA Center. It was our profound trust on you that made us keep silence against our will when you ignored our letter of complaint that questioned the legality and eligibility of Slate 3 led by Nguyen Buu Thoai, of which four out of five candidates could not be proved either a current member or ever a member of VWA. We'd like to show that it was not one but four candidates were ineligible. Two of them had ceased to be members, and other two had never been.

Please be advised to note the two facts of truth that briefly presented as followed.

1. About the two candidates who were no longer members of VWA:

Nguyen Buu Thoai was elected as the president of Southern USA Chapter in April 2004, in no time, he gravely violated the Regulations that all the members of the Chapter could not help convening the Assembly to friendly help him correct his actions. However, before the next convention when Nguyen Buu Thoai promised to present his correction and new direction, he separated himself from the Chapter by registering a new one under the same name of Southern USA Chapter of VWA in the local city. His permit noted three limited members as Thoai himself, Ngoc Suong (his wife) and Nguyen Van Dien. A copy was sent to you and could be re-sent by request. On this action of

self-separation, the Congress of the Chapter voted 100% to reject Nguyen Buu Thoai and Nguyen Van Dien from the Chapter.

That is the first fact of truth.

2. About the two candidates who were never members of VWA:

Vu Pham Yen, the third candidate of Slate 3 for 2nd vice-president position, and Nguyen Nguyen Khoa, the fifth candidate of the slate for treasurer were never members of VWA. While Vu Pham Yen was not a member of Southern USA Chapter as falsely claimed by Thoai, Nguyen Nguyen Khoa was neither one in Chapter Florida when we cross examined.

That is the second fact of truth.

We have had no knowledge of what Nguyen Buu Thoai and his several supporters presented to you that you trusted him to the degree that you came to the terribly wrongful decision that could not be accepted by any organization in the world. You allowed non-members run for Executive Committee of VWA and forced us to accept their candidacy in your monitored election. And today, once again, you force us to invite those non-members to sit in the committee for our Regulations reform.

The two facts of truth can be easily verified through documents. Those are the people you have trusted at the high cost of our VWA Center whose vast majority could not accept them.

Dear officials,

Our Center has been damaged too much and too long by a few members with your wrongful support. Its brighter or darker future will depend solely on your next action, it would be surely at risk before our Centres autonomy is fully obtained and respected.

Longing to hear from you, I am.

Sincerely,

Nguyen Manh An Dan,
President
Southern USA Chapter, VWA

Dear Nguyen Manh An Dan,

Thank you for your trust in me. I can assure you both I and Frank Greary is seriously

engaged in the process to find a final solution to all the problems your centre has lived

through for so many years.

Old conflicts, especially when individual sentiments and disagreements are involved are

always complicated and can not be solved by an Alexandrian sword cut. The reason why I

did not answer you - or anybody else from VWA - for a long time was not because I ignored

you, but because I wanted to listen to everybody and learn to know the nature of the

conflict properly before I answered.

In my opinion we are now approaching a point where a finale decision has to be made.

Neither can you and VWA

nor we in International PEN go on like this any longer. You will hear from me soon again.

All the best
Eugene Schoulgin
Intertnational Secretary
International PEN

Thưa anh Trang Châu.

Tôi là một học sinh Trung học ngày đầu tiên đọc những bài viết đầy nhiệt tình và lý tưởng của chàng sinh viên Trang Châu trên báo Tình Thương của sinh viên Trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn những năm giữa thập niên 60. Ngày đó, hình ảnh những chàng trai với áo blouse trắng có cái ống nghe vắt hờ trên cổ, cùng các tên tuổi với những bài viết chuyên chở cả một tấm lòng như Trang Châu, Ngô Thế Vinh, Trương Thìn là những hình ảnh đẹp, những tên tuổi đẹp trong lòng nhiều người trai trẻ, trong đó có tôi. Chính cái tình cảm đẹp đó, cộng với lòng tin vào lương tri và nhân cách của những trí thức, được đào tạo trong môi trường giáo dục đầy nhân bản của miền Nam chúng ta đã khiến tôi bạo gan gởi những lời tâm tình thô thiển này đến anh, sau khi được đọc lá thư của anh gởi cho anh Sơn Tùng, Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Thưa anh,

Chuyện Văn Bút quả là một chuyện dài, buồn nhiều hơn vui, chua xót nhiều hơn kiêu hảnh và tôi không đủ hiểu biết cũng như khả năng để mổ xẻ hết toàn bộ vấn đề, tôi chỉ xin ngắn gọn được thưa với anh về một điểm nhỏ anh có đề cập đến trong thư gởi anh Sơn Tùng: Vấn đề anh Nguyễn Bửu Thoại và cái gọi là Liên Danh Ba, ứng cử Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Cá nhân tôi không phải là người xa lạ với anh Nguyễn Bửu Thoại. Khi anh ấy ra mắt sách, tôi là người giới thiệu tác phẩm, khi anh ấy ứng cử Chủ Tịch Văn Bút Nam Hoa Kỳ, tôi bỏ phiếu thuận và khi anh ấy tổ chức lễ ra mắt Ban Chấp Hành, tôi là người điều khiển chương trình buổi lễ này. Tuy nhiên, giao tình cá nhân là một chuyện; lẽ phải, sự thật và sự an nguy của cả một tổ chức mà biết bao nhiêu văn hữu của chúng ta đã dày công xây dựng và bảo vệ lại là một chuyện khác. Vì lẽ đó tôi viết những lời này sau khi thấy anh yêu cầu anh Sơn Tùng mời cái gọi là "liên danh ba" và anh Nguyễn Bữu Thoại vào ủy ban soạn thảo nội qui Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Xin được thật ngắn gọn và trực tiếp:

1- Trường hợp anh Nguyễn Bửu Thoại:

Tháng 7 năm 2004, anh Nguyễn Bửu Thoại, với 12 phiếu thuận được bầu làm Chủ Tịch TT VB Nam Hoa Kỳ. Tuy vậy, chỉ trong một thời gian rất ngắn điều hành trung tâm, với một khả năng, tư cách và phương thức làm việc không thích hợp, anh Nguyễn Bửu Thoại đã mất hết lòng tin cậy và sự ủng hộ của toàn thể hội viên, đưa đến việc một văn bản với 12 chữ ký bảo trợ

vào tháng 3 năm 2005, yêu cầu đưa trường hợp anh Nguyễn Bửu Thoại ra trước Đại Hội Đồng của TT để anh chị em hội viên chất vấn và xây dựng trong tình văn hữu về những sai lầm anh Thoại đã phạm phải. Anh Nguyễn Bửu Thoại khẩn thiết thỉnh cầu hoãn hộp Đại Hội Đồng trong một tháng để anh chuẩn bị lời trình bày với hội viên và hứa sẽ chấp hành quyết định của tập thể trong kỳ họp tới (các sự kiện này có ghi biên bảng và có băng thu thanh). Bằng sự hòa ái trong tình văn hữu, tất cả hội viên đã chấp thuận yêu cầu của anh Nguyễn Bửu Thoại hoãn họp ĐHĐ trong 30 ngày.

Trong thời gian trì hoãn 30 ngày này, anh Nguyễn Bữu Thoại thay vì suy nghĩ về việc làm của mình và chuẩn bị lý lẽ để đối thoại với anh chị em hội viện trong Đại Hội, anh ta đã làm đơn xin chính quyền địa phương thành lập một tổ chức mới, tiếm danh là TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ và đã không đến tham dự buổi họp Đại Hội Đồng do chính anh ta yêu cầu và ấn định thời gian. Trước tình trạng một hội viên đã tự ý rời bỏ tổ chức, thành lập một tổ chức mới, Trung Tâm Văn Bút Nam Hoa Kỳ buộc lòng phải biểu quyết chấm dứt vai trò Chủ Tịch và khai trừ hội viên Nguyễn Bửu Thoại ra TTVB Nam Hoa Kỳ, một việc làm mà tôi nghĩ bất cứ tổ chức nào cũng phải làm nếu rơi vào trường hợp tương tự

Đây là một thực tế.

2- Về Tổ Chức Tân Lập Của Nguyễn Bữu Thoại:

Nguyễn Bửu Thoại đã xin phép chính quyền địa phương thành lập một tổ chức có tên là TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ. Tổ chức này do ba người là Nguyễn Bửu Thoại, Nguyễn Văn Diễn và Ngọc Sương (là vợ của Nguyễn Bửu Thoại) đứng tên. Điều đặc biệt cần ghi nhận là trong giấy phép hoạt động của Tổ chức Nguyễn Bửu Thoại có ghi rõ: Không được phép thâu nhậân hội viên (Phóng ảnh của tờ giấy phép này đã được đưa lên mạng lưới điện toán nhiều lần)

Đây là thực tế thứ hai.

Từ hai thực tế trên dẫn chúng ta đến một vấn đề mấu chốt: Anh Nguyễn Bửu Thoại đã ứng cử Chủ Tịch VBVNHN bằng tư cách gì?

A- Anh Nguyển Bửu Thoại không thể ứng cử với tư cách hội viện Trung Tâm VB Nam Hoa Kỳ/ trực thuộc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại vì anh đã bị khai trừ bỡi quyết định của 100% hội viên.

B- Anh Nguyễn Bửu Thoại cũng không thể ứng cử với tư cách chủ tịch tổ chức tân lập mang tên TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ vì tổ chức này không có hội viên (giấy phép hoạt động qui định như thế) không hề được Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại thừa nhận, và chỉ mới được thành lập một vài tháng. Chả lẽ một người ở một tổ chức vừa được thành lập một thời gian ngắn, không có liện hệ gì với Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại lại có thể hợp lệ để ứng cử chức vụ chủ tịch của VBVBHN?

Một điểm đặc biệt cần nói thêm là trong số 5 ứng cử viên thuộc cái gọi là liên danh ba của anh Nguyễn Bửu Thoại, ngoài anh Thoại, anh Diễân và anh Minh (TT Florida) được biết như đã từng có sinh hoạt trong tổ chức Văn Bút, hai người còn lại (được cho biết là thuộâc TT Nam Hoa Kỳ) là những người hoàn toàn xa lạ, không ai biết họ là ai, không ai được thấy một tác phẩm nào của họ (kể cả một bài viết năm ba dòng trên các báo địa phương), chưa bao giờ TT Văn Bút Nam Hoa Kỳ/ thuộc VBVNHN có những hội viên mang tên này. Họ cũng không thể là hội viên của tổ chức tân lập của Nguyễn Bửu Thoại (bỡi vì tổ chức này không được phép thu nhận hội viên). Vậy họ là ai? Chả lẽ những người không ai biết, không phải hội viên văn bút, cả đời chưa viết một câu văn, không hề có mặt ở bất cứ một sinh hoạt văn hóa nào, lại hợp lệ để ứng cử Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hoải ngoại hay sao? Ôi! Sao mà bi hài và chua chát quá vậy!

Thưa anh Trang Châu.

Văn Bút Quốc Tế có thể không hiểu rõ nội tình của chúng ta, tắc trách trong nhiệm vụ nên đã lầm lẫn chấp nhận đơn ứng cử của liên danh Nguyễn Bửu Thoại. Văn Bút VNHN đã có ý kiến và sẽ tiếp tục có ý kiến cho đến khi vấn đề được sáng tỏ. Dù sao, đó là những lầm lẫn từ bên ngoài, còn về phần anh chị em chúng ta, những người cầm bút lưu vọng tỵ nan, chả lẽ chúng ta không thể công tâm và ngay thẳng nhìn nhận những thực tế hay sao? Chả lẽ nhà văn chủ tịch TT Quebec Trang Châu có thể ngồi lại và muốn Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải ngoại ngồi lại với những người cả đời chưa viết một câu văn, không phải hội viên văn bút, không đại diên cho bất cứ ai để cùng soạn thảo nội qui điều lệ cho Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại hay sao? Ôi chao! Sao mà khôi hài và chua xót đến như vậy.

Thưa anh Trang Châu.

Vài lời thô thiển và chân thành gởi đến anh. Nhiều bạn bè quen thân khi biết tôi định viết thư cho anh đã khuyên tôi đừng mất thì giờ làm một việc vô ích vì Trang Châu bây giờ không còn là Trang Châu của những ngày đầu mà tôi biết. Tôi không tin như vậy. Tôi sẽ vui sướng biết bao nếu như thư tôi được đọc và cảm nhận bằng một trái tim đầy nhiệt tình và lý tưởng; được chia xẻ và cảm thông bỡi một tâm hồn trong sáng không tỳ vết, không đố kỵ, sáng suốt nhận ra lẽ phải, sự thật và sẵn sàng bảo vệ nó, cũng như căm ghét điều ác, sự xấu và không ngại hy sinh để chống lại.

Tôi sẽ sung sướng biết bao nếu như tôi được gặp lại được chàng sinh viên y khoa, muốn sống đẹp và muốn làm đẹp cuộc đời thể hiện trong các bài viết ký tên Trang Châu trên báo Tình Thương năm nào.

Bất tận ngôn.

Kính chào anh.

Nguyễn Mạnh An Dân.

Thơ Bằng Hữu

- Tô Thùy Yên
- Vũ Tiến Lập
- Lê Phước Tích
- Trần Bá Lang
- Thy Lan Thảo
- Hoài thư
- Nguyễn Hữu Nhật
- Châm Hồ
- Nhật An
- Liên Hải
- Linh Du Lê Lộ Đức
- Thanh Ngọc
- Quan Dương

GÓA PHỤ

tô thùy yên

Con chim nhào chết khô trên cửa,
Cửa đóng tự ngàn năm bặt âm,
Như đạo bùa thiêng yếm cổ mộ.
Sao người khai giải chưa về thăm?

Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khốc giỡn cười ghê hồn,
Tiếng kêu đá lở long thiên cổ,
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn.

Em độc thoại lời kinh ánh xanh,
Trăng lu, khuya mỏi, nén nhang tàn.
Chó tru thăm thẳm ngây thiên địa.
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lăn.

Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thắp trắng thời gian mái tóc em.
Tim đập duỗi ngoài thân nỗi lạnh.
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm.

Cỏ cây sống chết há ta thán.
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh?
Thảng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình.

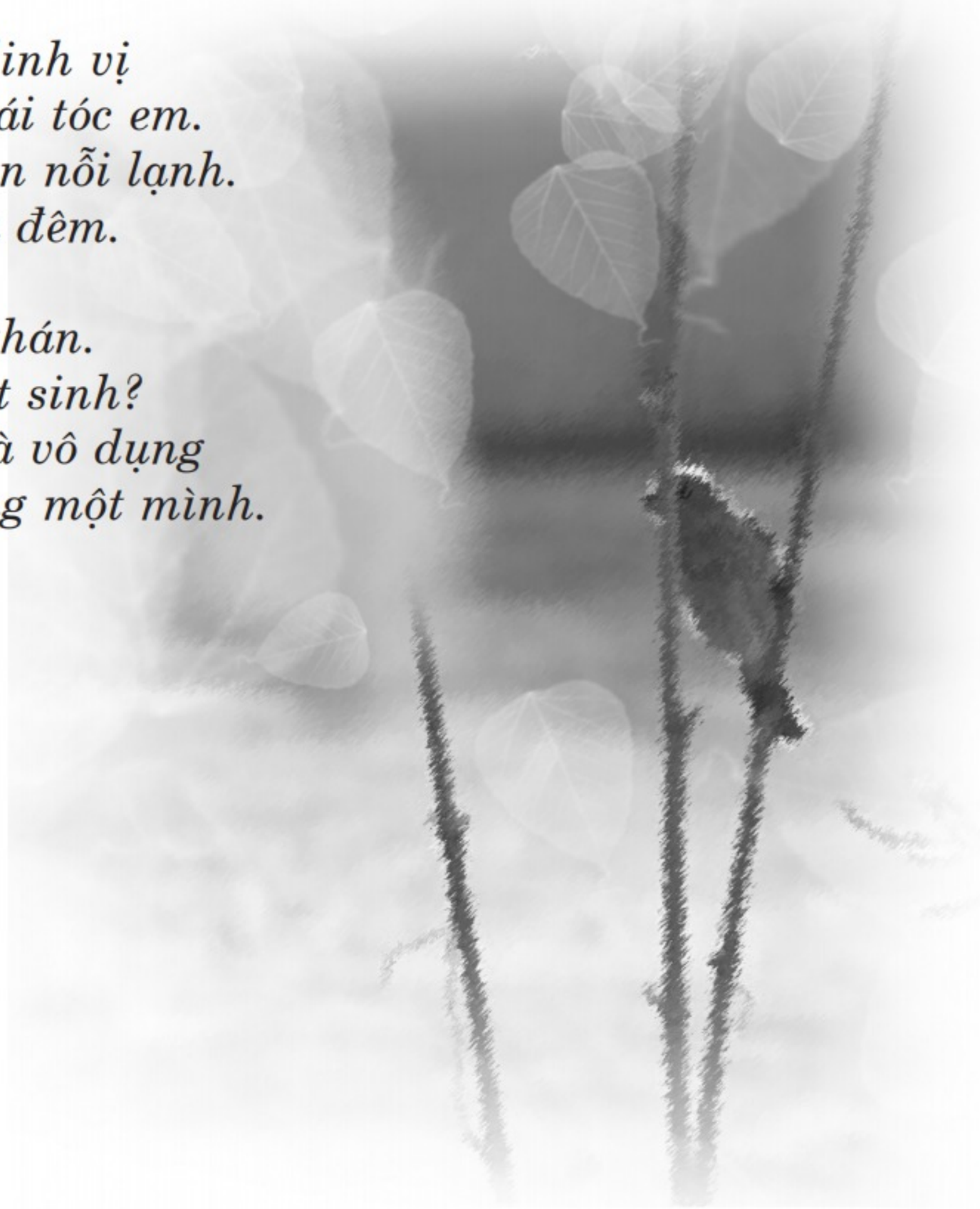

gọi ý

vũ tiến lập

hổ thẹn như âm vang đổ gẫy
tàn đông phủ phục
con nước dầy thêm ngày xuân vươn tới
khoảng cách nào trong trí tưởng
những con mắt không biên giới
cảm giác thoát đi như gió lách
ngư ông tìm về biển cả
mây lộng nước ngời
dấu vết kín đáo của mùa đang qua
tựa điều gì lạc thú gây mê đời sống
khép chặt trong tâm hồn
vực thẳm mở ra
khởi nguồn an ủi và đợi chờ
ngày mai luôn bất định
giống chiếc bóng vắng thực chất
thừa thãi giữa hoang vu
nhưng môi hôn
còn thắm lá
một...
gánh chiều

vô ký

Vũ Tiến Lập

căng tình lên mùa đông
mưa lũ lượt xâu xé
chiêu hàng tháng giêng bộc nỗi khó
độc dược vừa vỡ cay bờ môi
mặc khách giữa triều âm trùng điệp
mùi hương quỷ mỵ
thủy thần nào giam giữ
sóng chết cuối bờ mang nặng mưa
đêm nay mùa trăng gầy bất hạnh
đại dương động tình phút thiên thu
về đâu biển sao vừa thắp ngọn
chỗ an nhiên là ở cuối ga tầu
dù chốc lát cũng là buồn lánh mặt
đừng nuối tiếc đôi bàn tay quá nhỏ
khi tiếng cười rạn vỡ ánh tinh vân
em vẫn là
ta cố đợi
bóng từ nhan bàng bạc
dù ngày mai vô ký

Lại Mong Em Về

lê phước tích

Mong thấy em về một sớm mai,
Xôn xao nghe lá đổ hiên ngoài
Tóc mây nhè nhẹ vương theo gió,
Tà áo lụa vàng phất phới bay.

Em nói cùng ta những nhớ thương,
Trong ta bỗng vụt mất ưu phiền,
Em về đột ngột không hò hẹn
Như đã có lần em lặng yên.

Em bỏ ra đi như cánh chim,
Bao năm ta mỏi mắt trông tìm,
Một ngày gió lớn chim bay mãi,
Chim lạc đường về, hay đã quên.

Ta đợi chờ em đã quá lâu,
Hai mươi năm lẻ lạc mất nhau,
Em còn hay mất ta đâu biết,
Đất nước tơi bời cuộc bể dâu.

Em ở phương nào ta ở đây,
Cách ngăn bao biển thẳm từng mây
Nhớ nhau chỉ biết tìm trong mộng
Lại thấy em về một sớm mai.

Uống Rượu Nhớ Người

Trần Bá Lang

Ở núi thét rồi đâm nhớ bạn
Xuống đồng ngó lại áo sờn vai
Bạn bè đâu đó còn xuôi ngược
Ta chẳng ngược xuôi cũng đói dài

Ta bây giờ như thằng mất trí
Nhớ nhớ quên quên cũng chả sao
Đã toan hóa bướm cười chuyện vãng
Đốt sách đi rồi hát nghêu ngao

Chuyện cũ ta xem như hồ rượu
Khi buồn, nhắp chút cũng muốn say
Khi say thì sá gì trời đất
Uống với ta. Nào ai đã say

Bỡi em nay đã thành chim nhỏ
Về hát nghêu ngao giữa bực thềm
Có hay vai áo người sương gió
Đi giữa lòng đau nhớ nỗi quên

Bỡi ta nhân thế không tròn mộng
Đem cả tất lòng đi bán rao
Đôi lúc giận đời quên tất cả
Quên người năm cũ giữa trăng sao

Có kẻ nói ta thằng thất chí
Thất chí mà sao nhớ chuyện đời
Thất chí mà sao con biết khóc
Khi buồn uống rượu hát mà chơi.

Tha Thiết Trong Mơ

thylanthảo

Gió chuyển lời than của núi rừng
Mười năm sương lạnh vẫn rưng rưng
Đất hoang in dấu chân tiền sử
Da bọc xương còi, chân buốt sưng,

Lổn nhổn đường đi đá chập chùng
Mây đời che khuất mắt đời trông
Hàng hàng lớp lớp thân xơ xác
Tạnh buổi giông mưa lại bão bùng!

Buông kiếm, đêm nằm xích sắt khua
Muỗi hoang dạ khúc tiếng reo đùa
Ơ kìa, xương cấn đau lòng nhớ
Một thuở kiêu hùng trong gió mưa...

Im thật im như cảnh từng đêm
Tai nghe dị ngữ mãi rồi quen
Mặc loài quỷ chửi- Ta câm điếc
Tự nhủ lòng đau nát phận hèn...

Thơ thẩn nhìn mây thấp ngang đầu
Nam Hà ai vẽ cảnh thương đau
Ta mong nắng nhạt, đêm về sớm
Để giấc mơ yên ý ngọt ngào...

TRONG MỘNG MƠ THÔI

Hoài thư

Chỉ là trong mộng thôi mà,
Sao ai nỡ bắt tim ta ngục tù.
Mộng du-khói sóng- sương mù,
Cho hồn lạc bến tương tư lỗi lầm.
Đời sao dễ vướng lụy trần,
Gặp nhau chi để nợ nần gối chăn.
Tình hờ mà ngỡ trăm năm,
Đã yêu sao lại ăn năn nguyện thề.
Mỗi lần môi má can kề,
Lòng như rực lửa nắng hè xôn xao.
Một ngày không có đổi trao,
Nghe bao thổn thức rạt rào trong tim.
Muốn xa mà vẫn cố tìm,
Muốn quên nhưng lại đắm chìm biển mơ.
Cõi lòng đâu dễ thờ ơ,
Khi bao ray rứt chực chờ triền miên.
Thôi đừng dan díu chi thêm,
Cho tình ta được xuôi êm dòng đời.
Trời xanh thăm thẳm mây trôi,
Tình yêu trong mộng mơ rồi sẽ tan!!!

MỘT THỜI LÍNH THỦY

Châm Hồ

NGÀY GHÉ CẦN GIỜ

Bỏ neo! bến vắng như tờ
Đèn chài ai sáng lờ mờ trên sông.
Xóm đêm kẽ gánh người gồng
Bao nhiêu cá chết trong vòng nhân sinh.

KHI XA VŨNG TÀU

Nhổ neo trời bỗng phong ba
Nghìn con mắt đỏ –bóng ma gọi đèn
Xa trông phố ngủ buồn thêm
Trăm con sóng vỗ trắng đêm ai chờ.

CAM RANH NGÀY TRỞ LẠI

Đến đây trời dệt tơ chiều
Dừa xanh xõa tóc bên bờ bãi hoang
Bỏ neo! Tàu dỗ giấc nồng
Cho ai hồn thức võ vàng nhớ ai ?!

TẠM BIỆT EM: ĐÀ NẴNG

Thôi em chim đã xa rừng
Nghìn thu mưa cũng về cùng biển sông.
Thôi em đừng đợi đừng mong
"bao nhiêu bến nước bến tình bay nhiêu"
Trời buồn mớ ngủ sau chiều
Bến yêu nào cũng hoang liêu nẽo chờ.

BẾN VẮNG CHIỀU HOANG

NHẬT AN

Những bước chân buồn trên bến vắng
Mây nước thênh thang quá ngỡ ngàng.
Cỏ cây hoa lá vương niềm nhớ
Thiếu dấu chân em chợt bẽ bàng.

Từng bước chân buồn lên hoang vắng
Theo dấu xanh xao nhặt mộng tàn.
Gío ơi xin hãy ngừng than oán
Mưa hãy thôi rơi-lá chớ vàng.

Những bước chân buồn thêm xa vắng
Bóng nắng hoàng hôn lỡ nhịp đàn.
Cho màn đêm xuống ôm niềm nhớ
Gió níu dùm ta chút rộn ràng.

Những bước chân buồn thành băng giá
Muộn phiền hòa nhạc khúc trầm ca.
Hồn riêng mang nặng sầu cay đắng
Tháng ngày hoang phế chỉ mình ta..

THEO CHIỀU BÓNG TỐI

THƠ LIÊN HẢI
(Vĩnh phú-trong cùm)

Theo chiều sâu bóng tối
Tiếng nói mất âm thanh
Hơi thở lúc chậm nhanh
Hôi tanh đầu tóc rối

Theo chiều sâu bóng tối
Không nói vẫn im nghe
Nửa tỉnh, nửa như mê
Vẫn nghe buồn đếm tuổi

Theo chiều sâu bóng tối
Rệp muỗi chia xác ai
Buồn lên tiếng thở dài
Hỏi hoài buồn không nói

Theo chiều sâu bóng tối
Vang dội tiếng kinh cầu
Theo ánh tỏa nhiệm mầu
Ru vào cơn hấp hối

Bên kia vùng bóng tối
Tìm tới tiếng ai cười
Quanh quất không bóng người
Bóng đời soi trước lối

Theo nhịp đập từ tim
Theo tầm nhìn từ mắt
Bước đi không cúi mặt
Theo vạn vật chuyển mình

Theo tinh cầu rực cháy
Nắng hồng về hôm nay.

Hà Nội và Tôi

Để nhớ một lần ghé thăm Hà Nội.
LINH DU. LÊ LỘ ĐỨC

Hà Nội ơi, Hà Nội ơi,
Hà Nội không của riêng tôi, mà của tất cả mọi người.
Với những con đường hai hàng cây xanh phủ lối,
Và những nẻo đi về bóng tối ngũ yên.
Tôi vẫn không quên, vẫn không quên,
Những hơi lạnh bốc lên ủ ấp mặt Hồ Tây tình tự.
Hà Nội, Tôi đến giữa mùa Thu,
Từng bước đi tìm Khâm Thiên phố củ,
Nghe mơ màng Cô Đầu trỗi khúc bi ai.
Về phố Bạch Mai, ngược lên phố Huế,
Dạo qua hàng Đào băm sáu phố phường xưa.
Vẫn là những cái gì tôi chưa quen,
Mà tưởng chừng có biết bao lần tôi đã đến.
Hà Nội - Mùa Thu - Hồ Tây - Phố củ,
Chỉ một lần tôi đến,
Là suốt đời tôi không thể nào quên.

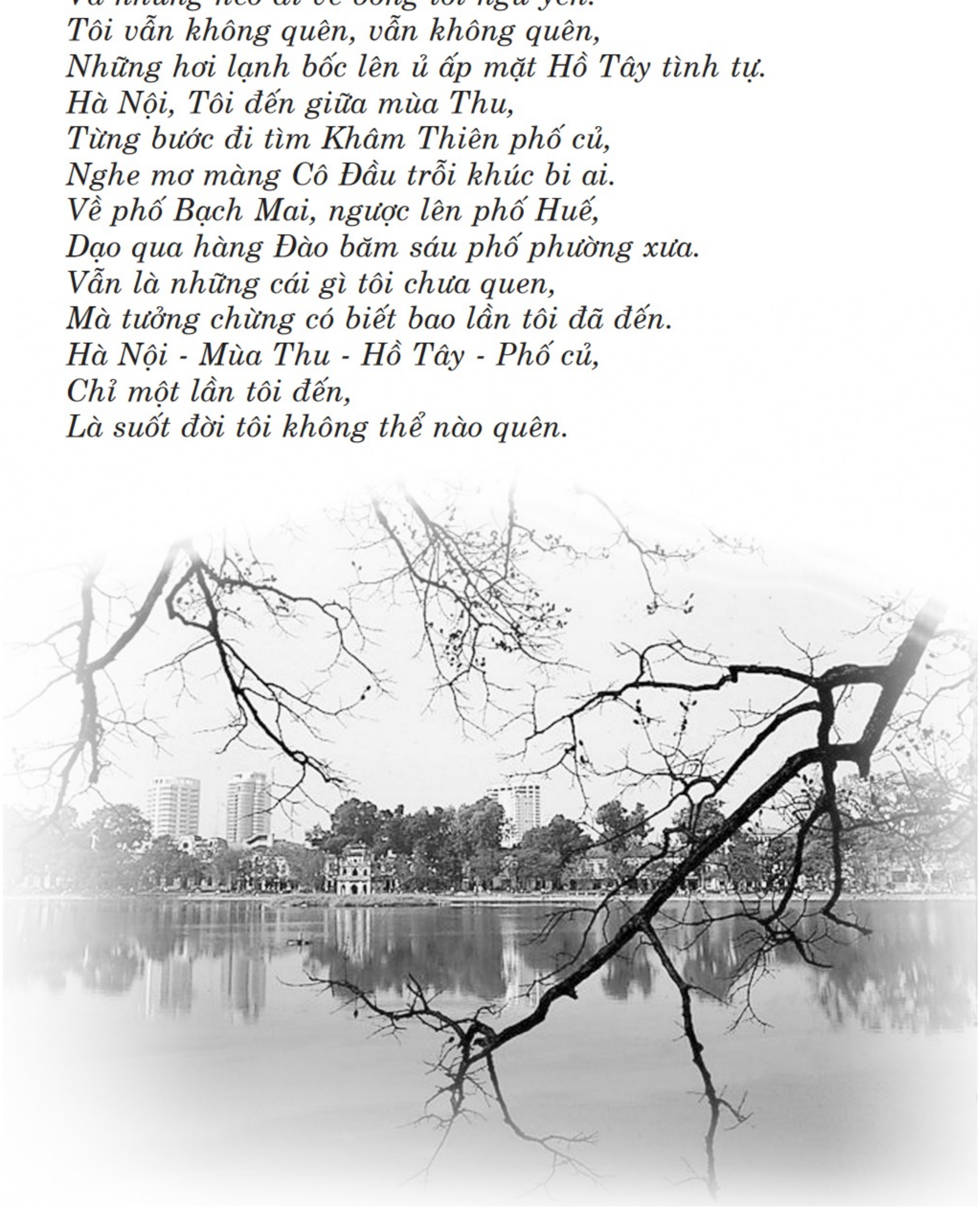

THƠ LỬA

Chép tặng Cỏ Bồng lìa gốc
Nguyễn Hữu Nhật

Nếu không cho lửa
vào thơ được
Tôi sẽ cho thơ
vào lửa ngay!
Chính trái tim người
là ngọn đuốc
Soi đường gươm
loáng ánh hoa bay.

ẨN DẬT

THANH NGỌC

Bao năm ẩn dật chốn hoang sơ
Một mái nhà tranh một túi thơ.
Sáng nắm vầng dương trên biển sóng
Đêm tơ tưởng nguyệt chốn cung nga.
Tĩnh mặc tiêu dao cùng mây nước
An nhiên tự tại với cỏ hoa.
Cần câu một chiếc quên ngày tháng
Cảnh cũ người xưa chẳng đợi chờ...

(Italia)

Một bài thơ thời chiến trận

Quan Dương

Đại đội dàn quân trên tuyến xuất phát
Nắng cao nguyên mồ hôi đỏ ròng ròng
Những người lính điểm tên nhau bằng mắt
Có thể là lần cuối . Cũng có thể không
Giờ xuất trận điểm danh quen thành thói
Để biết đứa nào còn sau chuyến hành quân

Nợ chiến tranh đâu từ thời xa lắc
Đem trút lên lưng những người không vay
Kẻ gây hấn làm cai thầu dấu mặt
Thế hệ ta sanh nhằm con bà đoi
Trả món nợ bằng canh bài sinh tử
Giống gậm phải gân gà thật khó nhai

Rừng tít tắp chập chùng cao ngút mắt
Ta đã điên gặp phải kẻ thù khùng
Theo đòi nợ dai như giẽ rách
Rình rập ta sơ sẫy là nhai xương
Làm như thịt ta thơm mùi nhang khói
Làm như máu ta là thuốc trường sinh

Ta gã lính vừa mới rời vú mẹ
May mắn sao chưa có con bồ nào
Nên sống chết bán cái cho may rủi
Không bận tâm chuyện nay ốm mai đau
Bất quá gia tài trên răng dưới dái
Lỡ mai kia đứt chến kể như xù

Chỉ thấy tội mấy thằng vừa lấy vợ
Rủi đen thui phủi cẳng lên bàn thờ
Con vợ trẻ biết có còn thủ tiết
Hay chỉ vài ngày thằng khác nhào vô
Cũng thấy tội mấy cô con gái

Ngu đần chi ưng mấy thằng lính cùi
Biền biệt suốt đầu non cuối bãi
Ngày bên nhau đếm trên đầu ngón tay

Và thấy tội mẹ ta nhiều ghê lắm
Đẻ trúng thằng con không biết hiếu là gì
Mũi vừa hỉ sạch lên rừng chơi với khỉ
Bỏ lại mẹ già con mắt nhớ đỏ hoe
Thằng con lớn theo dòng tin chiến sự
Lưng mẹ thấp theo năm tháng còng đè

Bầy vắt đói ngửi hơi người thức dậy
Tấn công ta không chừa chổ nào
Mấy ngón cẳng trong chiếc giày ngọ nguậy
Nhèm nhẹp trơn vì máu trộn mồ hôi
Ta với vắt không ơn đền oán trả
Nỡ lòng chi chơi ráo máng cạn tàu

Đoàn quân lách nắng chui qua kẽ lá
Những chiếc ba lô lốm đốm màu da trăn
giống con rắn bò men theo khe suối
Tính đến phút này ta hãy còn sống nhăn
Kệ mẹ nó lát nữa ra sao mặc kệ
Chiếm xong mục tiêu này sẽ tìm chỗ gải chân

Cố hương

Quan Dương

Những đám mây đen từ phương Bắc
Kéo về phủ kín khắp trời Nam
Nả từng tia chớp vô thành phố
Đổ trút lên đầu mưa tang thương

Đàn chim sợ hãi bay ra biển
Rớt lại quê nhà trăm vết thương
Tiếng nấc bật kêu thành thảng thốt
Mỏi cánh bay tìm một quê hương

Kể từ đó điêu linh cuồn cuộn khói, tôi bán tháo thanh xuân lên rừng làm củi, chụm lửa nấu nồi canh giai cấp đỏ lòm, chan nghẹn ngào lên từng vắt cơm. Những củ khoai lang sùng rượt bắt nhau mỗi sáng. Mưa bão gầm trời trút bao điều tức giận, tôi vẫn ngây thơ không hiểu mình đang mắc tội gì đây? Luật giang hồ muốn trả thì phải có vay, tôi không vay tại sao phải trả? Tôi tự lừa dối mình bằng những câu định nghĩa, sạch vốn đời mình lại thâm nợ đến đời sau. Má tôi già ngồi lết chợ mót cọng rau, chắt từng đồng mua gạo lên rừng nuôi thằng con khờ khạo. Mưa trộn nhão những con đường đất đỏ, vác cuốc ra đồng chân đi chàng hảng như mắc tiêm la.
Ba mươi năm sau những con chim vượt biển ngày xưa, thời gian cũng nguôi ngoai niềm sợ hải. Mang đôi cánh mới những con chim quay trở lại. Có một con chim đến muộn không chịu nhập bầy, vì đôi cánh kia còn rũ rượi ướt đẫm mưa, vì nó tởn những đám mây đen từ phương Bắc.

Bán nốt tuổi già trên đất khách
Tôi trồng xuống lổ hạt tai ương
Thời gian mái tóc đen thành bạc
Hạt nứt trên cành trái cố hương

SÁNG TÁC VĂN NGHỆ

Lời Tự Thú Của Một Người Đàn Ông ■ Ngọc Anh

Quỳnh ■ Nguyễn Đức Nhơn

Chuyện Một Dòng Sông ■ Vũ Linh

Nợ Nần ■ Thu Nga

Chuyện Không Tưởng ■ Đoàn Thy Vân

Kỷ Vật Của Mẹ ■ Kha Lăng Đa

Măng Mai Ngậm Ngùi ■ Phạm Ngũ Yên

Tình Trong Dĩ Vãng ■ Lê Linh Phương

Thằng Lính Trở Về ■ Yên Sơn

Vết Sẹo Ký Ức ■ Vương Thảo Yên

Kiếp Hồng Nhan ■ Nguyễn Thế Giác

Chuyện từ căn nhà ngói đỏ ■ Lê Thị Hoài Niệm

Ngọc Anh

Lời Tự Thú Của Một Người Đàn Ông

- Ngân ơi! Ngân ơi!

Tôi cất tiếng gọi lớn, nhưng tiếng gọi đó chẳng khác gì tiếng tắc nghẹn trong cổ. Tôi đang đi lẫn giữa dòng người cuồn cuộn chảy và sự cộng hưởng của nhiều thứ âm thanh khác nhau, thì tiếng gọi của một ông già gần hết sức lực như tôi chẳng còn tác dụng gì.

Tôi đã theo Ngân đến đây, Ngân chen chân phía trước, tôi chỉ việc theo đuôi. Lúc đầu tôi và Ngân, tuy không nắm tay nhau, nhưng còn đi sát cạnh. Dần dần dòng người chen vào đẩy bật hai người. Tôi cố bắt kịp Ngân, nhưng càng cố gắng, càng bị dòng người đẩy lùi về phía sau. Tôi ráng sức xô đẩy, nhưng sức lực của tôi như biến đâu mất, ngược lại thấy mình bắt đầu lệt bệt. Tôi vẫn còn nhìn thấy Ngân ở phía trước cách đôi ba cái đầu, tôi đã cất tiếng gọi như thế, định bảo với Ngân thôi hay đợi đến mai hẵng hay, còn bây giờ, quay về nhà đón giao thừa là hành động khôn ngoan nhất, hãy gác lại chuyện cúng và xin xăm, ngày mai là mồng một, trở lại đây cũng không muộn. Khổ nỗi, với cái ồn ào và sự xô đẩy của đám đông, khi mấy chữ Ngân ơi vừa ra khỏi miệng, Ngân đã mất hút. Tôi nghĩ bụng, điệu này với một ông già đã sáu mươi này, cộng thêm đoàn người lũ lượt và cái nóng của Sài Gòn tuy vào ban đêm cuối năm có phần dịu bớt, cũng khó lòng biết tôi còn chịu đựng được bao lâu nữa, có lẽ phải bỏ mặc Ngân để một mình trở về.

Đầu nghĩ thế, bụng còn dùng dằng. Dầu sao đã hứa cùng đi với Ngân, tôi không thể một mình quyết định. Thêm một lần nữa tôi ngóng cổ ngó tới ngó lui, dáo dác tìm Ngân. Trong khi tôi quay đầu ngó ngang ngó dọc, tôi càng bị dòng người còn trẻ đầy sinh lực đẩy lùi. Tôi ở thế tiến thoái lưỡng nan, nên nghĩ đến việc tìm một chỗ trống trải nào đó dùng điện thoại cầm tay gọi Ngân. Có điều vào giờ phút này muốn thoát khỏi đám đông một cách vẹn toàn còn khó, huống gì tìm được chỗ trống. Đám đông vẫn ùn ùn đẩy tới. Tôi đã quá mệt như chẳng còn đủ sức chống chọi nên đâm liều, bị Ngân giận vì đã bỏ Ngân lại cũng mặc, tôi nhất định quay về. Tôi quay đầu định thối lui, nhưng chỉ một cái chen chân còn không lọt, làm sao tôi đủ sức xô bật sức đẩy không phải của một người mà hàng đoàn người.

Giờ đây, giữa ánh sáng chập

choạng của đêm trừ tịch, trước mặt, bên hông, đằng sau lưng tôi chỉ toàn là người với người đang xô đẩy, chen lấn. Đằng sau đẩy tới, bên hông lấn ngang, phía trước dồn lại, tôi hoa mắt với những con người và những mái tóc đen trước mặt. Người tôi nghiêng ngả theo những cái xô đẩy, và tôi chợt hiểu việc lui hay tới của tôi đã hoàn toàn ra khỏi sự kiểm soát của mình. Đến nước này tôi chỉ còn một lựa chọn duy nhất là cứ để mặc, bị đẩy tới cũng được, đẩy lùi cũng xong, như một cách để tránh bị giẫm đạp lên cho đến chết.

Tôi cảm thấy tiếc, giá tôi đừng ngại ngùng về sự cách biệt tuổi tác, cứ việc nắm tay Ngân thì đâu đến nỗi lạc nhau, chưa kể biết đâu nhờ sức lôi kéo của một người trẻ như Ngân, có thể hai chúng tôi đã đến được tận nơi tận chỗ. Tuy có chút nuối tiếc, tôi cũng hiểu sự tiếc nuối này chỉ tồn đọng trong vài giây phút ngắn ngủi giữa lúc bị thất lạc nhau như thế này, còn lúc bình thường lại khác. Mặc dầu quen Ngân đã hai năm nay, những lúc gặp nhau, có biết bao lần Ngân đề nghị đi ăn, đi chơi, lúc nào tránh được, tôi thường né tránh ra đường, tránh đám đông, tránh vào hàng quán vì ngại phải nghe những câu hỏi đại loại như thế này: "bác với cô" thay vì "ông bà hay cô cậu dùng chi?" Rồi những cái nhìn soi mói khó tránh khỏi. Việc không nắm tay nhau có thể làm cho người ngoài tò mò tự đặt câu hỏi về mối tương quan giữa tôi và Ngân, nhưng ít ra cũng tránh được sự khẳng định để rồi đưa ra những lời phê bình chắc nịch như "già còn thích chơi trống bỏi", "cha già bỏ tiền mua gái".

Tôi đã giữ gìn như thế được bấy lâu, thế mà đêm nay, vì không muốn làm buồn lòng Ngân trong đêm giao hoà đất trời, tôi đành bóp bụng theo Ngân để bây giờ lâm vào tình trạng dùng dằng, đi không tới, về không xong như thế này.

Dĩ nhiên ở vào tuổi này, người đàn ông nào chẳng trải nghiệm việc theo người yêu đi nhà thờ vào đêm Giáng Sinh, đi chùa vào ngày đầu năm, đi hái lộc hay xin xăm cầu nguyện vào đêm trừ tịch. Thì chắc chắn trước Ngân, cái thằng tôi còn có những cô gái khác, trong đó có Hương cũng vào đêm trừ tịch như thế này. Tôi của gần bốn chục năm trước đã dắt tay Hương len lỏi giữa đám thanh niên thanh nữ mà bây giờ nhìn lại, ngoài tôi ra là một ông già, chừng như hành động ra đường vào dịp lễ, tết mấy chục năm trước không khác gì mấy chục năm sau, cũng những khuôn mặt trẻ, mà vào đêm Giáng Sinh hay Giao Thừa nếu không tụ tập ở khuôn viên nhà thờ Đức Bà thì cũng chùa Vĩnh Nghiêm hay lăng Tả Quan Lê Văn Duyệt

Lúc đó tôi theo Hương không chút do dự hay thắc mắc. Người ta ra đường vào những ngày lễ, thì tôi cũng ra khỏi nhà để nhập vào dòng người. Người đông ư! Tôi đâu màng vì càng đông càng vui. Chen lấn ư! Sức lực tôi nào thua ai! Tôi không theo sau Hương hay đi cách rời nhau mà đi sát cạnh Hương, dầu người đông thế nào chúng tôi vẫn tay trong tay,

và nhất là sức tôi còn khoẻ đủ sức che chắn, chưa kể có thể vẹt đám đông mở đường cho người yêu của mình. Tôi nghênh ngang mà đi, hạnh phúc mà đi. Bởi trước mặt tôi là khoảng không gian rộng mở, là con đường dài hút mắt để cho tôi tiến bước. Đám đông có thể làm bước chân tôi chậm lại, nhưng nào khác gì những trở ngại của đường đời, làm sao có thể ngăn được một thanh niên còn trẻ, còn nhiều sinh lực như tôi.

Giữa lúc này tôi nghĩ nhiều đến Hương. Ba năm lặng lẽ trôi qua kể từ ngày tôi và Hương li dị, tôi đã bao lần đặt câu hỏi, tại sao ở tuổi xế chiều, khi những đứa con đã khôn lớn, lúc mà trong căn nhà đi ra đi vào chỉ còn lại hai người già lủi thủi, hai chúng tôi lại quyết định chia tay. Lỗi tại tôi hay lỗi tại Hương?

Một quá khứ chậm chạp quay trở lại. Những ngày tuổi trẻ với ly cà phê bốc khói và những điếu thuốc phì phà bên cạnh bạn bè. Tôi có những băn khoăn, suy nghĩ, thắc mắc, lo âu về cuộc sống, rồi chán người chán đời để thấy mình cũng hiện sinh như ai. Tuổi trẻ của tôi với đam mê, ước vọng xen lẫn với nỗi thất vọng, nhưng ước muốn được sống cạnh Hương vẫn bao trùm lên tất cả. Dường như ở những con người trẻ, hai chữ tình yêu nghe rất trừu tượng nhưng lại mãnh liệt đến độ tôi nghĩ có thể dùng nó để đánh bật được tất cả kể cả nỗi lo về đời sống, về những thay đổi trong cuộc sống và luôn cả tình hình chiến sự leo thang buộc tôi không còn một chọn lựa nào khác ngoài việc trở thành người lính.

Suy nghĩ thời tuổi trẻ của tôi sao đơn giản đến thế! Tôi nào hiểu tình yêu tôi ngỡ sẽ bền vững mãi với thời gian, thật ra cũng như tất cả mọi thứ trên cõi đời này đều bị thử thách bởi ngọn lửa thời gian trong đó có những va chạm của cuộc sống, mà đồng tiền luôn luôn là thử thách lớn nhất. Đó là nguyên nhân chính, theo tôi, đưa đến những sứt mẻ. Lúc đó tôi vẫn thường giận Hương vì đầu óc quá thực tế luôn luôn chi li từng đồng bạc của Hương. Với tôi, sống ngày nào lo ngày ấy. Đồng ý là đồng lương lính của tôi quả thật quá chật vật, nhưng tôi đâu thế nào làm hơn được nữa. Vậy Hương có mè nheo liệu được ích gì!

Sau ngày cưới, vì không muốn Hương phải sống một nơi xô bồ trong trại gia binh, chúng tôi thuê ngôi nhà, hay nói cho thật đúng là một căn phòng ở phần phía sau của căn nhà nằm trong con hẻm không mấy rộng để làm tổ ấm. Phòng nằm đối diện với sàn nước của chủ nhà, nơi đó mọi người dùng làm nơi rửa chén, giặt đồ, nấu nướng, nên đi vào nhà cũng thế, mà ra khỏi nhà cũng thế, hầu như mỗi lần mở cửa hay vén bức màn bằng tấm vải hoa nơi cánh cửa sổ đều có người dòm ngó. Đương nhiên tôi và Hương chẳng ai thích thú gì về điều này, nhưng với Sài Gòn dạo đó, tìm được một chỗ ở vừa ý vừa túi tiền thật không dễ.

Phải nói rằng cuộc sống của chúng tôi bị khá nhiều áp lực. Lúc mới cưới không nói làm gì. Khi Hương bắt đầu có bầu, chủ

nhà tin dị đoan cho rằng chứa người có bầu trong nhà sẽ xảy ra điều xui xẻo nên giục chúng tôi tìm nhà khác. Thế là bên cạnh nỗi lo cho đứa con sắp chào đời, chúng tôi phải lo tìm nơi ở mới. Ở trong quân đội, mỗi cuối tuần tôi mới có dịp về nhà, chuyện tìm nhà phải đợi đến cuối tuần, nên ngày cuối tuần ra khỏi trại, lái xe qua chặng đường gần mười cây số để thay vì để thì giờ đi ăn đi chơi với nhau, chúng tôi phải lo tìm nhà, nhưng dễ gì tìm được. Cuối cùng chúng tôi quyết định ở lì, dầu sao họ cũng không thể liệng đồ đạc chúng tôi ra khỏi nhà một khi chúng tôi trả tiền nhà đầy đủ. Cuộc sống của chúng tôi nặng gánh thêm với cái nhìn thiếu thiện cảm của chủ nhà.

Đứa con thứ nhất được sinh ra. Đời sống của chúng tôi trở nên eo hẹp hơn. Đến lúc đứa con thứ hai chào đời, thì cuộc sống của gia đình thật sự bẩn chật. Hương hay gắt gỏng. Những lần về nhà với vợ con thiếu vắng niềm vui. Tôi thường xuyên nghe lời than vãn, mè nheo về chuyện tiền bạc. Tôi khổ tâm, tự trách mình và cũng đâm ra trách Hương vì Hương đã thiếu cái nhìn thông cảm. Hai chúng tôi thường xuyên cãi cọ.

Làm sao thoát cảnh bế tắc? Câu hỏi được đặt ra, nhưng hoàn toàn không tìm được câu trả lời. Không giải quyết được, tôi bắt đầu tìm cách trốn chạy. Tôi nói dối để ít về nhà hơn. Tôi dành thời giờ đó tìm đến những quán cóc nằm bên ngoài trại quân. Đầu tiên là những ly cà phê một mình, dần dà là buổi nhậu nhỏ với một vài người bạn, lâu dần là những buổi nhậu lớn. Những lần như thế, mặc dầu tự đáy lòng tôi có chút mặc cảm phạm tội, nhưng với tâm hồn vốn đa cảm của tôi, thì những lần đi hoang như thế cũng đem lại cảm giác dễ chịu, để rồi cái mặc cảm đó bị hoàn toàn lấn át bởi những niềm vui nho nhỏ như thế. Uống một ly cà phê, một vài ly rượu với bạn bè nào tội tình gì chứ! Ngược lại còn mang tính giải thoát. Tôi đâm ra ghiền việc la cà ở bên ngoài. Nhiều lần tôi nại cớ bị cấm trại để tránh về nhà. Hương càng giận và nghi ngờ tôi có người đàn bà khác. Tôi thông cảm sự nghi ngờ của Hương và không chối bỏ sự yếu đuối của mình vì tôi vẫn còn yêu Hương và thương yêu con cái của mình. Sau những lần tìm niềm vui ở bên ngoài, tôi đều thấy hối hận, muốn xin lỗi và biện minh cho hành động trốn chạy để mong Hương thông cảm, để hai vợ chồng có thể hàn gắn những sứt mẻ. Tuy nhiên lần nào như lần nấy, vừa tính mở miệng, nhìn khuôn mặt giận dữ của Hương, ý nghĩ bồng bột đó bỗng tắt lịm.

Gia đình của chúng tôi tiếp tục bị xào xáo như thế. Mặc cảm không làm tròn bổn phận một người chồng một người cha trong gia đình ngày càng đè nặng. Có điều tôi càng tự trách sự yếu đuối của mình, tôi càng không thể tự vực mình dậy để thoát ra khỏi sự yếu đuối đó và tôi từng mơ hồ sợ chính bản thân, sợ rằng có một ngày tôi sẽ hết yêu Hương, để trái tim mềm yếu của mình phiêu lạc với một người đàn bà khác và điều đó tôi hoàn toàn không muốn.

Cũng may, điều sợ hãi đó đã chưa có cơ hội xảy đến. Không phải vì tôi là người đàn ông cứng rắn, nhưng do thời thế, hoàn cảnh. Sau năm 1975 tôi vào tù. Gánh nặng gia đình hoàn toàn đặt trên vai Hương. Tôi không biết Hương đã xoay sở cách nào để thăm nuôi tôi mỗi năm một lần và nuôi dưỡng hai đứa con. Vì hèn nhát mỗi lần gặp Hương tôi không dám hỏi han, tìm hiểu. Tôi sợ biết được sự thật. Hàng ngày tôi đã nhìn thấy sự tuyệt vọng của những người bạn tù khi biết vợ mình ở bên ngoài vì sự sống buộc phải đổi thân xác làm kế sinh nhai như làm bé cán bộ, hay đi buôn rồi phải ngủ với tài xế, lơ xẹ Nếu những người bạn tù của tôi đã gặp cảnh trớ trêu như thế, có gì đảm bảo trường hợp tôi không giống vậy? Tôi thà không hỏi không biết, dẫu đó là hành động trốn chạy cũng mặc, chỉ riêng cuộc sống trong tù cũng mang lại quá nhiều thách thức vượt quá sự chịu đựng của một con người, tôi thấy mình có đủ lý do để không tự sỉ vả sự hèn nhát của mình.

Chưa bao giờ tôi thấy thương Hương nhiều như những ngày ở tù. Chẳng những đã không còn trách Hương đặt nặng đồng tiền trên mọi vấn đề, mà còn thán phục đầu óc thực thế nhìn xa của Hương. Hoặc nói cho đúng hẳn, vào thời kỳ này, chẳng phải Hương mà hầu như bất cứ người đàn bà có chồng bị tù cải tạo nào cũng buộc phải thực tế hơn bất cứ người đàn ông nào.

Kể ra những năm tháng trong tù đã giúp tôi nghiền ngẫm để tự tìm hiểu bản thân, để thấy rằng có biết bao lần trong đời tôi từng tự hào về bản chất đàn ông, về cái sức mạnh của mình, đến lúc chạm vào thực tế như những ngày trong tù, thì cái sức mạnh đó, theo tôi, thực ra chỉ có thể ví như một loại cây lớn, nhưng rễ không mọc sâu bám đất, thân không rắn mà dòn, nên chỉ cần một trận gió lớn là cây có thể bị gẫy hay trốc gốc. Vì hiểu được điều đó, tôi có thể hiểu tại sao tôi đã có những hành động trốn chạy trước kia và tại sao có những người bạn tù đã không thiết sống, đã tự tử, hay đã vượt ngục khi nghe tin người vợ vì sinh kế đã phản bội mình.

Khi tôi ví tôi như loại cây dòn dễ gãy, mục đích của tôi không phải nại bản chất trời cho để chạy tội mà chính là cách để tự an ủi mình. Tôi nghĩ về tôi, những người đàn ông đang bị nhốt tù, rồi nghĩ đến Hương, đến những người đàn bà như mẹ tôi, những người đàn bà Miền Nam chân yếu tay mềm. Những lúc đau khổ như thế này, tôi mới thấy thương họ biết bao! Rồi đây những người đàn bà đó phải làm sao để sống qua những ngày không có người chồng người cha trong gia đình. Họ nào khác gì thân tre trúc, một cơn gió nhẹ đã có thể bị uốn cong huống gì giờ này nào phải cơn gió nhẹ mà là trận cuồng phong. Nào lo thức ăn cái mặc cho lũ con và bản thân mình, nào lo thăm nuôi chồng, đến khi chồng được tha trở về lại là một loại cây tầm gửi, một thứ gánh nặng cho gia đình, thế mà những người đàn bà Việt Nam đó đã can đảm vượt qua. Nghĩ lại tôi mới thấy được, tuy

họ chỉ là thân tre trúc, ngọn gió nhẹ họ có thể nghiêng ngả, ngọn gió mạnh họ có thể bị nằm rạp, nhưng khi gió lặng, tre trúc lại bật dậy đứng thẳng trở lại.

Hương và tôi, giữa trận bão táp của cuộc đời như thế, chúng tôi vẫn có nhau. Đến chừng cuộc sống đã êm xuôi khi tôi đưa được gia đình đến Mỹ, khi đời sống vật chất của gia đình đã tương đối vững chãi và con cái đã khôn lớn có thể tự lo cho mình, chúng tôi lại chẳng thể chịu đựng được nhau.

Tôi không ý thức mình đã độc thoại bao lâu, chỉ biết rằng với dòng suy nghĩ miên man, tôi đã quên tôi đang ở đâu, đã bị xô đẩy như thế nào, để bây giờ thấy mình đã vào khuôn viên của lăng Ông Bà Chiểu. Tôi chậm chạp rảo quanh, không dám đến gần chính điện, nơi Ngân có thể đến, nhưng là nơi có khói hương nghi ngút sẽ làm tôi ngột ngạt khó thở. Không vào được, tôi biết rõ tôi cần gọi Ngân, thế mà chiếc điện thoại di động vẫn còn nằm yên nơi dây lưng quần.

Tôi dựa lưng vào một góc hàng rào, đưa mắt nhìn ngược lại khu chính điện hy vọng bắt gặp khuôn mặt Ngân, nhưng Ngân vẫn mất hút, thay vào đó là những khuôn mặt phụ nữ trẻ đang thành kính xóc những thẻ xăm. Phía ngoài điện, đám thanh niên vơ vẩn đứng. Nhìn họ tôi như thấy lại chính mình, chỉ khác lần đến nơi này, tôi vì Ngân chứ không phải Hương, và mặc dầu Ngân cũng trẻ như Hương thuở trước, cớ sao tôi không thể tìm lại được cảm giác cũ, dầu chỉ là chút cảm giác nhỏ nhoi của sự đằm thắm, hay an bình, hay sôi động đi nữa, ngược lại chỉ thấy lòng mình dửng dưng như một người lạ đến một nơi hoàn toàn xa lạ. Tôi có yêu Ngân không nhỉ? Nếu yêu Ngân tại sao tôi không tìm thấy sự yên tĩnh hay háo hức khi bên cạnh Ngân? Tại sao tôi không bước vào lăng cầu thần thánh để Ngân và tôi được gần nhau mãi mãi. Hay tệ hơn nữa, xin thần thánh giúp để Ngân đừng phụ tôi?

Tôi ngồi bệt xuống một góc tối. Rõ ràng tôi đang mệt mỏi. Đúng rồi, ở tuổi sáu mươi, mặc dầu tóc tôi đã được nhuộm đen, hằng ngày tôi vẫn chịu khó tập thể dục để chiếc bụng đừng lớn quá cỡ, tôi vẫn là một ông già gần đất xa trời. Trong người những con vi trùng có lẽ đã đục khoét khá nhiều phần thân thể để nếu không bị cao máu thì cũng cao mỡ, không đau bao tử thì gan cũng gần chai vì những ly rượu uống dồn từ mấy chục năm nay. Vậy tôi nên xin thần thánh được sống lâu chăng? Đồng ý xin thì dễ, nhưng tôi vốn không mấy tin vào thần thánh, hoặc giả tôi có tin ông đi nữa, thì ở cõi vô minh liệu ông làm được gì cho tôi. Cuối cùng thì sự tin tưởng đó của tôi, nếu có, chẳng qua chỉ là sự dối lòng mà thôi.

Nhiều lần Ngân giục tôi làm đám cưới. Tôi chần chờ, cứ hẹn lần hẹn lữa. Ngân bảo Tết này Ngân muốn cùng tôi đi xin quẻ xăm để xác định một lần nữa việc làm đám cưới trong năm mới này theo lời Ngân là sẽ tốt đẹp. Tôi có lý do để trì hoãn. Dầu quen Ngân đã hai năm, tôi vẫn không

hoàn toàn tin tưởng Ngân yêu tôi chỉ vì tôi. Từ lúc quen biết đến giờ, hàng tháng tôi vẫn đưa tiền cho Ngân, chưa kể đã mua cho Ngân một chiếc xe Dream cách nay không lâu. Thôi thì hãy cứ nghĩ là Ngân không màng đến tiền bạc, vì sự thật việc đưa tiền cho Ngân hàng tháng hoàn toàn do tôi tự nguyện, Ngân chưa một lần mở miệng đòi hỏi tiền bạc. Sở dĩ tôi đưa cho Ngân vì nhìn thấy sự chật vật của Ngân, chỉ thế thôi. Nhưng còn cái mác Việt Kiều của tôi! Làm sao biết chắc là Ngân không đến với tôi vì ý muốn được đi Mỹ? Tôi có đa nghi lắm không? Thôi cứ sống ngày nào hay ngày ấy, đừng tính toán nữa mà nhức đầu.

Tôi đã và đang trấn an mình như thế. Trước mắt tôi những bàn tay cặp những bó nhang vẫn tiếp tục vái và những khuôn mặt tiếp tục lộ vẻ thành khẩn. Rõ ràng người ta đang cầu cho hiện tại và tương lai không ai cầu cho quá khứ. Không có gì chịu ngưng ở hiện tại và ngay cả tương lai. Người nghèo thì muốn đỡ nghèo. Người giàu thì muốn giàu hơn. Tôi còn muốn gần Ngân, tôi buộc phải tiến tới. Ừ thì tiến tới, đâu có gì ràng buộc khiến tôi sợ hãi đến thế. Lỡ lấy nhau được một vài năm Ngân thành goá phụ rồi cũng có sao! Ngân còn trẻ, Ngân vẫn có thể đi thêm bước nữa. Nhưng lỡ một đứa con ra đời? Nếu điều này xảy ra thì cuộc đời tôi quả thật không còn đơn giản chút nào. Tôi đâu muốn những đứa con của tôi với Hương có thêm một đứa em ở tuổi con của chúng nó. Tôi càng không muốn ở tuổi này thay vì đứng ở vị trí ông nội hay ông ngoại, lại trở thành người cha và như thế tôi rất hiếm có cơ hội nhìn con khôn lớn. Hằng trăm câu hỏi đang dâng trong đầu. Tôi thấy chóng mặt. Cái đầu của tôi quay mòng mòng và thấy mình nằm vật xuống. Tôi nghe tiếng đàn ông hỏi:

- Bác sao thế!

Giữa tiếng ồn ào chung quanh, câu hỏi vẫn lọt vào tai tôi rõ ràng. Tôi đã mở miệng trả lời, nhưng môi tôi dường như chỉ mấp máy, câu nói không thoát ra khỏi cửa miệng. Trong tích tắc cảm giác sợ hãi ùa đến, rồi ngay sau đó thấy mình như tan biến đi và hoàn toàn không còn cảm giác.

Không biết tôi bị mất cảm giác trong bao lâu, khi tỉnh dậy cảm thấy mình đang nằm trên giường với chăn nệm trắng và chung quanh không có nhiều tiếng động. Tôi mở mắt nhìn quanh. Ngoài khoảng tối mờ mờ, màu trắng của trần nhà và chiếc ống ni-lông đang gắn vào cánh tay của mình, nơi cuối giường, tôi thấy còn bóng đen đang ngồi gục đầu ngủ. Đinh ninh là Ngân, tôi gọi:

- Ngân ơi! Ngân ơi?

Bóng lay động, tôi nghe có tiếng trả lời qua giọng ngái ngủ:

- Cậu tỉnh rồi. Mừng quá! Con đây cậu. Hổng phải cô Ngân đâu.

Đó là giọng nói của chị người làm.

- Cô Ngân đâu? Đây là đâu vậy? - Tôi thều thào.

Nghe hỏi chị người làm như tỉnh ngủ, làm như câu hỏi khơi dậy đúng những gì từ lâu chị ấp ủ hay ấm ức trong lòng muốn nói mà nói không được:

- Cậu đang ở nhà thương. Chời ơi cậu ngất đi mấy bữa dzồi. Mấy bữa rày con tìm cô Ngân quá chời mà tìm đâu có được. Chời ơi! Gặp cổ lần đầu là con biết liền hà! Cô chẻ thì có chẻ, nhưng con biết cổ hổng được đâu, biết cổ đâu có tình nghĩa dzì dzáo chọi, cổ theo cậu dzì tiền thôi hà.

Rõ ràng chị người làm đang mừng vì sự sống lại của tôi. Và có lẽ vì nỗi vui đó chị không còn giữ ý tứ, tự nhiên tuôn ra những điều chị nghĩ, mà chính tôi đôi lúc cũng đã đặt thành câu hỏi. Mặc dầu vậy, tôi vẫn không muốn tin, muốn bịt miệng để chị ngưng thốt lên những lời nói trắng như thế. Có điều hiện giờ chị đang là ân nhân của tôi, tôi đâu thể làm chuyện đó. Giữa cái im lặng của đêm, chị người làm như một kẻ điên độc thoại, giọng chị như lớn hơn, chẳng khác gì một diễn giả đang thao thao bất tuyệt:

- Cậu hổng biết chớ! Cậu may lắm đó, gặp cái chú đưa cậu dzô đây thiệt là tốt dzậy đó. Mà cũng nhờ cái điện thoại di động của cậu, chú đó mới biết số để gọi tùm lum, gọi số cô Ngân hổng thấy trả lời, chú gọi dzìa nhà con mới biết cậu bịnh, mới hồn bất phụ thể lật đật chạy dzô đây. Chú đó còn là người thiệt thà, nhà thương cần tên tuổi của cậu, chú lục bóp cậu lấy giấy tờ, dzậy mà thấy tiền, chú cũng hổng lấy đồng xu cắc bạc nào. Thiệt là, cũng nhờ mớ tiền trong bóp cậu, dzới mấy tờ trăm đô, người ta cho cậu dzô cấp cứu liền. Nhờ dzậy cậu hổng bị nặng lắm. Ở đây hổng tiền thì có nước nằm đợi, chết dzáng chịu. Ở đây họ ác nhân thất đức lắm cậu ơi. À quên, con có điện dzề Mỹ báo tin cho mợ. Mợ thiệt là tốt, mợ coi bộ hoảng lắm, hỏi thăm lung tung. Mợ nói mợ đi mua dzé qua bên này liền, còn gửi một ngàn đô, con mới nhận hôm qua, biểu lo trả tiền nhà thương dzới lo cho cậu, dzài ngày là mợ dzới con cậu qua tới nơi. Theo như lời mợ nói thì bữa nay hay mai là cả nhà cậu tới dzồi đó.

Bây giờ tôi đã biết là mình đang nằm bệnh viện, có thể đã bị đột quị vì chấn thương não bộ và nhờ may mắn gặp được người tốt đưa ngay vào bệnh viện. Ở đây, tuy tôi cũng có ít bà con nhưng muốn tránh phiền nhiễu vì từng bị xem như một ngân hàng nên tôi ít tiếp xúc, nên ngoài Ngân và chị người làm xem như tôi không còn ai. Việc chị người làm tìm số của Hương trong sổ điện thoại của tôi để gọi cho Hương cũng là điều dễ hiểu.

Nhưng tôi thắc mắc, sau khi tôi và Hương li dị nhau, tôi đã xem Hương như người dưng nước lã, tại sao Hương còn lo lắng cho tôi? Chính Hương là người đưa quyết định li dị, tôi đã hết lời năn nỉ, thế mà Hương vẫn cứng lòng, cho rằng tôi vẫn là tôi lúc trẻ, không hề thay đổi, vẫn quá ích kỷ và Hương không thể tiếp tục sống với một người như thế. Hương đã dứt khoát như vậy, tình cảm nào còn lại Hương dành cho tôi! Những lời Hương từng phê bình về tôi, có đúng có sai, nhưng tôi cũng có tự ái của một người đàn ông. Thà rằng Hương đừng dùng sự li dị như một sự áp đặt, nếu Hương muốn tôi thay đổi, tôi không hứa chắc, nhưng

sẽ cố gắng, tuy nhiên khi đã nói đến chữ li dị thì rõ ràng Hương đã đặt điều kiện, tôi nhất định không thể lùi bước, nhất là vào lúc đàn ông Việt xem ra rất có giá, về Việt Nam khối cô theo, bằng chứng là tôi đã có Ngân, một cô gái còn rất trẻ. Chưa kể tôi đâu thể nào quên ánh mắt nhìn thù ghét của Hương về phía tôi trước khi ký vào tờ giấy li dị và tôi có cảm tưởng lúc đó nếu tôi có chết trước mặt, Hương cũng để mặc và cười to trên cái chết của tôi.

Hương và lũ con sắp qua đây để săn sóc cho tôi. Với các con, dầu gì tôi cũng là ba của chúng. Với Hương, một người đàn bà tôi chắc chắn đã hết yêu mình, cớ sao lại có thể mềm lòng để săn sóc cho kẻ đã làm khổ mình. Tôi không tin việc Hương lo lắng cho tôi cốt để níu kéo tình cảm của tôi và càng không tin Hương sẽ chấp nhận cho tôi trở về nếu tôi thật lòng năn nỉ để được sống trở lại bên cạnh Hương. Như vậy việc Hương lo lắng cho tôi mang ý nghĩa hay mục đích gì. Tôi thật sự không thể hiểu. Ở tuổi bị xem là già, tôi tưởng đã hiểu rõ người đàn bà, nhưng rõ ràng tôi vẫn chưa hiểu gì nhiều về họ và vẫn thấy nơi họ còn chứa đựng nhiều rắc rối hơn tôi tưởng. Qua cách đối xử của Hương, tôi có cảm tưởng họ có thể trở thành một ác quỷ mà cũng có thể là một thiên thần.

Với Ngân như vậy là đã có sự dứt khoát. Cũng may, nếu không, tôi buộc phải có một chọn lựa rõ ràng là làm hôn thú với Ngân, một hành động mang lại rất nhiều hệ lụy.

Với Hương và các con, trong tôi đang tràn ngập nỗi hối hận. Trong quá khứ có thể vì vô tình tôi đã làm cho Hương nhiều lần buồn lòng và có thể các con tôi cũng buồn lòng. Dầu sao giây phút nằm trên giường của bệnh viện, tôi không nên tiếp tục suy nghĩ. Ở một tuổi nào đó con người không nên sử dụng đầu óc quá nhiều. Tôi có thể nhớ quá khứ, chứ không nên sống với quá khứ. Tuổi trẻ của tôi đã hoàn toàn thuộc về quá khứ, nếu hối hận có muốn lấy lại cũng chẳng thể vớt lại. Mấy chục năm đã qua đi, nghĩ cho cùng, tôi đã sống gần như trọn vẹn một đời người. Tuổi trẻ tôi đã có được niềm vui của thời tuổi trẻ, thì ở tuổi già tôi cũng nên tìm cho mình niềm vui và sự thanh thản của tuổi già. Mối liên hệ với Ngân, niềm vui tuy có đó, nhưng quá nhỏ so với sự rắc rối to lớn tôi sẽ phải gánh chịu. Ngân không tìm thăm tôi, Hương và những đứa con sẽ đến, âu đó cũng là điều may mắn. Tôi nhận thức được tôi đã rất may mắn, kể ra ông Trời cũng không đến nỗi hẹp hòi với tôi, nghĩ lại dường như ở mỗi tuổi đời khác nhau con người đều có niềm vui khác nhau, nếu con người biết nhìn lại mình. Tôi thấy tôi đang nhìn lại tôi và đang tận hưởng được niềm vui đó. Nằm đây, nghĩ lại, việc suy nghĩ về mình, tuy khá trễ, nhưng ít ra tôi cũng đã có dịp nhìn lại được bản thân để có thể nói lên được lời xin lỗi với Hương và những đứa con. Ở tuổi này được cứu sống và được săn sóc như thế này, kể ra tôi còn quá nhiều may mắn, vậy tôi nên ngủ một giấc cho khoẻ.

Nguyễn Đức Nhơn

Quỳnh

Đến Mỹ gần sáu tháng rồi mà tôi vẫn chưa tìm được việc làm. Lan, người yêu cũ của tôi hồi còn ở Đà Lạt, tình cờ, nay lại ở cùng một khu chung cư. Chồng Lan, một sỹ quan Không quân đã chết trong trại cải tạo và Lan cùng hai con đến định cư ở Hoa Kỳ theo diện tỵ nạn HO. Tuy là tình cũ gặp lại nhưng chúng tôi vẫn coi nhau như tình đồng hương bè bạn mặc dù cả hai đã là người độc thân sau biến cố 1975. Thực ra mối tình giữa tôi và Lan chỉ là mối tình hời hợt của tuổi học trò, khi chúng tôi còn là học sinh ở bậc Trung học. Lan khuyên tôi nên xin viêc ở khách sạn Dalat do một người Việt làm chủ. Lan cũng là người giúp việc cho bà chủ tại một nhà riêng ở đường Houston. Nhờ có sự giúp đỡ của Lan nên tôi được thu nhận một cách dễ dàng. Ngày đầu tiên nhận việc, bà quản lý giao cho tôi công việc lau chùi các lối ra vào trong khách sạn. Công việc này kể ra cũng khá thích hợp cho tôi lúc bấy giờ.

Ở hành lan khách sạn, tôi vừa quét dọn vừa để ý đến một người đàn bà có khuôn mặt quen quen đang tiến về phía tôi. Khi còn cách vài ba thước, người đàn bà chợt dừng lại nhìn tôi đăm đăm và cả hai đều sững sờ vì đã nhận ra nhau. Cái phản ứng đầu tiên của chúng tôi dường như được phát ra đồng loạt bằng một câu hỏi lấp lửng đầy ngạc nhiên.

"Anh Thành..."

"Quỳnh..."

Nhưng cái nét tươi vui, hớn hở của Quỳnh khi gặp lại tôi bất chợt tối sầm lại, nàng nói:

"Không ngờ gặp lại anh"

"Ừ, không ngờ, Quỳnh làm ở đây à?"

"Vâng, có thể coi như vậy"

Tôi chưa kịp nói gì thêm thì Quỳnh tiếp:

"Ở đây bất tiện, chút nữa

gặp lại”

Quỳnh nói xong bỏ đi ngay.

Đang ngồi hút thuốc bên ngoài khách sạn thì cô thư ký bước đến bảo:

“Mời ông theo tôi lên gặp bà chủ”

“Cô à, bà chủ gặp tôi có việc gì vậy cô?”

“Ai biết”

Nghe cô thư ký trả lời cộc lốc nên tôi không muốn hỏi gì thêm mà chỉ lẳng lặng theo cô ta lên tầng lầu hai.

“Thưa bà ông Thành đã đến”

“Mời vào”

Cô thư ký nói:

“Ông vào đi, tôi có chút việc”

Tôi đẩy cửa bước vào và đứng chết trân khi nhận ra người đàn bà đang ngồi phía sau bàn làm việc chính là Quỳnh. Tôi ú ớ mãi mới thốt được một câu nhưng cũng chẳng ra đầu ra đuôi gì cả.

“Dạ chào... dạ... Ờ chào Quỳnh”

“Làm gì mà ấp a ấp úng vậy anh Thành?”

“Ờ... không... không”

“Mời anh ngồi”

Quỳnh vừa nói vừa đưa tay chỉ chiếc ghế trước bàn làm việc:

“Anh qua Mỹ lâu chưa?”

“Gần sáu tháng rồi”

“Qua cả gia đình chứ?”

“Vâng”

Quỳnh ngồi yên lặng một hồi rồi với một giọng nghiêm nghị lạnh lùng, nàng nói:

“Anh thấy công việc ở đây thế nào?”

“Cũng được”

Quỳnh lại ngồi đăm chiêu tư lự một hồi nữa rồi tiếp:

“Thôi được, anh Thành đến phụ chị Lan trông coi nhà cửa giùm em. Em sẽ gọi chị ấy đến chở anh về bên đó cho biết nhà”

Chạy được vài miles, Lan cho xe dừng lại trước một ngôi nhà hai tầng ở ngã tư đường Houston và New York. Ngôi nhà còn mới, vườn tược được chăm sóc khá chu đáo. Hoa cỏ rất đẹp. Vườn sau trồng nhiều loại cây ăn trái. Tất cả những công việc bên ngoài nhà, Quỳnh đã khoán cho một tổ hợp người Mễ chăm sóc thường xuyên. Quỳnh ít khi ở nhà. Việc trông coi nhà cửa đều do một mình Lan đảm nhận. Lan nói như vậy.

“Bà chủ này cũng kỳ thật, ở đây đâu có việc gì cho anh làm”

“Tôi đâu có biết, bả bảo sao thì tôi nghe vậy”

“Bả bảo thế nào?”

“Bả bảo tôi đến phụ Lan trông coi nhà cửa”

“Thôi được, anh nhắc ghế ra sân ngồi trông coi cho đã đi”

Lan vừa trêu tôi vừa rót nước ra hai cái tách làm bằng thủy tinh. Ngôi nhà rộng thênh thang, bài trí khá trang nhã. Tôi và Lan ngồi ở phòng khách vừa uống trà vừa ôn lại những ngày còn sinh sống ở Đà Lạt. Những kỷ niệm vui buồn của một thời trai trẻ lần lượt hiện ra trong đầu tôi...

***

Vườn hồng của bác Bảy Long nằm ngay dưới chân một ngọn đồi. Ở lưng chừng ngọn đồi có một khe nước ngầm từ trong lòng đất chảy ra. Bác Bảy Long lợi dụng nguồn nước này để làm hệ thống tưới cho khu vườn. Khu vườn bác

Bảy nằm không xa thành phố bao nhiêu, một khu vực tương đối khá an toàn, nên tôi thường đến đây chơi vào những ngày cuối tuần. Bác Bảy rất vui khi có tôi đến chơi. Bác kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện thật lý thú. Về phần tôi, tôi cũng phụ Bác làm một vài công việc lặt vặt. Chúng tôi một già một trẻ, xem ra khá tương đắc. Vào một chiều Chúa Nhật, tôi mang theo chiếc máy ảnh định chụp mấy cánh hoa hồng làm kỷ niệm. Vừa vào khu vườn, tôi thấy một người con gái đang làm gì đó ở phía sau căn chòi. Tôi rón rén lại gần. Cô gái giật mình quay lại nhìn tôi trân trân. Để trấn an cô, tôi vội lên tiếng.

"Cô đừng sợ, tôi là người quen của bác Bảy"

Cô gái lấy lại bình tĩnh:

"Ông vào đây làm gì?"

"Tôi đến thăm bác Bảy"

Tôi vừa dứt lời thì bác Bảy Long cũng vừa bước tới.

"Chào cậu Thành"

"Dạ chào bác"

Bác Bảy chỉ về phía cô gái.

"Con nhỏ này là con đầu lòng của tôi. Thỉnh thoảng nó mới ra đây phụ tôi làm một vài công việc lặt vặt"

Tôi chưa kịp nói gì, thì bác Bảy tiếp.

"Quỳnh, con vào chòi pha bình trà cho ba và cậu Thành giải khát"

Cô gái dạ một tiếng rồi bước vội vào căn chòi. Tôi và bác Bảy cũng vào theo. Cô gái tên Quỳnh vừa đặt khay trà lên bàn vừa nói:

"Thưa ba, con về trước"

Cô gái nói xong bỏ đi liền, chẳng thèm đếm xỉa gì đến tôi. Với cái vẻ khinh khỉnh, bất cần này, tôi cứ đinh ninh là cô ta không có một chút ấn tượng gì về tôi. Nhưng không biết vì lý do gì mà những ngày sau đó, cô gái kiêu kỳ rất mực này lại thường xuyên xuất hiện trong khu vườn hồng. Lúc đầu chúng tôi rất "ghét" nhau nhưng dần dà chúng tôi quen nhau, mến nhau rồi yêu nhau từ lúc nào không hay biết. Thành phố Đà Lạt với những cảnh đẹp thiên nhiên, với những buổi chiều mây trời trôi lãng đãng, với những đêm sương mù dưới ánh đèn lung linh mờ ảo, chúng tôi kề cận bên nhau trong những ngày tràn đầy hạnh phúc. Nhưng cuộc tình của chúng tôi bị đứt đoạn một cách tức tưởi vì tôi phải lên đường thi hành nhiệm vụ quân sự. Hôm tiễn tôi lên đường, Quỳnh khóc nức nở. Chúng tôi quyến luyến nhau không rời, nhưng chúng tôi không hề cho nhau một lời hẹn ước nào cả... Vì cả hai đều biết rõ cái giá phải trả cho chiến trường như thế nào khi mà người lính phải đối diện với cuộc chiến đã đến hồi ác liệt.

Khi đặt chân xuống thành phố Đà Nẵng, việc đầu tiên của tôi là viết thư cho Quỳnh, và từ đó chúng tôi trao đổi thư từ thường xuyên cho nhau. Nhưng khoảng vài năm sau thì thư hồi âm của Quỳnh cho tôi thưa dần rồi dứt hẳn. Bức thư sau cùng gởi tôi, Quỳnh cho biết gia đình nàng sẽ dời lên sinh sống ở Ban Mê Thuột và từ đó tôi không còn liên lạc với Quỳnh được nữa. Sau bốn năm phục vụ trong Quân Đội, tôi được trả về Bộ Giáo Dục. Trong

thời gian nghỉ phép và chờ bổ nhiệm, tôi lên Ban Mê Thuột vừa để thăm Hoàng, một người bạn cùng khóa ở Thủ Đức vừa để dò tìm tin tức Quỳnh.

Những cơn gió lạnh thường bất chợt ập tới vào buổi chiều ở cái thành phố đèo heo hút gió này. Tôi đang thả bộ trên con đường Ma Ha Trang Long, định đến rạp Lodo xem phim cho đỡ buồn thì gặp Hoàng. Anh ta vừa đi vừa xoa xoa hai bàn tay vì lúc chiều ra đường quên mang theo áo ấm.

Tôi rủ Hoàng cùng đi xem phim nhưng hắn lắc đầu lia lịa.

"Địt mẹ, muốn hiến máu cho rệp à? Địt mẹ, cái thành phố gì mà muốn nóng là nóng, muốn lạnh là lạnh liền"

Với giọng Bắc Kỳ đặc sệt, hắn vừa chửi thề vừa lôi đại tôi vào một cái "bar" cửa đóng im ỉm. Tôi giẫy nẩy:

"Ê, tao không tiền"

"Địt mẹ, đừng lo. Con chủ quán này là bồ của tao"

Tôi bị hắn lôi vào "cái chỗ" mà thực tình tôi không muốn vào chút nào. Bên trong cánh cửa có vẻ hiền lành an phận kia là một thế giới hoàn toàn khác hẳn. Chúng tôi đến ngồi ở chiếc bàn gần quày rượu. Vừa mới đặt đít xuống ghế, một cô gái trẻ đẹp, ăn mặc hở han, mặt mày diêm dúa bước đến ngồi trên bắp đùi của Hoàng.

"Cục cưng cả tháng nay đi đâu mà bây giờ mới đến?"

"Bận hành quân"

"Hành quân gì. Muốn trốn em thì có"

Tôi nhìn kỹ cô gái rồi bất chợt ồ lên một tiếng. Cô gái bây giờ mới để ý đến tôi. Mặc dù nét mặt được che lấp dưới lớp phấn son dày cộm, nhưng tôi cũng nhận ra được cái vẻ lúng túng ngượng ngùng của cô gái bán bar mà đã một thời cùng tôi thề non hẹn biển: Quỳnh.

"Anh lên Ban Mê Thuột chơi à?"

Tôi nhìn nàng cay đắng.

"Lên tìm một người... Hân hạnh được biết bà chủ"

Quỳnh không nói gì thêm, đứng dậy bỏ vào trong. Nhìn những bóng đèn xanh đỏ nhấp nháy, những cô gái mời rượu lả lơi, những người đàn ông ăn nói tục tĩu, thô lổ, những tiếng nhạc rè rè từ một giàn âm thanh loại "dỏm" phát ra, rồi nhớ lại những ngày cùng Quỳnh quấn quýt bên nhau ở Đà Lạt mà nghe lòng nhói đau như dao cắt. Một cô gái đến ngồi bên cạnh tôi:

"Anh à, em thương anh quá chừng, cưới em làm vợ đi"

Cô ta vừa nói vừa rót bia vào ly. Thấy tôi ngồi bất động như pho tượng, cô ta nói tiếp:

"Uống đi anh, uống chậm quá coi chừng bia nguội đó"

Rồi với một giọng nhừa nhựa vì uống nhiều rượu, cô ta hát nho nhỏ vào tai tôi đường... thương đau... đầy ải nhân gian... Ai chưa qua... chưa phải là người...

Tôi cảm thấy choáng váng và nói vào tai Hoàng như thét:

"Về"

Hoàng chưng hửng, ngơ ngác nhìn tôi.

"Địt mẹ, về thì về. Con vợ tao, nó trốn đâu mất rồi".

***

"Anh Thành, làm gì mà ngồi thừ người ra vậy?"

"Ờ, không có..."

Tôi nói chưa hết câu thì điện thoại trên bàn bật reo. Lan nhắc lên nghe. Tôi không biết ở đầu dây bên kia là ai, chỉ nghe Lan dạ... dạ... liền miệng rồi đưa điện thoại cho tôi. Từ đầu dây bên kia, một giọng nói lạnh lùng xa lạ vẳng vào tai tôi như một cấp chỉ huy truyền đi một mệnh lệnh.

Ngồi ở quán Thiên Kim chừng mười phút thì Quỳnh bước vào.

"Anh chờ lâu không?"

"Không, cũng vừa mới đến"

Quỳnh gọi mấy món ăn và hai chai heineken. Uống vài ngụm bia và liếm láp qua loa vài miếng nem nướng, Quỳnh bắt đầu câu chuyện.

"Chắc anh hận em và muốn biết tại sao em chấm dứt liên lạc với anh vào những năm đó phải không?"

Tôi ngồi im lặng. Đầu cúi thấp. Hai tay mân mê chiếc ly bia đầy bọt. Quỳnh chờ vài giây rồi nói tiếp:

"Thôi được. Em sẽ kể cho anh nghe vì sao em không muốn tiếp tục cuộc tình của chúng ta. Năm đó, sau khi anh ra Đà Nẵng được vài tháng thì má em ngả bệnh. Ba em bán hết tài sản để chạy chữa thuốc thang, nhưng cuối cùng má em cũng qua đời. Ba em thấy ở Đà Lạt không còn gì lưu luyến nữa, nên dồn hết số tiền còn lại lên Ban Mê Thuột mua một miếng đất cất nhà và trồng cà phê. Mặc dù đã rời xa nơi xẩy ra chuyện đau lòng nhưng Ba em không làm cách nào nguôi ngoai được, nên cuối cùng rồi cũng sanh bệnh. Căn bệnh của Ba em mỗi ngày một trầm trọng, em phải bán miếng đất và căn nhà để lấy tiền lo việc thuốc thang. Lúc ấy em đưa Ba và mấy đứa em vào thị xã mướn một căn nhà nhỏ trú tạm. Sau đó không lâu Ba em cũng qua đời. Tiền bạc trong nhà không còn bao nhiêu mà em phải vừa lo trả tiền nhà vừa lo cho mấy đứa em đi học, rồi việc ăn uống tiêu xài lặt vặt..."

Nói đến đây, Quỳnh không ngăn được nỗi cảm xúc đang dâng tràn. Những giọt nước mắt bị dồn nén từ lâu bây giờ mới được dịp tuôn ra, lăn dài trên hai gò má. Quỳnh khóc tức tưởi như một đứa trẻ. Cũng may, quán ăn lúc này không có khách. Cô chủ quán ngồi ở quày tính tiền nhìn sững chúng tôi.

"Quỳnh, đừng khóc nữa. Nỗi khổ tâm của em anh đã rõ"

"Và đó chính là lý do mà em không muốn liên lạc với anh nữa, nhất là khi em đã quyết định làm cái nghề mà hồi còn ở Ban Mê Thuột anh đã từng chứng kiến. Em đã trở thành một cô gái bán bar".

Nói đến đây Quỳnh lại ôm mặt khóc.

"Còn một điều nữa có lẽ anh cũng muốn biết tại sao em được đi Mỹ và trở thành người giàu có trên cái xứ sở này. Như anh đã biết, hồi năm 1969 em là một người chủ bar, quán của em đủ loại khách ra vào, trong số đó có một người lính Mỹ. Không biết sao người lính Mỹ này lại thích em và hứa với em nếu chịu lấy ổng, ổng sẽ đưa cả gia đình em sang Mỹ. Ông ta còn cho biết thời gian

phục vụ ở chiến trường Việt Nam cũng sắp mãn hạn. Hoàn cảnh gia đình em lúc bấy giờ vô cùng bi đát nên em quyết định đánh liều một phen, không ngờ người lính Mỹ này rất mực yêu em và thực hiện đúng lời hứa. Khi đến Mỹ em mới biết được chồng em là con của một gia đình giàu có, thuộc vào hàng triệu phú ở New York".

Ngừng một chút, rồi cũng với một giọng đều đều như trước, Quỳnh kể tiếp:

"Vào năm 1981, cha chồng em qua đời để lại cho anh ấy một gia tài hàng triệu mỹ kim. Tụi em sống với nhau thật hạnh phúc. Nhưng rồi một biến cố bất ngờ xẩy ra, chồng em qua đời một cách tức tưởi trong một tai nạn xe hơi khi anh ấy đang hình thành cho mình một kế hoạch làm ăn vô cùng thuận lợi. Từ đó em quyết tâm sống một cuộc đời khép kín cho đến bây giờ. Anh Thành, câu chuyện em kể cho anh nghe hôm nay không có một dụng ý gì khác ngoài việc muốn tháo gỡ một phần cái gút mắc mà anh đã ấp ủ trong lòng từ bấy lâu nay. Chắc anh đã hiểu ý em rồi chứ gì. Thôi chúng ta về"

Quỳnh nói xong đứng dậy ngay, không cần biết tôi có phản ứng gì hay không. Dĩ nhiên là tôi hiểu rất rõ những gì mà Quỳnh muốn nhắc nhở tôi bằng những câu nói khéo léo trước khi ra về. Tôi thầm trách Quỳnh đã đánh giá về tôi quá thấp. Thực ra nàng không cần phải lo xa, hấp tấp chặn đầu chặn đuôi tôi như vậy vì ngay từ lúc biết được nàng là chủ nhân khách sạn, tôi đã có một quyết định dứt khoát là sẽ không tiếp tục làm việc ở đây nữa. Tôi thong thả bước lên xe, mở máy, chiếc xe cũ kỹ của tôi từ từ tiến về phía trước...

Arlington, July – 2007

Vũ Linh

Chuyện Một dòng sông

Lời cầu hôn của thằng Tom với cô con gái duy nhất của mình, bà giáo nghĩ khó mà thuyết phục được ông giáo. Cậu bé gốc Do Thái này là một trong đám bạn con bà, chúng nó cùng theo học đại học ở thành phố khác và vẫn thường đến nhà chơi vào những dịp nghỉ lễ. Trước đó, ông giáo cũng đã có lần lưu ý bà về việc con giao du thân mật với những người bạn Mỹ của nó. Nhưng lần nào rồi bà cũng đưa lý lẽ chống chế, đỡ đần việc kết bạn của con: 'Sống ở Mỹ học trường Mỹ, không chơi với Mỹ thì chơi với ai?' Tuy nói vậy nhưng bà vẫn lựa lời khuyên con, nhất là chuyện trai gái. Vì dù sao ông bà vốn xuất thân là nhà giáo, tuy không còn hành nghề khi ra hải ngoại nhưng ngay tại thành phố này cũng đã có khá đông học trò cũ của ông bà. Nếu đứa con gái duy nhất lấy chồng không là người đồng chủng, đó là điều ông bà cảm thấy ái ngại, chẳng những đối với học trò cũ mà còn với thân hữu đồng hương.

Nhìn nét mặt buồn rầu của mẹ, cô con gái cố ra sức thuyết phục:

- Mẹ biết đó, chúng con chơi với nhau từ hồi mới nhập học, chúng con rất thông cảm nhau. Bố mẹ Tom cũng là gốc di dân, ông bà rất nhân từ và tỏ ra yêu quý con khi nghe con nói bố mẹ đều là nhà giáo. Tuy phải đi làm vất vả nhưng bố mẹ vẫn bỏ ra nhiều công sức kèm cho con học hành. Kết quả là con được vào đại học sớm hơn hai năm và lại được cả học bổng toàn phần!

Bà giáo nghe con biết nói lời 'dỗ ngọt' mình, bà thương cho con bé. Mới ngày nào còn khóc với bố mẹ, không chịu đi học xa nhà. Nay lại sắp tốt nghiệp Bác sĩ và đã nghĩ đến chuyện lập gia đình. Sự chọn lựa của con, dù thế nào vẫn làm bà khổ tâm, bà hỏi:

- Thế con có nghĩ cho hoàn cảnh bố mẹ không? Đứa con duy nhất trong nhà lấy chồng, người chồng đó chẳng những 'xa lạ' đối

với bố mẹ còn cả với gia đình nội ngoại. Con hãy đặt con vào vị trí bố mẹ xem phải nên thế nào?

Thấy con gái không trả lời lại xụ mặt như dạo nào thường hay làm nũng. Bà nói tiếp:

- Đành rằng hai đứa quen biết nhau từ lâu, tuổi tác và kiến thức của con đủ bảo đảm cho sự lựa chọn. Nhưng người Việt chúng ta đến đất nước này chưa bao lâu, sự chọn lựa của con theo chiều hướng đó có quá sớm chăng? Còn nữa, chúng ta sống trên đất nước này, cho dù có hội nhập vào xã hội Mỹ nhưng bên cạnh đó còn có bạn bè của bố mẹ, còn có cộng đồng chúng ta. Chúng ta không thể đạp lên dư luận để mà đi!

Bà giáo không chắc con mình hiểu hết những gì bà muốn nói bằng ngôn ngữ Việt. Nhìn con, bà thấy những giọt nước mắt đầm đìa trên đôi má:

- Con biết chứ... con biết chứ, nhưng mẹ có biết khi đi học xa nhà, con phải sống và phấn đấu như thế nào không? Người ta di chuyển từ giảng đường này sang giảng đường khác bằng xe hơi, trong khi con phải ra sức đạp chiếc xe đạp để còn đến lớp cho kịp giờ. Còn nữa, cuối tuần bạn bè rủ nhau đi giải trí, vui chơi trong khi con phải đi kiếm thêm tiền bằng cách giữ em bé cho những cặp vợ chồng trẻ đi chơi. Con biết, mỗi tuần bố mẹ cho con mấy chục đồng là sự hy sinh lớn đối với thu nhập của bố mẹ. Nhưng với số tiền mà con có được, nó chẳng đủ vào đâu nên con phải chi tiêu có chừng mực, cần kiệm đến độ gần như keo kiệt. Đám bạn con trai đồng hương của con tuy có mấy đứa đó, nhưng không biết chúng nó nghĩ gì. Có điều bọn họ tỏ ra không thân thiện, thậm chí còn muốn xa lánh con. Trong khi đó những người bạn Mỹ rất vô tư, trong lúc chơi cũng như lúc học, họ xem mọi người đều như nhau. Với Tom tuy không là đồng hương nhưng đồng cảnh. Có lẽ anh cũng nhận thấy điều gì đó không tốt ở đám bạn đồng hương của con nên anh ta tìm cách an ủi, chăm sóc và khuyến khích con trong việc học. Nếu không có những người bạn tốt như Tom, như những người bạn Mỹ khác, chưa chắc con đủ can đảm để đeo đuổi cái ngành này cho đến hôm nay.

Bà giáo nghe con tâm sự, bà nghĩ hoàn cảnh của người di dân muốn thăng tiến, trong bất cứ lãnh vực nào cũng là điều không đơn giản. Bản thân phải phấn đấu để vượt qua những khó khăn đến với mình từ nhiều phía. Bà giáo xúc động ôm con vào lòng, thông cảm nỗi khổ tâm của con. Cô con gái cúi xuống và tựa đầu lên vai người mẹ gầy gò nhỏ thó của mình, nàng nói:

- Mẹ biết không suốt thời kỳ thực tập ở các bệnh viện, Tom cố xin để cùng làm một "ca" với con, cả hai chia xẻ sự hiểu biết cũng như mọi cực nhọc và khó khăn trong đời sống hằng ngày. Cho đến một lúc, chúng con nhận ra rằng trong cuộc sống này không thể thiếu nhau. Hơn nữa Tom lại là người chịu khó tìm hiểu phong tục tập quán của chúng ta, anh trân quý nếp sống gia đình VN và mong muốn được là một thành viên trong một gia đình như vậy. Anh có một ước mơ là lấy vợ VN.

Con cái anh sẽ gửi cho Ngoại dạy dỗ để chúng thấm nhuần tập quán tốt của gia đình VN. Trong hoàn cảnh này, con cũng đã nghĩ và tự trả lời cho chính mình, lấy Tây hay lấy Mỹ mỗi thời, mỗi giai đoạn và ngay cả mỗi người đều khác nhau. Cái quan trọng là yêu nhau thật sự để từ đó, mang đến cho nhau cuộc sống vui tươi và hạnh phúc.

Cô con gái nói thật nhiều với mẹ, nếu ông giáo không xuất hiện có lẽ cô ta còn nói nhiều điều hơn nữa về người bạn trai của mình để hy vọng thuyết phục được mẹ. Và qua bà thế nào rồi bố cũng nghe theo. Nàng cũng thừa biết mình là đứa con duy nhất trong gia đình, được cả mẹ lẫn bố yêu thương nên rất vững tin.

***

Ông giáo ngồi trên chiếc ghế đá nhìn dòng sông, nước chảy êm đềm đến chậm lụt như tuổi già của ông bây giờ. Ông lây quây mãi với cái bật lửa, phải xoay người che hướng gió và thật khó khăn mới đốt được điếu thuốc. Một sản phẩm mà mỗi ngày người ta càng khám phá ra nhiều độc tố gây nên nhiều chứng bệnh, trong đó bệnh ung thư là chính. Vợ con ông lắm lần khuyên ông nên bỏ hút thuốc nhất là cô con gái, nó đưa ra những con số thống kê về độc tính và con số người chết do thuốc lá gây ra hằng năm trên thế giới. Riêng nước Mỹ, mỗi năm phải tiêu tốn nhiều tỷ dollas điều trị những chứng bệnh do hậu quả của thuốc lá gây nên. Ngoài ra khói thuốc lá còn tác hại nghiêm trọng cho những người trong gia đình nhất là đối với trẻ con. Vợ con nói gì thì nói, ông lập luận đơn giản là trong đời ông đã phải bỏ quá nhiều thứ, từ nghề nghiệp đến quê hương và suýt bỏ cả mạng sống trên biển cả. Bây giờ chỉ còn mỗi cái thú hút thuốc và cuộc sống của ông chưa chắc sẽ dài hơn so với hậu quả do thuốc lá gây ra. Nói thì nói vậy nhưng rồi ông giáo cũng giảm đi số lượng thuốc lá đáng kể trong ngày nhất là hút thuốc trong nhà và trước mặt vợ con.

Ông giáo kéo một hơi dài như để tận hưởng hương vị quen thuộc của thuốc lá. Người ông cảm thấy lâng lâng, bầu trời buổi chiều có những áng mây lảng đãng, ông nhìn làn khói thuốc tan nhanh như một thoáng mà đã trên 30 năm ông xa rời bục giảng, lìa bỏ quê hương. Với tuổi tác này, ông nghĩ là mình không còn cơ may quay về chốn cũ, sống với những ước mơ xưa. Thủ đô miền Nam, nơi nuôi ông lớn lên và học hành đỗ đạt cũng như thành phố Cảng, nơi ông được sanh ra. Năm 18 tuổi, ông theo gia đình di cư vào Nam, để lại Hải Phòng biết bao kỷ niệm của tuổi học trò. Trong đó có những người bạn gái với mái tóc thề ngang lưng, với những ước hẹn chưa tròn. Và có những buổi chiều mùa hạ, từ nhà ông nhìn những cặp tình nhân trẻ, sánh vai nhau, đi dưới những hàng phượng đỏ trên con đường chính nối liền công viên thành phố mang tên 'Hoa phượng đỏ'.

Vào Nam ông tiếp tục việc học và theo ngành sư phạm, một phân khoa có nhu cầu lớn nhằm đáp

ứng sự phát triển trong lãnh vực giáo dục của miền Nam do Pháp để lại. Sau khi tốt nghiệp, ông được bổ dụng về một tỉnh ở Miền đông, cách thành phố không xa. Và cũng ở đó, ông gặp bà giáo vốn là đồng nghiệp cũng từ thành phố đến. Tình yêu trai gái của những nhà mô phạm khi này nó không giống như những mối tình khác. Mỗi người sống như bị nhốt kín trong cái vòng đạo đức và lễ giáo cũ xưa. Vả lại, sự khác biệt về tôn giáo tưởng chừng làm tan vỡ cuộc tình hai người. Tuy cả hai đều thành danh, có thể tự lập nhưng do sự giáo dục của gia đình, chịu ảnh hưởng của nghề nghiệp. Con đường duy nhất hai người có thể làm được là ra sức thuyết phục cha mẹ hai bên, nhất là phía bà giáo vì bà phải học đạo theo ông.

Cuối cùng rồi họ cũng đạt được ý nguyện. Sau đám cưới, con đường trước mặt hai người đầy hoa mộng. Nhưng biến cố 30/4/75 ập đến, đẩy hai người vào cơn ác mộng hải hùng chỉ vì cả hai đều thuộc diện di cư 1954. Một trong những đối tượng, quyền đứng trên bục giảng sẽ bị tước đoạt được tính từng ngày. Hơn ai hết, gia đình hai người đã có nhiều kinh nghiệm sống dưới chế độ này nên họ quyết định chọn con đường ra đi. Họ cũng thừa biết cuộc di cư tìm tự do lần này phải mang sinh mạng ra để đánh đổi. Không có một tổ chức, không một đất nước nào hứa hẹn sẽ cưu mang họ. Riêng bà giáo, bà đặt nhiều hy vọng vào nước Mỹ sẽ tiếp nhận gia đình bà, vì bà vừa là hội viên vừa là cô giáo có một thời giảng dạy tại hội Việt Mỹ.

Sau mấy lần vượt biên, bị lường gạt có, bị bắt có. Cuối cùng ông bà giáo cùng đứa con gái hai tuổi cũng được ra đi và sống sót đến được đất nước Hoa kỳ như một phép lạ. Chính điều này nó giúp bà trở thành con chiên ngoan đạo, đặt hết lòng tin nơi tôn giáo và hết lòng phục vụ tha nhân sau cơn hậu chấn 30/4/1975. Bà làm việc tại cơ quan Xã hội, tiền lương không cao lắm nhưng bà vui sướng được phục vụ cho nhiều người, tận tình hướng dẫn những người nghèo khó được hưởng những gì mà xã hội này dành cho họ. Nhất là những người mới đến định cư trong số đó có đồng hương của bà. Có phục vụ tại cơ quan này bà mới nhận ra rằng nước Mỹ giàu có thật, nhưng số người nghèo khó không phải là ít. Có điều họ không bị bạc đãi hay bị bỏ rơi, các khoản trợ cấp của chính quyền, của các cơ quan xã hội không làm cho họ hết nghèo nhưng tạm thời không phải đói để có cơ hội thay đổi hoàn cảnh sống. Trong lúc đó ông giáo làm cho một công ty, đồng lương tương đối. Đặt chân lên nước Mỹ, ông bà phải tìm việc làm ngay để ổn định cuộc sống, bỏ lỡ cơ hội học hành. Nước Mỹ dành nhiều ưu đãi cho những người muốn tiến thân và tiến thân bằng con đường học vấn là cơ hội cao nhất. Không riêng gì ông bà giáo, nhiều người di dân khác cũng phải chịu thua chỉ vì muốn thoát khỏi cuộc sống quá phức tạp tại các chung cư. Một phần vì tuổi không còn trẻ nên ngại đến trường lớp. Cái quan niệm 'an cư rồi mới lạc nghiệp' lại càng khiến cho mọi

người nôn nóng kiếm tiền, thật ra càng sống lâu trên xứ sở này mọi người mới nhận ra rằng: cái nhà phải đi theo sau công việc nếu không ngân hàng nó tịch thu nhà không biết lúc nào!

Khi còn ở bên quê nhà, ông giáo chọn ngành giáo dục và chỉ mơ ước đến khi nghỉ hưu, có được một nông trang nho nhỏ ở vùng ngoại ô. Trồng cây, nuôi cá và an hưởng tuổi già. Nhưng khi qua Mỹ, nhìn sinh hoạt tấp nập, sự thăng tiến mau lẹ trong mọi lãnh vực của đồng hương làm ông không khỏi chạnh lòng. Nhất là khi nhìn bọn trẻ, học hành đỗ đạt, nhà cao cửa rộng, ông dễ sinh ra mặc cảm khi phải tiếp xúc với những người thành đạt nơi xứ người, trong đó có một số học trò cũ của ông. Nhưng rồi bản chất cầu an của những nhà mô phạm và tuổi tác không cho phép ông dấn thân hay bon chen với mọi người. Người thấu hiểu tâm trạng của ông và cảm thông với ông vẫn là bà giáo. Vì thế, để chuẩn bị cho ngày nghỉ hưu, bà bàn với ông đổi nhà ra vùng ngoại ô, có sẵn đất đai để ông có dịp thực hiện ước mơ ngày xưa khi còn ở bên nhà. Từ đó, ngoài công việc hằng ngày ở sở, thì giờ còn lại ông lo chăm sóc vườn tược, vui sống bên đàn chim, cá cảnh và dạy kèm cho đứa con duy nhất. Đặc biệt là môn toán và sinh học vốn là chuyên ngành của ông khi còn đứng trên bục giảng. Cả ông lẫn bà đều nhận ra rằng phần đông những người di dân, trong một sớm một chiều, nếu có làm giàu được cũng là nhờ may mắn. Thật ra sự giàu có đó cũng chưa hẳn bằng ai trên một đất nước có những người bản xứ đã sống, có một chiều dài hằng mấy trăm năm và làm giàu bằng cách cha truyền con nối. Vì thế, chỉ còn mỗi cách đầu tư cho con cái trong lãnh vực hoc vấn, nó là cái vốn lớn nhất để lại cho chúng sau này.

***

Từ ngày nghỉ hưu, như một thói quen, chiều nào ông giáo cũng khập khiển đi từ nhà ra khu vườn để chăm sóc các loại cây trái, trong đó không thể thiếu các loại hoa bà giáo ưa thích. Khi nắng chiều đã tắt, ông đi về hướng đặt máy bôm nước, được xây bên cạnh dòng sông để mở hệ thống tưới tự động. Ở đó còn có chiếc băng đá đặt dưới táng cây đại thụ, nơi mỗi chiều ông thường ngồi nhìn dòng sông. Người Mỹ gọi nó là sông, thật ra nó chỉ là một con suối, nước chảy quanh năm theo một chiều nhất định. Nó không có nước lớn nước ròng như những con sông miền đồng bằng nơi quê nhà với những giề lục bình trôi đi và quay về theo dòng nước. Để người ta còn thấy ở đó những loài thảo du trôi nổi theo thủy triều nhưng vẫn đơm hoa kết nụ. Và cũng ở đó, có từng đàn cá Hồi biết nương theo dòng nước quay về nơi nó được sinh ra để tiếp tục làm công việc truyền giống.

Chiếc ghế đá và những điếu thuốc vẫn được đốt bên dòng sông, những động tác trở thành thói quen khó bỏ của tuổi già. Bỗng chốc ông giáo nghĩ đến việc bà giáo vừa bàn với ông về

chuyện lập gia đình của cô con gái. Ông biết việc đó rồi phải đến khi thấy con mỗi ngày một đi vào tuổi trưởng thành và nhất là sau khi đã học hành đỗ đạt. Nhưng ông không ngờ sự chọn lựa của con đã gây nên một cú sốc cho gia đình, bà giáo đưa ra cuộc tình của ông bà ngày xưa, chỉ khác biệt trong lãnh vực tôn giáo cũng đã gây cho ông bà biết bao đau khổ. Bây giờ đến lượt đứa con duy nhất này, chẳng những khác biệt về tôn giáo mà còn cả chủng tộc. Theo bà, cho dù con gái có lớn lên trong môi trường giáo dục kiểu Mỹ, tiêm nhiễm không ít tập quán người Mỹ nhưng sự hiểu biết và học vị của nó, có lẽ nó cũng biết và đau khổ không kém ông bà ngày xưa về cuộc tình của mình. Bà nói với ông bằng những giọt nước mắt, bằng tình thương yêu của một người mẹ đối với con là xin ông hãy bằng lòng cho cuộc tình này.

Suy nghĩ và lý lẽ của bà giáo đưa ra, tác động không ít đến ông giáo. Xưa nay vì thương yêu bà, ít khi ông từ chối hay làm những việc ngược lại. Sống với nhau mấy mươi năm, ông hiểu rằng mỗi khi quyết định một điều gì bà giáo đều suy nghĩ, cân nhắc với tất cả sự khôn ngoan và hiểu biết. Cuộc tình của con gái, chắc hẳn cũng đã dày vò và làm cho bà trăn trở không ít. Ông không làm gì khác hơn là chấp nhận để tuổi già của bà không phải khổ tâm thêm. Nhưng sao ông vẫn cảm thấy trong lòng một cái gì đó thật bơ vơ và lạc lỏng.

Chiều nay ngồi trên ghế đá bên dòng sông, ông nhận ra một điều: Lịch sử của một dân tộc, của một đời người, có thể được lập lại nhiều lần nhưng thay đổi lịch sử, thay đổi dòng chảy của một con sông là điều không phải ai cũng làm được. Ông bà đã chọn sống trên một đất nước có truyền thống dân chủ và tự do lâu đời, cũng như chọn ngôi nhà bên dòng sông nước chảy một chiều này như một định mệnh đối với gia đình ông.

Buổi chiều thật buồn bên dòng sông và không biết còn bao nhiêu buổi chiều như thế này sẽ đến với ông trong suốt chuỗi ngày còn lại.

Thu Nga

NỢ NẦN

Thông thường người Việt ta khi sắp bước sang năm mới, hay ngồi tính sổ để xem mình có mắc nợ ai thì lo trả kẻo "dông" cả năm, và cũng phải nhớ kẻ nào còn nợ mình để đi đòi, nếu không thì "tiền để lâu kít trâu hóa bùn". Tính tới, tính lui thì thấy cuộc đời cũng có mắc nợ mình nhưng mắc ít thôi, còm nợ của mình đối với đời thì lại quá nhiều, không biết chừng nào mới trả hết.

Trước tiên, khi ta mới mở mắt chào đời thì đã nợ cha, nợ mẹ. Công cha bao năm chưa trả, nghĩa mẹ chín tháng cưu mang, "bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn..." hay "công cha như núi thái sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Công cha nghĩa mẹ dầu có đầu thai chín kiếp trả nợ cũng chưa hết, đừng nói chi là chỉ có đời này. Khi biết công ơn cha mẹ thì cha mẹ đâu còn ở trên đời mà trả. Mẹ sinh con "mẹ tròn con vuông" thì mẹ tạ ơn trời phật và con cũng phải mắc ơn ông trời luôn. Vì nếu trời không phù hộ cho mẹ "tròn thì" làm sao con "vuông" có thể "ra" và mặt trên cõi đời này được? Lấy chồng lấy vợ phải biết cảm ơn cha mẹ chồng, cha mẹ vợ vì đã sinh ra cho ta người phối ngẫu. Mẹ chồng có ăn ở không phải, nàng dâu cũng phải ăn ở cho hiếu đạo vì "mẹ chồng dữ, mẹ chồng chết, nàng dâu có nết nàng dâu chừa". Nghe "bắc thang lên hái hoa vàng, vì ai cho thiếp biết chàng từ đây" không phải cảm ơn người mai mối là gì?!

Đến tuổi cắp sách đi học, nợ ơn thầy, ơn cô, "nhất tự vi sư, bán tự vi sư", một chữ cũng phải gọi là sư phụ, mà nửa chữ cũng phải gọi sư phụ. Huống chi phong tục đời xưa phải kính trọng, tôn thờ theo thứ tự: "quân, sư, phụ" (vua, thầy rồi mới đến cha). Ơn trường học đã dạy dỗ đào tạo cho ta từ môn đức dục để ăn ở cho phải đạo cả thể dục cho thân thể khoẻ

mạnh vì thân thể khỏe mạnh, có sức khỏe mới làm nên được mọi chuyện "khỏe vì nước kiến thiết quốc gia..." Thầy cô có khẽ trên tay ta mấy cái đau điếng hay lâu lâu bắt quỳ xơ mít thì cũng phải hiểu rằng thầy cô chỉ muốn ta nên người mới trừng phạt vì ta hư mà thôi- "yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi". Nội trong cái việc học hành, thi cử chúng ta cũng mắc nợ cả lô người: nào là biết ơn người đã làm ra bảng đen, phấn trắng, người may cho ta bộ quần áo để mặc đi học hàng ngày. Cảm ơn lọ mực tím đã được những bàn tay ngón nhỏ thon thon nắn nót từng chữ cái. Cảm ơn chiếc nón bài thơ che mưa, che nắng. Cảm ơn đôi guốc Đakao làm dáng nàng thêm đẹp. Mặc áo lụa Hà Đông tha thướt thì nhớ đến người nuôi tằm, dệt vải. Nàng mặc áo màu gì, phải nhớ yêu và cảm ơn màu đó "áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, áo nàng xanh, anh mến lá sân trường, sợ thư tình không đủ nghĩa yêu thương, anh thay mực cho vừa màu áo tím". Chàng trai trong bài thơ của Nguyên Sa coi bộ đang si tình nặng. Cũng như khi yêu nhau, người ta cảm ơn cả con đường cái, cả bờ sông nơi người yêu cư ngụ vì "thương nhau thương cả đường đi", hoặc "yêu cây nên nhớ đến hoa, yêu dì thằng Đỏ, mua quà nó ăn".

Từ lúc Quốc Tổ Hùng Vương dựng nước, bao nhiêu xương máu cha ông đã đổ ra để giữ gìn bờ cõi. Rồi hàng hàng lớp lớp những thanh niên đến tuổi lên đường ngập ngũ làm nhiệm vụ công dân, họ đã nằm gai, nếm mật bảo vệ quê hương để người dân sống yên vui nới thành thị. Tên của các vị anh hùng, dân tộc đã được ghi danh vào sử sách, nhưng cũng có biết bao nhiêu chiến sĩ vô danh đã hy sinh vì tổ quốc. Khi thương yêu các anh chiến sĩ nên phải nhớ ơn những người nhạc sĩ, thi sĩ, văn sĩ đã có những bài hát, bài thơ, câu truyện ca tụng các anh? "Họ là những anh hùng không tên tuổi, sống âm thầm trong bóng tối mênh mông..." Ta biết ơn và thương xót những thương phế binh, suốt cuộc đời trai trẻ, nằm gai, nếm mật, hy sinh gian khổ, máu và mồ hôi của họ đã đổ ra để giữ từng tấc đất, bụi cây, bảo vệ quê hương, nay họ phải sống lây lất, người mất tay, kẻ cụt chân, có người mù cả hai mắt...

Trong tuổi hoa mộng ô mai, lại cảm ơn các chàng chụp hình để các cô các cậu học sinh có những tấm hình điệu điệu, ngây ngô dán vào lưu bút ngày xanh. Các nàng ăn trái ổi, trái cóc tự nhiên phải nhớ "ăn trái nhớ kẻ trồng cây", nếu biết cây nào cho mình trái ngọt thì không quên "ăn cây nào, rào cây ấy".

Khi tối lửa, tắt đèn, họ hàng không có bên cạnh, ta cảm ơn người hàng xóm đã đỡ đần, giúp đỡ chén đường, muỗng muối "bán bà con xa, mua láng giềng gần". Người xưa cũng có câu "giàu vì bạn, sang vì vợ", ta cảm ơn những người bạn thân tình, sống chết vui buồn có nha "bạn bè là nghĩa tương tri, sao cho sau trước một bề mới nên", "bạn vàng lại gặp bạn vàng, long, lân, qui, phượng một đoàn tử linh".

Từ khi sảy đàn tan nghé, dân

Việt lưu lạc bốn phương. Ngẫm nghĩ lại nếu không có bàn tay nhân ái của các những người khác chủng tộc làm sao ta được hưởng những thứ tự do hiện có? Cảm ơn các trường đại học, các giảng sư, mỗi nơi mỗi công đào tạo cho con cháu ta trở thành bác sĩ, kỹ sư, giáo sư v... nhưng ta cũng phải cảm ơn những người đang quét đường, đan làm những công việc chân tay nặng nhọc để chúng ta có con đường bằng phẳng, sạch sẽ mà đi, những building chọc trời để làm việc. Nếu ai cũng ngồi nhà mát, ăn bát vàng làm sao ta có con cá, con tôm từ ngoài biển đưa vào mâm cơm bốc khói của mỗi bữa cơm gia đình? Nếu cô gái nào cũng có tóc dài xỏa phủ bờ vai cho chàng thi sĩ phải thốt:"tóc em dài em cài hoa thiên lý, thấy miệng em cười anh để ý em thương" thì làm sao có bài thơ của thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, ca tụng người em gái có mái tóc con trai demi garcon? Nếu mắt ai cũng to như mắt phượng thì làm sao có người lại tôn thờ một đôi mắt lá răm? Không phải ai cũng thích hàm răng trắng ởn như anh Chà Và, vì thiếu gì những kẻ si tình khi xưa, thích những mợ răng đen hạt huyền?

Khi người yêu bỏ quê nhà, lên tỉnh học đòi làm người thành thị, lúc đó người con trai mới tiếc, mới nhớ, mới mang ơn làm sao mùi hương đồng nội, sắc đẹp mộc mạc của người con gái thôn quê "hôm qua em đi tỉnh về, hương đồng gió nội bay đi ít nhiều"

Nói cho cùng, nếu không có kẻ ác, ta làm sao biết ơn kẻ thiện, nếu toàn người xấu, làm sao có kẻ ca tụng người đẹp tô thắm cho đời thêm hương. Nếu toàn kẻ lùn, người cao không ngẩng cao đầu vì hãnh diện, nếu không có những kẻ đâm sau lưng chiến sĩ, ăn cơm Quốc Gia thờ ma Cộng Sản thì cũng có những người làm chúng ta ngưỡng mộ như chiến sĩ Lý Tống, chiến sĩ Nguyễn Thị Ngọc Hạnh. Cũng phải nhắc thêm vì có những kẻ qua được xứ tự do, liền quên ngay lý lịch của mình để làm tay sai cho Cộng Sản nên tên những vị vì nước đấu tranh vẫn còn ở tại

Việt Nam lại được mọi người kính phục như Bác Sĩ Phạm Hồng Sơn, Bác Sĩ Nguyễn Đan Quế, nhà báo Đỗ Nam Hải v...v...có những vị sư hổ mang, những linh mục, mục sư quốc doanh ta mới thấy hào quang rạng rỡ quanh Hoà Thượng Thích Quảng Độ, Hòa thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Tuệ Sỹ, Linh Mục Nguyễn Văn Lý, mục sư Nguyễn Hồng Quang v.v... còn nhiều và nhiều nữa!

Cổ nhân có câu "thi ân bất cầu báo"; làm ơn cho ai, không cần người trả lại. Nhưng nhớ ơn ai, ta không bao giờ được quên. Báo ơn trong truyện Lưu Bình Dương Lễ thật thâm thúy. Nếu không nhớ ơn bạn hiền ghi sâu tất dạ, thì Dương Lễ đã không để nàng Châu Thị nuôi bạn mình từ lúc sa cơ thất thế cho đến lúc đỗ đạt thành tài. Chuyện ăn khế trả vàng, kể một con chim trả ơn Công Dã Tràng bằng một bao bố vàng, giá trị kếch sù vì chúng đã được ông đãi ăn những trái khế chua rẻ mạt. Trong truyện Tam Quốc Chí, những kẻ làm ơn đã

trả công thật xứng đáng. Như Lưu Bị đã được biết bao anh hùng hào kiệt hy sinh mạng sống của mình để bảo vệ vị vua đầy ân đức này, như Triệu Vân đã liều chết phò Á Đẩu trong trận Đơn Dương Trường Bản. Vì nhớ ơn Tào Tháo đã hậu đãi mình biết bao ơn nghĩa, rồi lại nghĩ đến việc phá ải chém tướng mà đi, nên Vân Trường đã tha Tào tại Hoa Dung lộ. Điêu Thuyền vì nhớ ơn cha nuôi là Vương Doãn, nên hy sinh nhan sắc, danh dự mình, lấy hai chồng để diệt bạo chúa Đổng Trác và kẻ hữu dõng vô mưu Lã Bố để cứu nước nhà qua cơn biến loạn trong vụ án Phụng Nghi Đình. Đường Tăng Tam Tạng vì có lòng bác ái, đã cứu vớt Tề Thiên, Sa Tăng, Bát Giới nên lúc đi thỉnh kinh, các đệ tử đã hết lòng, nhiều lúc hy sinh cả tính mạng để cứu sư phụ, vì vậy ngài mới đến được Tây Trúc hoàn thành sứ mạng.

Nói chuyện ơn nghĩa từ cổ chí kim, biết bao nhiêu truyện mang tính cách khuyên răn người đời ăn hiền ở lành còn ác giả, ác báo. Cứ thi ân đi. Người được ta thi ân không phải lúc nào cũng là người trả ân cho ta, nhưng đời còn dài, ta sẽ được những người khác giúp đỡ trong những cơn hoạn nạn. Hãy nhớ câu: "làm thiện phước có thể không đến liền nhưng họa không đến, làm ác họa có thể không đến liền nhưng phước thì mất hẳn". Hãy làm ơn. Cứ để đời mang ơn ta, người nợ ta nhiều mối ân tình để thấy cuộc sống đầy ý nghĩa. Sống dài bao lâu không cần thiết, sống cho có ý nghĩa mới là điều quan trọng.

Tính sổ đời cuối năm, cảm thấy ơn sâu nghĩa nặng không làm mình mỏi mệt vì trả không nổi, nhưng chỉ thấy một sự cảm động lâng lâng, một ơn phước tràn đầy, một thứ hạnh phúc tự đâu tràn đến, ta thấy may mắn hơn nhiều người bội phần. Cảm ơn đời đã cho ta những người bạn cùng chung chiến tuyến, đã chung lưng đấu cật suốt hơn 30 năm qua. Cảm ơn ta có đôi mắt để nhìn rõ bạn hay thù, cảm ơn đôi tai để ta nghe những lời hay ý đẹp. Cảm ơn cái miệng đã cho thốt những lời tử tế với bạn bè, cảm ơn đôi tay để ta gầy dựng nên sự nghiệp ở đời sau những mất mát đau thương của ngày 30 tháng 4, năm 1975.

Nợ tiền ta nên thanh toán sòng phẳng. Nhưng nợ ân tình, theo kinh nhà Phật, không trả hết kiếp này, kiếp sau trả tiếp vì "nợ tình mang xuống tuyền đài chưa tan" như chuyện Trương Chi Mỵ Nương, hay là "làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai", như nàng Kiều thề thốt với Kim Trọng. Đôi khi "giết không được thì tha" cho kẻ mắc nợ, hoặc "oán báo oán, oán đời đời chồng chất, lấy ân báo oán, oán nọ mới tiêu tan", tuy nhiên, cái nợ mất nước vào tay Cộng Sản ta nhất định phải đòi! Và có một ngày không xa, ta sẽ cảm ơn đôi chân (cứng) hơn đá (mềm) đã đưa tay vượt đường xa vạn dặm tới được bến bờ tự do và đã đưa ta về lại quê hương Việt Nam để hát vang những bài hát ca ngợi quê hương, hát vinh danh những người đã nằm xuống... trên khắp miền đất nước trong một mùa xuân chiến thắng- (đòi được nợ)

Đoàn thy vân

CHUYỆN KHÔNG TƯỞNG

... áo vàng Hoàng thị về đâu
Chiều nghiêng nắng nhẹ ngại ngần Phố xưa...

Đầu tuần Giang nhận tin khách sẽ đến vào ngày thứ năm, thế là mọi việc cần làm Giang đều gác lại chỉ để... chờ trong tâm trạng băng khoăn, cứ như ngày xưa xa nhà, đóng đồn vùng cao, nghe tin người thân hậu phương sẽ lên thăm vậy. Tâm trạng bồn chồn là như thế nhưng hoàn cảnh thì lại khác hẳn vì khách chưa phải là người thân mà là một người mà Giang hằng ngưỡng mộ, hơn nữa lại khá nổi tiếng cả về thanh lẫn sắc, nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Một người nữ viết văn, làm báo lỗi lạc. Một người mà Giang nửa muốn gặp nửa không muốn gặp vì... sợ. (nỗi sợ vô duyên nhất trên đời)

Trước đó vài hôm anh bạn già vốn biết tính Giang thường ham vui kiểu giang hồ tiếu ngạo, lại rất ghét cung cách tiệc tùng đã nhắc nhở: -nhớ đấy nhé gắng lo việc thù tiếp chu đáo, đừng có lơ mơ mà vỡ mặt cả đám đấy. Giang nghĩ thầm: sếp của ông thì ông lo chứ can gì tôi, chỉ tháp tùng cho thỏa tính tò mò thôi. Nhưng vì mến anh bạn già cày hai job, Giang nhận phần tiếp ứng trong mọi trường hợp khả thi. Và để cho bạn thêm phần tin tưởng, Giang quyết định trang điểm cái dáng vẻ bên ngoài của mình bằng một vài hy sinh như: hiên ngang ghé thăm tiệm cắt tóc để làm gọn lại mái tóc bù xù vô trật tự của mình. Lại còn đảo một vòng qua tiệm Ross tự chọn một bộ cánh hoàn hảo nhưng... rẻ tiền nhất, chưa kể là phải ghé Payless Shoe lấy thêm đôi sandal mùa hè của... China. Đối với Giang một người không để ý đến thời trang, tiệc tùng mà được như thế quả là hy sinh lớn, không hiểu vì anh bạn già hay... vì khách.

Chiếc xe cà tàng mới đem đi rửa, trong túi lại thủ thêm tấm check lương mượn trước trả sau. Như vậy là khá hoàn hảo: -Mình chỉ tiếp ứng thôi mà, Giang tự nhũ và an tâm... chờ.

Tối thứ tư dự báo thời tiết đưa tin thứ năm và những ngày sau đó có hai cơn bão đang trên đường đổ bộ. Mưa gío sẽ ngập lụt vài nơi Giang lại đâm lo và thầm nghĩ: chẳng lẽ người khách nổi tiếng này mang giông bão từ trường văn trận bút sang cả lãnh vực thời tiết nữa hay sao.

Theo chương trình đã dự tính là: thứ năm đón khách, tiệc tẩy trần cho đúng tinh thần phim bộ hồng kông, thứ sáu tiệc hàn huyên tâm sư, trao đổi công việc, thứ bảy tiệc chia tay và Chúa nhật khách về lại Thành Cam. Xen kẻ chương trình là hướng dẫn khách đi một vài nơi theo yêu cầu.

Sáng thứ năm trời mưa bão, Giang chỉ biết nằm nhà chờ phone không thấy gọi, e rằng chuyến bay phải hoãn vì thời tiết. Mãi đến chiều anh bạn già đi làm về mới báo khách đã đến và vì bận vài việc riêng, nên chỉ có thể gặp vào tối thứ bảy có nghĩa là không tẩy trần không hạnh ngộ gì cả, gom lại làm chung một chầu cho tiện. Giang thở phào nhẹ nhỏm, nhưng sau đó lại thấy hụt hẫng và tiếc tiếc một điều gì.

Giang đến trước giờ hẹn mười lăm phút, điểm hẹn là Phố xưa một nhà hàng khá nổi tiếng ở vùng Tây Nam này, nơi đây Giang đã đến một hai lần nhưng lần nào cũng đã ngà say và chỉ để bù khú với bạn bè, chưa hề quan tâm đến khung cảnh. Nay đến sớm có chút để ý và lại méo mó nghề nghiệp tự nhũ: -Phố xưa gì mà không thấy phố chỉ thấy trang trí những tre trúc giả, mái lá lợp trong phòng máy lạnh bên cạnh mấy cái lu đựng ngũ cốc làm bằng nhựa dẽo tiếp viên thì đồng phục áo quần kiểu bà ba Nam bộ, không hiểu khách là ngươi văn vẻ thấy cảnh này sẽ nghĩ gì, chưa chừng còn đi một đường báo lã lướt nữa thì chỉ có mất cả giày lẫn dép. Khi anh bạn già đến Giang đem điều này ra nói, anh bạn cười cười: -hôm nay sao cậu lại tỉ mỉ thế, thôi thì cứ xem như bên ngoài là Phố xưa còn trong này là Làng xưa vậy để cho cuộc hạnh ngộ có vẻ là cùng về làng xưa. Giang ức lắm định lên tiếng phản bác thì khách đến.

Dự kiến thì chỉ có khách và một người bạn địa phương kiêm hướng dẫn viên, nhưng phái đoàn lại là ba người. Khách tự giới thiệu là Hoàng, anh bạn của tôi là chủ tiệc bận lo thủ tục ngoại giao giới thiệu mọi người mà quên sắp chỗ vô hình chung Giang ngồi đối diện khách chỉ cách một mặt bàn (không phải một mặt hồ trong thi ca). Lúc ấy Giang chỉ là người dự thính nên có thời gian quan sát Hoàng, cô ấy- vâng, khách chính là nhà văn nữ vẫn thường tự mô tả mình là một phụ nữ gìa và không đẹp ngoại hình. Ngược lại đúng như Giang trước đây đã hoài nghi, bên cạnh cô bạn gái kiêm hướng dẫn viên khá bốc lửa thì Hoàng là một thiếu phụ có thừa nét quyến rũ, không những từ nhan sắc tự nhiên, chẳng có dấu hiệu tham gia của dao kéo, đôi mắt sáng và đẹp được tô điểm thêm một nét chì xanh vẽ khéo. Chắc chắn là làn da mặt rất mịn dưới lớp phấn mỏng làm tăng phần gợi cảm cho chút son hồng trên bờ môi nhỏ, và chiếc mũi thanh tú không cần nhờ silicon nâng đỡ, mái tóc mềm rẽ ngôi lệch rũ xuống ôm lấy bờ vai và khép lại như một hoàn chỉnh điêu khắc mà thượng đế đã ban cho. Ở ngay giữa chỗ chữ V của cổ áo là sợi dây chuyền vàng trắng nhỏ xíu, giữ lấy chiếc mề đay mang thương hiệu Chanel cùng mẫu với đôi bông tai có đính những hạt kim cương tấm, tăng thêm phần lịch lãm. Làm tôn vinh vùng ngực mà ai nhìn vào cũng có thể chóng mặt. Cuối cùng là màu áo, màu vàng tơ quí phái không làm chói mắt nhưng có khả năng trì kéo người đối diện khiến Giang chợt mộng mơ về một thời hoàng thị...

Mọi người đang mãi xoay

quanh về vấn đề chữ nghĩa và nghiệp vụ báo chí, Giang lặng lẽ chiêu từng ngụm bia mát lạnh và tự do chiêm ngưỡng rồi khẻ mĩm cười khi nhớ những dòng chữ trên e.mail sau cùng mà Hoàng đã viết ... “có lẽ khi gặp người...đối diện thì cảm hứng thi ca của anh sẽ... tắt Tivi”.

Dù mĩm cười kín đáo nhưng lại không qua được đôi mắt đẹp của Hoàng đang nhìn thẳng vào mình. Giang hơi ngượng cố quay mặt đi nơi khác, nhưng bất ngờ Hoàng nói: -Anh Giang này, tôi phục anh ghê lắm không có ai làm thơ nịnh đầm được như anh. Giang choáng người và chỉ biết cười trừ. Có thể cái nghiệp làm báo đã vận vào người nên nhận xét của Hoàng khá thẳng thắn và cởi mở khiến không khí bàn tiệc trở nên sinh động hơn trước, Giang cố gắng tham gia vài câu chuyện nhỏ không đầu không đuôi vẫn không dấu được cái dáng vẻ lẽ loi của mình trước đám đông. Ngược lại Hoàng đã làm cho mọi người xích lại gần nhau và trở nên thân thiết hơn ngay cả với Giang dù chỉ mới lần đầu hạnh ngộ.

Bàn tay ướt lạnh của Giang chợt ấm lại khi nắm trọn bàn tay mềm mại của Hoàng để xiết chặt từ giã một hoàng hôn và lời hẹn ngày tái ngộ như một bình minh đang tới trong lòng Giang. Sau những vẫy tay sau cùng chiếc xe chở Hoàng xuôi vào dòng chảy của đèn đêm. Mùi nước hoa Chanel dịu ngọt còn theo Giang về đến tận nhà. Men say không phải đến từ mấy chai bia mà có lẽ đến từ hương thơm thanh lịch của loại nước hoa mang phong cách Châu âu này.

Hệ thống báo do Hoàng làm chủ vẫn theo chân người Việt tha hương đến rất nhiều nơi trên nước Mỹ mênh mông và Thơ thẩn của Giang cũng nương theo chiều gió đi khắp mọi nơi, tuyệt nhiên cả hai người không hề có một lời thăm hỏi. Đã ba mùa bụi Xương rồng bên hiên nhà nở hoa, những tưởng duyên hạnh ngộ đã không còn. Thế nhưng mùi Chanel quyến rũ hôm nào vẫn phản phất trong lòng Giang. Anh bạn già mỗi lần gặp vẫn thường cười cười rồi bảo: Cậu lại lạc vào vùng hoang tưởng nữa rồi, dù biết chỉ là lời nói đùa vẫn khiến Giang thoáng chút ngậm ngùi.

Mùa Thu Hoa Thinh Đốn đẹp đến ngẫn người, những công viên đầy cây Phong lá vàng chen đỏ, luôn quyến rũ khách viễn du, khi cơn gió thoảng qua, những phiến lá mong manh run rẫy lìa cành rơi xuống như trãi thảm mặt đường, Giang có cảm giác là lá kia chưa cam phận xa cành như chính Giang vẫn còn nhớ mùi hương cũ. Hình ảnh buổi hạnh ngộ vẫn còn nguyên trong ký ức, làm sao Giang có thể quên được màu áo vàng tơ quí phái, nụ cười thân thiện như mời gọi nhẹ nhàng của một nhan sắc đang độ chín mùi. Đã ba năm qua, Giang biết Hoàng ở đâu làm gì, đôi lần cũng muốn liên lạc, nhưng lại sợ, đành nén lòng. Thân phận của một gã lang thang như Giang không cho phép mình làm phiền lòng người khác Nhất là với Hoàng đang đánh đu với những nhiêu khê của nghề làm báo. Biết đâu sự im lặng của cả hai lại là điều hạnh

phúc, như đôi tình nhận kia đang lặng lẻ hôn nhau dưới những tầng lá thấp. Giang còn nhớ anh bạn già đã nhiều lần nhắc nhở là Hoàng nhắn Giang nên sáng tác đều để có bài cho báo, anh bạn còn nhấn mạnh là: -gởi Thơ chứ không phải là Thư nhé dù cô ấy là người tự do nhưng là tự do cao cấp cái mơ mộng của cậu lạc hậu lắm rồi. Giang chỉ biết cười trừ vì thực lòng có chút lưu tình nhưng tự biết phận mình, nào dám nghĩ viễn vông. Nhớ thì nhớ thế thôi, đã tuân thủ luật một chiều thì nào ai phiền trách.

Giang đến đây để tham dự ngày hội ngộ cựu quân nhân, một thời lang bạt lội sình vượt núi là chuyện thường có khi dăm ba ngày không thay quần áo, râu tóc lung tung trở thành cái thói quen, lúc nào cũng thích thoải mái. Nay phải bó mình trong bộ veston mua ở cửa hàng may sẳn không đúng cở, lại cà vạt cổ cồn, thêm đôi giày da cứng ngắt quả là một cực hình đối với anh chàng chuyên trị T-shirt quần Jean. Giang hơi lung túng và có cảm giác quê mùa.

Thảm đỏ trải dài từ thềm Khách sạn đến phòng Hội choáng ngợp ánh đèn, người lên kẻ xuống tấp nập, khi được hướng dẫn đến bàn dành riêng, ở đây đã có mặt mấy gã bạn cũ đang tay bắt mặt mừng, Giang mới cảm thấy an tâm. Sau phần nghi thức thường lệ là phát biểu, diễn thuyết xen kẻ văn nghệ giúp vui và dĩ nhiên tại bàn là chén chú chén anh, những bộ đồ vía đi tham dự lệ hội cũng không dấu được cái máu nhà binh một thời nổi dậy. Trên sân khấu ai hát thì cứ hát, ai nói thì cứ nói dưới này chuyện bù khú vẫn nổ như bắp rang. Thêm bia rượu chống sợ hãi thì bây giờ có trời cũng bằng vung. Tướng tá cũng như nhau tất cả là huynh đệ chi binh. Thế những khi người dẫn chương trình giới thiệu phần phát biểu đặc biệt của đại diện làng báo hải ngoại thì tự nhiên không khí hội trường dịu lại, mọi người hầu như đều hướng lên sân khấu, nhưng có lẽ không phải hoàn toàn vì đề tài mà vì người phát biểu là...Hoàng, chính cô ấy chứ không là ai khác. Toàn thân thanh thoát trong chiếc áo dài màu rượu chát, mái tóc dài rẽ ngôi lệch được cài thêm một đóa hồng nhung giản dị nhưng lại không kém phần rực rỡ và quyến rũ lạ lùng. Dù bài phát biểu ngắn gọn trung thực cũng đã bị ngắt quãng nhiều lần vì những tràng pháo tay cổ vũ. Quả thật ngoài tài năng viết lách Hoàng còn có thuật hùng biện vốn chỉ dành cho phái nam, nhất là phát biểu trước một đám đông đa phần xuất thân lính tráng.

Thấy Giang chăm chú hướng lên sân khấu quên cả cụng ly, gã bạn Biệt Đông Quân vốn ba hoa chích choè quay qua rĩ tai: -Tớ đang là đại diện Báo cho Bà ấy tại vùng này. Nếu cậu có nhã hứng thì mai ghé nhà, có buổi tiệc nhỏ chiêu đãi Bà ấy, chắc chắn cậu gặp Bà này sẽ vui lắm, nhưng nhớ giữ mồm giữ miệng đấy. Giang đáp: -Phải gọi là cô chứ sao là Bà kiểu cách thế, nhất định sẽ đến nhưng nhớ phải cho tớ uống thuốc chống sợ hãi đấy. Trong thời gian Hoàng phát biểu

Giang có cảm tưởng như đôi lúc mắt nàng hướng tầm nhìn về phía mình vì bàn Giang ngồi cách sân khấu không xa. Sau khi dứt lời Hoàng trở lại hàng ghế dành cho khách danh dự, Giang không tiện đến chào. Bù vào sự thiếu sót đó Giang tự phạt mình bằng những... chai dầu gió xanh mang hương vị của đất nước Hòa Lan xa xôi.

Quang cảnh xung quanh dần dần im ắng và như trôi vào vùng khói sương mờ ảo, những bước chân mộng du đưa Giang đến gần với Hoàng hơn. Vẫn là cách một mặt bàn nhưng là mặt bàn ở sân lộ thiên của tầng hai khách sạn, ở đây chỉ có hai người và gió. Gió từ sông Potomac thổi lên mát lạnh, đóa hồng nhung rơi xuống, làm tung bay mái tóc rẽ ngôi lệch khiến Hoàng quyến rũ hơn bao giờ hết. Không tự chế được mình Giang chồm hẳn người qua bàn, nắm lấy tay Hoàng, hôn vào má Hoàng với tất cả say mê. Mặt bàn nghiêng dưới sức nặng của đôi bờ vai vạm vỡ, hai người quấn chặt vào nhau tự lúc nào. Mùi da thịt hay là hương Chanel không còn phân biệt được. Hoàng lịm người trong tay Giang và những nụ hôn tham lam khi môi tìm môi gắn chặt không rời ra được nữa. Khi những cúc áo mở toang lộ ra vùng ngực no tròn thịt da rạo rực là lúc ánh trăng non lẫn vào mây như hờn ghen ai đó.Chiếc nịt ngực rơi ra và Giang úp mặt vào với tất cả say mê. Chung quanh quay cuồng, đất trời như đảo lộn thời gian đứng lại và không gian này dường như dành sẳn cho hai người. Không còn thảm đỏ, không áo màu rượu chát không còn những buớc đi đài các không còn tiếng vỗ tay mà chỉ còn hai người khác giống của thời nguyên thủy trên chiếc giường lộ thiên lập lại tội tổ tông truyền. Có tiếng sói gào từ cõi hoang vu nào vọng lại như gây men cuồng dại không ngừng. Hoàng thở dập dồn và Giang không kịp thở, nhịp thời gian không đếm kịp những say đắm chồm lên như bóng ma đè. Khi thân thể cả hai đã ướt đẩm mồ hôi và sự ham muốn không còn kềm được nữa, sắp sửa nổ tung như núi lửa cho nham thạch tràn lan thì bỗng dưng có ai đó kéo Giang đứng dậy. Hóa ra chỉ là... một giấc mơ.

Gã bạn, vâng chính là gã bạn tối qua gọi phone không được đã đến tận phòng dộng cửa đánh thức, bây giờ là năm giờ chiều và Giang thật tình đã mơ giữa ban ngày. Những chai dầu gío xanh tối qua đã phạt Giang đúng nghĩa. Vừa mỏi mệt vừa nuối tiếc giấc mơ Giang tìm cách thoái thác từ chối không đi dự tiệc chiều như đã hứa. Gã bạn càu nhàu: -không đến đó cũng được nhưng đi với tớ ra quán làm vài chai giải cảm cho đời lên hương, cái máu lính của cậu chảy ngược dòng rồi sao.

Thế là Giang lại xiêu lòng, và thay vì đưa Giang ra quán thì hắn lại chở thẳng Giang về nhà.

Nơi đến là một tòa nhà khá đồ sộ xây dựng theo kiểu Châu âu thế kỷ trước có thể goị là một tiểu lâu đài dể chừng độ tuổi cũng cả trăm năm. Gã bạn này ngày xưa cùng lứa với Giang cũng thuộc loại trên răng dưới củ cải ăn cơm lính ở trại lính, đến khi có vợ được cấp cho chỗ trú ngụ là một phòng trong trại gia binh vách ván mái

tôn, nắng nóng như chảo rang, mưa lạnh chí cốt, bà vợ mắn đẻ cứ đều đều năm một. Ở đơn vị hắn là Trung đội trưởng nhưng ở nhà hắn là tiểu đội trưởng cái việc mỗi lần về phép muốn gần vợ là phải chờ cho lũ nhóc đi ngủ hết rồi mới đưa nhau xuống góc bếp nơi để cái giường bố nhà binh và cứ thế mà làm việc vì vậy mấy ông nhóc sinh ra đều đen như ông táo và chen chúc trong căn nhà chưa tới ba chục mét vuông, cực ơi là cực. Bây giờ hắn đang ngự trong tiểu lâu đài này có lẽ nhờ kiếm được cây đèn thần của Aladdin chăng. Theo hắn tâm sự thì quả là của trời cho, lúc mới sang hắn làm vườn cho người sponsor là chủ nhân của ngôi nhà này và là một cụ già cựu chiến binh thuộc đơn vị tác chiến đầu tiên đặt chân đến Việt Nam. Hắn vốn là dân tác chiến, sau ngày đứt phim lại phải đi tù nên cực khổ đã quen lại chịu khó và cần mẫn nên cứ mỗi cuối tuần hắn mang cả vợ con sang thi nhau làm đẹp ngôi vườn, trồng thêm cây quả nhiệt đới và nhất là chăm sóc cho hai con cún mặt mày xấu xí. Ông cụ rất thích và lại thương mấy đứa con của vợ chồng hắn vì chúng rất siêng năng học tập đứa nào cũng ngoan và có tương lai xán lạn, khác với mấy đứa cháu của ông cụ rất xa. Có lẽ vì vậy khi ông Cụ qua đời di chúc để lại hắn được hưởng ngôi nhà với điều kiện chỉ trả mỗi tháng hai trăm mỹ kim cho đến chết là ngôi nhà hoàn toàn thuộc về gia đình hắn và số tiền này gởi thẳng cho quỹ từ thiện của hội cựu chiến binh. Nghe xong Giang thầm nghĩ như vậy là đôi khi ước mơ cũng có thể thành sự thật, nhưng mình có ước đâu chỉ là giấc mơ tự đến thôi mà.

Toàn cảnh bên ngoài ngôi nhà là kiến trúc kiểu Châu Âu nhưng nội thất thì lại đậm đà phong cách Á châu. Đặc biệt khách sảnh

Thì hoàn toàn Việt nam những vật dụng bài trí bên trong đều mang hơi hướng của ba miền đất nước. Khiến Giang nhớ lại ngày nào ở Quán Phố xưa. Và không hiểu làm sao mà gã bạn còn giữ được tấm ảnh đen trắng chụp căn nhà trong trại gia binh ngày nào đã được phóng to treo trên bức tường chính như hậu cảnh của sân khấu. Hắn rỉ vào tai Giang:
-phải như thế thì mấy đứa nhỏ mới nhớ đến quê hương, và không quên những ngày cơ cực.

Sau đó hắn mời Giang ra phía sau, cách vuông sân cỏ là một patio rông lớn, đèn neon hắt ánh sáng màu phỉ thúy vào những lẳng hoa lan đã trổ hoa, quanh lối đi là những cụm dạ lý cũng góp phần tỏa hương thơm ngát. Tiếng nhạc nhẹ có âm hưởng của thính phòng dìu dặt. Có bàn dài trãi khăn trắng đầy ắp thức ăn tự phục vụ. Xa hơn một chút là quầy bar rượu. Ở đó đã có mặt mấy gã bạn lính lác một thời, đến sớm từ khi gia chủ chưa về, đang đấu hót như điên. Thấy Giang đến cả đám nhao nhao kéo Giang vào quầy rượu chào sân. Từ đó khách và chủ cứ tự nhiên như người Hà nội. Thật ra thì cũng là bằng hữu cũ chứ khách khứa gì đâu chỉ có một người duy nhất là khách thì chưa đến. Gã bạn cứ đi ra đi vào có vẻ nôn nóng vì bà vợ đi đón Hoàng vẫn chưa về. Sang tuần

rượu thứ ba thì Hoàng đến, Giang giữ kẻ chỉ dùng bia nên còn khá tỉnh để theo bạn đến chào Hoàng. Sau phần xã giao thường lệ, Giang chỉ nói được một câu: -Rất mừng được hạnh ngộ. Hoàng sửa lại: -Phải nói là tái ngộ mới đúng. Gã bạn ngẫn người: -Thì ra hai người biết nhau. Vì Hoàng là thượng khách nên phải tiếp chuyện với nhiều người gần như là phải trả lời phỏng vấn cho đám bạn rượu vào lời ra.

Giang trở lại quầy rượu và lần này tự rót cho mình một ly cognac nhâm nhi để dằn xuống nỗi cảm xúc đang thừa cơ dậy sóng và lặng lẽ chiêm ngưỡng Hoàng. Vẫn là một màu vàng tơ quí phái nhưng không phải ánh lên từ chiếc áo ngắn thời trang như dạo nào mà là từ chiếc áo dài truyền thống ôm khít lấy thân hình tạo ra những đường cong đầy ấn tượng, vẫn là mái tóc lửng chẻ ngôi rẽ lệch và vẫn là nụ cười hiền cực kỳ quyến rũ. Vẫn là ánh mắt sáng ngời đầy thiện cảm mỗi khi trả lời ai đó. Tất cả là Hoàng. Giang thầm nghĩ phải chi là Hoàng thị của... riêng mình.

Khi đã ngà say Giang tìm một chỗ thoáng ngoài sân, tự khen mình đã tự chế được cảm xúc và cũng tự thưởng một điếu thuốc thơm. Mùi thơm của sợi thuốc virginie bổng dưng nhạt hẳn khi thoảng qua vai Giang một mùi hương quen thuộc, không phải là mùi dạ lý phong lan mà là mùi... chanel ngọt lịm.

-Anh Giang dường như không được vui hôm nay? Hoàng nói.

Giang cười cười: -Vui lắm-vui lắm chị ạ! Làm sao không vui được khi vượt mấy trăm dặm đường đến đây, những tưởng chỉ họp bạn rồi về ai ngờ lại được gặp chị. Và rất mừng khi biết chị được nhiều người hâm mộ (điều này thì Giang chẳng muốn chút nào). -Hâm mộ thì còn xem lại nhưng hâm nóng thì có. Hoàng trả lời với cách nói tếu dễ thương quen thuộc: -Từ chối cách mấy cũng phải nhắp môi một chút rượu bây giờ đang say và bắt đền anh đây này. Anh biết không chỉ vì anh không đến gần Hoàng nên mấy ông bạn lính tráng của anh cứ thi nhau phỏng vấn đủ điều. Giang lại cười: -Dù không làm lỗi nhưng bất kỳ lúc nào cũng sẳn sàng bắt đền cho chị cả, vã lại chị biết không, có biết bao nhiêu người thích ở địa vị của chị lắm đấy, kể cả tôi. -Tại sao? -Đi đến đâu cũng có người săn đón có nghĩa là mình phải có điều gì đó để thu phục được cảm tình của người khác, cứ như hoa phải có hương phấn thì mới quyến rũ được bướm ong phải thế không. Hoàng không vừa: -Chuyện ong bướm là chuyện sinh học tự nhiên, nếu hiểu theo nghĩa khác là không được đâu nhé. -Vâng, vâng tôi không dám lộng ngôn đâu. Hoàng tiếp: -Anh Giang này, anh nói không lộng ngôn là tự dối lòng rồi, không lộng ngôn thì sao anh cứ một chị, hai chị là sao, vã lại anh cũng chưa trả lời Hoàng là anh nghĩ chuyện ong bướm theo nghĩa nào. Thoáng chút bối rối Giang đáp: -Thú thực là cả hai. -Anh dám. Tự dưng máu lính trong Giang nổi dậy: -Dám chứ, chị quên là cánh đàn ông chúng tôi vốn tham lam sao, nhất là trước một đóa

hoa hiếm quí như thế này. Hoàng ngẩn người trong khoảnh khắc và có lẽ vì chút hơi men nên trở thành bạo dạn: -Hóa ra anh vẫn khéo nịnh đầm thế à? Vậy thì anh dám cùng Hoàng đi rước đèn một vòng quanh đây không!? Ngay lúc ấy cũng không thể hiểu ai đã nắm tay ai và cả hai cùng sánh bước. Bóng hai người đổ vào nhau và kéo thành một vệt dài sau lưng họ như vạt váy dài của cô dâu trải trên thảm đỏ.

Đám bạn đang nổ như kho đạn thành Tuy Hạ bỗng dưng im phắc và gã bạn gia chủ thì há hốc mồm ra đầy kinh ngạc khi thấy Hoàng và Giang tay trong tay đến thẳng quầy rượu chia phần mỗi người một cốc.

Khi Giang đưa Hoàng đến trước bức hình trại gia binh cũ đã phóng lớn, ánh đèn trần hắt xuống bóng hai người lại đổ vào chính cửa của căn phòng lợp tôn trong bức hình ấy. Hoàng hỏi: -Anh đã từng ở đây – Chỗ này là của gia chủ đấy còn anh ở phòng độc thân cũng không hơn gì nơi này. Hoàng nhận xét: -Trông thê thảm quá, chiến tranh đã qua rồi nhưng sao các anh lại thích giữ những hình ảnh này. Lập tức Giang thay đổi cách xưng hô: -Hoàng này, em này, đối với ai khác có thể là kỷ niệm nhưng đối với bọn anh đó là một nhắc nhỡ thường xuyên cho một đoạn đời bi tráng đã qua nhưng vẫn còn đứng lại trong lòng mỗi người lính lưu vong, và riêng anh luôn hãnh diện đã một thời ở đó. Hơn nữa lại còn muốn được sống tiếp cuộc đời như thế vì nó gần, nó thực với bản chất con người và nó là một biểu tượng cho thế giới thấy được lòng yêu nước thông qua sức chịu đựng của người lính. Dù bạn anh đang ở trong dinh thự này, hoặc anh đang lang thang phiêu bạt thì tụi anh vẫn còn một điểm tương đồng một niềm kiêu hãnh chung vì tụi anh là... những người lính cũ. Và riêng bên anh thì lại đang có một người mà chỉ mới nghĩ tới thôi cũng đã là hạnh phúc.

Không khí tự dưng trầm xuống, mơ hồ ánh đèn trần không còn chiếu sáng và bất ngờ Hoàng ôm chặt lấy Giang. có những giọt nước mắt rơi trên vai Giang lặng lẽ. Làm sao môi chẳng tìm môi cho nước mắt không còn ràn rụa nữa. Làm sao cưỡng được khi ước mơ biến thành hiện thực. Và Giang chợt hiểu một điều: thì ra trong tim người phụ nữ dù có quyền lực, bản lãnh hay thành đạt bao nhiêu, vẫn còn nguyên một chỗ để lưu tình, điều đó đã trở thành thuộc tính không thể nào thay đổi. Hạnh phúc, khổ đau cũng từ đó mà ra. Riêng Giang dù đã cố tình vẫn không thể nào trấn áp được dục tính của chính mình. Vấn nạn của đời người đã trở thành định mệnh. Và dù vật đổi sao dời, nhiễu nhương dâu bể thì người lính cũ chắc chắn vẫn còn nguyên những tự hào, họ có thể là thương binh nhưng dứt khoát không là phế binh.

Có lẽ rừng lá phong vàng vùng Hoa thịnh đốn cũng đã đến lúc đổi màu. Và ngoài kia nước sông Potomac đang chảy ngược dòng lặng lẽ. Cho ngọn thu phong đưa người gần lại với người.

Hoa Thịnh Đốn Mùa Thu

KHA LĂNG ĐA

KỶ VẬT CỦA MẸ

Sau Tết Trung Thu, mẹ tôi lâm bệnh gần nửa tháng mới bình phục. Chị tôi và tôi phải làm công việc nội trợ và lo săn sóc thuốc thang cho mẹ. Anh tôi thì ngày ngày phải lèo lái thuyền ra khơi từ lúc trời vừa rạng đông, đến hoàng hôn anh mới trở về.

Cơ nghiệp của gia đình tôi phải bán hết phân nửa sau khi cha tôi qua đời vì thuyền đánh cá không được nhiều so với lúc cha tôi còn mạnh khỏe, ông ra khơi chuyến nào về, tôm cá cũng chở đầy khoang. Anh tôi trong lứa tuổi thiếu niên phải rời xa mái trường để thay thế cha tôi, chỉ huy hơn mười người "bạn biển" trên hai chiếc thuyền buồm đánh cá ngoài xa khơi. Tuy chưa đủ khả năng và không có kinh nghiệm để tiếp tục sự nghiệp của cha tôi nhưng anh vẫn can đảm nhận lãnh trọng trách nặng hơn sức gánh vác của anh. Từ một bạch diện thư sinh khôi ngô, tuấn tú, anh trở thành một ngư phủ dày dạn phong sương, da sạm đen vì nắng biển. Gương mặt anh thêm nét cương nghị nhưng luôn đượm vẻ lo âu. Có lần tôi bắt gặp anh khóc khi nhìn mẹ tôi chịu khổ nhọc, ngồi cặm cụi nướng những cái bánh quay vạc để đem đi bán. Lúc đó, lòng nghe đau nhói, tôi vội quay mặt bước đi và nước mắt cũng trào tuôn. Một đôi thuyền đánh cá đã đem lại sự cực thịnh cho gia đình tôi ngày xưa, nay chỉ còn một chiếc. Vì kéo dài thời gian đi biển, không sửa chữa đúng lúc nên nó bị vô nước quá nhiều phải kéo lên bờ. Quá lo buồn vì không có tiền mua vật liệu để cứu vãn chiếc thuyền ấy nên mẹ tôi ngã bịnh. Kể như gia đình tôi bị sạt nghiệp.

Anh tôi xin vào làm việc trong Hội Đồng Xã với chức vụ Ủy Viên Thanh Niên để kiếm ít đồng tương phụ giúp mẹ tôi nuôi sống gia đình. Mẹ tôi phải thức khuya, dậy sớm lo công việc mưu sinh hằng ngày. Mùa Hè ở nhà, chị tôi giúp mẹ tôi làm bánh còn tôi bưng thúng bánh đi bán dạo khắp xóm làng. Hôm nào bán được nhiều bánh, lòng tôi vui mừng khôn xiết vì tôi sẽ được nhìn nụ cười tươi nở trên gương mặt héo hắt của mẹ tôi. Hôm nào bán ế, tôi buồn, ứa lệ, đi

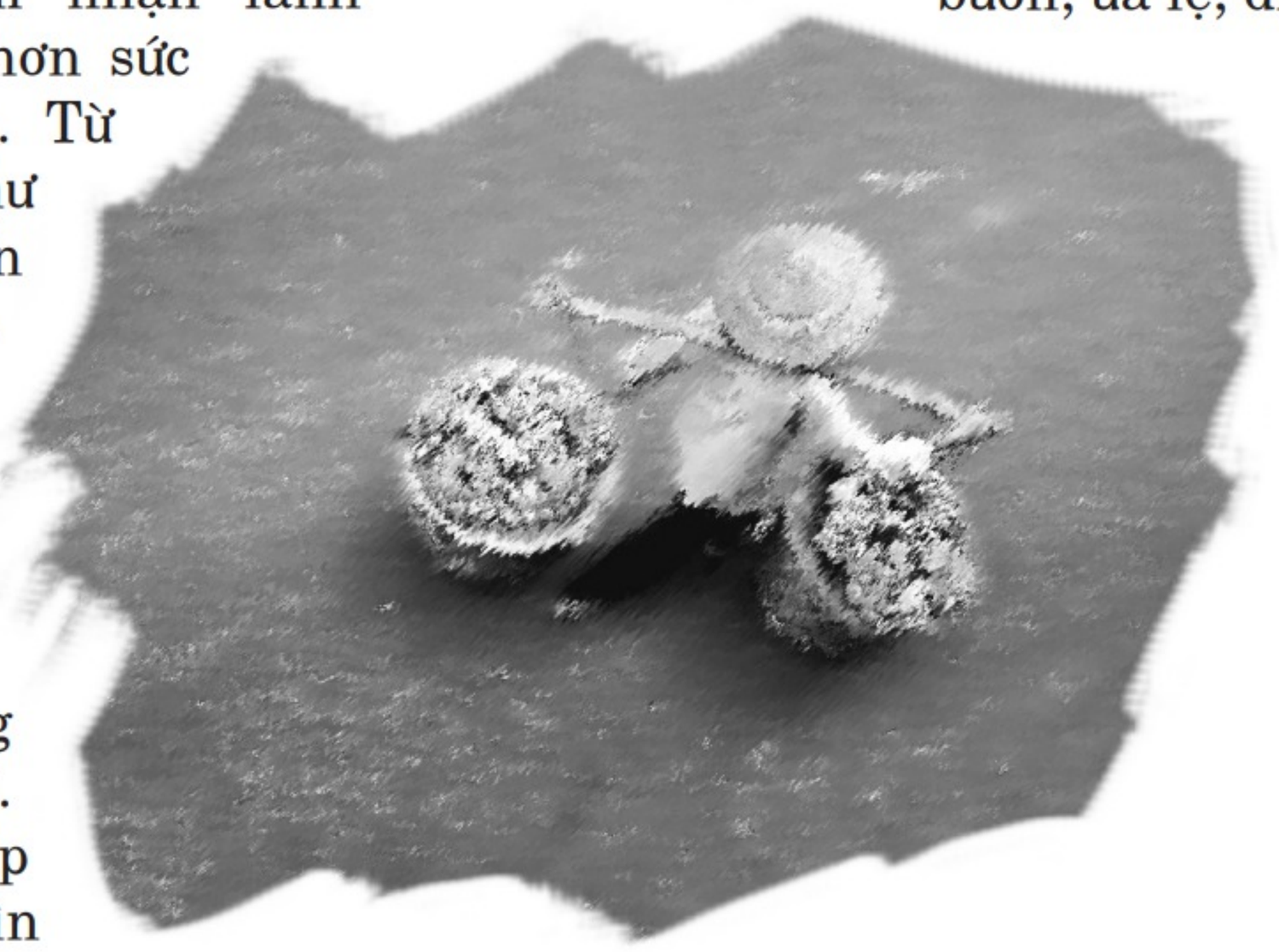

thất thểu trở về nhà. Tôi không dám nhìn mặt mẹ vì tôi sợ thấy được nỗi âu lo hiện lên trong ánh mắt mẹ hiền.

Mới vừa bình phục, mẹ tôi đã lo đi chợ mua bột, đường vè làm bánh. Anh tôi cản ngăn mẹ:

- Mẹ hãy nghỉ ngơi cho khỏe, nhà mình có thiếu thốn, con sẽ mượn trước tiền lương đưa cho mẹ. Mẹ còn yếu lắm, đừng rán sức lỡ bị bịnh lại thì khổ lắm đó mẹ.

Mẹ nghe lời anh tôi nghỉ ngơi được vài ngày lại tiếp tục quạt than, nướng bánh. Trời đổ mưa Thu dai dẳng ngày nầy sang ngày khác, tôi không đi bán bánh dạo được chỉ giúp mẹ tôi đem bánh đi bỏ mối cho vài tiệm cà phê quen thuộc. Ïường làng trơn trợt khiến tôi suýt ngã mấy lần nhưng gượng được. Tôi bảo vệ những cái bánh nằm trong thúng được bọc kín bởi vãi áo mưa còn hơn bảo vệ bản thân tôi. Những cái bánh ngọt bán ra cho người đời ăn vặt mà đã làm tổn hao biết bao công sức và tâm trí của mẹ tôi. Tôi thường ngồi quạt mát cho mẹ vì hơi nóng của lò than làm mẹ đổ mồ hôi. Tôi chạnh nhớ đến cha tôi. Nếu cha còn sống thì mẹ tôi đâu có khổ, anh chị em tôi chưa bị vướng bụi đời trên mái tóc xanh. Đúng là con không cha như nhà không nóc nhưng chúng tôi còn được sự chở che của mẹ với tình thương bao la như biển cả.

Chiều nào thấy mẹ có vẻ mỏi mệt, chị tôi cũng lấy dầu Nhị Thiên Đường để xức và xoa bốp lưng cho mẹ. Một hôm tôi nghe chị tôi thỏ thẻ nói với mẹ:

- Con thấy mẹ đã yếu sức nhiều rồi, con muốn xin thôi học, ở nhà để phụ giúp mẹ, chỉ để cho em con nó đi học vì nó là con trai, sau nầy nó phải tranh đua với đời còn con chỉ muốn được kề cận bên mẹ, giúp mẹ đỡ bớt sự nhọc nhằn. Nếu để mẹ chịu cực khổ quá, mẹ bị bịnh mà chết, tụi con sống với ai đây?!

Nói đến đây, chị úp mặt trên lưng mẹ mà khóc. Tôi cũng rướm nước mắt theo chị. Mẹ xoa đầu chị, khuyên bảo:

- Con đừng có dại dột. Mẹ mong muốn hai con đi học để biết được điều hay, lẻ phải, sau nầy làm việc văn phòng, sung sướng tấm thân, không phải cực khổ đi làm thuê làm mướn cho người ta. Nhân bất học bất tri lý con có biết không? Bỏ học thì con sẽ dốt nát, thiên hạ chê cười. Vì hoàn cảnh, anh con đã nghỉ học, nay mẹ không đành lòng để cho con thôi học nữa.

Chị tôi nắm tay mẹ, nghẹn ngào nói:

- Thà là con mang tiếng thất học mà con không bị mất mẹ, thấy mẹ khổ nhọc vì các con, con rất đau lòng.

Mẹ dỗ dành chị tôi:

- Mẹ biết liệu sức mẹ, con hãy tiếp tục đi học với em con. Con là một đứa con hiếu thảo nhưng không có sự hiếu thảo nào hơn là vâng lời mẹ dạy. Hãy hứa với mẹ đi con!

Chị tôi gạt lệ, run run nói:

- Con xin nghe lời mẹ dạy.

Mẹ cười tươi, nhìn chị với ánh mắt bao dung:

- Vậy mới phải là con cưng của mẹ chớ! Gần đến ngày tựu trường rồi. Trong niên học mới, mẹ sẽ

may cho con và em con mỗi đứa hai bộ đồ đồng phục để mặc, đi học và mua áo mưa, cặp mới cho hai con.

Chiều hôm đó, mẹ dẫn tôi và chị tôi đến tiệm may của ông Sáu Cát để đo ni quần áo và đặt may cho tôi hai cái áo sơ mi ngắn tay trắng và hai cái quần xà lỏn đen có hai sọc trắng ở hai bên ống còn chị tôi thì hai bộ đồ áo tay phùn ngắn tay trắng với quần dài đen. Đó là đồng phục của học sinh trường tiểu học ở làng tôi thuở đó. Mẹ dẫn chúng tôi đi mua áo mưa, cặp da, tập giấy trắng tinh, viết mực, viết chì, giấy chặm.

Đón nhận những học cụ và quần áo mới do mẹ mua sắm, tôi nghe lòng tràn ngập nỗi hân hoan. Chợt tâm tư tôi dấy lên một sự hòai nghi. Lúc về nhà, tôi nói riêng với chị tôi:

- Tiền lương của anh mình đem về chỉ đủ trả nợ tiền thuốc Bắc trị bịnh cho mẹ do Bà Tư cho mượn và tiền mua chịu của quán bả nữa. Hổm rày làm bánh chỉ đủ ăn qua ngày, vậy tiền ở đâu mà mẹ may quần áo, cặp da, tập vở, viết mực cho mình. Chắc là mẹ vay mượn tiền của người ta. Sao em nghi quá chị ơi! Nếu đúng như vậy thì tội nghiệp cho mẹ quá. Chị nghĩ sao?

Thoáng buồn, chị tôi nói:

- Chị cũng đang thắc mắc như em, để ngày mai chị sẽ hỏi khéo mẹ.

Sáng hôm sau, lúc phụ giúp mẹ nướng bánh chị tôi hỏi mẹ:

- Từ khi mẹ bị bịnh, nhà mình bị thiếu hụt vậy chớ tiền ở đâu mẹ mua sắm quần áo và sách vỡ cho tụi con hở mẹ?

Tôi đứng núp bên vách nhà bếp lắng nghe mọi chuyện. Mẹ tôi ngập ngừng, trả lời:

- Mẹ mẹ để dành tiền từ lâu... con đâu có biết. Con thắc mắc việc đó làm chi? Mẹ lo cho hai con đầy đủ là mẹ mừng rồi, có thương mẹ thì hai con rán học cho giỏi.

- Trong cảnh nghèo của nhà mình, con biết mẹ không thể nào để dành tiền cho được. Dù thiếu thốn mẹ cũng cố lo cho tụi con ăn uống đầy đủ.Vậy thì làm sao có dư tiền mà mẹ để dành?

Có lẽ lúc đó mẹ tôi bị lúng túng nên mẹ im lặng hồi lâu mới trả lời:

- Con đừng có hạch hỏi mẹ nữa. Mẹ không có lỗi gì với các con đâu.

Chị tôi nói với giọng xúc động:

- Con biết mà mẹ, con và em con rất đau lòng khi nghĩ rằng mẹ đã vay mượn tiền để lo cho tụi con.

Bỗng khám phá được điều gì, chị tôi nói trong sự sửng sốt, vội vã:

- Đôi bông tai của mẹ đâu rồi, sao mẹ không đeo. Mẹ đã kể cho con nghe đó là kỷ vật của mẹ trong ngày cha cưới mẹ, chính tay bà ngoại đã đeo đôi bông tai cho mẹ trước bàn thờ tổ tiên. Nay có phải vì lo cho hai con mà mẹ đem bán kỷ vật ấy không mẹ?

Chắc mẹ tôi ứa lệ vì mẹ không muốn lẫn tránh sự thật nữa nên chị tôi bật khóc. Tôi rón rén đi vào nhìn thấy chị tôi đang gục đầu trên vai mẹ tôi. Mẹ cũng đang khóc. Nghe lòng đau nhói, tôi vội quay đi thì gặp dì Sáu vừa vào đến nơi. Tôi khoanh tay chào

dì. Có lẻ dì đi chợ về nên tay dì đang bưng một thúng nặng thực phẩm. Dì đặt cái thúng trên bộ ván cạnh lò nướng bánh của mẹ tôi rồi đến cầm tay mẹ tôi:

- Tôi đi Bến Đình nửa tháng nay mới về, nghe nói chị bị bịnh tôi ghé thăm. Bữa nay chị mạnh chưa, chị hai?

Mắt vẫn còn đầm đìa ngấn lệ, mẹ tôi buồn thảm, nói:

- Cám ơn dì, bữa nay tôi đã mạnh.

Chị tôi lau nước mắt, cúi chào dì Sáu. Dì Sáu vuốt tóc chị rồi nhìn mẹ tôi, ôn tồn nói:

- Nãy giờ tôi đứng nép bên cửa, nghe hết rồi. Thôi thì chị và sắp nhỏ đừng buồn nữa. Tôi sẽ chuộc lại đôi bông tai cho chị.

Mẹ tôi ái ngại nói:

- Dì đừng làm như vậy, không được đâu dì Sáu, dì cũng nghèo chớ khá giả chi đâu mà lo cho mẹ con tôi.

Dì Sáu vừa an ủi vừa nài nỉ mẹ tôi:

- Chỗ chị em với nhau, sao chị lại phụ lòng thành thật của tôi. Chị đừng buồn nữa, sông có khúc, người có lúc. Nhớ hồi chạy giặc về, mẹ con tôi nghèo khổ, bơ vơ nhờ một tay chị đùm bọc, chở che, ăn ở trong nhà chị mấy năm trường. Chị đã giúp tôi có được một mái nhà để đụt nắng, che mưa trên một phần đất hương hỏa của ông bà. Nhờ vậy mà mẹ con tôi được sống ấm no. Công ơn của chị cả đời mẹ con tôi cũng không trả hết. Nay chị lâm vào cảnh thiếu thốn phải bán đôi bông tai kỷ niệm ngày xuất giá, tôi nỡ lòng nào ngoảnh mặt làm ngơ. Nếu vì chị mà hy sinh cả mạng sống của tôi, tôi cũng dám làm.

Nói đến đây dì Sáu rươm rướm nước mắt. Mẹ tôi khẽ thở dài. Như để xua đi nỗi buồn đau của mẹ tôi, gương mặt dì Sáu bỗng trở nên tươi tắn. Dì lấy trong thúng ra một gói trầu cau bọc trong lá chuối, một miếng thịt heo, mấy trái cam và khoảng mười trái mãng cầu rồi gọi chị tôi lấy cho dì cái mâm thau. Dì để các thứ vào mâm rồi nói với mẹ tôi:

- Đây là trầu cau tôi mua biếu chị với lại nửa kí lô thịt nạc, nửa chục cam và một chục mãng cầu để chị ăn cho lại sức.

Mẹ tôi nắm tay dì Sáu, cảm động nói:

- Dì tới thăm tôi là quí rồi còn mua trầu cau và đồ ăn chi cho tốn tiền!

- Có tốn hao bao nhiêu đâu chị.

- Tôi xin cám ơn dì.

Dì Sáu từ giã mẹ tôi để ra về. Mẹ tôi đưa dì tới cửa trước rồi trở lại tiếp tục làm bánh với chị tôi. Tôi cũng phụ giúp mẹ quạt than lò nướng bánh. Chị tôi buồn nói:

- Tụi con đâu có đòi quần áo mới, cặp da và áo mưa mà mẹ phải cầm bán kỷ vật quí báu của mẹ, hay là con đem bán các thứ đó cho bạn bè con để chuộc lại đôi bông tai cho mẹ?

Mẹ tôi lắc đầu:

- Không được đâu con. Chuyện đã qua rồi con đừng nhắc lại nữa. Hai con hãy nhận các thứ đó như đón nhận tình thương của mẹ. Dù mất những gì quí báu nhứt của mẹ để đánh đổi được tương lai tươi sáng cho hai con mẹ cũng không tiếc, kể cả cuộc đời mẹ.

Chị tôi lại xúc động, muốn

khóc:

- Con không nhắc chuyện ấy nữa đâu. Con xin đội ơn mẹ, đừng buồn nữa nha mẹ!

- Ừ.

Cả ngày hôm ấy đi bán bánh dạo qua các xóm thôn, lòng tôi cứ miên man suy nghĩ phải làm sao để chuộc lại kỷ vật cho mẹ tôi. Mặc dù dì Sáu đã hứa sẽ làm việc đó nhưng tôi thắc mắc tại sao dì không hỏi đôi bông tai mẹ tôi đã cầm bán ở đâu thì khó mong mà chuộc được. Tôi lại trách mình không tin tưởng dì Sáu vì xưa nay dì chưa bao giờ thất hứa với mẹ con tôi. Dượng Sáu chẳng may chết trong khói lửa chiến tranh nên dì dẫn ba đứa con thơ về sống nương náu với gia đình tôi một thời gian. Trong cảnh mẹ góa con côi, dì Sáu sớm hôm tần tảo, tính tình hiền lương, phúc hậu, thật thà, chất phác nên ai cũng mến thương dì.

Nhà dì Sáu ở trong Xóm Rẫy, tọa lạc giữa vườn mãng cầu do mẹ con dì trồng trọt, vun bón mấy năm qua. Chung quanh vườn, dì trồng cây so đũa cành lá xanh mượt, trổ đầy hoa trắng giữa mùa mưa. Hè nào tôi cũng vào nhà dì Sáu để cùng hai đứa con trai của dì là thằng Giúp và thằng Vững đi giăng lưới mảnh ở những đầm nước lợ để bắt cá đối nhọn về cho dì Sáu nấu canh chua với bông so đũa cho chúng tôi ăn cơm trưa. Những bữa cơm đạm bạc mà ngọt ngào hương vị yêu thương, tôi không thể nào quên được. Đứa con gái út của dì Sáu tên Nhà. Cô bé nầy rất dễ... khóc và khóc dai nên tôi đặt tên cho cô ta là Nhè. Biết được chuyện nầy, mẹ tôi mắng tôi:

- Sao con dám sửa cái tên mà dì Sáu đã đặt cho em con? Con bậy bạ lắm đó.

Tôi xin lỗi mẹ:

- Con xin lỗi mẹ. Con gọi vậy cho vui thôi có ngờ đâu... con tầm bậy!

Cô bé nầy thường lấy cơm rượu của dì Sáu làm cho tôi ăn mỗi khi tôi vào vườn vì cô biết tôi ưa món nầy. Cô thích xem hình hát bội nên thường đưa giấy trắng cho tôi vẽ hình "Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu" hay "Thần nữ dâng ngũ linh kỳ" để tặng cô. Hình ảnh dì Sáu gánh hai thúng mãng cầu đầy vun, đi thoăn thoắt trên đường quê cho kịp phiên chợ sớm luôn in đậm giữa hồn tôi. Tôi thương dì Sáu vì mẹ con dì đồng cảnh ngộ với mẹ con tôi hiện tại.

Tôi không muốn dì Sáu phải tốn tiền chuộc lại đôi bông tai cho mẹ tôi vì tôi thấy tội cho dì quá. Tôi nghĩ đến cách đánh bẫy chim khoen để đem đi bán, loài chim lông màu xanh mắt có viền trắng, ăn trái mãng cầu và hót rất vui tai. Tôi chỉ cần làm một cái lồng treo ngoài vườn nhà dì Sáu, để những trái mãng cầu chín vào bên trong, kéo cửa lên, cột một sợi dây nhợ ở phần dưới của cửa lồng, chuyền vào chỗ cây rậm, ngồi ẩn núp, khi đàn chim khoen rủ nhau vào lồng ăn trái ngọt, tôi sẽ giựt dây cho cửa lồng sụp xuống để nhốt chúng lại. Bây giờ là mùa mãng cầu chín rộ quyến rũ chim khoen đến rất nhiều. Nếu tôi thực hiện được "kế hoạch" nầy chắc sẽ thành công. Niềm hy vọng đang rực rỡ giữa tâm hồn tôi như vườn hoa đua nở chợt tiêu

tan trong thoáng chốc khi tôi nhớ tới lời mẹ tôi răn dạy, không cho tôi bắt những con chim, sáo hiền lành kể cả việc hốt tổ chim. Dì Sáu cũng ngăn cấm các con dì như vậy. Thôi thì tôi đành chịu bó tay!

Tôi thở dài, nghĩ đến cách nuôi gà, vịt để bán trong dịp Lễ Nghênh Ông của làng tôi vào tiết Trung Thu. Đó là ngày ngư dân mở hội theo truyền thống của tổ tiên, vui hơn Tết Nguyên Đán. Nhưng lễ ấy đã qua rồi, tôi phải chờ đến sang năm. Thời gian dài đăng đẳng để kiếm ra tiền thì làm sao chuộc kịp đôi bông cho mẹ tôi. Tôi chợt nhớ tới Ba Năm, người láng giềng cũ và cũng là người bà con của cha mẹ tôi khi nhà tôi còn ở Xóm Rẫy. Ba Năm rất yêu thương anh chị em tôi. Tuy gia đình tôi đã dọn về ở Xóm Chợ nhưng tôi thường về thôn cũ để thăm Ba Năm, để ngắm nhìn lại hòn non bộ trước nhà do bàn tay mỹ thuật của ông xây, có chùa chiền trên núi, có lạch nước dẫn vào động Đào Nguyên, có đủ bộ ngư, tiều, canh, mục. Ba Năm làm vườn và nghề phụ của ông là thợ mộc, làm đồ chơi trẻ con. Tôi sẽ thú thật với Ba Năm về chuyện kỷ vật của mẹ tôi và mượn tiền để chuộc lại đôi bông tai cho mẹ tôi rồi sẽ trả tiền nợ khi tôi bán gà vịt vào dịp Tết Trung Thu năm sau. Lòng tôi bỗng nghe rộn rã trong dự tính nầy như vùng đất khô cằn, nứt nẻ được đón trận mưa rào. Thúng bánh bán đã hết, tôi hân hoan, bước mau về nhà để cho chị tôi biết ý định của tôi, chắc chị sẽ vui mừng, hớn hở.

Chị tôi và tôi còn đang lo tính cách kiếm tiền thì sáng hôm sau, dì Sáu đến trao cho mẹ tôi đôi bông tai, kỷ vật của mẹ. Dì tươi cười, dí dỏm nói:

- Tôi đã chuộc lại được đôi bông tai cho nàng dâu, hãy giữ nó làm kỷ niệm của chú rể đến trọn đời.

Nụ cười vừa nở trên môi mẹ tôi bỗng bị méo lệch vì mạch cảm trong lòng mẹ khơi dậy cho đôi dòng nước mắt trào tuôn. Mẹ không nói được lời nào. Dì Sáu nắm tay mẹ:

- Thôi, chị đừng có buồn nữa. Việc tôi làm so với công ơn của

chị đối với tôi như cục đá nhỏ bên cạnh hòn núi lớn. Từ nay có gì thắt ngặt xin chị cho tôi biết nghen chị!

Mẹ tôi gạt lệ nói:

- Cám ơn dì đa thương đến mẹ con tôi. Làm sao dì biết tôi cầm đôi bông tai ở đâu mà đến chuộc?

- Ở làng nầy chỉ có một chỗ độc nhứt cho người ta cầm bán nữ trang và đồ quí giá là nhà bà Bảy. Tôi quen với bà Bảy, trình bày mọi việc, bả đòi hỏi phải có chị đến bả mới cho chuộc. Tôi phải năn nỉ và ký tên vào giấy cam kết do con bả viết, bả mới cho chuộc.

Dì Sáu còn tặng cho chị tôi một cây dù màu hồng và cho tôi một cặp gà tơ. Dì bảo tôi rán nuôi cho gà đẻ trứng để nhơn giống lên dần dần thành nhiều bầy rồi bán kiếm tiền giúp mẹ tôi. May mắn thay! dự tính của chị em tôi được hình thành một phần. Chúng tôi chỉ còn mua một bầy vịt con nửa là xong. Dù kỷ vật của mẹ tôi đã được chuộc lại nhưng chúng tôi vẫn thực hiện "kế hoạch chăn nuôi" để kiếm tiền trả lại cho dì Sáu, nếu dì Sáu không nhận thì chúng tôi sẽ trao tiền ấy cho mẹ tôi.

Trong một buổi sáng ngày khai trường, chị em tôi dậy thật sớm, mặc quần áo mới, ăn cháo trắng với cá kho tiêu, sửa soạn cặp sách rồi phụ mẹ tôi quạt than lò nướng bánh. Khi mặt trời mùa Thu vừa lên, tỏa ánh nắng ban mai hiền dịu lọt qua song cửa, mẹ tôi bảo:

- Hai con chuẩn bị đến trường đi kẻo trễ.

Chị tôi và tôi ôm cập đến trước mặt mẹ, cùng khoanh tay, đồng nói:

- Thưa mẹ con đi học.

Mẹ nhìn chúng tôi bằng ánh mắt mênh mông niềm trìu mến, yêu thương:

- Hai con rán lo học hành chăm chỉ cho mẹ mừng. Thôi đi đi con!

Chúng tôi bước ra khỏi nhà thì nắng ấm đã tràn ngập cả lối đi. Từng đám mây trắng trôi bồng bềnh giữa bầu trời xanh vô tận. Gió biển thổi lộng về xóm làng mang theo âm thanh tiếng sóng vỗ rì rào. Tiếng chim sẻ ríu rít trên những mái nhà ở hai bên con đường dẫn đến trường làng. Chị tôi giương cây dù lên ngắm nghía rồi che lên đầu. Tôi đi sát bên chị để núp bóng cây dù của dì Sáu tặng cho chị. Tôi nghĩ chị tôi che dù không phải vì trời nắng đến độ nóng bức mà vì chị muốn được che chở bởi bóng mát tình thương của cây dù kỷ niệm. Nắng trên cao đổ xuống đỉnh cây dù, tỏa ánh sáng màu hồng trên khuôn mặt của chị tôi càng thêm xinh xắn. Bỗng tôi quay lưng nhìn lại phía sau, thấy mẹ tôi đang đứng trước thềm nhà trông theo chúng tôi. Tôi vội nói với chị tôi:

- Mẹ đang nhìn theo mình kìa chị!

Chị tôi cũng quay lưng, đứng lại nhìn mẹ. Mẹ cười, vẫy tay với chúng tôi. Chúng tôi cũng cười tươi và vẫy tay với mẹ. Tôi thấy mắt chị tôi bỗng giăng màn lệ mỏng và mắt tôi bỗng thấy nhạt nhòa hình bóng mẹ.

Phạm Ngũ Yên

Măng Mai Ngậm Ngùi

Cổng trường khép lại trong trí nhớ tôi từ một mùa đông. Những cây bàng sần sùi có nhánh khô ran oằn oại tiếc nhớ một thời xanh của lá. Tiếng chim rụng xuống no tròn như một giọt mực lầm lỡ trên trang giấy đời. Từng cơn mưa trái mùa bay qua thành phố biển của tôi, buổi sáng nay vừa nghe tin bão.

Cơn bão số 9 xuất xứ từ Philippines thổi qua Việt Nam, tàn phá 12 thành phố miền Nam, trong đó thiệt hại nặng nhất là Vũng Tàu và Bến Tre. Durian, tên của cơn bão có nghĩa là "sầu riêng" đúng như tên gọi.

Tôi một mình ngồi nghe lại khúc mưa quen. Mười tám tuổi vầng trán chưa gợn một suy tư và tâm hồn êm đềm như một dòng sông quê ngoại. Thoáng chốc, nỗi buồn chen vai để bước qua đời.

Có những buổi sáng chủ nhật hồn nhiên tôi theo chân Măng Mai đến nhà thờ. Lòng rộn ràng tiếng chuông kêu gọi một mùa Lễ nhưng không biết phải làm sao để thánh thiện như nàng.

Ngôi trường chúng tôi học nằm bên kia. Một hàng dâm bụt phân chia hai hướng, cùng chia hai góc đời. Những cây sao già không biết nói để tôi gởi theo tiếng gió lời tỏ tình. Con chim én làm tổ trên nóc chuông, từ một mùa thu, không ai biết chỉ một mình tôi biết vì một lần tôi theo ông Từ phụ quét dọn lại. Từ trên cao nhìn xuống, tôi biết thành phố tôi đẹp và thơ mộng như một bài thơ. Con đường ra biển có hai hàng cây bàng già nua đang rãi lá màu vàng đỏ xuống mặt nhựa bụi bậm. Gió luôn luôn xô giạt chúng về một phía như xua đuổi một hạnh phúc lạc lỏng. Mùa thu và mùa đông lại còn có thêm những con sâu nằm trong các cuống lá bàng. Tuổi học trò của tôi cũng vui nhộn theo từng cuống lá đem theo những con sâu như vậy. Ïôi khi chúng rơi xuống trên tóc, trên vai áo các nử sinh, làm họ chết điếng. Sự nghịch ngợm của tuổi thơ đôi lúc làm cho biển trở nên nhạt màu. Vì màu xanh trôi đi biền biệt cùng với nỗi đau trong lòng.

Từ trên cao của tháp chuông giáo đường một buổi chiều mùa đông, tôi nhìn tấy vạt áo len của Măng Mai thấp thoáng trong cửa lớp. Thân áo màu cà phê sửa giống như một vạt khói quên lảng thẩm thấu qua mọi cát bụi trần tục, để bay lên hòa nhập cùng với tiếng

chuông. Nhiều năm sau, khi tôi đang còn trong lính, Phạm Thiên Thư đã viết ra những câu thơ nói dùm lòng tôi lúc đó:

"Ngày xưa anh đón em
Nơi gác chuông chùa nọ
Anh bây giờ qua đó
Còn thấy chữ trong chuông..."

Nàng đứng trên bực tam cấp của phòng hiệu trưởng, nhìn đăm chiêu ra sân. Đã có một thời tôi đắm say nụ cười nàng. Tiếng cười làm tôi quên thời gian trôi lâu trong giờ giảng. Trong lớp nàng ngồi trước tôi bốn dãy bàn, gần cửa ra vào. Những năm 50, học trò trai gái học chung lớp và những đứa con trai thường chọc phá những học trò gái. Sau đó là những màn khóc lóc, năn nĩ và đôi lúc trầm trọng hơn thì bị mét lại với giáo sư. Những quả "trứng vịt" nằm trong sổ điểm hay buổi cấm túc ngày chủ nhật có làm cho sự sôi nổi dịu xuống, nhưng chỉ một thời gian lại bùng lên trở lại.

Măng Mai có một dáng người đẹp nếu nhìn nàng từ phía sau. Tôi mất biết bao thời gian để vẽ những nét nguệch ngoạc xuống giấy về chiếc lưng thon thả của nàng. Cô học trò hồn nhiên lớn lên và mộng trong giấc ngủ của tôi. Cùng những chiếc lá bàng đêm đậu xuống trong hồn tôi chỗ nào tôi không biết?

Những điều tôi biết về Măng Mai, giống như một món quà Giáng Sinh còn niêm phong trong bao kiếng. Mùa đông vắng một lời chim nên cõi lòng trống trải. Khi tôi vào lính sau này, tôi chỉ biết là nàng theo đạo Thiên Chúa- và gia đình nàng tin Chúa một cách sốt sắng. Không ngày Chủ Nhật nào Măng Mai vắng mặt trong nhà thờ. Những chiều mưa, tôi thấy nàng che dù đi dưới con đường phủ đầy lá sao khô để rồi sau đó ngồi nghiêm trang trong băng ghế. Một nửa mái tóc che nghiêng khuôn mặt thanh tú và gò má hồng đào. Dấu chân nàng vẫn trải dài trên tháng năm trong khi cuộc đời bình an như một dấu lặng.

Một lần tôi đánh bạo ngồi sau lưng nàng. Những nghi thức thờ phượng lạ lùng tôi không làm sao hiểu được đang diễn ra chung quanh. Càng cố dấu, tôi càng bộc lộ những nhược điểm của mình ra trước mắt mọi người. Có một lúc vị linh mục đứng trên bục giảng Phúc Âm và hội thánh đọc theo lời ông. Lời kinh lên bổng xuống trầm giống như một điệu hát. Tôi nhớ có câu: "xin cho yếu đuối, trở thành vững vàng..." Tôi nghĩ có lẽ lời cầu xin của tôi để khỏi sa bại trước nụ cười của nàng chắc phải là lời cầu xin như vậy. Tôi quay nhìn nàng. Vô tình, nàng cũng ngước nhìn về phía tôi.

Cuối cùng, tôi bỏ cuộc nửa chứng và lẻn ra khỏi nhà thờ. Gió heo hút trên vòm cong của mái che. Những hình vẽ ghi lại con đường đau khổ của Chúa Cứu Thế nơi khung kính màu gắn chung quanh tường. Những khao khát tê điếng trên môi như vừa nếm một nụ hôn lần thứ nhất.

Đâu đó hồi chuông ngân vọng kêu gọi giờ lễ nhì. Một vài cửa tiệm thắp lên ánh đèn màu và những nhánh thông huyễn hoặc đan vào nhau, gợi nhớ một tình yêu xanh xao, phờ phạc. Những

hoa sứ trắng rơi xuống trên lối ra vào hành lang, cùng vạt gió làm xô giạt chúng vào nhau. Thành phố tôi đang sống mỗi ngày mang mùi vị của biển làm mặn mòi da thịt. Không có mùa đông của Hà Nội nhưng sự rạn vỡ làm đầy rét mướt trong lòng. Tôi hoài nghi về nàng. Hoài nghi về lòng thành khẩn mà nàng dành cho tôi.

Bao lần tôi ngồi trong nhà thờ tôi cũng nghe vang động trong lòng câu thơ của ai đó, nghe mòn đời mà không biết có đúng hay không:

"Lạy Chúa con là người ngoại đạo

Nhưng con tin có Chúa ngự trên cao"

Từ lòng tin để bước qua sự thật, chắc phải rất nhiêu khê. Vì nếu không phải như vậy thì chắc đã không có một thi sĩ phải gào lên những lời thê thiết:

"Con quỳ lạy Chúa trên trời

Xin cho con lấy được người con yêu..."

Mười năm đi lính tôi không nghe được tin tức nàng. Không có một lời chia tay khi tôi vào quân trường. Mới đầu tôi còn tin những tro bụi tình yêu sẽ nóng lên để thành ngọn lửa. Nhưng một lúc nào đó, bụi tro đó nguội lạnh dần và nhòe nhoẹt với thời gian.

Nhưng tôi biết tôi không thể quên nàng dễ dàng.

Người ta không thể giữ mãi mùa thu trong lòng ngực vì gió mùa làm trái tim chai hóa. Tình yêu cũng vậy.

Bốn mươi năm sau, tôi gặp lại Măng Mai tại quận Cam.

Từ Austin tôi trở lại California để ra mắt tập truyện ngắn thứ nhì, phát hành năm 2004. Tại đây, những bạn bè học chung trường Vũng Tàu ngày xưa đã họp mặt đồng hương trong đêm Giáng Sinh và kéo dài nhiều ngày đến tận ngày cuối cùng của năm.

Đêm hội ngộ tổ chức tại nhà hàng Paracel Sea Food, gần 500 chỗ ngồi đông kín người tham dự. Tôi đi lạc gần nửa tiếng đồng hồ vì lạ đường, khi đến nơi thì Ban Tổ Chức đã đi vào chương trình. Tôi chỉ còn vài phút ngắn ngủi để lên nói lời cảm tạ quan khách, bạn hữu và giới thiệu sơ lược về tác phẩm của mình. Tiếng nói từ chiếc micro cầm tay không vang đến tận bàn mọi người, vì tiếng cười nói cùng tiếng nhạc ồn ào. Một đêm rất khó đậm nét trong lòng mọi người, luôn cả Măng Mai. Nhìn chung tôi đã không thành công lắm.

Tôi không biết có nàng tham dự và chúng tôi không nhìn biết nhau nếu không có ai đó tình cờ nhắc đến những bạn học cùng thời lớp đệ nhị.

Khi tôi trở lại bàn để ký tặng sách thì thấy nàng. Hơn bốn mươi năm để chúng ta thấy thời gian tàn nhẫn không tha thứ một ai. Măng Mai đứng trước tôi là một người đàn bà hơi đẩy đà và mệt mỏi. Còn tôi, không sáng sủa hơn dù tôi cố gắng để cho khuôn mặt mình tươi tắn. Tôi đã không kịp ăn uống, từ buổi chiều đến tối tôi chỉ có một ly cà phê dằn bụng.

Sự xúc động tự thuở nào, khi tôi nhìn sau lưng nàng trong lớp học, đã ùa về và mang một mùi vị mới mẻ. Cùng nụ cười nàng tặng tôi sau một đổi đời dâu biển sao giống như một chiếc lá lạc lỏng

trên cành. Nó đủ khả năng làm sống lại một mầm xanh đã chết?

Tôi hỏi thăm nàng trong tiếng ồn ào của đàn trống, của tiếng cười nói vọng động. Và giữa những mùi vị thức ăn, bia bọt. Chúng tôi cố gắng để không thu nhận những tàn phai của nhau vào lòng. Vì đêm đang cựa mình thức lại những quá khứ.

Chẳng phải tôi và nàng đang trang trọng những điều gì mà quá khứ đã gắn chặt xuống, bên cạnh những bàn ghế, những bảng đen. Nơi mà tôi và Măng Mai có những ngày tháng tuyệt diệu vì tình yêu đầu đời. Nơi mà gió biển đã mang hơi thở trùng khơi về đất liền, đậu xuống trên những nhánh bàng già mùa đông. Trên những cành sứ tháng chạp.

Sẽ còn lại gì, một khi tôi và nàng không thể vượt qua một ranh giới, trong đó sự khắc khoải trần trụi phơi bày ra trong lòng đêm? Giữa hai bờ sông, niềm vui hay nỗi buồn sẽ làm nên phù sa để trôi ra biển?

Tôi hỏi nàng về gia đình. Măng Mai trả lời là nàng đang sống riêng với đứa con gái tại Seatle. Người đàn ông- là cha của Mường Đông- đã chia tay với nàng sau khi đến trại tị nạn.

"Người đàn bà giống như một bến sông. Những người đàn ông là những cánh buồm. Không lẻ không có cánh buồm nào ghé lại?"

"Không có ai". Nàng trả lời. "Tại sao? Măng Mai có khả năng để quyến rủ bất cứ một cánh buồm nào..."

Nàng cười: "Cám ơn về những lời khen muộn màng... Nàng cố dấu tiếng cười trong thanh quản. "Dĩ nhiên Mai có vài người đàn ông muốn ghé lại. Nhưng lúc đó Mường Đông nhỏ quá. Sợ nó không chịu nỗi cảm giác chia xẻ tình thương của mẹ nó với người khác, nên đành nấn ná chờ nó trưởng thành. Khi nó trưởng thành thì cũng là lúc Mai lại già rồi, quá cái thời để lập gia đình... Đành ở vậy..."

Nàng nói không biểu lộ âm hưởng vui hay buồn. Nhưng tôi biết nàng phải cố gắng lắm để nói lên một mạch điều đó.

Đêm lạnh lẽo ngoài kia. Gió rét cũng hờn dỗi trốn đi đâu để chỗ ngồi của tôi và nàng ràn rụa hơi lửa. Nàng hỏi lại tôi: "Còn anh bây giờ ra sao?". Tôi chỉ những dòng chữ ghi ở cuối trang bìa sau của quyển sách mà không nói. Nơi đó tôi đã chẳng từng ghi xuống những cô đơn như người làm xiếc phóng xuống những vết dao định mệnh xuống tương lai mình... "hiện sống một mình cùng con gái trong căn nhà đường Heatherglen..."

"Thì ra vậy". Măng Mai lẩm bẩm. "Những nhà văn thường hay hư cấu. Họ hư cấu từ tình yêu đến đời sống. Chỉ có độc giả là ngây thơ tưởng thiệt". "Đó là suy nghĩ hết sức chủ quan". Tôi phản đối và nhìn xuống bàn tay nàng, vẫn những ngón tay thon thả và trau chuốt như ngày nào. Không có dấu vết một vòng nhẫn ôm kín. Bàn tay kia của nàng đưa ra kéo lại vạt áo no đầy nỗi cô đơn giống tôi, như lúc nàng kéo lại vạt áo màu nâu dưới đường chiều Vũng Tàu, bốn mươi năm trước.

"Anh có dự định cho Măng Mai

đọc tác phẩm của anh không?" "Dĩ nhiên". Tôi vội vã nói, như sợ nàng đổi ý. "Tôi sẽ tặng Mai một quyển và một quyển kia cho cô con gái. Nó có biết đọc chữ Việt không?" "Biết. Nó coi Video Asia, nó biết tán thưởng những lời đối thoại trong đó và cười... Nhưng nếu như vậy thì Mai không muốn vì sợ tác giả bị mất đến hai quyển sách. Kỳ ra mắt sách này anh lỗ nặng rồi". Nàng đùa. "Tôi chẳng từng lỗ nặng khi lẻo đẻo theo Mai vào trong nhà thờ đó sao? ". Tôi đùa lại.

Tôi không kịp nghĩ câu đề tặng trên trang sách như thế nào, để ghi đậm dấu ấn gặp gỡ đầy xúc động và mang màu sắc lãng mạn. Sau cùng tôi cũng viết được một câu mà tôi nghĩ rằng nhờ đó nàng sẽ nhớ ra một góc quá khứ:

"Thương tặng Măng Mai. Cho những yếu đuối của em trở thành vững vàng..."

Dù sao thì chúng tôi đã biết được thêm về nhau. Nàng không phải là một món quà được gói kín trong mùa Giáng Sinh như tôi từng nghĩ. Tôi đã từng đi qua những nẻo đường vui buồn, những ngọt bùi cay đắng đan vào nhau như sương mù và nắng giãi, nhưng tiếng cười của nàng vẫn trả mãi về tôi những âm điệu hạnh phúc.

Tôi nhớ là đêm đó tôi đã thu xếp vội vã những quyển sách còn ế ẩm bỏ vào thùng. Nàng cũng hăng hái thu vén cùng tôi cái gia tài "văn học" khiêm tốn đem ra ngoài xe. Trả lại bàn ghế và những đóa hoa nằm chơ vơ trên bàn tiệc. Chúng đang phơi mình lạnh căm dưới ánh đèn trong khi mùi hương chưa kịp rớt ngang một vai đời.

Buổi chiều hôm qua tôi thuê một chiếc xe nơi phi trường, lúc tôi xuống máy bay. Tôi chở nàng trên chiếc xe đó và chạy loanh quoanh vài chặng đường trong đêm Giáng Sinh. Tôi nhớ tôi đã đưa nàng ghé lại một tiệm ăn fast food để tìm cái gì bỏ vào bụng vì không có thì giờ đụng đến thức ăn nhà hàng. Một chỗ ngồi nhìn ra một khu công viên. Sương chan hòa trên những cây cọ bùm sum tàn nhánh có hình thù giống như những tên cướp biển. Sương cũng cùng khắp trên những cây Italian Cypress chạy dọc theo đường Habor. Tôi nói với nàng là muốn mời nàng ăn Reveillon với tôi, một Reveillon mà tôi từng ước ao khi còn trẻ.

Vì tôi không đủ hào phóng để tặng nàng một bữa tiệc sau đêm Giáng Sinh, bốn mươi năm trước, khi tôi chỉ là một gã con trai chưa biết cân nhắc cuộc đời. Khi những bài thơ ngượng nghịu chỉ biết viết rồi cất vào trang lưu bút. Bây giờ trên đường phố Bolsa, tôi muốn nghe lại chiếc lá đậu xuống gối đầu vào những lề đường như nghe lại nhịp tim mình rụng xuống.

Đêm sẽ không còn bao lâu nên tôi không muốn lang thang cùng nỗi khao khát đang cộm trên những đầu ngón tay lạnh úa. Giống như những vì sao trên đầu cũng khao khát một hoài mong. Rời bỏ tiệm ăn, tôi hỏi nàng có muốn chia xẻ cùng tôi một đêm đông lạc loài, vì tôi và nàng rốt cuộc giống như hai trụ đèn khuya đứng giữa phố đông nhưng vẫn

một mình lầm lũi. Dù chúng thả ánh sáng xuống cho đời nhưng không soi rọi được một góc lòng riêng hiu hắt. Bên cạnh là xe cộ ngược xuôi về trăm hướng. Những giao lộ mệt lã đèn vàng. Sau một thoáng chần chừ, nàng gật đầu.

Có những giấc mơ đến trong một đời người giống như dòng sông chen được vào lòng biển. Dù chân trời ngoài xa báo hiệu những sấm chớp, nhưng trong lòng đại dương vẫn còn những cơn sóng mù lòa.

Khi nàng ngã vào vòng tay tôi- vì hình như tôi đã chờ đợi sự huyền nhiệm này từ bao lâu- nàng không biết đêm đã đuổi kịp gần đến bình minh. Ngọn lửa nhân tạo trong lò sưởi của khách sạn Holliday Inn uốn mình và phản xạ màu sắc trên mặt nệm vừa ấm da thịt. Đôi mắt nàng nhắm khép nhưng tôi vừa kịp thấy những dòng lệ lấp lánh như sáp nến và vòng tay làm mọc thêm nỗi nhớ ngổn ngang.

Đêm nay có hai kẻ xa nhà trót để lòng tìm về một góc đời đánh mất. Họ không cần nói với nhau những câu nói thừa thải của tình yêu. Vì bàn tay và môi miệng đã nói đủ lên cung phách của bản đàn xưa. Không phải thành phố của quận Cam làm ra mùa đông để níu những bước chân mệt nhoài tìm gặp nhau. Và không phải chỉ có mưa mới làm tan băng giá trong lòng...

PNY

LINH PHƯƠNG

TÌNH TRONG DĨ VÃNG

Người đời thường nói: "ớt nào là ớt chẳng cay, gái nào là gái chẳng hay ghen chồng", hoặc "có yêu mới ghen" vì cảm thấy tình yêu mình bị đe doạ sắp mất. Riêng tôi đã thấm thía chữ ghen như thế nào, khi ghen người ta nóng nảy, bực tức, quay cuồng với ý nghĩ phải làm thế nào để giữ tình yêu và tống khứ tình địch ra khỏi vòng ảnh hưởng mê hoặc của người mà mình thương yêu.

Đã xảy ra biến cố trong đời nên tôi tự hứa với chính mình sẽ không bao giờ để lửa ghen, sự cuồng nộ phẩn uất đốt cháy mình rồi hành động mất trí để suốt đời mãi ân hận cho sự liều lĩnh mất khôn ngoan mà đến giờ tôi vẫn không quên được, biến cố đó đã đổi thay hẳn tâm tính tôi, trầm lặng và điềm tĩnh hơn, chững chạc hơn trong mọi tình huống xảy ra trong đời tôi sau nầy.

Năm ấy tôi là một cô gái yêu đời, yên lành với cuộc đời sinh viên âm nhạc, tương lai chào đón hứa hẹn được học bổng đi học nước ngoài, trau dồi môn nghệ thuật mà niềm ao ước trong tầm tay của tôi.

Tôi lại có tình yêu thắm thiết với Dũng, hai đứa yêu nhau hẹn ngày ra trường sẽ thành hôn sau lễ đính hôn do hai bên gia đình sắp đặt.

Dũng là thanh niên cao lớn, đẹp trai, học giỏi và là tay chơi bóng rổ xuất sắc, lại đánh tennis rất khá. Chàng ăn nói hoạt bát, lịch sự, cập nhật thời sự kiến thức phổ thông nên các bạn tôi thích nói chuyện với chàng, và trong các buổi họp mặt party chàng luôn luôn là đối tượng cho con gái thích được chàng mời khiêu vũ vì điểm cao ráo nhẹ nhàng lả lướt trên sàn nhẩy.

Những ưu điểm trên của Dũng không thu hút tôi bằng những lúc hai đứa bên nhau bàn bạc tương lai cũng như hoạch định lý tưởng để sống sau nầy. Sự ủng hộ của gia đình càng làm tôi yên tâm học hành và tin chắc chắn viễn ảnh tương lai phải tươi sáng hứa hẹn.

Tôi là một cô gái ít nói, bướng bỉnh cứng đầu. Khi vạch chương

trình đã đề ra, đi là đi tới cùng dù thất bại hay thành công, quyết không bỏ qua. Lúc tám tuổi, cha tôi nhân chuyến du lịch Hà Tiên, viếng thắng cảnh nơi lăng Mạc Cửu, tôi đã được ông từ giữ chùa gieo quẻ lấy lá số tử vi cho tôi. Ông đặt tôi ngồi trên bàn xem xét bàn tay, khuôn mặt, sờ trái tai, bàn chân, rồi bảo tôi bước vài bước để ông xem, rồi ông nhìn tôi không nói gì.

Sau hai ngày ở trong chùa, ông nói với ba tôi "Đứa bé nầy sẽ có cuộc đời bất hạnh về tình duyên, cầm tiền rất nhiều lúc trẻ, tài hoa ít ai sánh bằng, vào tù ra khám vài lần do chính mình gây ra vì tin người, bị hại cũng nhiều. Số không có cung nô bộc, bạn bè bội phản, về già sẽ bị thương tật và cuối đời cũng như khi chết sẽ không có con cái hay người thân bên cạnh. Nếu cháu là trai thì đở được vận trắc trở vào người, nhưng trót đã sanh là gái thì đành chịu, tuy nhiên cháu là người can trường, ông không phải lo vì cháu sẽ vượt qua nhiều cơn thử thách".

Tôi luôn luôn được cha nhắc nhở, khuyến khích trong việc học. Tôi không ưa, cũng không tin bói toán hay tử vi và cho là nhảm nhí. Tôi luôn cãi với cha tôi là đời con không xảy ra như ông thầy đó nói đâu, đời mình do chính mình định đoạt và chịu trách nhiệm chứ không do ở đâu đưa tới hết.

Cho nên trong tình yêu tôi tin Dũng tuyệt đối, yêu Dũng bằng tâm hồn băng trinh, bằng chung thuỷ trung tín nên đòi chàng cam kết sự duy nhất như thế, và cũng trong tình yêu ấy tôi chỉ có Dũng là sức mạnh cho tôi cố gắng leo lên đỉnh của nghệ thuật mà ngày ấy tôi miệt mài lao đầu vào học tập không biết mệt mỏi.

Nếu ai đã từng là sinh viên âm nhạc chuyên khoa môn dương cầm trong nhạc viện Sài Gòn nhưng năm tháng vào thập niên 1960 trở đi sẽ biết được kinh nghiệm tập dượt căng thẳng, vất vả, đổ mồ hôi trên phím đàn như thế nào. Những đề tài thi bắt buộc trình tấu hàng chục trang trở lên. cộng với bài tự chọn mà suốt năm trời, ngườI sinh viên phải chú tâm rèn luyện, thần kinh phải vững vàng. Mỗi ngày phải luyện tập từ tám đến mười hai tiếng đồng hồ kèm vào sự đôn đốc, la rầy, hờn giận, bị xé sách của người thầy vì quá thương tôi, muốn thành công nên thầy không quản ngại ngày đêm kiểm soát sự tập dượt của tôi.

Thầy luôn nói tôi là sự hảnh diện trong số các học sinh của thấy nên không cho phép tôi lơ là, thầy luôn nói con phải làm sao chọn con đường mình đi trong nghệ thuất, sáng tạo luôn luôn và riêng rẽ; đã có gốc căn bản cộng với học tập không ngừng sẽ cho con thành công trong đời, chứ đừng đi theo lối học sáo mòn từ chương, vì âm nhạc nghệ thuật rất bao la rộng lớn. Hãy giữ lấy kinh nghiệm học tập, tìm tòi, nghiên cứu cộng với trường đời con sống sẽ cho con nhiều thăng hoa tốt đẹp.

Thầy rất cưng tôi, tôi được đến nhà thầy tập dượt trên cây đàn rất lớn, một trong ba cây piano của thầy. Thầy đã cho sự chuyên cần học tập, cho tôi tri thức, biết

yêu nghề dạy học, lo lắng các học sinh trong học tập, đoán biết tâm lý của học sinh dựa theo đó mà đề ra phương pháp sư phạm cho từng cá nhân. So với hệ thống giáo dục âm nhạc của Hoa Kỳ bây giờ là không bắt buộc các em, học sinh nào có tài đặc biệt, em nào chịu giỏi, chịu khó chuyên cần cộng với tài chỉ dẫn của thầy, nếu các em không kiên nhẩn sau vài kỳ thi không đạt kết quả tốt thì bị loại ra không thương tiếc; như sàng lọc giử lạI những viên ngọc quý mà thôi.

Nói qua những điếu trên để nhớ lại việc học hành khổ sở khó khăn như thế nhưng đi đến kết quả tốt. Còn bây giờ nếu các em lười không học tậprầy sơ một chút cũng bị các phụ huynh, nhất là các bà mẹ khiếu nại là cô giáo hành hạ con cái, không nói năng dịu ngọt cho các em học, chứ các bà không biết thúc đẩy các em luyện tập, dung túng cho các em tự tiện sử dụng thì giờ theo ý thích riêng như xem TV, chơi game hoặc những thú vui đầy dẩy khác, không biết đôn đốc, kiểm soát con trong việc học hành thì làm sao có kết quả tốt được. Cho nên trong nghệ thuật đòi hỏi sự cực kỳ thấu đáo của tâm hồn, cộng với kinh nghiệm, sự sáng tạo và kiên nhẩn tập luyện. Các yếu tố trên có thể giúp cho người nghệ sĩ đạt đến chủ đích mà mình muốn có trong đời.

Trở lại cuộc đời tôi ngày tháng đó, bề ngoài có vẻ là một bức tranh đẹp đẽ, an bình như mọi sự sắp đặt, như mặt biển xanh tươi hiền dịu, sóng xô nhè nhẹ thoai thoảI bên bờ cát trắng khiến ta chỉ muốn bơi trên sóng mà vui đùa thoả thích. Nhưng có đâu ngờ cơn bão ngầm đến tàn phá tim tôi tự lúc nào không hay, không biết. Tôi tin đời, tôi tin người, tôi tin tình yêu mãnh liệt bất diệt không thay đổi như bản Concerto số 5 của Betthoven, tiếng gỏ cửa của định mệnh đã có trong tôi, tôi đã trao chìa khoá con tim tin yêu cho người gọi cửa. Đó là chàng, là Dũng, mà chàng đã bước vào thế giới của tôi, kéo tôi vào thế giới của chàng, rồi bỏ trơ trọi bên lề đường tình yêu không thương tiếc.

Chuyện bất ngờ xảy ra vào một ngày trời mưa không dứt. Tôi đến trường nhạc sớm hơn thường lệ để thử đàn mới trên sân khấu cho quen phím vì sắp sửa kỳ thi, kết thúc cho học trình tam cá nguyệt.

Hôm ấy thầy đau không đến được nên sau khi tập vài giờ tôi mặc áo mưa lấy xe đến quán cà phê Tân Định định nhấm nháp cho tỉnh người vì mấy tháng nay lo học quá nên không còn đi với người yêu đến quán theo thói quen hẹn hò, và tôi còn lãng mạn định tâm khi đến quán sẽ gọi chàng cùng đến nghe nhạc, uống cà phê, sau đó sẽ che dù đi trong mưa như ý thích hai đứa.

Nếu ngày mưa hôm ấy, tôi vẩn đi tuyến đường thường lệ thì đâu gặp cảnh bẽ bàng, ma xui quỷ khiến hay sao mà đi đường khác ngang qua tiệm thạch chè Hiển Khánh, gặp đèn đỏ dừng xe lại. Trong khi chờ đèn xanh tôi nhìn bâng quơ chợt thấy xe của chàng, của Dũng đậu đằng trước, tôi nhìn vào trong bắt gặp chàng đang nói

cười và âu yếm đút chè cho người bạn gái thân thiết của tôi ăn rất tình tứ. Hai ngườI chụm đầu vào nhau nói cười rúc rích, bạn gái tôi thì gương mặt rạng rỡ và người tôi yêu thì nhìn nàng bằng ánh mắt nồng nàn, nàng cười tươi đưa ly nước kề lên miệng chàng uống tựa như thế giới bên ngoài không còn ai chỉ có hai người.

Tâm trạng lúc đó của tôi là bối rối, phẫn nộ, uất ức, phản ứng cấp thời là vội cho xe rẽ sang đường khác sợ hai người thấy tôi bắt gặp quả tang.

Trời mưa gió thi càng lạnh, tôi vào quán cà phê ngồi thừ hàng giờ trước tách cà phê đắng nguội lạnh, không trả lời câu hỏi của người hầu bàn thắc mắc không thấy Dũng đi chung, tôi chán nản, rã rời. Tất cả đã sụp đổ dưới chân, bao nhiêu ước mộng tan tành theo mây khói, và tôi phải đối phó sao đây với cảnh ngỡ ngàng nầy?

Tôi quyết định dấu kín gia đình vì danh dự và tự ái của tôi, mà chỉ muốn gặp riêng Dũng. Chàng gặp tôi vẫn âu yếm như thường lệ, tôi giấu sự tức giận trong lòng, tỏ vẻ nhớ chàng và xin lỗi mấy tháng lo học quá căng thẳng nên thưa thớt gặp nhau. Chàng nói:

- Đâu có sao, anh cũng bận nên cũng muốn em yên trí mà học.

Nói nói cười cười với nhau xong, thình lình tôi hỏi một câu thật nhẹ nhưng làm chàng bất ngờ:

- Bồ nói bồ cũng bận học, lo giúp chuyện làm ăn của gia đình nên mình thưa gặp nhau. Nhưng hai hôm rồi rảnh một chút, định bụng đến quán cà phê gọi bồ cùng đến uống, nhưng khi đi ngang qua chè Hiển Khánh thấy bồ đang đút chè cho Bích Hợp ăn ngọt ngào âu yếm quá, vui quá thì đâu cần đi uống cà phê đắng với Vân Anh nầy.

Chàng xanh mặt trả lời ấp úng:

- Không, không vì tình cờ gặp Bích Hợp mà thôi.

Tôi nhấn mạnh từng câu:

- Bồ không phải chối, vì em đã biết hết khi nhìn ánh mắt của anh, vả lại trong tình cảm nó đến chậm và đi rất nhanh là chuyện dễ hiểu trên cỏi đới nầy, và em rất trọng anh nếu anh không nói dối lòng mình.

Chàng nói:

- Thật thì tình cảm anh vẫn còn cho em, anh quý thương em, nhưng cảm giác của anh cho Bích Hợp thật khác với em, nó sống động, nó cảm xúc nhiều như khi anh chơi tennis với nàng. Về phương diện thể thao, anh rất hợp với nàng luôn cả sự vui tươi trên khuôn mặt nàng càng làm cho anh thấy vui vẻ hơn, phấn chấn tinh thần hơn. Em thì trầm lặng, buồn buồn ngay cả lúc mình bên nhau; và anh nhận thấy anh lo sự nghiệp của em nhiều hơn cho anh khiến anh cảm thấy anh là số hai sau âm nhạc của em. Em đã muốn anh nói thật lòng thì anh cho em biết sự thật, đừng trách anh so sánh.

Tôi bàng hoàng vì lời thú nhận của chàng và tự hỏi tại sao tình yêu có thể thay đổi mau chóng vậy ư!

Tôi nói:

- Cám ơn anh đã cho em biết sự thật dù sự thật đau lòng. Anh biết rằng chúng ta thương nhau, đã có

sự chấp thuận của hai bên gia đình. Mình đã hoạch định tương lai với nhau. Em lo học cũng vì sự xây dựng cho nhau, mà giờ nầy anh trách em bỏ mặc anh, không theo cổ võ lúc anh đánh banh, rồi anh so sánh em không sống động mà ngày nào anh nói bản tính trầm lặng đằm thắm của em như loài hoa toả hương dịu dàng khiến anh yêu say đắm. Giờ thì anh thay đổi rồi nên thấy đáng chán phải không? Như vậy là sao em không hiểu?

Chàng lắc đầu phân bua:

- Có như vậy mà em không hiểu. Ở đây anh không chê em, cũng không hết yêu em, nhưng chúng ta đã trải qua tình bạn và đến tình yêu. Chúng ta đã thoả thuận với nhau là không giấu diếm tâm tư. Anh cũng định gặp em để nói rõ biến chuyển trong lòng anh, nhưng không ngờ em đã biết thì sẵn đây anh cho em biết sự thật luôn.

Rồi chàng nói một câu rất nhẹ mà tôi có cảm tưởng như ngàn cân đè trái tim tôi cơ hồ rạn vở, muốn rớt ra ngoài.

- Vân Anh em, về chuyện tương lai của chúng ta em xem như chưa hề bàn chuyện đó, để tự thời gian sẽ sắp xếp.

Tôi như tượng đá ngây ngô nhìn xuống bàn tay có chiếc nhẫn đính hôn mà ngày nào chàng xúc động đeo vào ngón áp út của tôi mà nay thì vô nghĩa không còn gì nữa. Bất giác tôi nghĩ lời chàng nói thời gian sẽ sắp xếp, sắp xếp như thế nào? Thời gian! Trời ơi! Có phải đó là câu nói chối từ, tuyệt tình, phủi tay mọi sự đã sắp đặt từ lâu.

Tôi như điên khùng, đau đớn, quằn quại khổ sở bởi vết thương sâu trong tâm hồn, quên hẳn chuyện thi cử sắp đến. Tôi lặng câm với gia đình, giấu giếm nỗi sầu muộn. Ba tôi tưởng tôi học quá nhiều nên sinh bệnh. Người tẩm bổ sinh tố, thuốc thang, thức ăn cho tôi chứ nào ai biết tôi đang mang tâm bệnh, mà tôi, chỉ chính tôi phải giải quyết chuyện nầy mà thôi.

Tôi quyết định đi gặp người bạn thân của tôi: Bích Hợp.

Gia đình Bích Hợp thuộc giới thượng lưu thời đó. Chúng tôi quen nhau, thân nhau vì gia đình ba má tôi và ba má Bích Hợp hợp tác thương mại gắn bó nhiều năm trong các việc làm ăn thành công, thuận lợi, nên lần hồi hai gia đình thân thiết như một. Bích Hợp lại là con đỡ đầu của má tôi nên chúng tôi thân nhau, hay chia xẻ tin tức thời sự, bạn bè, âm nhạc, thời trang vân vân Có lúc hai đứa gác chân nằm bên nhau hay đùa giỡn tâm sự.

Bích Hợp là người con gái học giỏi, xinh xắn, cao dong dỏng, có nước da trắng. Khi nàng cười khiến người đối diện dễ có cảm tình, ngay cả tôi là con gái cũng phải thích vì nét đẹp tươi tắn của nàng.

Bích Hợp bơi lội giỏi hơn tôi, đánh tennis xuất sắc. Nàng thích ca hát để tôi đệm đàn, và hát những bài nhạc Pháp thịnh hành của ca sĩ Sylvie Vartan, Sheila thời đó, nàng lắc Twist thật lâu không biết mệt, nàng nhẩy thật giỏi, thật nhẹ, có dáng nhẩy đẹp trong các điệu vũ, nàng là cây đinh trong các buổi họp mặt. Nàng làm

đau khổ biết bao chàng sinh viên si tình với lối lấp lửng, ỡm ờ, gieo hy vọng cho các chàng đeo đuổi dù bị đá giò lái, dù bị đụng đầu nhau cụp cụp, vì hẹn các chàng cùng một địa điểm để rồi cho leo cây hết. Nàng đứng xa xa mà quan sát, cười chế nhạo cho sự ngu si, lấy đó làm thành tích của mình mỗi khi họp bạn gái với nhau và các chàng trai không tởn, cứ húc đầu vào mà si mê ngày đêm. Nào quà cáp, hoa tươi cộng với các bài thơ lẩm cẩm, nàng đọc lớn cho các bạn nghe rồi nhún vai cho vào sọt rác không thương tiếc. Tôi biết bản tính Bích Hợp, xem việc đùa giởn tình cảm với con trai như sự háo thắng của tuổi con gái, biết mình học giỏi, có sắc đẹp thành công cùng nhiều điều kiện hoa gấm hơn những đứa con gái khác. Nhưng tôi chỉ có một bạn gái thân gần gũi duy nhất nên thương mến nàng. Tất cả ước vọng thầm kín về tương lai, về tình yêu, quan niệm cuộc đời Bích Hợp đều biết rõ tâm tư tôi. Và tôi tin Bích Hợp không thể nào qua mặt tôi, dối trá với tôi; nên từ sự tin tưởng ấy tôi không hề mảy may nghi ngờ người bạn than. Trái lại tôi thầm trách Dũng quyến rũ nàng chia rẻ tình bạn chúng tôi. Vì thế, khi gặp Bích Hợp tôi vẫn hy vọng và bám lấy sự phán đoán của mình là đúng.

Sau mấy tháng gặp lại nàng vẫn xinh tươi nhí nhảnh có phần hơn trước. Hai đứa vừa đi lên lầu về phòng nàng tâm sự. Vừa đi nàng vừa ôm vai tôi giọng hờn trách sao bỏ nàng quá lâu, không thầy đến nhà ăn cơm họp mặt trong gia đình nàng. Tôi than:

- Trời ơi, bồ phải biết mình đánh vật với mấy ông Bach, Chopin, Schumann đến khùng điên, cắm đầu, cắm cổ ngồi tập muốn chết, quên ăn, quên ngủ, quên giờ giấc. Học xong mệt quá, về nhà lăn đùng ra ngủ. Trong giấc chiêm bao còn thấy mấy ổng nữa, đã vậy thôi sao, ông thầy nói ngọt lắm mà như ra lệnh: "Con học các bài nầy cũng đừng quên tập ngón các bài của Pichnar cho ngón chạy đều hơn, dẻo dai hơn khi đi thi ngồi lâu không biết mệt" Mình than với thầy: "Thầy ơi, trời đã sinh ra con, sao còn sinh mấy ông để hành hạ con hả Thầy?" Thầy cười xoa đầu con nhỏ ra vẻ thông cảm, nhưng tập vẫn phải tập, phải nghe lời thầy; cho nên mình hết đến trường lại đến nhà thầy quay mòng mòng với các bài thi dài dằng dặc quên ngày tháng, quên thế giới bên ngoài, chỉ có bồ là sung sướng thôi.

Nàng nói tôi lo học nhiều làm gì, có học cho cố thì cũng lấy chồng về nhà nấu cơm giặc giũ cho chồng con mà thôi, bây giờ còn độc thân cứ đi chơi cho đã, đến khi lập gia đình thì phải nép mình lo bổn phận, đâu còn được thong dong nữa. Tôi nói: "Mình không nghĩ như vậy, sự trau dồi kiến thức cho bản thân mình, sự nghiệp của mình, chẳng lẽ vì lấy chồng mà mình không được tiếp tục theo đuổi sự nghiệp mình nữa sao, vả lại Vân Anh và Dũng đã thoả thuận chuyện sau nầy cho hai đứa rồi. Lấy nhau Dũng sẽ để mình theo ý thích, không ép mình bỏ âm nhạc."

Nàng lên giọng kẻ cả:

- Mình không nói bồ phải bỏ

nghệ thuật nhưng thử hỏi lấy chồng rồi thì phải lo săn sóc chồng, rồi phải lo con cái, thì giờ đâu bồ lo sự nghiệp.

Tôi bắt đầu bực mình nói lại:

- Nè Bích Hợp, chuyện nầy là chuyện của Vân Anh và Dũng. Dũng là chồng tương lai không ngăn cản, không ý kiến, tại sao Bích Hợp xen vào ý kiến này nọ.

- À, lâu quá không gặp nàng, lúc này thấy nàng thay đổi quá hà.

Tôi mai mỉa:

- Bích Hợp nhà ta tỏ vẻ thuần thục nhu mì, vậy là có biến chuyển lớn rối, sắp lên xe hoa phải không? Ai vậy? Cho biết với để mình chuẩn bị uống rượu mừng.

Nàng nhún vai lên giọng:

- Vân Anh đâu cần phải biết chuyện của Bích Hợp. Có người yêu hay sắp lấy chồng là chuyện của Bích Hợp đâu cần Vân Anh bận tâm. Chúng ta tuy hai là một nhưng bây giờ là một trở thành hai.

Tôi ngạc nhiên qua giọng đốp chát kiêu kỳ của Bích Hợp:

- Kỳ không, tự nhiên nói chuyện với người ta vui vẻ, thân mật bỗng lên giọng xưng tên như kẻ xa lạ, không bạn bè gì nữa. Như vậy là có chuyện thật rồi. Bạn bè lâu ngày gặp tưởng đến thăm Bích Hợp để hỏi thăm vài chuyện cho sự thắc mắc được giải đáp; chưa gì đã lên lớp lý sự, trách sao người ta không bực mình.

Bích Hợp khựng lại giương mắt nhìn tôi:

- Vân Anh thắc mắc gì, ở đây sẵn sàng trả lời Vân Anh.

Tôi hỏi nàng:

- Bích Hợp đã gặp riêng Dũng mấy lần?

Nàng lặng đi vài giây trước khi trả lời:

- Tại sao Vân Anh hỏi câu ấy? Muốn hỏi thì hỏi Dũng đó.

- Không, Vân Anh chỉ cấn hỏi Bích Hợp mà thôi.

Nàng lắp bắp:

- Lạ... lạ không, gặp Dũng đi ăn, đi chơi party chung là thường. Vân Anh biết mà, mà tại sao lại thắc mắc lạ kỳ vậy.

Tôi bắt đầu ngờ vực hơn:

- Theo Bích Hợp nhận xét Dũng như thế nào trong những lần đi chơi, đi nhẩy. Nhất là khi đánh tennis, có thích hợp với bạn không? Cảm quan của bạn về Dũng như thế nào?

Nàng nhìn lên trần nhà nét mặt mơ màng:

- Dũng chơi tennis, giao banh rất điệu nghệ, lịch sự, hiểu biết tâm lý. Mình thích nói chuyện với Dũng vì rất hạp.

Tôi nóng mặt hỏi nàng:

- Vậy từ điệu nghệ, lịch sự ga-lăng, chơi tennis, nói chuyện rất hạp. Như vậy bạn có cảm thấy yêu Dũng không?

- Có thế có, mà có thể không. Mình đang trong vòng suy nghĩ xem cảm giác có đúng là yêu Dũng không?

Tôi lạnh lùng:

- Với Bích Hợp từng cho leo cây bao nhiêu đứa con trai, từng làm đau khổ bao nhiêu trái tim, thì cảm giác của Bích Hợp khi được Dũng âu yếm đút chè cho ăn ở Hiển Khánh hôm Thứ Hai như thế nào?

Tôi thấy nàng giật mình cố chống chế:

- Hồi nào, chỉ bịa chuyện mà thôi. Đứa nào học lại với Vân Anh đem cắt lưỡi nó đi.

Tôi nói:

- Thôi mà bạn, chối làm gì. Ngày hôm đó chính mắt Vân Anh thấy Dũng và bạn đang ngồi ăn ở Hiển Khánh. Hai người âu yếm vui vẻ với nhau quá nên đâu thấy tôi ngừng xe vì bị đèn đỏ. Nhưng thôi, Vân Anh muốn tìm hiểu Bích Hợp nói thật hay không, nếu không có gì, tại sao phải nói dối, tại sao phải loanh quanh. Trong thời gian Vân Anh vắng mặt, bạn đã ăn cắp niềm tin của tôi rồi.

Nàng xuống giọng:

- Mình không muốn Vân Anh đau nên phải giấu, chứ Dũng lên tiếng yêu Bích Hợp trước. Lúc đầu chỉ thoả mãn tự ái được Dũng yêu nên mình chọc cho vui thôi rồi trả lại cho bạn. Đâu ngờ từ sự thích thú đùa giỡn đến lúc cảm tình sâu đậm với Dũng không dứt được.

Tôi cao giọng:

- Trước đó bạn nói đang suy nghĩ xem có yêu chưa, đó là nghi vấn. Bây giờ thì thú nhận là cảm tình sâu đậm với Dũng là sao? Thật tôi không biết Bích Hợp ra sao nữa rồi. Đem tình cảm, tình bạn như trò đùa vui theo ý thích, bạn không cần biết đến hậu quả làm người khác đau đớn, tại sao Bích Hợp ác quá vậy?

Nàng đanh đá:

- Ai mà ác, cái gì cũng có nguyên nhân hết. Tại sao Vân Anh không biết giữ người yêu, để mất thì ráng chịu chứ sao. Trong tình yêu không có sự bắt buộc, ở đây Dũng là người quyết định.

Thế rồi sự im lặng bao trùm căn phòng. Bích Hợp ngả lưng xuống giường nhắm mắt, tôi cũng nằm bên cạnh theo thói quen, đôi mắt nhìn lên trần nhà suy nghĩ. Tại sao như thế? Có phải tôi lo học quá nên quên Dũng để chàng có thời cơ đến với với Bích Hợp. Rồi hai người có cơ hội gần nhau để khoe tài với nhau bằng sở trường, sở đoản, cho biết hết để chinh phục nhau, tạo hấp lực và si mê nhau. Cho nên nàng mới nói những câu nói chắc nịch tỏ cho tôi biết hai người đã yêu nhau lắm rồi. Thật tôi đau lòng và thấy mình khờ dại. Bây giờ thì rõ ràng rồi, tôi là kẻ bị phụ tình, mà người cướp tình tôi lại là người bạn tôi thương mến nhất. Làm sao đây! Tôi nói thế nào với gia đình? Xử sự ra sao với gia đình Dũng? Và còn danh dự của tôi, mơ ước tương lai của tôi sẽ đi về đâu? Tất cả sụp đổ dưới chân mà tôi biết là đã mất Dũng rồi, không còn gì cứu vãn thực trạng nầy. Bao nhiêu câu hỏi quay cuồng, tôi mệt mỏi, tuyệt vọng như người mất khí thở, mất sức sống. Giấc mơ đi du học trở về nước nhà thành cô giáo âm nhạc bên cạnh người yêu chân thật, lâu dài bỗng chốc tan biến. Giờ thì đã tan nát hết như cơn bão đến huỷ diệt, tàn phá cuốn đi những gì con người tạo dựng, chắt chiu giữ gìn những gì quý báu nhất...

Thấy Bích Hợp đã đi vào giấc ngủ, tôi lặng lẽ ngồi dậy đến bàn viết của Bích Hợp mở những trang sách đọc một cách vô hồn, rồi giở quyển lịch nhìn hình, bâng quơ nhìn ngày tháng, bàn tay vô tình giở lớp dưới quyển lịch chợt thấy tờ giấy vẽ mẫu tự tên tắt Hoàng Dũng và Bích Hợp lồng vào nhau, hàng dưới là màu son in đôi môi

của Bích Hợp, với nét bút lả lướt của nàng: "ghi nhớ ngày đầu tiên ta yêu nhau và hôn nhau ngày tháng năm em đã mù loà không nhìn thấy anh để lạc mất nhau hết một khoản đời. Giờ ta không thể để mất nhau nữa! Xin chào tình yêu. Je t'aime. BH.

Tôi bủn rủn tay chân, choáng voáng. Không ngờ tôi đã khám phá điều thứ hai là thời gian ghi trên cho biết Bích Hợp và Dũng đã phải lòng nhau sáu tháng trước khi tôi bắt gặp hai người ở Hiển Khánh. Hai người qua mặt tôi, lừa dối tôi mà tôi không ngờ, nàng đang nằm nhắm mắt. Tôi tiến tới đè lên người, tát lia lịa vào mặt, cào cấu thân thể nàng và la lên:

- Nè, nè, tao muốn xem tim mày có mấy nẻo mà sao mầy ác quá vậy. Tao chỉ có Dũng mà mày cũng không tha, tao là bạn của mày, mày cũng không thương. Tao sẽ cho mày chết mày chết...

Nàng vùng dậy chạy ra khỏi phòng. Tôi vừa chạy rượt theo nàng vừa gào lên:

- Tại sao các người gạt tôi, tại sao các người dối tôi. Tại sao? Tại sao? Tôi tin các người tôi thương các người, tại sao gạt tôi?

Tôi gặp ba Bích Hợp lưng chừng cầu thang. Ông không nói tiếng nào, kéo tôi xuống dưới nhà ôm chặt hai cánh tay tôi, miệng hối quản gia, kêu ba má tôi đến. Tôi còn tức tối, cố giãy giụa và cắn tay ông, thét la than khóc không ngừng và cứ lặp đi lặp lại "tại sao Bích Hợp hại con, dối con" đến khi ba má tôi tôi đến. Ba tôi cùng hai người nữa phụ đem tôi ra xe về nhà. Còn má tôi ở lại bên nhà Bích Hợp đến sáng hôm sau. Tôi không biết ba má tôi và song thân Bích Hợp bàn tính những gì. Riêng tôi sau ngày đó không hở môi nói chuyện với ai, tôi nghe nhiều hơn nói. Ba má tôi không la rầy một tiếng nào. Hai người thay phiên vào phòng thăm tôi rồi thở dài với đôi mắt buồn bã.

Tôi sống lặng câm giam mình trong bốn bức tường, hững hờ với phím đàn, không tha thiết với cảnh đời bên ngoài, không người bạn nào biết kể cả gia đình Dũng cũng không hay. Thời gian thật lâu sau nầy tôi mới biết Dũng đi Thuỵ Sĩ học và từ đó không biết tin tức gì của chàng. Riêng tôi được ba má đưa vào dòng tu của bà cô là Mẹ Bề Trên để tĩnh tâm chửa trị vết thương lòng. Nơi đây tôi đã ăn năn và khấn nguyện với Chúa sẽ không để lửa phẫn nộ, ghen ghét bộc phát, tôi luôn luôn cầu xin được tha thứ lỗi lầm và học rộng lượng với đời, với tha nhân nhiều hơn.

***

Sau cuộc đổi đời năm 1975, bao nhiêu gia đình ly tán, bao nhiêu người vùi thây trong lòng đại dương, và bao nhiêu người đàn bà con gái đã bị hải tặc hãm hiếp trên biển cả. Hàng triệu người liều thân trên những chiếc tàu mong manh rời quê hương thân yêu để sang xứ lạ quê người tìm tự do. Riêng tôi, lúc ấy đã lập gia đình, kẹt ở lại trong các trại tù của Cộng Sản, những tưởng sẽ không bao giờ sang được đất nước Hoa Kỳ. Nhưng như một phép lạ mà tôi không thể biết được ý của

Ïấng thiêng liêng mà tôi tôn thờ là Chúa Trời, tự nhiên gông xích bỗng tháo mở cho gia đình tôi cũng như câu trong Thánh Kinh: "con lạc đà còn có thể chui qua lỗ kim, thì cứ phó mặc trong tay Chúa để Ngài định liệu mà thôi."

Đến Hoa Kỳ những năm đầu tôi phải lo điều trị sức khỏe của mình, lo sự học các con, và sự học cho mình, đồng thời sinh hoạt âm nhạc, giúp các tổ chức Cộng Ïồng địa phương. Các buổi văn nghệ cùng phong trào văn hoá nghệ thuật giới thiệu tác phẩm của các văn thi sĩ. Tôi tổ chức giúp các bạn văn, bạn nhạc sĩ miền xa về tiểu bang tôi ra mắt thơ truyện hay âm nhạc; các bạn ấy cũng đáp lễ tổ chức lại đêm nhạc mời tôi sang tiểu bang họ ra mắt CD, trình diễn Piano cho đồng hương thưởng thức lại các bản nhạc Việt Nam nổi tiếng thời trước. Và chính tại đây tôi đã gặp Bích Hợp, người bạn gái cũ mà mấy chục năm về trước tôi đã bạo hành nàng vì giây phút ghen tuông điên cuồng.

Sau vài giây nhìn nhau gặp lại trong khung cảnh ngỡ ngàng. Tôi là người lên tiếng chào Bích Hợp trước:

- Đã lâu quá, có đến trên ba mươi năm mới gặp lại Bích Hợp. Giờ BíchHợp ở tiểu bang nầy hả?

Bích Hợp điềm đạm trả lời:

- Bích Hợp ở tiểu bang này từ năm 1975, Vân Anh trông còn phảng phất nét xưa nên dễ nhận ra, sang đây bạn còn theo đuổi được nghệ thuật thì hay quá rồi, chả bù mấy đứa bạn mình hồi xưa sang đây bỏ đàn hết theo nghề khác. Vân Anh thật can đảm.

- Cám ơn Bích Hợp mình thì vẫn vậy. Trải qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc đổi đời, nếu không có âm nhạc giúp sức cho mình, thì mình đã sụm từ lâu, không biết bây giờ ra sao nữa. Còn Bích Hợp ra sao? Có thể nói một chút về Bích Hợp được chăng!

- Bích Hợp cũng thế, mấy chục năm rồi vẫn đi về một cõi riêng.

Giọng nàng đượm vẻ sầu đời, nét xinh tươi ngày xưa không còn nữa nhưng có nụ cười buồn khiến tôi nhìn nàng mà thở dài. Tôi nói:

- Bích Hợp à, mấy mươi năm mới gặp, mình muốn gặp riêng Bích Hợp để nói chuyện, vậy có cho mình cơ hội nào không?

Nàng trả lời:

- Thì đây là cơ hội đó, mình đã có ý tìm Vân Anh để xin lỗi và may làm sao là bạn sinh hoạt nhiều nên mình nghe tiếng, những bạn văn Vân Anh quen biết cũng là các bạn mình; nên mình nhờ họ mời Vân Anh qua đây để tổ chức đêm nhạc cho bạn, đáp lễ lại bạn đã tổ chức cho họ.

Tôi ngạc nhiên reo lên:

- À, thế ra đây là nhà Bích Hợp tổ chức cho mình đó à. Các ông văn sĩ nầy kín tiếng thật. Cảm ơn Bích Hợp mà cũng cám ơn trời đất đã cho mình cơ duyên gặp lại bạn mà trong thâm tâm mình luôn mong ước có ngày gặp lại Bích Hợp.

Nói rồi tôi nắm tay nàng lòng xúc động bồi hồi, nôn nóng muốn biết Bích Hợp ra sao sau ngày nghiệt ngã đó, rồi chia cách tình bạn tưởng chừng như vô vọng. Tôi vui mừng vì nàng đã tha thứ cho tôi, ơn Trên đã giúp tôi gặp

lại người bạn xưa để tôi biết tôi đã được thứ tha. Tôi nói với Bích Hợp:

- Ngày xưa mình đã làm bạn bị thương, niềm ân hận vẫn ray rứt trong lòng, chỉ mong bạn tha thứ và đừng buồn mình nữa nghe.

Giọng Bích Hợp bùi ngùi:

- Tuổi trẻ ngày xưa chúng ta có những phút bồng bột điên dại. Lúc đầu mình rất hận bạn, hận Dũng đã không có một lời nào hoặc thăm viếng an ủi mình, nhưng càng ngày mình đã nghiệm ra được đó là điều hay nên mình không trách ai hết, mà chỉ trách mình.

Tôi nhìn nàng:

- Thế sau nầy Bích Hợp có gặp lại Dũng không? Nàng lắc đầu:

- Dũng đi Thuỵ Sĩ học và về lại Việt Nam ba năm sau đó, có đến gặp mình và xin lỗi; tuy nhiên, Dũng không đá động gì đến chuyện xưa. Lần đó mình hy vọng Dũng sẽ nói lời gì hơn nữa cho mình, nhưng tuyệt nhiên không mà anh ấy chỉ nói hai chữ xin lỗi và xin lỗi mà thôi. Sau đó thì gia đình Dũng có cho biết Dũng sẽ đi ngoại quốc không về nữa.

Tôi hỏi nàng:

- Sang bên Nhật tốt lắm chứ hả? Mình muốn Bích Hợp cho mình xem dấu vết ngày xưa đi.

Nàng ra dấu cho tôi vào trong phòng rồi cởi áo cho tôi xem, dấu vết ngày xưa chỉ còn một đường sẹo mờ mờ. nàng nhìn tôi làm tôi bồi hồi, ôm lấy nàng và hôn nàng, cử chỉ ấy như tuôn trào những xúc động đến nghẹn ngào, chúng tôi ôm nhau khóc nức nở và càng vơi đi những sự nặng nề đè nặng trong tâm hồn chúng tôi bấy lâu.

Khi cơn xúc động lắng dần, tôi hỏi Bích Hợp có biết bây giờ ở Âu Châu Dũng đang làm gì không? Nàng trả lời là biết Dũng đại diện thương mại cho công ty lớn, đi khắp nơi trên thế giới, anh ấy vẫn sống độc thân không lấy vợ, biết mình ở tiểu bang này. Có lần anh ấy gọi điện thoại là đang ngồi chờ đổi chuyến bay tại phi trường nên gọi hỏi thăm Bích Hợp, mình mời Dũng đi ăn cơm nhưng anh thoái thác nói là không có thì giờ. Rồi mấy năm qua, mình không biết ảnh ở đâu để gọi hỏi thăm nữa.

Tôi thắc mắc về đời sống Dũng, nhưng thời gian với đa đoan công việc, với nợ áo cơm tôi cũng quên lửng chàng, cho mãi tới chuyến đi trình diễn Âu Châu của tôi thì chàng xuất hiện. Sự xuất hiện rất âm thầm mà bất ngờ làm tôi bối rối như ngày mới yêu chàng.

Sau buổi trình diễn tôi ký tặng một số CD cho khách, khi đã thưa vắng không còn ai mua ký CD, có một người đàn bà đến nói tôi ký tên cho mấy cái CD đề tên Hoàng Dũng, tôi ngờ ngợ hỏi vị khách:

- Xin lỗi, tôi đề tên chị, chị tên là Hoàng Dũng à?

Bà lắc đầu nói:

- Chị cứ ký đi, Hoàng Dũng không phảI tên tôi mà của người ngồI kia kìa.

Tôi nhìn theo chỉ của người đàn bà nhưng chỉ thấy lưng người mờ mờ mà thôi.

- Xin chị giúp giùm nhé, là mời ông khách ấy đến đây thì tôi sẽ ký ngay.

Nói vừa dứt lời thì một người đàn ông cao gầy đến bên tôi và

nói:

- Thưa bà, tôi là Hoàng Dũng đây, xin bà ký tên cho mấy cái CD này.

Tôi ngạc nhiên, mở to đôi mắt rồi hỏi một câu vô duyên:

- Anh là Hoàng Dũng đó ư? Anh làm gì ở đây?

- Bà hỏi lạ. Tôi đến đây để nghe nhạc, và nhìn lại bà trong bao nhiêu năm như thế nào.

- Thế bao nhiêu năm anh nhìn lại em thấy thế nào?

- Tiếng đàn của bà vẫn mê hoặc nhưng con người thì vẫn ác. Lạ thật, sau bao nhiêu năm mới gặp mà giọng chàng chua chát trách móc.

Tôi nói:

- Đáng lẽ mấy chục năm qua gặp lại anh, em phải là người trách móc, chua chát với anh, dè đâu anh lại trách ngược lại em.

Dũng nhìn tôi thật sâu nói:

- Anh xin lỗi em, mấy mươi năm gặp nhau, anh nặng nề cũng bởi trong lòng anh vẫn mang nỗi sầu không dứt được.

Rối chàng kéo tay tôi đi ra ngoài vườn, tôi đi theo mà lòng hoang mang không biết phải nói thêm vớI Dũng những gì vì tâm tư ăm ắp tựa như đóng cứng thành một khối, phải cần một nhát búa bổ xuống mới có cơ vỡ ra.

Tôi hỏi:

- Anh lâu nay sống ra sao? Ở đây luôn hay còn di chuyển đâu nữa?

- Sao em biết anh hay di chuyển? Phải, anh sống đời đó đây, đi khắp các thành phố mọi nơi trên thế giới, nhưng không vì thế mà anh không biết những sinh hoạt về em. Anh biết hết

Nhìn gương mặt trầm lắng như ôm khối sầu bên trong, tôi chạnh lòng:

- Em thì anh đã biết em theo đuổi lý tưởng thì sống chết với nó, và đời em đã gắn bó với âm nhạc không dứt được cũng nhự

- Cũng như em còn nghĩ đến anh chứ gì? Chàng chen vào câu nói làm tôi khựng lại.

- Xin anh đừng hỏi, mấy chục năm rồi, bao nhiêu nước chảy qua cầu, bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu cay đắng, ngọt bùi, bao nhiêu sự sĩ nhục, vùi dập em đã nếm hết nên trái tim này trở thành sỏi đá rồi anh ạ.

Giọng Dũng sôi nổi:

- Anh không tin! Tiếng đàn em nức nở gào thét giữa cơn bão đời, như cần tình yêu che chở mà anh biết chỉ có anh mới đem lại cho em sự hồi sinh. Anh đã để mất em vì sự nông nổi của mình. Vân Anh, mình lạc nhau quá xa. Anh muốn nối lại đường tơ dù trễ nhưng anh nguyện sẽ đem tình yêu và tháng ngày còn lại bù đắp cho em.

Tôi mai mỉa:

- Trời trời, Dũng ngày xưa hiên ngang, phong cách lắm mà, Dũng có bao giờ van xin tình cảm của ai đâu, người đã làm tôi đau thương chất ngất, suýt nữa tương lai tôi đi đoong, xuống vực thẳm mà giờ nầy còn mở miệng yêu thương tôi. Sự ngang tàng của anh đâu, cất ở đâu rồi!

- Em cứ mắng, cứ nói những gì cho hả giận trong lòng em đi. Anh chấp nhận hết, nhưng em ạ, mấy mươi năm qua, hình ảnh em mãi trong tim, trong óc anh không đuổi đi được, dù anh đã cố

gắng mọi cách.

- Anh nói hay quá, anh muốn em nhẹ dạ thêm một lần nữa hả, ngày còn trẻ nhẹ dạ người đời còn miễn thứ được. Bây giờ đầu em đã hai thứ tóc mà còn lạc lòng, ngu si thì bị cười chê khinh bỉ, con cháu nó cười cho trọc đầu.

Chàng cười buồn cầm tay tôi:

- Em đã vươn lên từ vực sâu đau khổ, em can trường, nhưng em không thể sống như em đang sống. Em tưởng anh không biết những việc làm của em hả, em phải cần có một người săn sóc, lo lắng cho em, tạo cho em điều kiện thoải mái trong sự sáng tạo nghệ thuật. Em không thể sống cô đơn một mình. Em đã lớn tuổi rồi, phải có đời sống gia đình, không thể sống bạt mạng. Bây giờ sức khoẻ không như trước nữa đừng liều lĩnh rồi ân hận.

Tôi gàn bướng cắt lời chàng:

- Xin lỗi anh, đời tôi tự lo lấy, không khiến anh lý sự, giữa chúng ta hôm nay gặp nhau đây, còn nhìn nhau, nắm tay, nói chuyện là thật sự tôi ngạc nhiên chính tôi lắm rồi. Anh đừng dạy tôi phải sống như thế nào. Và tôi cũng không cần anh theo dõi mọi sinh hoạt tôi sống ra sao. Nỗi oan khiên, tội tình tôi sống để dạ, chết mang theo, tôi không màng người đời hiểu cho tôi, miễn tôi sống lương tâm trong sáng vì đã sống cuộc đời không vô ích.

Chàng chắt lưỡi:

- Đó đó, em nổi tánh bướng rồi, em thì miệng nói cứng nhưng lòng thì mềm, em rộng lượng, hiền hoà, nhưng em không thể làm vui lòng mọi người hết được. Em đã sống cho đời, phục vụ mọi người cũng nhiều rồi, hãy về với anh, sống những ngày tháng trầm lặng xa lánh thế gian. Anh sẽ đem em đi khắp thế giới với anh, kéo lại ngày tháng hư hao mất mát. Những điều anh nói là chân thật nhất trong lòng anh. Anh không thúc đẩy em, anh sẽ chờ em. Anh nhắc lại anh chỉ muốn lấy em làm vợ, và riêng em duy nhất, anh đã ở vậy mấy mươi năm cũng vì không quên em được.

Tôi hỏi chàng:

- Tại sao anh biết Bích Hợp cũng ở vậy không lập gia đình, sao anh không tiến tới? Hai người hạp với nhau lắm mà?

Chàng ngượng ngùng trả lời:

- Thôi em đừng nhắc chuyện đã qua. Anh cũng biết Bích Hợp ở đâu nhưng anh không liên lạc nhiều vì anh không yêu Bích Hợp, có cái gì đó bắt anh không tiến xa hơn được. Thôi đừng nhắc chuyện cũ nữa nghe em.

Tim tôi như mềm đi, chảy tan thành nước khi nghe những lời tha thiết của chàng. Tôi gật đầu hứa với Dũng là từ đây không nhắc chuyện xưa nữa.

Rồi ngày tháng qua đi, vết thương lần hồi đã thành sẹo, sau mùa đông lạnh giá tuyết tan, mùa xuân lại về với đất trời cho cây trổ nụ, bừng lên sức sống tươi xinh với niềm hy vọng.

Tôi viết lên đây một đoạn đời của người nữ nhạc sĩ, đoạn đời kế tiếp là của ngục tù đày đoạ, hình thành một trong những câu chuyện về cuộc đời, tình yêu, sự nghiệp của nàng.

Yên Sơn

"THẰNG LÍNH TRỞ VỀ"

Khu Welcome Center là một doanh trại đặc biệt, nằm giữa lòng đại bản doanh của căn cứ bộ binh Fort Carson, thành phố Colorado Spring, dành làm nơi tiễn đưa binh lính lên đường đi các chiến trường xa cũng như chào đón họ trở về sau khi hoàn tất một "tour" nhiệm vụ. Hai bên đường, từ khu khách sạn dẫn đến trung tâm, phủ đầy tuyết trắng xóa - Khu khách sạn gồm rất nhiều building giống hệt như những khu doanh trại của lính, tụ lại một nơi được quân đội tổ chức và quản lý nhưng không khác gì những khách sạn bề thế nổi tiếng của tư nhân bên ngoài. Chỉ khác biệt là họ không tính thuế và giá cả rất thấp cho những phòng ốc sang trọng và đầy đủ tiện nghi. Khu khách sạn dành riêng cho thân nhân và gia đình tạm trú trong thời gian thăm viếng - Những khóm cây trụi lá trơ cành trông rất thơ, rất mộng đứng thi gan trong cái lạnh tái tê của mùa đông Colorado! Từ tối qua đến nay tuyết ngưng rơi làm lũ nhỏ có vẻ thất vọng! Dù vậy, chúng nó cũng xin hắn dừng xe lại để được chạy nhảy một lúc trong những mặt phẳng phủ đầy tuyết trắng xóa. Dân Houston, dân Vùng Bay Area có khác, lúc nào cũng trông mong được nhìn ngắm và được đi trong tuyết rơi.

Không biết những gia đình khác đã đến "trung tâm chào đón" từ lúc nào, nhưng khi gia đình hắn tới nơi lúc 12:30 trưa đã thấy chật ních những người và người ở một bên khán đài, nơi dành riêng cho gia đình và thân nhân ngồi chờ đón. Căn phòng đợi rộng lớn như cầu trường của một đội bóng rỗ chuyên nghiệp đầy những tiếng nói cười và âm nhạc ồn ào như một trung tâm mua bán trong mùa lễ tết. Sự sốt ruột đã làm tiếng ồn ào tăng lên

theo từng tiếng đồng hồ trôi qua! Giờ G là giờ để người thân trong gia đình được mừng đón người thân yêu của họ trở về, được ôm chặc trong vòng tay đứa con, hoặc chồng, vợ, cha, mẹ, hoặc anh, chị, em bằng xương bằng thịt sau hơn 500 ngày họ miệt mài trong tử sinh trên chiến trường Iraq. Giờ G là 1 giờ trưa, rồi 2 giờ, rồi 3 giờ và bây giờ đã là 6 giờ chiều! Ban tổ chức liên tục trấn an mọi người là những người thân yêu của họ đã có mặt trên đất Hoa Kỳ, nhưng họ không hề nói đang ở đâu và tại sao. Có lẽ ai cũng đã quen thuộc với ngôn từ "bí mật quân sự" nên chỉ sốt ruột chờ đợi. Cứ mỗi lần người trong ban tổ chức lên máy vi âm thì tất cả mọi tiếng ồn ào im phăng phắc, hàng ngàn cặp mắt hướng về người phát ngôn với trái tim hân hoan để rồi thất vọng và sốt ruột tiếp tục đợi chờ.

Hắn suy nghĩ mông lung, hồi hộp một cách kỳ lạ, niềm lo âu vô hình cứ lẩn quất trong lòng. Hắn nghĩ tâm hồn hắn sẽ thật sự bình yên khi ôm được "thằng lính" bằng xương bằng thịt trong vòng tay siết chặc của mình. Hắn không biết đã uống hết bao nhiêu ly cà phê mà cả người thấy nhộn nhạo; giá có một cốc rượu mạnh mới có thể có được sự kiên nhẫn đợi chờ. Hắn lướt mắt khắp gian phòng cùng chia sẻ với những gương mặt âu lo, những ánh mắt đoài đoạn vì nhớ mong của những người vợ trẻ, của những cha mẹ anh chị em, và thương ơi là thương những trẻ thơ vẫn vô tư nô đùa chạy nhảy. Mấy tuần lễ trước hắn có một giấc mơ khủng khiếp làm bàng hoàng khi thức dậy mà không dám hở môi chia sẻ với bất cứ một ai! Sự lo âu càng lúc càng tăng theo tỷ lệ nghịch với ngày N "thằng lính" trở về. Hắn cứ suy nghĩ vẩn vơ về những cái "huông" trong đời quân ngủ hắn đã từng nghe thấy, từng chứng kiến. Cứ năm ba ngày không liên lạc được với "thằng lính", cứ mỗi lần nghe tin tức bom tự sát nổ chỗ này, chỗ kia và quân nhân tử nạn trên chiến trường Iraq là hắn quýnh quíu! Trong tình trạng đó đã hình thành một ác mộng! Trong mơ, hắn đã như người điên loạn chạy nhảy qua những khu rừng tăm tối, rồi bay chơi vơi trong một khoảng không gian xám đục, rồi rơi xuống nhiều tầng địa ngục... sau khi nhận lá cờ Hoa Kỳ xếp gọn hình tam giác từ tay hai người lính Mỹ trong quân phục đại lễ kính cẩn trao cho hắn với câu nói gọn lỏn "we're so sorry" (chúng tôi rất lấy làm ân hận) rồi lặng lẽ quay gót!

Bỗng thời gian như ngưng lại, không gian như đặc quánh làm cho căn phòng càng rộng thênh thang, hàng ngàn con tim như ngừng đập và hàng ngàn cặp mắt đổ dồn vào phía cổng sau, nơi mà vị sĩ quan điều khiển "Chương Trình Chào Đón" cho biết là những đứa con yêu của đất nước này sắp xuất hiện trước những tấm lòng trời biển và niềm kiêu hãnh của hàng ngàn thân nhân đang ngóng đợi. Nếu không có hàng trăm chiếc xe đủ cỡ, đủ loại đậu trước sân của khu "Welcome Center"; nếu không vào bên trong building, người ta sẽ không thể biết là trong lòng building này

đang chứa đựng mấy ngàn người già trẻ lớn bé! Hắn có cảm tưởng người ta sẽ giật mình nếu ai đó làm rơi chiếc kim may trong giây phút này.

Hàng ngàn tiếng hò reo không hẹn cùng cất lên òa vỡ khi ba cánh cửa lớn vừa được mở rộng cùng một lúc, bóng dáng của ba người lính dẫn đầu trong bộ đồ trận rằn ri màu cát sa mạc uy dũng bước vào! Người hắn tê điếng, hai mắt mở to hết cỡ dán chặc lên từng bóng dáng người lính xuất hiện. Bỗng chốc, mắt hắn như có màn sương mỏng làm nhạt nhòa hình ảnh của "thằng lính" cao nhòng vừa bước qua ngưỡng cửa. "Thằng lính" người Việt Nam mà cao trội hơn ai hết trong hàng quân của một tiểu đoàn lính Mỹ. "Thằng lính" là người thứ ba, ở hàng đầu, nón bê-rê phủ sụp như đang ngó xuống những bước chân đều của hàng quân duyệt qua khán đài danh dự. Hắn dõi theo từng bước đi của "thằng lính" cho tới lúc vị sĩ quan điều khiển đoàn quân ra lệnh cho những bước quân hành dừng lại và quay phải hướng lên khán đài, nơi hàng ngàn thân nhân đang hò reo vỡ lỡ! Nón bê rê của "thằng lính" vẫn phủ sụp che tầm mắt! Hắn lướt nhanh một dọc qua hàng quân, để ý dường như không có cặp mắt lính nào ngó lên khán đài trước mặt họ, nơi mà những ánh mắt thiết tha đang vui mừng chờ đợi họ. Dường như ai cũng cố gắng kềm hãm nỗi vui sướng, nỗi xúc động trong lòng!

Sau khi cử hành nghi lễ chào quốc kỳ một cách trang trọng và bài hát "lục quân hành khúc" chấm dứt, Thiếu Tướng chỉ huy trưởng của căn cứ ngỏ lời chào mừng quan khách và đoàn quân trở về bằng một bài nói ngắn gọn, đại lược như: "Kính thưa toàn thể quý vị, chúng tôi rất lấy làm tiếc về sự chậm trễ của buổi lễ vì thời tiết quá xấu trên hành trình trở về của đoàn quân. Hân hoan chào mừng quý thân nhân có mặt trong buổi lễ hôm nay. Cám ơn sự kiên nhẫn và thông cảm của quý vị". Hân hoan chào mừng các bạn đã bình yên trở về; các bạn đã hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ rất cam go được giao phó, các bạn là niềm hãnh diện của đất nước và nhân dân Hoa Kỳ. Chúng tôi thành tâm cám ơn sự hy sinh cao cả của các bạn và gia đình, đặc biệt các gia đình và các quân nhân bị thương vong trên chiến trường Iraq. Chúng tôi cũng kính cẩn nghiêng mình trước những vong linh của hơn ba ngàn binh sĩ đã nằm xuống trong cuộc chiến! Quân đội và nhân dân Hoa Kỳ quyết không để sự hy sinh cao cả đó bị phí phạm. Với tất cả những nổ lực và quyết tâm không ngừng nghỉ của quân đội và chính phủ Hoa Kỳ, chúng ta có quyền hy vọng sự ổn định và sự tự do no ấm của nhân dân Iraq sẽ được tái tạo trong một ngày không xa. Việc làm của chúng ta ngoài mục đích nêu trên còn là việc cần làm để bảo vệ an ninh cho đất nước và nhân dân Hoa Kỳ nữa. Chúng ta không muốn có một 9/11 khác xảy ra! Một lần nữa, chúng tôi xin hân hoan chào mừng các bạn đã trở về bình yên, cầu chúc các bạn và gia đình có những ngày sum họp trong hạnh

phúc tuyệt vời!"

Sau những dặn dò cần thiết của các cấp chỉ huy, đám lính được lệnh tan hàng. Mọi người đổ xô nhau ùa ra sàn tìm người thân yêu của mình. Hai đứa em và cô bạn gái của "thằng lính" cũng lập tức biến mất! Hắn cố giữ vẻ điềm đạm để cùng vợ bước về hướng "thằng lính" đứng lúc nãy. Những đứa bạn lính của nó, hoặc còn ở lại căn cứ, hoặc đã về trước, ôm chầm nhau cả lũ, rồi hai đứa em, rồi cô bạn gái của nó thay phiên nhau ôm cứng như không muốn rời. Nhìn hoạt cảnh sum họp chung quanh với bao nhiêu tiếng cười, bao nhiêu dòng lệ ướt đẫm mắt môi, hắn liên tưởng tới đôi mắt đẫm lệ của Mẹ, những nghẹn ngào của Ba trong những lần hắn về phép năm xưa, niềm cảm xúc tuôn trào với bao nhớ thương và ân hận về những khiếm khuyết và chểnh mảng của hắn khi Ba hắn còn tại thế! Ba ơi! Con biết đã quá muộn màng để nói với Ba một lời xin lỗi. Vâng thưa Ba, lời Ba mượn câu cách ngôn để dạy dỗ con khi còn vừa tập tễnh vào đời,"nuôi con mới biết lòng Cha Mẹ", phải đợi chừng này tuổi con mới thật sự hiểu ra! Hắn cố kềm giữ không để rơi nước mắt trước đám đông và kiên nhẫn đợi tới phiên mình sau khi mẹ nó mừng mừng tủi tủi buông ra. Ôi hạnh phúc biết bao khi hắn ôm được thằng con yêu quý trong vòng tay của mình. Lòng hắn thật sự bình an và sung sướng đến muốn bật khóc! Bây giờ thì hắn biết chắc "thằng lính" của hắn đã mạnh khỏe trở về và cơn ác mộng không còn là một nỗi ám ảnh khôn khuây trong lòng hắn nữa.

Sau một khoảng thời gian mừng mừng tủi tủi khá lâu, tiểu đoàn được lệnh tan hàng để theo các cấp chỉ huy về doanh trại làm thủ tục nhận cư xá trước khi được đi phép 48 giờ. "Thằng lính" chỉ đường đến khu cứ xá độc thân cho hắn chạy theo. Nó nói làm thủ tục nhận phòng rất nhanh vì mọi chuyện đã được xếp đặt trước. Khi đến nơi thì thấy "thằng lính" đang chuyển những dụng cụ cá nhân lên phòng. Hắn thấy chiếc ba lô kềnh càng của "thằng lính" vừa được "unload" từ một quân xa xuống cùng những vật dụng cá nhân của nó, hắn tính giúp mang lên phòng trên lầu hai, nhưng trời ơi nặng oằn cả lưng! Anh em "thằng lính" vội vàng khuyên ngăn để cho chúng nó mang lên. Thằng em cũng to con, cao lớn hơn Bố chứ có ốm yếu gì đâu, vậy mà nó vừa mang lên đã vội vàng để ngay xuống! "Thằng lính" cười rồi khoác lên lưng một cách thoải mái, nhẹ nhàng. Nó nói là tất cả quân nhân đều phải mang như vậy trên lưng mỗi ngày ít nhất tám tiếng đồng hồ trở lên, chưa kể tới vũ khí đạn dược! Hắn nghe mà bái phục cho thể lực của một người lính Mỹ. Hắn tự hỏi với sức nặng đó làm sao có thể trèo đèo, băng rừng, vượt suối, xông trận nhanh chóng cho được?! Ôi! Lính Mỹ có khác! Bao giờ cũng được trang bị tối đa! Hắn chạnh lòng nghĩ tới thân phận của những người lính Việt Nam Cộng Hòa năm xưa, đi vào những nơi hung hiểm mà chỉ trang bị với nhiều thiếu thốn kiệm ước! Ôi sao thương mến lẫn cảm phục vô

vàn!

Gia đình hắn đã ở lại Fort Carson chơi với "thằng lính" đến hết 48 giờ phép của nó. Suốt ngày chỉ loanh quanh sáng trưa chiều tối đi thăm các nhà hàng quán xá khác nhau, hoặc kéo nhau đi thăm những gia đình bạn lính của nó ở ngoài thị trấn, hoặc lũ nhỏ chơi với nhau những trò chơi điện tử "thằng lính" có sẵn hoặc mua về từ khu mua sắm trong căn cứ (Post Exchange). Những ngày còn lại trời cũng chẳng chìu lòng lũ nhỏ vì tuyết trắng chẳng rơi và nắng vàng vẫn rực rỡ mỗi ngày; ban đêm lại vô cùng rét buốt. 48 giờ phép cũng ra đi vội vàng, gia đình bịn rịn chia tay "thằng lính" với cái hẹn hai tuần sau "thằng lính" sẽ được nghỉ phép 4 tuần lễ.

Về đến nhà mấy hôm, "thằng lính" gọi hỏi ý kiến của hắn:

- Ba cho con ý kiến là con nên làm sao. Con phải trả lời ngay cho cấp trên của con biết. Tháng 10 tới là kỳ hạn 5 năm của con, đúng ra là con sẽ hết "giao kèo", từ giã vũ khí về đi học lại với em con, nhưng thời gian từ bây giờ đến tháng 10 nhiều hơn 6 tháng dưỡng quân, có thể con sẽ bị điều động trở lại Iraq hoặc đi chiến trường Afganhistan. Trong bộ binh, mỗi khi chuyển quân đi chiến trường xa, thường là phải ít nhất một năm mới trở về. Khi trở về là con mãn hạn! Tuy nhiên, Ba còn nhớ 3 năm "option" trong giao kèo của con không? Quân đội cho con một chọn lựa! Nếu con "tình nguyện exercise" thì tháng Sáu tới con có thể chọn đi phục vụ bất cứ ở đâu, nước nào trong "tour" kế tiếp; nếu đợi đến khi quân đội cần, "quân đội exercise" thì con sẽ mất quyền chọn lựa!

Đầu óc hắn quay cuồng chớp nhóang vì đâu có nhiều thì giờ suy nghĩ, trong thoáng chốc hắn đã có câu trả lời:

- Well, dường như con không có chọn lựa nào tốt hơn là "tình nguyện exercise". Vì theo Ba hiểu rất có nhiều khả năng quân đội sẽ exercise để cover thời gian cho cái tour kế tiếp! Vì họ không thể cho con ra khỏi quân ngũ trước khi hoàn thành đợt chuyển quân, và họ không có lý do chính đáng giữ con lại trong quân đội nếu không exercise option triển hạn. Hơn nữa, các cơ quan truyền thông đã và đang nói về sự khó khăn trong việc tuyển mộ tân binh của quân đội Mỹ; nghe nói Quân đội cho nhiều quyền lợi (incentives) cho những người tình nguyện sau này; chưa kể tới việc quân đội đã tốn kém khá nhiều để đào tạo một người lính chuyên ngành như con mà không nghĩ tới việc sử dụng tối đa tài nguyên của đất nước!

- Con cũng đã nghĩ như Ba nói!

Ngưng một chút, "thằng lính" nói tiếp:

- À ba! Nói về "incentive". Quân đội hứa cho con một số tiền thưởng nếu con" tình nguyện exercise". Con dự định cho các em một nửa, và đưa Ba Mẹ một nửa để sửa sang nhà cửa hoặc để Ba Mẹ chi dụng tùy nghi!

Hắn xúc động về tấm lòng hiếu để của "thằng lính". Chỉ cần nó biết nghĩ như vậy cũng quá đủ:

- Con cứ để dành tiền chi dụng,

Ba Mẹ không cần tiền trong lúc này, chỉ cầu mong cho con luôn được bình yên và mạnh khỏe, vui vẻ là Ba Mẹ sung sướng rồi! Con cho tiền em con cũng được, cho nó để dành cho việc học nếu một lúc nào đó Ba Mẹ không còn lo được nữa!

- Ba nói với con là Ba đã quyết định sống tới 100 tuổi rồi mới tính sau mà!

- Ha ha! Dĩ nhiên là vậy rồi! Ba muốn nói tới một lúc nào độ Ba Mẹ cần tiền để đi du lịch thì sẽ phải nhờ các con lo cho em thôi!

- Ukie dukie Ba, Hahaha! Nghe vậy được hơn (It sounds about right) Ba!

***

Hai tuần sau "thằng lính" về nghỉ phép một tháng.

Đời sống bình thản mỗi ngày của gia đình lại bị đảo lộn chung quanh sinh hoạt của con, tất bật với những niềm vui mở ngõ, và rộn rịp bạn bè. Hắn để ý thấy "thằng lính" của hắn đã thật sự trưởng thành; tâm tính có nhiều thay đổi; uống rượu và hút thuốc lá liên miên; cử chỉ, nói năng có vẻ từ tốn hơn nhưng lại rất nhạy cảm. Có một tối hai bố con ngồi tâm sự với nhau rất khuya, sau khi bạn bè nó đã ra về; khi những chai bia cuối cùng được hai bố con chia đều thanh toán. Giọng nó chùng xuống bùi ngùi nói về vài người bạn chiến đấu đã vĩnh viễn không thể trở về! Những người này, trong vài trường hợp khác nhau, đã ngã gục trong tầm mắt đau đớn của nó mà không ai có thể làm gì hơn trong những hoàn cảnh quá bất ngờ như vậy! Nó nói những lúc như vậy nó thực sự không còn biết ai là ai, chính nghĩa, tà nghĩa gì hết ráo, nó ao ước được nổi điên lên, muốn gầm thét, muốn tiết hận vì lòng thương xót bạn bè... vậy mà đành ngồi chết lặng nhìn bạn mình gục chết bằng đôi mắt mở toang ứa máu! Nó cũng nhắc đến những người bạn khác đã bị thương tật trong những cuộc hành quân tảo thanh hoặc để bảo an dân chúng. Nó cảm thấy nó quá may mắn được trở về với nguyên vẹn hình hài dù tinh thần nó vô cùng sa sút... "Thằng lính" tỏ vẻ phiền muộn về chiến trường, nơi mà bạn và thù không rõ mặt; nơi mà giặc thù dùng tất cả những thủ đoạn dã man, hèn mạt kể cả việc sử dụng đàn bà con nít cho những tín điều ngu xuẩn; nơi mà mỗi người lính Mỹ luôn luôn ý thức rằng mình là những tấm bia di động từ những phút giây đầu tiên ra khỏi căn cứ!

Hắn chia sẻ với con những kinh nghiệm chiến trận bản thân, những đớn đau tương tự cho bạn bè hy sinh trong trận chiến, nhất là lần hắn đã phải nuốt lệ, vắt tim trút hết hỏa lực lên đầu của đơn vị anh mình khi căn cứ của anh bị giặc thù tràn ngập! Hắn vừa kể vừa thấy hiển hiện trước mắt qua màn lệ mỏng sự kiện đã gần 33 năm qua! Hắn cũng chia sẻ với con về những khó khăn tương tự cho những người lính Mỹ trong chiến tranh Việt Nam năm xưa. Hắn có nhắc tới vụ Mỹ Lai, nơi mà một đại đội lính Mỹ đã tàn sát cả một làng

gần 400 nhân mạng, kể cả đàn bà con nít. "Thằng lính" nói rằng nó hiểu được cái động cơ của việc làm tàn ác đó, nhưng tàn sát từng đó người để trả thù là một hành động dã man, là những người lính vô kỷ luật, thiếu nhân tính, rất đáng trách phạt tối đa. Hắn công nhận điều nhận xét của "thằng lính" rất chí lý nhưng so với việc tàn sát hơn sáu ngàn thường dân vô tội ở Huế, trong dịp Tết Mậu Thân, của Việt Cộng, chưa kể những vụ giết người hàng loạt trong cùng thời điểm trên khắp miền nam Việt Nam, là cả một trời khác biệt! Một người lính Mỹ giết một người ngoại quốc trên chiến trường với tội danh không rõ đã là một hành động không thể tha thứ rồi, huống chi cùng đồng bào với nhau mà có thể lang sói đến độ thảm sát một tập thể khổng lồ như vậy chỉ để phục vụ cho những tham vọng điên cuồng của người Cộng Sản!

"Thằng lính" thật sự "shocked" khi biết chi tiết này. Nó bảo có loáng thoáng nghe qua nhưng không thể tưởng tượng cái độ dã man, tàn ác như vậy hiện hữu!

- Nếu có thì giờ con lên net truy tìm hồ sơ Mậu Thân Offensive, về chiến tranh Việt Nam của nhiều tác giả ngoại quốc thì con sẽ hiểu rõ tại sao hơn hai triệu người Việt phải đau lòng bỏ nước ra đi, tại sao chúng ta có mặt trên đất nước này. Ba vô cùng thông cảm tâm tư của con, những điều Ba nói cho con hôm nay là nói với một người trưởng thành, là một người có trách nhiệm và hiểu biết để con thấy rằng Ba và nhiều bạn bè, nhiều người Việt lưu vong đã và đang sống với những ẩn ức kinh mang như vậy suốt ba mươi mấy năm qua! Nhưng con ơi, đời sống vẫn phải tiếp tục đi tới vì trái đất vẫn quay và ngày mai mặt trời sẽ mọc, chúng ta không thể ngồi một chỗ để đau thương, để phẩn hận.

- Con cám ơn Ba đã cho con biết nên làm gì, nghĩ gì mà những người counselors con gặp qua không nói được!

Tự dưng hai bố con không hẹn mà cùng đưa tay đập đập lên vai nhau như an ủi, như thông cảm! Đêm lắng xuống thật sâu, thật yên tĩnh. Bố con "thằng lính" ôm chặc nhau để chia sẻ với nhau những đau thương mất mát trong đời..

Những ngày vui bao giờ cũng qua rất mau! Mới đó mà "thằng lính" đã tiêu xài hết bốn tuần phép một cách hào phóng. Trước ngày đi vài hôm, "thằng lính" được dì Châu, chị của mẹ nó, mời tham dự buổi tiệc mừng xuân của nhóm "Hi Neighbor" ở Kingwood Country Club. Nhóm hầu hết là các bà Mỹ trắng trung lưu trở lên, trong đó có vài người Á châu mà dì của nó là một hội viên năng động. Dì Châu được nhóm yêu cầu đứng ra tổ chức Tết theo truyền thống Á châu. Dì Châu muốn giới thiệu tập tục, văn hóa ngày Tết của người Việt nên đã mời nhóm sinh viên Việt Nam thuộc các trường Đại học Houston trình diễn những màn ca vũ nhạc và múa Lân rất đặc sắc. Các em sinh viên đã làm cả hội trường gần hai trăm người nhiệt liệt tán thưởng và tỏ lòng biết ơn bằng những bao lì xì màu đỏ thắm và những tràng pháo tay

không dứt. Khi phần trình diễn chấm dứt, dì Châu lên sân khấu cám ơn Nhóm đã cho cơ hội giới thiệu văn hóa và tập tục ngày Tết của ngươi Việt Nam. Sau cùng, Dì đặc biệt giới thiệu người khách danh dự trong buổi tiệc là một công dân của Kingwood và là một "hero" vừa trở về từ chiến trường Iraq sau 15 tháng phục vụ. Đặc biệt người khách danh dự này lại là "cháu của tôi"! Giọng của Dì xúc động và cả hội trường đồng loạt đứng lên vỗ tay chào mừng! "Thằng lính" bị bất ngờ nên có vẻ lúng túng, ngượng nghịu đứng lên, cúi đầu chào mọi người trong khi hắn cúi xuống xúc động tới ứa nước mắt!

Vài ngày sau khi "thằng lính" trở lại đơn vị, Mẹ của nó đã nhận một email ngắn gọn nhờ chuyển cho dì Châu để cám ơn dì Châu và nhờ dì chuyển đạt đến mọi người trong Nhóm:

"Con xin cám ơn dì Châu về tình thương yêu dì dành cho con, và cám ơn dì đã trang trọng giới thiệu con với Nhóm Hi Neighbor trong buổi tiệc Mừng Xuân ở Kingwood Country Club vừa qua. Con đã vô cùng ngạc nhiên để được giới thiệu và xúc động trước tấm chân tình của mọi người dành cho con hôm đó. Con nhờ dì chuyển lòng biết ơn của con đến mọi người. Chúng con, những người lính chiến, rất thường nghe sự tán dương và lời cám ơn của các cấp trên nhưng rất ít có dịp nghe từ những người mà chúng con thề phải bảo vệ (We, as soldiers, often hear praise and thanks from our superiors, but not often enough from those whom we've sworn to defend). Thành thực mà nói, nghe những tràng pháo tay nồng nhiệt và nhìn thấy những nụ cười thân thiện làm cho con thấy vô cùng hãnh diện để phục vụ đất nước tuyệt vời của chúng ta (made me extremely proud to serve our wonderful country). Một lần nữa con xin chân thành cảm tạ"

Hôm nay đã hơn nửa tháng Hai rồi, và "thằng lính" cũng đã cho biết sẽ có mặt ở nhiệm sở mới, miền Nam nước Đại Hàn, vào đầu tháng Sáu! Hắn buông viết, thở ra một hơi dài, mỉm cười đứng dậy ra ngoài sân đốt cho mình một điếu thuốc lá. Hắn không còn hút nhiều thuốc lá như những năm xưa, chỉ lâu lâu mới cầm điếu thuốc trên tay để theo khói thuốc quay về khung trời xưa cũ tìm lại những kỷ niệm một đời người, để tưởng tiếc tuổi ấu thơ đã cất cánh bay xa! Bên ngoài hơi lạnh gây gây, trăng 18 đã nhô lên khỏi rừng thông, sáng rực rỡ soi rọi tấm lòng của một người cha với nhiều trăn trở. Hắn hút một hơi dài rồi thở khói thành vòng tròn quen thuộc nối đuôi nhau bay lên cao xa dần, xa dần Hắn dõi mắt theo làn khói mỏng về phía trời xa, nơi mà "thằng lính" có lẽ đang ngon giấc, phiêu bồng trong giấc mộng mơ về một nơi chốn chưa từng đặt chân qua!

Viết ở rừng Kingwood
Tháng Hai 2008

Vương Thảo Yên

VẾT SẸO KÝ ỨC

Những dòng tư tưởng rời rạc trong trí nhớ của con bé 12 tuổi...

Ngay trong lúc này, tôi không muốn làm gì hết, tôi cho phép tôi ngồi lại, trải lòng mình trong những dòng chữ khi tôi không thể ra biển, ra sông để... hét, để quăng sỏi, để nhìn sóng nước cho tâm tịnh, cho lòng bình an.

Nhìn tờ lịch trên tường, đã là tuần thứ ba của tháng Tư rồi sao! Cơm áo, công việc, tình cảm riêng tư cứ xoay mòng trong đầu không thứ tự. Những lốc xoáy của cuộc sống như chôn vùi tâm tư, phải chăng là cuộc sống bận rộn hay là tôi cố tình "chạy trốn" những tâm tình, chạy trốn sự muộn phiền dấy lên khi nhớ về tháng Tư năm xưa. Đôi lúc trí óc đầy ngập những hình ảnh cũ, tâm tư như muốn tràn ra bật ra những day dứt muộn phiền tôi cố tình giấu tận đáy lòng mười mấy năm nay. Người ta bảo "thời gian là liều thuốc chữa trị những vết thương lòng hay nhất", thế sao tôi cứ thấy nhức nhối, cứ thấy như vết thương cũ như lại bị sưng tấy lên mỗi tháng Tư về.

Những ngày tháng Tư năm 1975, tôi chỉ là con bé con ăn chưa no lo chưa tới, biết gì là chiến tranh, biết gì là chính thể, thế mà trí nhớ của tôi đã làm tâm tôi muộn phiền không ít mỗi khi được khơi dậy. Đã ba mươi hai năm! Một khoảng thời gian là nửa đời người của một người; ba mươi hai năm có biết bao nhiêu biến chuyển của một đời người, của lịch sử, của thăng trầm đời sống, xã hội. Ba mươi hai năm chung quanh tôi người mất, người còn, và tôi vẫn nhói lòng khi nghĩ đến những mất mát, tang thương của những ngày tháng Tư năm xưa, của những thảm trạng xảy ra những tháng năm sau đó tiếp nối đến bây giờ của bao nhiêu những người Việt khốn khổ trong chiến tranh, trong hậu qủa của chiến tranh...

Những liếng thoắng, bản tính lỳ lợm của tôi biến mất sau những dòng nước mắt không cầm được khi nhớ về chuyện xưa, khi xem phim ảnh tài liệu chiếu về chiến tranh, về những ngày của tháng ba, tháng Tư 1975.

Những năm đầu ở Mỹ, tôi xem phim tài liệu, tôi nhớ lại năm xưa

chốn cũ, tôi khóc; năm nào cũng thế, và tôi sợ rồi tôi "chạy trốn" cái tivi, cái quá khứ, khi tình cờ mở lên có chương trình tường thuật về chiến tranh VN. Hơn mười năm tôi mới dám quay lại để bình tĩnh xem lại những phim tài liệu của đài truyền hình Mỹ chiếu mỗi tháng Tư; tôi tưởng tôi đã lắng đọng với những xúc cảm xưa, thế nhưng không! Người nhà của tôi đã phải vội vàng tắt tivi khi thấy tôi đau lòng, khi thấy tôi lặng lẽ xuống bếp làm cơm mà nước mắt như mưa...

Tôi mở tivi lại và "đối diện" với chính mình, tôi không muốn phải chạy trốn tâm tư của mình. Thôi thì cứ khóc, cứ thương cảm, những điều "tự nhiên" của con người thì hãy để cho tự nhiên; tôi cũng chỉ là một người bình thường với buồn vui khi đến khi đi. Ba mươi hai năm, đâu có ai muốn khơi dậy vết thương xưa, nhưng trong tôi những hình ảnh mất mát, những chứng kiến thương đau vẫn chưa xóa nhòa...

Ngày 28

Thất vọng và thất vọng! Lên Tân Sơn Nhất làm thủ tục giấy tờ xuất ngoại không xong sau mấy ngày liên tục chen lấn trên xe buýt, xếp hàng ở TSN, gia đình chúng tôi quay về toà Đại Sứ Mỹ theo lời chỉ dẫn của nhân viên làm giấy tờ xuất ngoại trong TSN. Một trong những người nhà của tôi đến nơi sau khi được thả ra từ bót cảnh sát vì đi vội quên cả giờ giới nghiêm, niềm hy vọng rời khỏi Sài-Gòn của chúng tôi mong manh thêm sau cái cổng khóa chặt của toà Đại Sứ Mỹ. Hàng hàng lớp lớp người chen lấn xô đẩy phía trước chúng tôi trong tiếng khóc, tiếng than, tiếng năn nỉ, kêu gào ngoài khung cửa sắt, giữa những gương mặt cương quyết giữ báng súng của những người lính gác cổng Đại Sứ Mỹ. Chúng tôi lại quay về nhà với những chiếc vé máy bay Pan Am đã trở thành vô dụng khi trong tay không có giấy thông hành, chúng tôi càng trong tình trạng tuyệt vọng hơn khi nghe tin Dinh Độc Lập bị thả bom.

Chiều 28

Chợ búa hàng quán tê liệt, nơi nào cũng đóng cửa im ỉm. Khu xóm tôi ở cũng khoá, khép người dân sau cánh cửa, cổng của nhà họ. Trước buổi cơm chiều, Anh Chị Hai tôi đem gia đình lên từ khu Gia Binh (ở đường Phan Đình Phùng, gần đài phát thanh Sài Gòn) "tỵ nạn" ở nhà tôi. Anh Hai (con Cô tôi) là lính trong ngành Chiến Tranh Chính Trị, quay trở lại khu gia binh sau khi căn dặn chị dâu tôi và đàn con nhỏ "ở đây với các cô, với ông, bố sẽ quay lại".

Đêm 28

Chúng tôi dồn nhau trên căn gác, lũ nhỏ như tôi nằm bên nhau không biết gì ngoài nghe tiếng súng đạn rì rầm vọng lại, thỉnh thoảng chồm dậy khi thấy ánh sáng loé bên ngoài cửa sổ, nghe người lớn thì thầm với gương mặt lo âu. Cả nhà hình như không ai ngủ được, Chị Hai ráng giữ giọng bình thường kêu đám con đi ngủ, chưa dứt câu nghe một tiếng rít thật to rồi tiếng vang của kim

loại chạm nền gạch bông. Chúng tôi hoảng hốt ngồi dậy, thì ra một viên đạn to bằng ngón tay cái và dài khoảng một ngón tay đã bay lạc xuyên qua nóc nhà lủng sàn gác, xuống nền gạch. Chị Hai tôi run rẩy ôm mấy đứa con vào lòng và giục cả nhà xuống tầng dưới nằm dồn một góc, tấn gối, tấn chăn chiếu như hầm trú bom tạm thời. Tôi không tài nào ngủ được sau đó, cũng không dám lên tiếng hỏi, tôi nghe người nhà tôi lâm râm đọc kinh cầu nguyện. Trong tất cả mọi người, chỉ có Ông tôi vẫn bình tĩnh và trấn an mọi người bảo đi ngủ.

Tôi nghe tiếng chị Hai khóc, chị Cả lo âu, "không biết anh Hai ra sao, nghe đâu đang cháy ở khu Gia Binh, VC vào tới thật rồi chị Hai ơi!" Chị Hai ngồi ôm đứa con nhỏ nhất vào lòng, mắt lo âu, miệng vẫn không ngớt cầu nguyện, tôi nhớ lại và thật thương cho chị; lúc ấy chắc chị đang lo lắm cho anh Hai đang không biết ra sao trong Khu Gia Binh khi súng đạn khói lửa càng lúc càng dồn dập khắp nơi. Tôi cứ nằm đó rồi thiếp đi lúc nào không hay.

Tờ mờ sáng 29

Chú tôi gõ cửa, Ông tôi ra mở cửa, cả nhà còn thập thò phía trong, Chú tôi đã len vào cánh cửa he hé, Chú bảo chúng tôi thu xếp hành lý và chuẩn bị đi Mỹ! Chúng tôi ngơ ngác nhìn Ông tôi, Ông la khẽ "mau lên, mấy cái va-li hôm trước đã sắp, đem theo nhiêu đó được rồi!"

7 giờ sáng, chúng tôi chưa chịu đi, cả nhà năn nỉ Ông tôi đi cùng với chúng tôi, Ông cứng rắn "Ông già rồi, qua bên đó biết làm gì, ở lại dầu sao cũng là người của mình, tiếng của mình các con à! Vả lại thằng Danh còn mất tích chưa biết sống chết ra sao, Ông ở lại chờ nó về rồi tính sau".

Chúng tôi chảy nước mắt, từng người đến cúi lạy Ông từ biệt trong nghẹn ngào, "Ông ở lại chúng con đi, Ông ráng giữ gìn sức khỏe, chúng con sẽ về đón Ông qua." Ôi, tôi không thể nào diễn tả được tình cảnh lúc ấy, dầu tôi còn quá nhỏ để hiểu cảm xúc sâu đậm của người lớn nhưng tôi nhớ mình cũng không cầm được nước mắt khi nghĩ đến Ông ở lại gần như có một mình, tôi sẽ nhớ Ông lắm, sẽ nhớ chiều chiều Ông dẫn đi chơi, sáng sáng Ông kể chuyện cho nghe, sẽ nhớ lắm những lúc được Ông chìu chuộng săn sóc từng miếng ăn giấc ngủ cho con bé Út của Ông ...

Chúng tôi bước đi mà lòng ở lại, nhớ thương khôn cùng, và đó là lần đầu tiên tôi thấy Ông tôi bật khóc...

Lần này chúng tôi không đến cổng trước của toà Đại Sứ Mỹ mà là cổng sau, chúng tôi không dám quay nhìn Chú tôi đang đứng phía sau đẩy chúng tôi thật nhanh vào cánh cổng đang hé chỉ đủ lọt một người phía trước. Chúng tôi lọt vào khuôn viên của căn biệt thự kế sát bên toà Đại Sứ Mỹ, vì mọi người lo chen lấn ở cửa sau của toà đại sứ, không ai để ý đến căn biệt thự đó và chúng tôi vào dễ dàng mà không bị chen lấn cùng ai.

Tôi không nhớ rõ căn nhà to lớn kế bên là cơ sở, cơ quan gì, chỉ biết ông gác-gian ở đó mở

cổng thật nhanh cho chúng tôi vào và đóng lại cũng thật nhanh trong dòng người đang chen lấn kế bên để leo vào khuôn viên của Đại Sứ Mỹ. Chúng tôi được dẫn đến bức tường cao nghệu có cây thang bắt sẵn, ông gác-gian khoát tay bảo chúng tôi phải leo lên cho mau, chúng tôi lần lượt leo lên thang trèo qua tường của toà Đại Sứ Mỹ. Khi lên đến nấc cuối cùng, chúng tôi quay lại nhìn Chú tôi lần cuối vẫy tay chào tạm biệt trong nước mắt. Khi đã qua được bên này, ông gác-gian trèo lên và quăng mấy túi xách hành lý của chúng tôi qua rồi rút thang quay trở lại căn biệt thự.

Vào được bên trong toà Đại Sứ Mỹ chúng tôi mới thấy mình thật "may mắn", nhìn ra ngoài, không biết bao nhiêu là người đang gào thét, xô đẩy nhau để trèo lên tường, mặc cho hàng rào kẽm gai đâm, xước quần áo tay chân, chưa kể bị quăng trở lại bởi những người lính gác. Về sau này tôi mới biết là Chú tôi nhờ quen biết với một ông dân biểu nên "biết đường lối" đến căn biệt thự đó và đã cho ông gác-gian 10 nghìn đồng để ông mở cửa và bắt thang cho chúng tôi vào được bên trong.

Bắt đầu từ giây phút đó tiếp theo là những giờ nặng nề mệt mỏi và hoang mang tột độ của gia đình tôi lẫn trong hy vọng mong manh, mong được rời khỏi Sài Gòn càng sớm càng tốt. Chúng tôi lê từng bước chân mỏi mệt cùng gia đình theo đoàn người trong khuôn viên của toà Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn chờ trực thăng "bốc" ra chiến hạm ngoài khơi. Lúc đó tôi còn quá nhỏ chỉ đủ để hiểu mình sẽ theo gia đình đi xa thật xa, sẽ không được gặp lại Ông trong một thời gian dài, VC sẽ vào Sài Gòn và mọi người sẽ khổ lắm. Tôi nào có hiểu những giờ phút đó chúng tôi cũng như đoàn người kéo nhau ra biển, kéo nhau rời bỏ Việt Nam là họ bỏ đi một phần đời vô cùng yêu dấu của họ, của chúng tôi. Ra đi trong đau đớn, trong muộn phiền trong hoang mang, trong thất vọng; bỏ nước mà đi, bỏ người thân yêu mà đi, còn có gì đau khổ hơn nữa. Đi mà không biết mình sẽ đi đâu, về đâu, ở đâu, tương lai ra sao. Đi mà tâm can như bị ai xé nát, bỏ đi trong đột ngột, bất ngờ đến không có được lời từ giã như gia đình tôi có cái may mắn cúi lạy Ông tội Ôi, thân phận của những người Việt của những ngày tháng đó sao mà khốn cùng

Chúng tôi đi lòng vòng trong khuôn viên toà Đại Sứ cả buổi sáng như tất cả mọi người ở đó, không định hướng, lê bước chân như mất hồn, loanh quanh tới lui không có sự chỉ dẫn của ai. Chúng tôi lòng vòng phía sau cả buổi, tôi than đói, gia đình tôi tất tả chạy đi tìm thức ăn, khu căn-tin bỏ trống, hoang tàn như từng góc của toà đại sứ. Tất cả những món ăn đã nấu đều bị khoá chặt trong những cái tủ lạnh khổng lồ. Dưới sàn lăn lóc đồ hộp và đồ hộp, gia đình tôi cầm lên rồi lại phải bỏ xuống vì không có đồ khui. Sau cùng chị Cả tôi tìm được một lon thịt thộp như loại ham đóng hộp "Spam" bây giờ, có thể khui bằng tay, cả nhà mừng quá vì cứ sợ tôi lả người đi vì đói.

Chiều 29

Trời đã ngả chiều, trong bụng tôi không có một miếng cơm, tôi ăn ngấu nghiến hết cả hộp thịt nguội, gia đình tôi hình như không ai đói hay ăn không vô nên không ai tìm thêm thức ăn ngoài thức ăn cho tôi. Ăn xong tôi lại theo gia đình lếch thếch cùng đoàn người "di tản" lần lượt tiến từ từ ra phía sân trước của Đại Sứ Mỹ. Đêm đã xuống, tôi mệt lả, ngồi tựa vào gia đình tôi than "sao lâu quá mình không được lên trực thăng vậy?" - "Chắc sắp đến mình rồi cưng, coi người ta kìa, còn ngồi đầy ra, không sao đâu, mình sẽ đi được mà". Tôi lại than khát nước, chúng tôi đang ngồi dọc theo hồ bơi, cái hồ khá to, dưới đáy đầy những vật bị đánh rơi hay bị quăng đại vào trong chuyến đi hối hả của mọi người ở đây; chúng tôi được nhắc nếu ra khỏi hàng sẽ bị mất chỗ và sẽ bị ở lại sau nên không ai dám nhúc nhích đi tìm nước cho tôi uống. Chỉ còn có một cách cho tôi đỡ chết khát, uống nước hồ bơi! Dơ gì thì dơ, mùi vị có ghê thế nào thì ghê, tôi vẫn uống, tôi khát quá, những miếng thịt nguội đầy muối đang hành hạ cái miệng khô khốc của tôi lúc ấy. Tôi cầm cái nón lưỡi trai người nhà tôi tìm được đầy nước hồ bơi uống ừng ực, quên cả mùi nước tẩy trùng trong đó, quên cả những ngụm nước đầy vi trùng, đầy bụi bặm trộn lẫn những vật chìm nổi trộn lẫn trong hồ. Nghĩ lại thấy con người trong cơn đói khát thật khác hẳn, chỉ biết làm theo bản năng sinh tồn.

Cả ngày tôi chỉ có vài miếng "Spam" trong căn-tin phía sau với mấy ngụm nước trong hồ bơi ở đó, buồn ngủ vô cùng nhưng không dám ngủ và không được ngủ. Đoàn người di chuyển là phải lếch thếch đi theo để khỏi bị bỏ lại phía sau.

Tôi nhớ một nhân viên người Mỹ của toà Đại Sứ Mỹ thỉnh thoảng cầm loa nói lên vài câu. Tôi có hỏi và được trả lời rằng "ông ấy trấn an mọi người, bảo họ sẽ không bỏ lại một người nào trong đoàn người ở đây!" Nghe thế cả gia đình tôi và những người chung quanh nở nụ cười an tâm, bảo nhau, "chắc không sao, ai cũng được đi hết". Cuối cùng chúng tôi cũng được lên cái sân thượng trên toà nhà giữa sân sau và sân trước của toà đại sứ. Chúng tôi đâu có biết trực thăng đậu phía sân dưới chứ không lên sân thượng như mọi người dự đoán; thành thử lên trước nhưng lại là người đi sau vì người lên trước bị dồn vào trong và người lên sau ở phía trước và sẽ được lên trực thăng trước. Chúng tôi lại thêm một lần lo sợ vì càng lúc người càng đông, không biết rằng mình có được "bốc" đi trước khi VC vào Sài Gòn hay không. Trong giờ phút đó đâu còn ai biết tin tức cập nhật nữa, ngoài nhân viên và lính của tòa đại sứ.

Đứng chờ trực thăng không ai dám ngồi, mà thật sự cũng không có chỗ để mà ngồi, lớp người càng lúc càng đông, dồn chúng tôi sát thành sân thượng phía trong cùng. Tôi tưởng như mình sắp té, đứng tựa vào người nhà, mắt nhìn chung quanh, người và

người, trực thăng bay lên bay, đáp xuống, ánh hỏa châu sáng rực xa xa, tiếng súng đạn đì đùng, lẫn trong tiếng bom rền. Sài Gòn rực màu chiến tranh đêm 29 tháng Tư năm 1975 ở một góc nhìn của toà đại sứ Mỹ. Tôi đang như bị ngộp thở dầu đứng trên sân cao lộng gió, tiếng loa vang lên làm tôi giật mình, có lẽ là tiếng thúc giục mọi người cũng như yêu cầu mọi người đừng chen lấn. Cuối cùng gia đình tôi cũng được những người lính Mỹ kéo ra và thúc giục rời sân thượng thật mau để xuống sân dưới xếp hàng tiếp.

Leo xuống bậc thang cao nghệu, lại mang giày cao (lúc đó trong trí của chị em tôi, chúng tôi chưa hiểu rõ mình đang "chạy giặc" như đại đa số những người chung quanh, chúng tôi ăn mặc và đem theo va-li như người đi du lịch), chị tôi vấp chân té nhào từ trên xuống như trái mít rụng, thế mà có một ông lính Mỹ đã lao ra và chụp kịp chị tôi gọn lỏn trong đôi tay. Nhờ ơn ông, chị tôi thoát chết trong gang tấc, đến giờ phút này chúng tôi vẫn chưa tìm ra vị ân nhân đó để tạ ơn...

Chúng tôi lại theo đoàn người xuống sân ngồi ngủ gục xếp hàng chờ đợi, khi 5 người đứng trước gia đình chúng tôi vừa bước lên chiếc trực thăng "hai chong chóng", gia đình tôi cũng được gọi đứng lên để chuẩn bị vào trực thăng, chúng tôi mừng rỡ nói khẽ với nhau "đến phiên mình rồi, mau lên!"

Đang lom khom tránh gió của chong chóng trực thăng thì nghe tiếng chân rầm rập chạy từ trên sân thượng sát nơi chúng tôi xếp hàng. Mọi người ngơ ngác quay lại, đội quân lính Mỹ chạy xuống thật nhanh, tay giương súng, giàn hàng ngang vừa đi thụt lùi vừa chỉa súng vào chúng tôi và những người đang chờ trực thăng bảo "xin lỗi, chúng tôi được lệnh phải rời khỏi VN ngay bây giờ, ai tiến lên chúng tôi sẽ bắn!" Khi hiểu ra họ nói gì tim chúng tôi như rớt ra ngoài, 5 người cuối cùng bước lọt thỏm vào chiếc trực thăng định mệnh và gia đình tôi bị đẩy trở lại nhường chỗ cho những người lính Mỹ, chúng tôi lật đật lùi lại trước họng súng đang lăm lăm chỉa vào mình; quanh chúng tôi những nét mặt có lẽ không bao giờ tôi quên, ngơ ngác, hoảng hốt, sững sờ, trắng bệch...

Chúng tôi đứng đó như "trời trồng" nhìn chiếc trực thăng cất cánh đem theo hy vọng, tự do của mình trong sững sốt; nhìn đội quân lính thụt lùi vào toà cao ốc 5 tầng phía trước trong bàng hoàng câm nín! Khi tiếng cửa sắt kéo xuống khoá chặt, đánh "rầm", mọi người như thức tỉnh, xô đẩy chen lấn nhau vừa chạy thật nhanh về phía trước vừa hét hỏi nhau, "họ bảo họ sẽ không bỏ mình mà, họ sẽ cho tất cả lên trực thăng mà, sao vậy, sao vậy?!!! Trời ơi, đừng bỏ chúng tôi!"

Làn sóng người tràn đến cánh cửa sắt đã đóng sập xuống khoá trái bên trong, cùng nhau lắc cửa, đẩy cửa, dộng cửa; cùng chung sức làm đủ mọi cách để mong mở được cánh cửa sắt khổng lồ quái ác đang nuốt sự tự do, đang khoá niềm hy vọng của chúng tôi từng giây từng phút...

Rạng sáng 30-04-1975

Gia đình tôi như người mất hồn, đứng sững một chỗ quay nhìn nhau nhưng không ai khóc. Khung cảnh chung quanh thật điêu tàn, hỗn loạn. Dòng người đang xếp hàng đại đa số đang tìm cách phá cánh cửa sắt để vào được bên trong toà cao ốc chính của Đại Sứ Mỹ, số còn lại ngơ ngác, chạy loanh quanh dọ hỏi tin tức để xem sự thật ra sao. Mọi người, mắt ngó lên sân thượng lầu 5 của toà nhà chính, chúng tôi biết lính và nhân viên của tòa Đại Sứ vẫn còn đó vì trực thăng vẫn đáp xuống trên sân thượng để bốc họ đi. Mọi người gào thét, vẫy tay, làm đủ mọi tín hiệu cầu may nhóm người trên cao kia đổi ý mà quay lại chở chúng tôi đi. Vô vọng!

Trời còn tờ mờ sáng, đêm qua mưa lâm râm cả đêm, dầm mưa mà đi, đầu tôi bắt đầu hâm hấp nóng. Tôi không biết gì ngoài lê đôi chân như tê dại đi theo người nhà. Trời sáng dần, tiếng gào thét, tiếng phá cửa rầm rầm, tiếng bom đạn rít lên từ xa, bay vèo vèo chung quanh vẫn không ngớt mà càng lúc càng tăng lên. Mặt trời chưa lên nên tôi không nhìn thấy toán lính Mỹ trên sân thượng, không biết họ nghĩ gì khi nhìn xuống khung cảnh hỗn loạn đau thương dưới đây. Đoàn người có người vẫn xách theo vali, có người bỏ lại hành lý của họ, trong đầu mọi người trong giờ phút đó chỉ có một điều: mong được bước lên chiếc trực thăng trên sân thượng kia.

Tôi không biết dòng người ngược xuôi đã bao lâu, loanh quanh đã bao lâu nhưng khi trời sáng tỏ thì cánh cửa sắt khổng lồ tầng dưới cùng khoá 5 tầng lầu đã bị phá, ổ khoá gãy ra, có lẽ vì sức mạnh bật lên trong tuyệt vọng của hàng trăm người đã xô ngã cánh cửa? Tôi không biết, nhưng cánh cửa đã được mở! (Tôi không nhớ rõ có đến hai lần cửa sắt ở tầng dưới cùng hay một.) Khi những cánh cửa được mở ra, chúng tôi tràn vào trong như ong vỡ tổ! Mọi người khựng lại một vài phút vì trợt chân với tấm thảm súng, đạn. Tấm thảm này không khác gì mấy với tấm thảm trải trước sân và chung quanh nhà Ông tôi ở Cái Đôi-Vĩnh Long năm Mậu Thân. Dưới sàn đầy đạn và súng, đạn to, đạn nhỏ, súng to súng nhỏ nằm rải kín, chồng lên nhau, giấy tờ tung toé, thùng giấy thùng gỗ chất đống tôi không biết trong đó chứa gì.

Lần đầu tiên tôi biết thế nào là "chạy giặc", thế nào là chiến tranh. Khung cảnh năm Mậu Thân-1968 cũng thảm đạn, cũng có lính đầy sân, nhưng chung quanh vắng lặng chỉ có ban ngày lính Cộng Hòa vào hỏi thăm Ông cháu tôi; ban đêm thì Việt Cộng gõ cửa viếng dò hỏi tin tức. Cả khu xóm chỉ có gia đình của chúng tôi ở lại, trong trí nhớ non nớt của tôi chỉ cảm nhận được sự vắng vẻ nhưng không thấy cảnh điêu tàn ngoài tiếng đạn bay lỏm bỏm rớt dưới ao trước nhà, tiếng bom dội xa xa và hoả châu sáng rực trời.

Lần này thì khác, gia đình tôi lẫn trong dòng người xô cuốn la thét, mặc thảm đạn, mặc súng, mặc tất cả; mọi người chỉ biết

làm cách nào để lên được sân thượng càng nhanh càng tốt. Đoàn người thi nhau chạy lên những bậc thang trước mặt bên tay trái dẫn lên lầu. Họ nhảy bậc, phóng chạy như bay, có một điều là không ai cố tình đẩy ai. Một số ùa vào kế tiếp, có chúng tôi, lại tìm thấy cầu thang máy bên góc nhà tay phải; không ai bảo ai, cả trăm người cố chen chân vào cho bằng được chiếc thang máy nhỏ bé đã chật ních người!

Trong dòng người xô cuốn, tôi bị lọt thỏm vào chính giữa, trong thang máy. Thân thể nhỏ bé thấp chủn của tôi bị bị chìm dưới sức đẩy, dưới những cánh tay xô, những bàn chân đạp nghiến trong vô tình vì ai cũng cố sức chen vào để mong lên được sân thượng nhanh hơn hòng bắt kịp những chiếc trực thăng còn lên xuống trên đó. Tôi không nhớ mình bị kẹt trong đó bao lâu, chỉ nhớ thân thể bé nhỏ của tôi bắt đầu bị tuột xuống dưới sàn, tối tăm mặt mũi, tôi thét lên gọi người nhà của tôi. Tôi cố giơ cánh tay gầy guộc của mình lên để vẫy và la thật to, tôi nghe người nhà tôi thất thanh gọi lại đi tìm. Tôi kẹt cứng dưới những đôi chân, những đôi giày đang giẫm tán loạn lên tôi để tìm chỗ đứng. Trong lúc tôi tưởng mình sẽ chết ngộp dưới những chân giày giữa "hộp cá mòi" như sắp vỡ tung thì có bàn tay kéo tôi lên thật mạnh, thật nhanh, đau rát cả cánh tay! Tôi được người đàn ông nào đó kéo ra khỏi thang máy. Trong giây phút kinh hoàng náo loạn đó, tôi được cứu sống! Tôi không nhớ gì hết ngoài những gương mặt của người nhà tôi hớt hãi chạy lại ôm tôi, dẫn tôi ra khỏi đám đông ở thang máy. Người nhà tôi vuốt tóc, vuốt quần áo tôi ngay ngắn lại, xem xét thân thể tôi có bị thương tích nơi nào không. Chúng tôi đứng thở như để hoàn hồn lại rồi quan sát chung quanh vẫn còn với hy vọng được trực thăng bốc đi. Tình thế cho thấy chúng tôi không thể nào vào thang máy được mà phải lên sân thượng bằng lối cầu thang thường.

Cùng lúc chúng tôi vừa dợm bước, cánh cửa của thang máy được khép lại với số người ít hơn. Vài phút sau cánh cửa của thang máy lại mở ra, số người trong đó nhốn nháo, chạy túa ra, "thang máy hư rồi, không lên được!" Họ quay qua những bậc thang bên tay trái và bắt đầu thi nhau chạy lên đó như bay.

Gia đình tôi đã lấy lại bình tĩnh cũng lật đật theo đoàn người chạy lên cầu thang. Năm tầng lầu cao nghệu mà mọi người như không biết mệt dầu đã trải qua hơn 24 tiếng thiếu ăn thiếu ngủ, lê lết không biết bao nhiêu bước, trải qua những xô đẩy, hoang mang, khủng hoảng tinh thần; tất cả đến giờ phút đó vẫn không bỏ cuộc. Chúng tôi chạy lên gần đến tầng cuối cùng thì thấy một số người, đa số là đàn ông, chạy ngược trở xuống. Họ vừa chạy vừa la "cửa khóa bên ngoài rất chắc chắn, không mở được, phải đi tìm cái gì để phá ra!" Dầu nghe thế nhưng không ai chịu quay trở lại. Lên đến tầng cuối, đám đàn bà con nít đứng dạt ra một bên trong khi những người đàn ông dùng sức đập cửa miệng không

ngớt la gọi cầu xin toán lính cùng nhân viên bên ngoài sân thượng. Chỗ lên xuống thang lầu rất chật hẹp, không như tầng dưới cùng nên dầu có muốn cũng chỉ có thể có một số người giới hạn đứng phá cửa chứ không đủ chỗ cho cả trăm người cùng họp sức lại một lúc.

Chúng tôi thật sự tuyệt vọng, cứ đứng đó chờ và chia nhau tìm cách phá cửa chứ không biết làm sao hơn. Tôi không có khái niệm thời gian là bao lâu nhưng tôi nhớ là lâu lắm, gia đình tôi cũng như những người chung quanh nhìn nhau thở dài tuyệt vọng. Không mở được cửa ra sân thượng, chúng tôi bảo nhau đi xuống trở lại ngoài sân hoạ may những người lính Mỹ đổi ý, đáp trực thăng xuống bốc đi. Một số người đi xuống như chúng tôi, một số người vẫn tiếp tục phá cửa, rải rác trên cầu thang kẻ đứng người ngồi; trong đám người đó một dáng thanh niên đang buồn bã ngồi ôm đầu khóc rưng rức.

Khung cảnh bên trong toà cao ốc trông vô cùng thê lương; từ trên tầng cao nhất chạy dài xuống tầng dưới, giấy tờ vung vải, súng đạn tung toé mọi nơi, quần áo giày dép rơi rớt, người ôm người, ôm đầu ngó nhau, ngó đất, nét mặt đau khổ và thất vọng tột cùng. Trong ánh sáng yếu ớt bên ngoài rọi vào cầu thang trông họ, trông chúng tôi càng thảm hại hơn nữa.

Xuống đến tầng dưới, bước ra ngoài sân, mặt trời đã lên rõ, chúng tôi thất thểu như những cái xác không hồn, lê từng bước. Đống va li còn để trước cửa ở tầng dưới, túi xách hành lý nằm đứng đầy sân. Cũng như bên trong, bên ngoài đầy giấy tờ, súng đạn, quần áo bay, vướng nằm ở sân cỏ, trong hành lang, bên khung cửa. Dòng người tản ra khắp nơi trong khuôn viên toà Đại Sứ Mỹ, vừa đi vừa ngó lên sân thượng, trên đó vẫn còn lố nhố những người lính Mỹ ôm súng đứng chờ trực thăng. Chúng tôi đang đi ngược ra phía sân sau nơi có hồ bơi thì đụng một người đàn ông Mỹ tay xách một chiếc cặp táp nhỏ, nét mặt ông thật lo âu vừa đi vừa nhìn lên sân thượng. Theo sau ông, bên cạnh ông một nhóm người đi theo lóng ngóng nghe xem ông nói gì, chúng tôi đi theo họ, nghe họ bàn tán, "ông là nhân viên của toà Đại Sứ, không biết sao còn kẹt lại ở dưới này". Tôi còn quá nhỏ lúc đó nên không nhớ chắc ông có cầm theo máy truyền tin để liên lạc với nhóm người trên sân thượng. Người đàn ông Mỹ cứ đi loanh quanh trong sân, có một lúc quay qua nói chuyện với một người đàn ông trong nhóm chúng tôi gì đó rồi ông lắc đầu. Nhìn cái lắc đầu của ông ta, mọi người như muốn mếu, trong lòng dẫu đã rất tuyệt vọng nhưng không ai dám xác nhận mình đang, đã bị bỏ rơi.

Mọi người cúi gầm mặt đứng đó, chung quanh dòng người vẫn di chuyển qua lại không định hướng, súng đạn khói lửa vẫn không ngừng rền rỉ. Gia đình tôi và một số người vẫn đi theo người nhân viên Mỹ kia, cứ đi loanh quanh như đàn gà con theo gà mẹ, chẳng dám rời một bước, ông chạy đi đâu, đoàn người lật

đật đi theo đó. Những câu trao đổi với nhau càng lúc càng nghe như nóng nảy hơn, đạn bên ngoài bắt đầu bay vào trong toà Đại Sứ nhiều hơn, chúng tôi đi, rồi ngồi chồm hổm để tránh đạn. Đoàn người bắt đầu tản ra để tránh đạn, rồi lại bám theo người nhân viên trong cùng cảnh ngộ như chúng tôi, ông có vẻ sốt ruột, quay qua quay lại vò vò tóc, chúng tôi đang đứng chung quanh bỗng có người la lớn, "lựu đạn, tụi nó quăng lựu đạn, chạy lẹ lên!"

Có tiếng nổ rồi khói khắp nơi, thêm tiếng nổ, khói ngập trời, chúng tôi che mặt, cúi gập người sặc sụa trong khói, trong những tiếng hét thất thanh. Tôi ho sặc, nước mắt nước mũi thi nhau chảy, miệng đắng nghét, tay tôi quờ quạng tìm người nhà của mình, chợt một bàn tay lôi sệch tôi đi, chúng tôi nằm bẹp trên sân xi măng giữa đường. Đến bây giờ, tôi cũng không biết mấy qủa lựu đạn cay đó ai đã quăng tới.

Khi khói đã tan bớt, chúng tôi sững sờ cũng như bao nhiêu người chung quanh chia nhau từng nhóm đứng với gia đình của mình. Người nhân viên Mỹ đã mất dạng, chúng tôi chỉ biết ôm nhau mà khóc, không ai màng đi tìm ông tiếp. Gia đình tôi cùng một số người đi ngược lại tuốt sân sau để tìm lối ra hoặc lối thoát nào đó vì không chút hy vọng nào nữa. Phía sân sau cảnh điêu tàn không kém sân trước, quần áo bay đầy trên sân trộn lẫn trong mớ giấy tờ tấm nguyên, tấm rách. Trên tường kế hàng rào, người ta vẫn leo vào, mỗi lúc một đông hơn nhưng những người đó không đếm xỉa gì đến việc tìm đường thoát thân như chúng tôi mà họ nhanh tay nhặt những gì họ thấy được. Đoàn người cũ đã ở trong tòa Đại Sứ cùng chúng tôi như đang đi trong mộng du, tất cả đều trong trạng thái khủng hoảng, tuyệt vọng, mệt mỏi, đau đớn.

Chúng tôi cứ lang thang từ sân trước ra sân sau, phía sân sau nơi chúng tôi trèo tường vào hôm qua (29-04-1975) vung vãi thức ăn, có căn nhà kho nho nhỏ cửa mở tung thuốc lá đầy sàn, đầy sân và đầy tay những người vừa trèo vào tòa Đại Sứ. Còn chưa biết phải làm gì bỗng nghe nhốn nháo, chúng tôi được tin là cửa trên sân thượng đã được mở ra và có một số người đã được trực thăng bốc đi. Thế là nhóm người ở sân sau lại lật đật chạy lên sân trước, vào lại chỗ cũ, leo lên 5 tầng lầu lần nữa. Tôi không nhớ là gia đình tôi có đi theo và leo lên đến sân thượng không nhưng tôi biết rất rõ khi biết chúng tôi có thể ra ngoài sân thượng là lúc trên đó không còn bóng dáng của một người lính cũng như nhân viên nào của toà Đại Sứ Mỹ.

Lên xuống 5 tầng lầu đó không biết đã là lần thứ mấy, khi nghĩ mình không còn gì để thiết tha nữa, tự do đã mất, mạng sống rồi sẽ mong manh, chúng tôi như quỵ. Đứng giữa sân trong lằn đạn bay veo véo, tôi còn đang thẩn thờ thì nghe tiếng hét kế bên, một cô gái trẻ khoảng 16-17, mặt đau đớn, ngả người trong tay ông Bố, một tay ôm cánh tay kia đẫm máu! Người Bố ôm con vào lòng vuốt tóc thật nhỏ nhẹ, khe khẽ bảo gì

đó. Tôi không thấy gia đình cô ấy đâu ngoài ông Bố đang ôm đỡ con ngồi xuống đất, vài người đàn ông kế bên xé vội chiếc áo, rồi có người nhanh tay hơn thọt tay vào túi quần lấy chiếc khăn mù-soa ra băng thật lẹ cho cô gái.

Tất cả còn như in trong trí tôi, máu, khói lửa, đạn bay, đạn rớt, tiếng la thét, tiếng cãi vả, giành giựt, người xô đẩy người. Tôi thấy chiến tranh, tôi biết chiến tranh và tôi có khái niệm của sự tự do với sự hiểu biết của con bé 12 tuổi.

Chúng tôi kéo nhau một nhóm vào hành lang ngồi bệt xuống nền xi măng, mặt cô gái trắng bệch, miệng lẩm bẩm điều gì không rõ, đạn vẫn bay tán loạn quanh chúng tôi. Ngồi rồi nằm khi nghe đạn bay gần bên tai, chúng tôi trong tình trạng vừa hoang mang vừa tuyệt vọng, không biết làm gì, không biết đi đâu trong khói đạn như lúc ấy. Làn sóng người tràn vào tranh nhau lấy đồ trong tòa Đại Sứ càng lúc càng đông. Chúng tôi biết mình chỉ còn một con đường là quay trở về nhà.

Trưa 30-04-1975

Khi biết mình không còn gì để bám vào dẫu chỉ là một chút hy vọng mong manh, chúng tôi cùng một số người bị bỏ lại, thất thểu đi ra cổng trước của tòa Đại Sứ tìm đường quay trở về nhà. Đoàn người đi ra chậm rãi, kéo lê bước chân va chạm vào đoàn người vội vả tràn vào và hối hả đi ra trên tay đầy những vật dụng nhặt nhạnh được trong tòa Đại Sứ Mỹ. Chúng tôi lúc đó có lẽ không khác gì những xác chết được dựng dậy đi về. Ai cũng khóc, tôi không khóc, tôi nhớ mình đang bị cơn đói hành hạ và đôi chân như muốn rớt xuống mặt đường.

Đang đi dần ra đường Thống Nhất, chúng tôi phải thụp người xuống để tránh đạn. Chúng tôi ngồi chồm hổm rồi băng qua đường vội vả lưng khom sát xuống, đến bên kia đường lại phải thụp xuống sau một chiếc taxi vì lằn đạn. Trong lúc người nhà tôi tìm phương tiện để đi về, tôi đứng lớ ngớ nhìn quanh, xe tăng VC đang nghiến lòng đường hướng về Dinh Độc Lập, cùng với những chiếc xe tăng là những chiếc xe Jeep đầy nghẹt lính Việt Nam Cộng Hòa. Những người lính VNCH mặt đanh lại mắt nhìn đăm đăm phía trước, tay ôm báng súng trông rất hào hùng, dáng vẻ của họ như sẵn sàng xông vào cuộc chiến với kẻ thù. Tôi nhớ họ mặc chỉ độc chiếc áo giáp, người cao lớn vạm vở, tay xâm những hình thù trông thật lạ và tôi còn cho là "dữ dằn" lúc đó.

Tôi không quên được nét mặt của họ đâu, dầu đã hơn ba mươi năm. Tôi chỉ không biết những người lính đó thuộc binh chủng nào mãi cho đến khi tôi lớn thêm chút nữa, hỏi người nhà mới biết những người lính tôi thấy trên đường Thống Nhất trưa 30-04-1975 là những người lính Lôi Hổ, những người lính còn ở lại chiến đấu cho đến giây phút cuối cùng, không bỏ cuộc. Hình ảnh của những người lính hào hùng đó như đem lại niềm hy vọng cho chúng tôi. Tôi nghe người nhà tôi bảo nhau, "đi về rồi tính sau, lính mình còn đây mà". Chúng tôi như

có thêm sinh lực nhưng đâu biết rằng giờ phút đó Sài-Gòn đã thất thủ. Gia đình tôi rốt cuộc cũng trèo lên được mấy chiếc xích lô, về đến nhà, tôi chạy ào vào ôm Ông tôi than đói, than nhớ Ông trong khi tất cả im lặng trong nước mắt lả chả. Ông tôi an ủi, "dầu sao gia đình mình cũng còn có nhau".

Ôi những ngày tháng sau đó là những chuỗi ngày thê lương, tang tóc. Mốc lịch sử đã đổi thay tất cả, đổi thay cuộc sống, đổi thay con người, đổi tên thành phố, đổi tên những con đường mà không thể nào đổi lại được sự mất mát, tang thương cho những người dân Việt khốn cùng từ trong chiến tranh, sau chiến tranh....

Làm sao quên được hình ảnh những người lính hào hùng kia còn sừng sững trên những chiếc xe Jeep, và vài ngày sau là hình ảnh của những xác lính VNCH nằm chết dọc đường, nguyên người, nửa người, chết tức tưởi, chết cháy xém, chiếu phủ ngang, quần áo mảnh còn mảnh mất

Ngồi trên yên sau của chiếc xe đạp chị tôi chở từ Tân Định lên đến Tổng Y Viện Cộng Hoà mà nhớ lại sau này tôi mới cảm nhận thêm nỗi mất mát đớn đau của biết bao nhiêu người dân Việt. Lúc đó tôi chỉ nhớ mình cùng chị đi tìm người thân trên đó, lúc dám hé mắt nhìn, lúc sợ hãi chỉ tay kêu chị đạp xe tránh xác chết. Từ con đường Hai Bà Trưng thẳng lên Tổng Y Viện Cộng Hòa, không một góc, không một khoảnh nào trên đường là không có quân phục lính VNCH vất đống nằm đó, lẫn với thẻ bài, xác chết. Có nơi lửa còn ngọn nhỏ, có nơi còn khói bay ngùn ngụt, có nơi im lìm. Mùi tử khí vây quanh khung cảnh vô cùng thê lương, tan tác. Quanh quẩn trên lề đường có người đi gom đồ lại, có người ngồi khóc, có người lấy chiếu che xác trên đường. Đại đa số cửa nhà, hàng quán còn đóng im ỉm, ít có người ra đường. Người sống lẫn người chết trong thành phố mang tên Sài Gòn đã chết. Tôi chưa bao giờ thấy Sài Gòn hoang tàn, tang thương đến chỉ thấy tận mắt mới tin thành phố Sài Gòn hoa lệ đã tan tành theo bánh xe tăng của VC trên đường Thống Nhất ngày 30-04-1975.

Tôi viết lại phần nào trong trí nhớ của tôi để lòng bớt nặng, tim có bớt thổn thức hay không khi cái mốc lịch sử đau thương của VN hằng năm được nhắc nhở, tôi không biết. Tôi chỉ biết mình muốn viết lại những điều chưa quên, dẫu không muốn nhớ. Viết ra bao nhiêu đây lòng tôi cũng đã bị cào cấu, tim thắt đau vì quá khứ của chiến tranh tôi đã chứng kiến. Ôi, chiến tranh luôn tàn nhẫn và vô tình...

Tháng 04, 2007

Nguyễn Thế Giác

KIẾP HỒNG NHAN

Viết về cuộc đời và tâm sự của một nàng dâu Võ Bị, trở thành góa phụ trẻ, đẹp, duyên dáng, còn khôn ngoan trước tuổi bẫm sinh.

Người chồng là Sĩ Quan Hiện Dịch, xuất thân từ trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, hy sinh từ ngày bình minh của cuộc chiến Ý Thức Hệ.

Là Sĩ Quan được đào tạo ở một Quân Trường có tầm vóc Quốc Tế, Anh đã tốt nghiệp khóa 16, ưu tú nhất của một Trung Tâm Huấn Luyện thuần túy về Quân Sự tại thị trấn Đà Lạt.

Bối cảnh lịch sử đau thương vô cùng tận, trên lưng Mẹ Việt Nam không ngừng tiếp diễn, là thứ chiến tranh tương tàn.

Cứ thế, ngày lại ngày manh nha sâu rộng trên đất nước. Từ thành thị đến thôn quê, tràn ngập nhiễu loạn, suốt nhiều thập niên, cả giang sơn đã trải qua sóng gió hận thù, máu và nước mắt của biết bao thế hệ ra sức bảo vệ cõi bờ, dàn dụa thấm thấu vào lòng đất Mẹ oan nghệt triền miên.

Tác phẩm này, một phần nào đó, có thể là hư cấu, âu cũng là chất keo hồ làm linh động câu chuyện!

Tùy theo phán đoán của độc giả, nhưng hầu hết phản ảnh nếp sống bình dị, từ những nhân vật trong truyện, một cách thực tế, giữa xã hội nóng bỏng ngoài đời, qua thời gian chiến tranh lên cao điểm, bấy giờ!

Dù ai phát hiện đôi điều trùng hợp khả tín, giữa đời tư và cá nhân được nhắc đến, thì cũng chỉ là sự tình cờ chân thật của tác giả.

Mong sao, những tâm hồn giàu nghị lực, trước nhiều dữ kiện, bày biện thương tâm, về vận nước suy vong, cảm thông cho sự cấu trúc, nhất là kẻ có trách nhiệm vun xới nền văn học nước nhà, muốn rót một chút khéo léo vào từng mỗi nhân vật, không ngoài mục đích làm mạch lạc hóa câu chuyện, để người cầm bút có nhiều cơ hội may mắn, hoàn thành đứa con tinh thần, đã từ lâu ôm ấp, dưới nhãn quan vô tư, dù phiến diện của mình chăng nữa!

Muốn cho độc giả được dịp thưởng thức cả áng văn đầy tình tự, như thứ quốc hồn quốc túy của một dân tộc, vốn dĩ trong tâm tư luôn tự hào có hơn bốn ngàn năm Văn Hiến vậy!

Khả kính

Hai chị em Thùy Trang và Thùy Vân được Mẹ sinh ra, cách nhau ba năm đôi, lớn lên mỗi người một vẻ, cô chị có nét đẹp kín đáo của loài hoa còn phong nộn nhụy, trông thùy mị đoan trang, duyên dáng có khác nào cành vàng lá ngọc, của một tiểu thư đài các, vào ra cửa Khổng sân Trình, trong gia đình vọng tộc thuở trước.

Nước da nàng trắng mịn, gương mặt trái soan, xinh như đóa hoa e ấp đầu mùa, nhìn đi

nhìn lại dáng người ấy, thật khả ái toàn diện, dù những ai khó tính cách mấy, cũng phải cúi đầu tấm tắc trước nhan sắc trời ban, cho người con gái có nhiều diễm phúc!

Cô em bụ bẫm, nhân dáng phúc hậu, hiện thân là một Thúy Vân trong truyện Kiều ngày xưa, mà Thầy Mẹ thường ví von, vào lúc vui vầy cùng con cái, trong những bữa cơm tối thanh đạm hằng ngày cùng gia đình.

Cả hai cục cưng, được trân quý nhất, làm mát mắt mọi người trong gia tộc, đang ở nội trú tại trường Saint Thomas, thuộc Tỉnh Nam Định, Miền Bắc Việt Nam.

Nhị Kiều của đại gia đình thuộc giòng họ Đinh Vũ, tuổi vừa lên năm, lên mười gì đó, thì lò lửa chiến tranh Việt Pháp và trên toàn cõi Đông Dương đã dịu đi phần nào, coi như miệng núi lửa miền Viễn Đông miễn cưỡng khép lại.

Nếu được các nhà khoa học thẩm định, phún xuất thạch từ trong lòng dung nham sôi sục, không phải của thiên nhiên dồn nén vỡ ra, mà do bàn tay nham hiểm, độc ác của loài người taọ nên. Đến thời điểm nào đó, miệng núi lửa ấy, đã chẳng còn cơ hội gieo rắc hãi hùng, trong vùng ảnh hưởng, tưởng chừng định mệnh hẫm hiu này nữa.

Những Quốc Gia bị nhân tai oan nghiệt kia, ngỡ rằng tạo hóa cũng đồng lõa với ác qủy trần gian, đã tỏ ra lãnh đạm, rồi cứ thế trừng phạt giống dân vô tội.

Những cuộc xung đột dai dẳng, giữa Quốc Gia và Quốc Gia, qua nhiều thập niên đầy sắt máu, đất nước quanh vòng đai Đông Nam Á đã không tránh khỏi đổ nát, gia đình ly tan, từ năm này gối đầu sang năm nọ, thế mà súng đạn không ngớt lăm le cướp lấy mạng sống con người, nhưng cuối cùng sau cơn mưa nào, trời cũng phải sáng, thời điểm đen tối cũng đã đến hồi chấm dứt toàn diện, trả lại niềm vui đầy âm hưởng thanh bình cho xứ sở họ.

Thế là bom đạn thôi rơi trên bầu trời Đông Nam Á! Nhớ lại một thời làm tê điếng Quê Hương Việt Nam, đến nay vẫn còn rùng mình cho đất nước vốn dĩ nếm phải mùi khổ hạnh lâu ngày. Từ đó, trên gương mặt mọi người, ai rồi cũng cố nhen nhúm niềm vui, chào đón giọt nắng ấm tinh khiết đầu mùa, nhảy múa theo làn gió thoảng, như hứa hẹn một vận hội mới đến với những Quốc Gia vùng Đông Nam Á, từ nay có cơ may nẩy mầm, thăng hoa, cho dù phần đất chai lì mùi vị chiến tranh, qua bao năm tháng đoạ đày.

Tình người có cùng mầu da, chủng tộc, lại chia sớt một huyền sử thật dễ thương, giữa ba miền đất nước, từ đó, đỡ bặt thiệp phần nào, chỉ vì xưa nay ông cha ta thường nói: Chiến tranh là phó sản của tội lỗi!

Và cuộc chiến Việt Nam là cả đại hoạ cho một dân tộc giàu nghĩa tình, trong ân đức.

Sau biết bao giai đoạn đen tối, tràn lan trên lãnh thổ ốm yếu, một giang sơn được tiền nhân đẽo gọt, bồi đắp quá công phu, nằm êm đềm bên bờ Thái Bình Dương, nhưng hết Thái Thú Việt Gian ngày đêm cống hỷ quan thầy

Phương Bắc, đến Thực Dân Âu Châu, bòn rúc thể xác đàn bà con gái Việt Nam, rồi cúi đầu thần phục trước lời đe doạ: Á Châu của người Châu Á, tức tốc chuyền tay cho Đế Quốc Đông Phương, con cháu Thái Dương Thần Nữ tiếp tục hút máu người, như hút mủ cao su, bất hạnh vô cùng cho giải đất hầu hết đối diện với biển cả, lại lắm truân chuyên, thê lương cứ thế dài hun hút, hệ lụy chia lìa chủng tộc, hùng cứ một phương nung nấu, muốn chín cả cõi lòng, đối với người yêu nước chân chính.

Cho đến kẻ bàng quan cũng ưu tư về đại cuộc cách mạng dân tộc, đành phải ngậm ngùi trước sự tuần hoàn lãnh đạm của tạo hóa. Từ đó, những cánh tay ma mãnh, mượn uy quyền của đấng vô hình để thao túng, những mong biện hộ cho việc làm sai trái của chính mình, hóa ra dường như trời đất cũng đồng lõa với tội ác thế gian.

Nhìn lại, cả một chu trình nô lệ lầm than, mà hầu hết những Quốc Gia nhược tiểu miền Viễn Đông, bị các đại cường manh tâm, bành trướng thế lực, không ngoài mục đích đưa các Tân Thuộc Địa vào quỹ đạo Bảo Hộ, dưới chiếc dù của mẫu quốc, để mai kia còn là Đồng Minh, dễ dàng gọi: dạ, bảo: vâng, một khi cần đến.

Thời gian dầu sôi lửa bỏng ấy, tùy theo sự khôn ngoan của người lãnh đạo guồng máy Quốc Gia, nếu không chọn Liên Hiệp Pháp đỡ đầu, thì cũng gia nhập Liên Hiệp Anh, mong sao có sự trợ giúp trên mọi phương diện, mới có cơ hội canh tân được đất nước, thời hậu chiến.

Song song theo đó, còn có một, vài Quốc Gia đứng trung dung, nối vòng tay khiêm nhường thành khối Phi Liên Kết, với chủ đích mong sao khỏi bị ảnh hưởng giữa Tư Bản hoặc Cộng Sản, e rằng

những cường quốc đó có sức thẩm thấu, lôi cuốn và bằng mọi cách manh nha sâu rộng, ngõ hầu lung lạc đất nước họ.

Từ cảm nghĩ xa xôi, nhưng thật dồi dào ẩn ý chín chắn, của các nhà lãnh đạo, khi nhìn về tương lai dân tộc, cũng có nhiều Quốc Gia không muốn lệ thuộc trong qũy đạo nào, chỉ e rằng xu thế thời đại, mang chiến tranh đến tàn phá Quê Hương họ, với chiêu bài nghe ra thật lý tưởng, nào: Giải Phóng Nhân Dân hoặc Cách Mạng Xã Hội! Xét cho cùng, những mỹ từ ấy, âu cũng do loài người ích kỷ, cục bộ, tham lam dựng lên, trước sau chỉ là miếng mồi hào nhoáng, cuối cùng gây ra cảnh bẽ bàng, cho nhân loại nói chung và Quốc Gia họ nói riêng. Từ hệ luận có vẻ phủ dụ kia, quê hương nào chịu ảnh hưởng, càng khổ đau nhiều thêm, thế thôi!

Đất nước Việt Nam cũng không tránh khỏi hệ lụy ấy, lại rơi vào hiểm hoạ vô cùng man rợ đó, triền miên khói lửa, suốt nhiều thập niên liên tiếp nồi da, xáo thịt, tưởng chừng kẻ chủ trương những trạng huống đau lòng kia, cũng đã hả hê thù hận!

Hầu hết toàn cõi Đông Dương ngày ấy, trên lý thuyết được thỏa hiệp Geneve minh định, ít ra không còn bóng dáng tử thần ve vãn, hơn trước đây không lâu, thần tử lúc nào cũng rổn rảng mang xích sắt, trên vai u thịt bắp với cánh tay hộ pháp ngạo nghễ, đi tìm kẻ vô tội, rồi cứ việc nhận chìm bất cứ sinh vật nào chống đối, xuống chín tầng địa ngục, cho thỏa mãn thú tính của một ác quỷ điêu ngoa.

Hiệp Định Geneve do các đại cường ký kết, số phận Việt Nam đi đến quyết định, bất phân thắng bại, cho hai bên lâm chiến. Nam Bắc Việt Nam theo đuổi thể chế chính trị riêng tư của Quốc Gia họ.

Cho dù đau trong niềm đau vong bản, với kẻ sở hữu chủ tài sản của ông cha, cũng buộc lòng phải chịu chung số phận, chia đôi lãnh thổ Việt Nam, thành hai miền Nam Bắc, lấy Vĩ Tuyến Mười Bảy làm ranh giới, hai bên đều có khoảng cách không gian, đã được ấn định trong văn kiện, làm thành khu Phi Quân Sự, như thế, về mặt kỹ thuật tâm lý, là giảm đi phần nào nồng độ hiếu chiến, chờ ngày N, giờ G tổ chức Tổng Tuyển Cử để thống nhất đất nước.

Hiệp Ước Geneve minh định rõ ràng, chỉ có toàn dân Việt Nam mới đủ thẩm quyền, chọn lựa một thể chế chính trị trong tương lai, qua hình thức đầu phiếu, ngỏ hầu hàn gắn cõi bờ, sống chung hòa bình về lâu về dài, nghe ra thật lý tưởng vô cùng, cho kẻ có nhiều khát vọng Tự Do, Dân Chủ, no ấm và phú cường.

Nhưng trái lại: Lý thuyết thì dễ, thực hành lại là thiên nan, vạn nan! Chỉ vì tận đáy lòng tham lam của loài người, lúc nào cũng muốn may túi ba gang cả! Với lại, đằng sau trái tim nhân từ, là một vùng khả ố, xám xịt, trí óc lại không còn giữ được lời nhận định thâm thúy cả quyết của người xưa: Nhân chi sơ tính bổn thiện!

Lúc nào cũng trang bị gươm dao, bom đạn, từ trong miệng

lưỡi vốn dĩ đã có gang, có thép, mong tiêu diệt đối phương để giữ thế thượng phong bất cứ lúc nào.

Theo thoả ước đã được ký kết tại Geneve, Cộng Sản hùng cứ phương Bắc, thế là vô hình chung được gần gũi cùng người anh em Vô Sản Chủ Nghĩa, cho khỏi môi hở răng lạnh với Trung Quốc vĩ đại.

Còn Người Việt Quốc Gia rút về bên kia Vĩ Tuyến 17, tái phối trí ở Miền Nam, nhờ Thế Giới Tự Do viện trợ nhân đạo, để ổn định cuộc sống cho ngót triệu người di cư từ miền Bắc, làm lại cuộc đời vào những ngày chân ướt, chân ráo.

Trong lúc chờ đợi Tổng Tuyển Cử, cả hai xây dựng đội ngũ, vừa tái thiết, vừa trùng tu, nâng cao dân trí, khắc phục nhân tâm, cùng chọn ra một ngày đẹp trời nào đó, toàn dân đầu phiếu, xin ơn trên phò hộ, giang sơn thu về một mối, để dân tộc sinh tồn trường cửu, dưới bóng râm của trùng trùng điệp điệp Trường Sơn, mà cụ Trạng Trình Nguyễn Bỉnh khiêm tiên đoán hậu vận cho Việt Nam trong tương lai, nếu thành tâm nhất trí khắc phục mọi di biệt:

Hoành sơn nhất đái.

Vạn đại dung thân.

Sài Gòn và Hà Nội bấy giờ, là hai Thủ Đô, đã không ngớt kình chống nhau ra mặt, kèn kựa nhau từng ngôn ngữ, đối đầu nhau từ mớ lý thuyết ngoại lai. Đặc biệt Hà Nội lăm le giải quyết sinh mệnh con người bằng quân sự với thứ vũ khí hiện đại, độc ác, của nước ngoài, nhất quyết không đội trời chung.

Từ đó, mỗi Quốc Gia đi theo phần ảnh hưởng chính trị của mình, người thân Nga Tàu, kẻ bắt tay Tây Phương, cứ việc âm thầm gây tín chỉ và bành trướng lực lượng, cho thế giới quan tâm đến sự bảo vệ sống còn của một dân tộc, trên mỗi nửa giải đất với hình cong chữ S.

Tuy có cùng một lịch sử chung, thật oai hùng, từ ngày lập quốc, khởi thủy thời vua Hùng Vương đến nay, nhưng không đủ tín chỉ là anh em từ một bọc sinh ra, bởi bà Âu Cơ và ông Lạc Long Quân!

Rồi... đất bằng nổi trận can qua, lãnh thổ Việt Nam lại trải dài bằng lời ta thán, âm ỉ như máu vắt ra từ trong lòng đất, giọt nước mắt miệt mài ngập lụt võng mô, của người dân vô tội vạ, ướp lên mái tóc úa mầu điêu đứng từ nhiều năm liên tiếp, cứ thế từng giờ từng phút đau thương nhất lịch sử không ngừng đổ xuống, giòng sông xưa vốn dĩ đã bất bình một thuở, nay tiếp tục dậy sóng triền miên, cho đến phù sa cũng rã rời, từng giọt âm ba phũ phàng ấy, làm thành bản Trường Hận Ca đời đời kiếp kiếp, tưởng chừng cho thế hệ tương lai một an bài bất hạnh: Vì chinh chiến, dân tộc phải điêu linh!

Làm bài học đau thương vô cùng tận, cho hậu thế nhìn lại hiểm hoạ của đất nước, đang chới với trước màn đêm dày đặc, trên bờ diệt vong.

Hóa ra, vô hình chung người ngoài tưởng chừng nghiệp dĩ hèn mọn, ích kỷ của cha ông, chẳng đoái hoài đến núm nhau khúc ruột cùng huyết thống đã chớ, thế mà còn gieo rắc lại mối thâm thù, trên tất cả mọi bình diện, ngay

từ chân lông, kẽ tóc với người đồng chủng.

Lớp phù sa oan nghiệt đó, đã lêu bêu chảy xiết, trải qua biết bao cảnh phế hưng, lúc lẫy lừng một thuở, từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh, cho đến ngày nay, tạo thành những đợt sóng ngầm, tuy âm ỉ, nhưng đã tàn phá tâm linh con người, để lại không ít mảnh vụn thương tâm ngút ngàn, cho con dân giữa hai miền Nam Bắc.

Những ai có tâm hồn son sắc với quê Cha, ưu ái cùng đất Mẹ, cũng phải chau mày theo thời gian dun rủi, cúi đầu mặc niệm từng lớp khói sóng gối lên nhau, đã kéo qua võng mô bất hạnh, suốt nhiều thập niên cho một đời người, mỗi lần nhìn chiến tranh như một di hoạ tàn khốc, mà cả hai gồng mình mạ vàng, lên cuộc chiến thần thánh, qua biết bao mùa binh biến, suốt thế kỷ lỗi lầm với hối tiếc, ngậm ngùi...

Miền Bắc Việt Nam trời bấy giờ đã vào Thu, thành phố Hà Nội như cô gái rụt rè, trước những con may hiu hắt thổi về, làm nổi da gà, lá trên cành bắt đầu lổ đổ cánh én, từ từ nhuộm vàng, theo ngày tháng đổi thay, nơi hàng cây dọc theo lối phố rùng mình trải dài, như báo hiệu một chút bẽ bàng, cho người dân sững sờ trên bờ lưỡng lự, giữa hai thể chế chính trị, đang cố gắng giành giựt nhân tâm. Vẻ mặt mọi người đăm chiêu, trước mất mát đáng kể, không thể tránh được, tiếc nuối cho một đời tảo tần, sau bao năm dành dụm.

Người có trọng trách với Tổ Quốc, cho dù bên này hoặc bên kia, cũng không ngừng ôm ấp, ra sức tranh thủ được phần nào những nhân tố tích cực, vì quê hương, vì dân tộc, không ngoài mục đích mong sao giữ lấy toàn quyền lãnh đạo đất nước mai hậu, với không ít dân chúng hậu thuẫn, một khi thời cơ đưa đến.

Nhiều đêm thanh vắng, sau những ngày...tháng...dài dằng dặc, người dân tỉnh thành mỏi mệt, khi quyết định cho một chuyến phiêu lưu mạo hiểm, cân nhắc giữa hai ý tưởng thầm kín đi... ở, ở... đi, làm ray rứt cả cõi lòng, nhất là của những tâm hồn ái quốc, trước khúc quanh lịch sử.

Trong lúc đăm chiêu với ngoại cảnh chĩu nặng mầu ly biệt, rõ thật: Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ! Nên con phố Hà Nội tưởng chừng cũng ngủ vùi trong chăn mây xám xịt, dưới thời tiết gây gây lạnh, khi sơ Thu thập thò từ núi rừng Việt Bắc, thổi dạt về trên bãi sông Hồng, rồi đổ dồn vào từng mái ngói, mầu rêu nhạt cỗi cằn, của Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường, mà Thăng Long Thành thuở trước, như vẫn còn âm hưởng những ngày cực thịnh từ xa lắc xa lơ, đang vọng lên nỗi nhớ:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo.
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.

Thầy nàng được phép rời đơn vị trong khoảng thời gian hạn định của Thượng Cấp, chỉ hăm bốn giờ với chương trình đã được sắp xếp từng ưu tiên một, tức tốc về Thức Hóa, Duyên Thọ đón Mẹ, là điều kiện tiên quyết bất khả khán.

Ngót một ngày phù du, rước người phối ngẫu, xong đâu vào đó, cả hai vội vã tháp tùng chuyến xe đò lên Nam Định đón con, rồi cùng qua Hải Phòng kịp đêm cuối cùng, tiễn chân bà con Nội Ngoại trước khi những chuyến tàu được lệnh Liên Hiệp Quốc nhổ neo, trực chỉ Miền Nam.

Thời ấy, người Miền Bắc thường gọi là tàu há mồm, những chiếc thương thuyền đã được điều kiện hóa để chở di dân, từ đó rời bến cảng Hải Phòng, đi lần vào lãnh hải Miền Nam, phần đất mà nhiều người Bắc di cư đã đến từ những đợt trước, viết thơ gởi về thân nhân, báo cho biết vùng đất lành chim đậu:

- Đất miền Nam giàu tình người và đầy nắng ấm, chan hòa lên từng mái tranh mộc mạc.

Thế là Thầy đã hoàn thành mỹ mãn, chuyến công tác vô cùng trọng đại, giữa lý tưởng Người Lính và gia đình như một hệ lụy. Trong đó, một lát nữa đây sẽ tiếp nhận hai chị em nàng, đang theo học lớp Mẫu Giáo và Vườn Trẻ, tại học viện này, khi bà Soeur mật báo khẩn cấp, đã sẵn sàng bằng hai món quà qúy giá, cho chuyến đi vô Nam với bất cứ lúc nào.

Quả thật, việc gì đến, cũng đã đến! Thầy cúi người một cách lễ phép, nhìn lại bộ đồ trận sau nhiều ngày vật lộn với nhiều thử thách, chả kém gian lao, nên cảm thấy không được tươm tất như trước, Thầy ngã nón chào, lòng kính cẩn của con chiên thuần thục, vẫn còn nguyên trong tinh thần sống đạo, vồn vã đón nhận hai cô con gái, từ tay bà Soeur trao cho, giọng Thầy hơi có vẻ bối rối, không thiếu cảm động, đôi môi mấp máy, chưa thốt được nên lời được trọn vẹn, trước người nữ tu khả kính, cố nhớ lại từng bước, mà Dì Phước đã làm theo sự nhờ vả của mình mong muốn, như trong thư gói ghém một chút tình người, biết thế nào lòng độ lượng của vị chân tu, sẽ không bao giờ đánh mất niềm tin của Giáo Lý Công Giáo mà các Soeur hằng ấp ủ:

Yêu tha nhân như yêu chính mình vậy!

Thầy khe khẻ, nhưng lời nói đầy ắp chân tình, khả kính không thiếu, qua lòng quý mến, trước những người nữ tu đang chờ tiễn đưa gia đình lần cuối.

Quá cảm động, người đi thấp giọng trước tình người chân chất, tình đời nồng ấm quấn quit lấy nhau:

- Cám ơn Soeur đã tiếp đón lá thư tay, từ hai ngày trước, do người Lính của đơn vị con đem tới, nên xếp đặt có phần chu đáo, ngoài sức tưởng tượng, còn đưa các cháu đến đây đúng như lời thỉnh cầu. Nhưng, âu cũng có bàn tay Thiên Chúa chúc phúc, cho chuyến vào Nam của gia đình con. Từ giờ phút nghiêm trọng này, chắc chắn người thọ ơn sẽ không bao giờ quên công lao quý Soeur đâu! Cuối cùng, tưởng chừng nhà tu lúc nào cũng thương tưởng đến tha nhân, nhất là trong lúc ngặt nghèo đang diễn ra trên một phần đất nước rướm máu trước cảnh chia ly.

Soeur phả tay, lật đật đi như chạy, tránh bớt âm vang tình thâm nghĩa nặng, biết thế nào

cũng không thiếu vắng ân tình giữa đạo và đời trong lúc đối thoại trực tiếp.

Thẳng một mạch, vô bên trong đâu vào đó, người nữ tu thong thả, bước từng bước nhỏ cô đơn, đi sâu vào nhà nguyện... Mục đích giản dị đầu tiên, để chẳng còn chứng kiến cảnh thương tâm, khi hai con chim sâu bắt đầu từ nay, đã mất hẳn lời tình tự chân thành hoặc ríu rít, tung tăng mỗi chiều, trước giờ ăn tập thể, trên hành lang dài hun hút, sang sảng lời cầu kinh, bằng giọng đả đớt, dễ thương của tuổi trẻ dung dị, như bao giờ cũng chất chứa đôi nét bụng xịu, vừa nhớ nhà và không quên tỉ tê nhắc đến Thầy Mẹ và các em, không biết bây giờ đang ở đâu.

Thầy Mẹ nàng cũng hiểu được những biến động trong lòng người nữ tu kia, sở dĩ Soeur lầm lũi ra đi, không đủ can đảm nhìn lại, có lẽ cho khỏi phải riêng mang giờ... phút... vĩnh biệt, đầy lưu luyến với lũ nhỏ chăng?

Tuy nhiên, chút thương thương... nhớ nhớ tưởng chừng vẫn còn đeo đẳng đằng sau tâm hồn người nữ tu, nên chiếc bóng nhỏ với mẫu áo chùng thâm xêu vẹo, cũng dùng dằng, trước nhiều ý định phá hẳn thông lệ, lâu lâu ngoảnh lại, đưa tay ngúc ngoắc, làm người trong cuộc cảm động và cũng muốn chùn bước hết sức.

Hồi lâu, người nữ tu thẩn thờ đứng im một chỗ, như chiêm nghiệm đến giờ phút chia tay, đôi hàng nước mắt lả chả lăn tròn trên gò má hắt hãm lâu ngày, khi ý tưởng tận hiến cuộc đời này cho bá tánh, trước đạo pháp đang hứa hẹn bị bách hại, chỉ vì lý thuyết vô thần của người Cộng Sản, làm tổn thương ngay cả đến giá trị đạo đức.

Dì Phước đưa tay lên vầng trán trắng mịn, còn một khoảng vuông vức, khi chiếc lúp trùm đầu che gần hết mái tóc, quệt vội vàng những giọt mồ hôi vã ra, trộn lẫn giòng nước mắt vô tội vạ, nhưng nó đã không chịu dừng ở đó, Soeur cố gắng nói vói, cho Thầy Mẹ hai cô bé yên chí phần nào, vì biết người Lính ấy, vốn dĩ là một ân nhân của giòng nữ tu Đa Minh ngày trước, lúc nào cũng nhen nhúm chút hy vọng về đức tin và sự mầu nhiệm, như ý chí người Do Thái, dẫu cho nghìn năm sau vẫn tìm ra Đất Hứa, để cao rao Thiên Chúa như một ân sũng cho người công chính:

- Thầy Giáo Khánh vô Nam, khi nào đơn vị ổn định, cuộc sống gia đình xếp đặt đâu vào đó, nói chung tất cả đi vào trật tự trên vùng đất mới, nhớ viết thư về thăm dòng và thân thân xa gần, kể cả Nội Ngoại, để Nam Bắc vẫn luôn luôn là mối thâm tình dưới bàn tay của Thiên Chúa và tình người, nên nhớ rằng, lúc nào kẻ ở vẫn nhớ đến người đi, dù xa xôi vạn dặm chăng nữa, ví biết thời gian có lũy thừa cách mấy, cũng chỉ là con số khiêm nhường, chứ chưa phải là hằng đẳng thức bất di bất dịch đâu.

Thầy nắm chặt bàn tay hai cô con gái cưng, nước mắt lung linh lưng tròng, sau nhiều ngày sống trong viễn ảnh đen tối, tưởng chừng con cái chịu cảnh mồ côi, cả Cha lẫn Mẹ bất đắc dĩ, chứ làm sao tránh khỏi, một khi

không còn phương tiện nào thỏa mãn cho đơn vị hoặc gia đình phân tán, vì hoàn cảnh đặc biệt, chưa tìm ra đúng lúc, đành chịu vậy, chứ chẳng còn biết sao hơn, một khi đường về Tự Do đã bị cửa đóng then gài, nội bất xuất, ngoại bất nhập, thì còn nước an phận trước dĩ lỡ:

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài!

Thầy mủi lòng, dù đứng trên những thành quả may mắn, diễn tiến viên mãn, nhìn lại bối cảnh trùng phùng quá ư đột ngột, sự gặp gỡ con cái hết sức thần tình, nếu không có bàn tay của các đấng vô hình, thì chưa chắc đã vẹn tròn, theo ý mình ước nguyện.

Thầy nhìn Mẹ, rồi sụt sùi khóc thành tiếng khô rốc, như trẻ thơ cảm động một điều gì, khi trí nhớ bềnh bồng trong mớ ảo giác chập chùng thương tiếc, nhưng để an ủi, cùng lúc ấy, thấy cả vừng hồng đã được bàn tay mầu nhiệm nào đó kéo lên ở chân trời, ánh thái dương e ấp sau màn mây mỏng, nhưng cũng đủ sưởi ấm một phần vạn vật khổ đau, tiếng nấc nghẹn rồi bật lên thành tiếng của Thầy, nghe ra ai oán làm sao ấy, mặc dù hiện tại đã xua nỗi bi quan, vào tận cùng của sự mặc cả.

Thầy nàng ngơ ngác lắc vai Mẹ, giọng nói chẳng thiếu chân tình, như trân quý người vợ đảm đang, trong suốt mùa tao loạn. Cuối cùng, không quên nhắc khéo, là vẫn còn một em bé đang đìu trước ngực và một ẵm gọn trên tay, cả bốn linh hồn mà đạo Cha Mẹ có trách nhiệm, bằng mọi cách phải cứu vớt, phải chu toàn trọng trách của đấng sinh thành, mà Thiên Chúa đã giao phó.

Cả Thầy lẫn Mẹ níu tay nhau, như những mắc xích lưu luyến, trong guồng máy có cùng một nhiệm vụ, lững thững từng bước đi thụt lùi, ra khỏi khuôn viên nhà dòng, nhưng đầu óc bắt buộc trở về với tính toán, từng ly từng tí kỹ lưỡng, trước hiện tình đất nước dồn dập diễn ra.

Là một Quân Nhân tại ngũ, đơn vị đang trên đường tái phối trí, giữa miền xa đất lạ, chẳng thể nào chễnh mảng, để không khỏi mang tội như kẻ vô tình với vận mệnh Quốc Gia, khi đất nước đang cần đến những bàn tay, những khối óc để canh tân xứ sở.

Thế là Thầy đã thiêu rụi gần hết mớ thời gian còn lại, mà Bộ Chỉ Huy Quân Đội Dã Chiến cho phép, nên cố tìm từng kẽ hở đốt giai đoạn, khẩn cấp đáp ứng mọi nhu cầu cấp bách, nhưng biết hối hả nào cũng để lại kẽ hở một cách vụng về, trên lộ trình về với Tự Do, Thầy nàng đã khắc phục, chạy vạy, dùng cả phương tiện sẵn có, dồn tất cả nỗ lực chủ yếu, trong hoàn cảnh chạy nước rút, bằng mọi cách phải đưa cả gia đình lên phi trường Hà Nội, để còn kịp chuyến bay, do Liên Hiệp Quốc yểm trợ, trong chương trình di chuyển Quân Đội Quốc Gia Việt Nam vô Nam, mà sáng sớm ngày hôm sau, theo lịch trình là chuyến chót, dành cho Quân Nhân tại ngũ và gia đình đã thiết lập danh sách tháp tùng.

Nheo nhóc một đàn con bốn đứa, nhưng rồi cũng có Thiên Chúa quan phòng cho người công chính, Thầy Mẹ Thùy Vân và Thùy Trang cùng hai em đã đến đúng lúc, trong khi máy bay đang

hâm nóng cơ phận.

Nhìn nhân viên Phi Hành lo mọi thủ tục an phi, kiểm soát an toàn cho chuyến bay, nhưng lúc nào cũng niềm nỡ, ân cần với tất cả mọi người, cũng đủ biết sự ưu ái đặc biệt đối với những nhân tố tích cực, chấp nhận di cư từ Miền Bắc Việt Nam, đến cuối miền đất nước, trên đường tạo dựng cuộc sống mới, với lý tưởng Quốc Gia chân chính, dù phải hy sinh từ vật chất đến tinh thần, để làm lại cuộc đời từ đầu, mặc dầu vật lộn với vô vàn thử thách.

Vào một buổi sáng sớm tinh sương, đèn đường còn mờ mờ trong màn mưa bụi, ngọn gió giao mùa đủ chuyên chở thời tiết lành lạnh, từ Lào Cay Bắc Cạn về miền xuôi, sân bay Hà Nội dường như chỉ ưu tiên cho vận tải cơ của Liên Hiệp Quốc, dùng chuyển vận Quân Đội Quốc Gia về Nam, trong khoảng thời gian đó, mọi tiếp vận, tiếp liệu nhộn nhịp khác thường, cảnh đưa tiễn tại phi trường, lại là một hiện tượng khó quên, làm mềm lòng không ít, đúng như lời Văn Hào Tây Phương bảo rằng:

... Cuộc chia ly nào, dù hợp với nỗi mong ước của ta, cũng mang đến cho ta một nỗi buồn man mác...!

Thế là:

Hà Nội, Hà Nội ơi!
Biệt ly, biệt ly rồi!

Ngồi giữa lòng con chim sắt khổng lồ, nhìn về Hà Nội dấu yêu, tâm tư se thắt từng cơn, Thầy Mẹ nàng dõi mắt qua ô cửa kính, như gởi lại cả nỗi niềm tâm sự về ngọn Hồng Lĩnh, mà một thời nhốt cả linh hồn trong bốn bức tường chữ nghĩa, đam mê núi cao, sông sâu, trong lòng người trẻ Hà Nội nhiều ước vọng, những mong kỷ niệm vun lên làm thành chiều dày tiếc thương, trong tâm hồn dạt dào luyến nhớ về Hà Thành.

Cả hai vè mắt nhìn bốn mái đầu xanh, những con chim sâu có biết gì đến cuộc chia tay đầy nước mắt, nhưng nghe Thầy Mẹ bi thảm hóa, lòng không khỏi âu lo số phận của kiếp di cư, trên bước đường đi tìm Tự Do.

Rồi mai đây, cuộc sống không biết như thế nào, nhưng dẫu thế nào đi nữa, cũng phải nhận Sài Gòn là Thủ Đô yêu quý mà mình đã chọn lấy, một khi lao vào điểm nóng của xã hội, giữa sa mạc đời lạ hoắc cho người Miền Bắc, cũng phải ngã nón cúi đầu. Tuy cùng một nước Việt Nam chăng nữa.

Khoảng bốn tiếng đồng hồ trên nền trời bao la bát ngát, những sinh mệnh Quân Dân, như niêm chặt giữa lòng con chim sắt khổng lồ, thân phận người di cư, nhất cử nhất động đều giao khoáng cho viên Phi Công cáng đáng mọi chuyện. Dĩ nhiên, tù túng khó chịu, nhất là hầu hết người di tản, chưa bao giờ xử dụng phương tiện hàng không, nên có vẻ ngầy ngật, choáng váng mày mặt, nhưng rồi cũng khắc phục được tất cả.

Phi cơ từ cung mây thăm thẳm, đổi hướng bay, nhóng đầu hẳn về Nam, từ vùng duyên hải vào đất liền, trong khoảnh khắc, đã đánh đèn hiệu, sắp đáp xuống một phi trường nào đó, máy bay giảm tốc độ, lượn vài vòng, bánh xe mở ra sẵn sàng, cả con tàu nặng nề, đã đáp lẹ xuống đường

băng dã chiến, cát bụi bốc lên mù trời, sau vài phút chiếc Dakota dừng lại hẳn, những Sĩ Quan liên lạc trên không và dưới đất gặp nhau, mừng mừng tủi tủi, hàn huyên đôi chút, tuy giây... phút ngắn ngủi, nhưng rồi cũng phải trở về với nhiệm vụ, mà Thượng Cấp giao phó, Thầy Mẹ nàng ngỡ ngàng hết sức!

Từ đó, mới biết được tên mảnh đất nhỏ bé miền cận duyên vừa tiếp nhận, là Thành Phố Tuy Hòa, một trong những cứ điểm tiếp cư, trải dài trên các Tỉnh Miền Nam, cho ngót triệu người Miền Bắc về với Tự Do. Nhưng chung quy Thủ Đô Sài Gòn, Hố Nai và vùng lân cận, vẫn nhiều dân miền ngoài hơn hết.

Đất Miền Trung, nơi quê hương của Đế Quốc Chiêm Thành ngày trước, nay còn nhiều dấu ấn lịch sử rải rác trong vùng, đó là những tháp Chàm, vẫn chịu nắng lửa mưa dầu, tưởng chừng như chứng kiến bao cuộc đổi thay, trước giống dân Việt dẻo dai ranh mãnh, đã từng phá Tống, bình Chiêm mở rộng cõi bờ, đi lần về phương Nam, đẩy cả dân Khờ Me vào sâu đất Miên với nhiều trận đánh kiêu hùng như Xoài Mút, Rạch Gầm chẳng hạn, mà thi ca Việt Nam vẫn còn lưu truyền, tên tuổi vị anh hùng thao lược lẫy lừng ấy, cho đến ngày nay:

Ba lần Bắc tiến, sáu Nam chinh.

Cuối cùng, những thành quách của thời Đồ Bàn, cùng giống dân Chàm thương Quê Hương còn bám víu ở lại, tưởng chừng họ cũng muốn chiêm nghiệm mảnh đất của tổ tiên. Thế nào mà họ chẳng biết hoặc không chứng kiến cuộc Nam tiến phá kỹ lục của người Việt Nam, mở rộng cõi bờ? Nhưng rồi, cũng đành khóc hận, trước giòng cuồng lưu như vũ bão đổ ập xuống từ thượng nguồn, chỉ vì giống dân Chàm không còn đủ sức mạnh, bảo vệ từng tấc đất của cha ông để thừa tự, để cao rao cho Vương Triều lẫm liệt một thuở.

Lịch sử bao giờ vẫn vô tư, còn in đậm nét vang danh Đế Quốc Chiêm Thành của ngày nào, cho dù không còn mảnh đất thiêng để hát nốt bài ca:

... Người xưa đâu, mà tháp cao như đứng nghe buồn rầu, cồn cát đâu...

Thầy đứng đối bóng với thời gian trước mặt, qua tháp cao vời vợi, không ngớt trầm trồ về lối kiến trúc cực thịnh thời đó, nhưng cũng ngậm ngùi cho thân phận chính mình, một kẻ đánh rơi hòn đất ông cha và bóng mát của ngọn Hồng Lĩnh, từ nay đã không còn là bóng râm, để che nắng lửa mưa dầu, cho tuổi trẻ Việt Nam lớn lên với ít, nhiều hoài bảo hàn gắn dân tộc, bồi đắp cho giang sơn trở thành một mối.

Bước chân di cư từ thuở tấm bé, lần đầu tiên hai chị em nàng được nghe Thầy Mẹ nói về đất Chàm, bỗng dưng Thầy lên giọng, ngâm mấy vầng thơ bất hủ, với vẻ sảng khoái. Có lẽ Thầy mong sao xoa dịu bước chân lưu lạc qua mọi miền đất nước trong một tương lai rất gần:

....Hai Châu Ô, Rí vuông ngàn dặm.

Một gái Huyền Trân đáng mấy mươi.

Thầy không quên cắt nghĩa cho Mẹ và các con nghe qua những giòng lịch sử cận đại, ngỏ hầu nắm vững địa thế và giới hạn của Quê Hương mình ngày trước:

....Nếu không có nhan sắc của Huyền Trân Công Chúa, thì làm sao Chế Mân đổi lấy hai Châu và chưa chắc anh hùng tổ tiên ta đánh bại được danh Tướng Chế Bồng Nga ngày đó. Hoặc có đánh được chăng nữa, thì cũng bò què che ngã!

Thế là Thầy Mẹ nàng đã chọn Thành Phố Tuy Hòa làm Quê Hương thứ hai, sau khi từ giã Miền Bắc, nơi chôn nhau cắt rốn thân yêu, qua bao đời gầy dựng con cháu.

Giọng nói của người Miền Trung ngày đó thật xa lạ đối với gia đình nàng, cho nên muốn ra phố hoặc vào các hàng quán, thậm chí dong chơi với lũ trẻ hàng xóm, bầy con cũng phải nhờ vào Thầy Mẹ thông dịch, mỗi khi cần đến, nhưng nhìn đi nhìn lại, ngay đấng sinh thành cũng có hơn gì các con đâu, rõ thật thương hại cho một đất nước nhỏ xíu, mà có ba miền phát âm về ngôn ngữ, phải chăng dụng ý của lũ Thực Dân muốn chia cắt từ tiềm thức, để dân tộc trở thành xa lạ, không cảm thông, nghĩa là thiếu vắng tình người, thì tình chủng tộc cũng bẽ bàng, ngỏ hầu dễ dàng cai trị và chi phối tất cả mọi cảm nghĩ.

Thấy Thầy Mẹ mình lắm lúc phải dùng thứ ngôn ngữ quốc tế, biết thế, nhưng các con cũng vâng lời, nên riu ríu đi theo, không chịu rời nửa bước, với lại xã hội Miền Trung trong lúc giao thời ngày đó, vừa tranh tối tranh sáng, đất nước lại trải qua một thời gian vô chủ, nhiễu nhương nổi lên cùng khắp, trộm cướp như rươi, loạn Bình Xuyên, Ba Cụt, Bảy Viễn không ngớt diễn ra lắm trò bỉ ổi, nhan nhản trên đường phố hằng ngày, nên Thầy Mẹ còn hạn chế con trẻ ra đường, những lúc không cần thiết, mấy chị em nàng chỉ quây quần bên nhau, lâu lâu tạt ngang qua quán xép đầu đường, mua một ít kẹo bánh, nước ngọt, đành phải xử dụng thứ ngôn ngữ nói không mỏi miệng, nhưng trái lại muốn tê liệt cả cánh tay, thế mà đôi khi người chủ quán láng giềng vẫn khó khăn, chấp nhất, câu nệ những chuyện không đâu, rồi bắt na bắt nẹt, tưởng chừng kỳ thị Bắc Nam thấy rõ. Cũng đành chấp nhận, mình nói mình hiểu, họ bảo họ nghe, chứ biết sao hơn, không muốn đào sâu thêm dị biệt, trở thành hố ly gián giữa kẻ di cư và dân địa phương, vô hình chung để lại cái gai trong võng mô người bản xứ, ngày một xốn xang lòng mắt.

Cuộc đời nhà binh rày đây mai đó, người Lính phải chấp nhận mọi sự điều động tùy theo khả năng, Thầy nàng lại được lệnh Thượng Cấp thuyên chuyển về Qui Nhơn, một tỉnh lẻ của Miền Trung, vừa nghèo nàn, vừa thiên tai hằng năm, nằm sát duyên hải, nhưng để bù lại, cái thành phố chạy chưa ngút hơi đã hết, tình người thật hiền hòa, toà Hành Chánh Tỉnh nằm trong lòng Thi Xã, cho nên cuộc sống có vẻ văn minh và nhất là khí hậu cũng dịu dàng hơn, nếu so sánh với Tuy Hòa.

Những ngày phôi thai, Quốc Gia chuyển mình để đi vào tiến trình vươn lên, chỉnh đốn hàng ngũ từ bộ lạc, Quân Đội được trang bị vũ khí như các nước tiền tiến, trong khối Đồng Minh của Thế Giới Tự Do, nên mỗi Quân Nhân phải khắc phục tất cả mọi nhiệm vụ, mà Thượng Cấp giao phó, để hầu hết các đơn vị Quân Đội bước dần tới ổn định.

Vì nhu cầu cấp thiết, Thầy nàng đáp ứng thượng lệnh, với khả năng chuyên môn sẵn có, nhiều lúc di chuyển như con thoi, để chu toàn công tác trên khắp lãnh thổ Miền Trung, nhất là từ các Tỉnh địa đầu giới tuyến trở vô.

Lại một lần nữa, Thầy được tái phối trí cùng đơn vị tân lập tại Nha Trang. Tuy nhiên, Thầy quyết định tối hậu, gia đình vẫn ở Qui Nhơn, chỉ một mình Thùy Trang, cô con gái lớn tháp tùng với Bố.

Thế là Thùy trang được Bố ghi danh theo học Trường Trung Học công lập Võ Tánh, Nha Trang.

Cô nữ sinh Thùy Trang bắt đầu trổ giò, mùa Xuân trong tâm hồn cô gái Bắc di cư đã bắt đầu thấp thoáng mùi vị tình yêu đầu đời, nàng càng đẹp não nùng, leo lên ngưỡng cửa Trung Học, mặt còn non choẹt, lúc nào cũng tủm tỉm cười với đôi môi mọng đỏ, thân người mảnh khảnh, chiếc cổ cao trông qúy phái hết sức, trong mẫu áo dài trắng trinh nguyên, như gói ghém cả một trời tâm sự, đã trang bị cho nàng lòng tự tin và đảm đang của người con gái Bắc, vừa mới định cư, đã phải thích nghi mọi hoàn cảnh, từ ngày theo Thầy Mẹ vào Nam, trong gia đình, nàng tỏ vẻ chững chạc, có trách nhiệm là một người con cả với bốn chị em gái.

Gia đình vốn dĩ con chiên ngoan đạo lâu đời, ông Nội là Chánh Trùm Xứ của một Giáo Phận ngoài Miền Bắc, nên đức tin đã được hun đúc và học vấn của nàng cũng ảnh hưởng đến Thầy là nhà giáo thuở trước, nên những ưu tú đó cùng song hành trong tâm hồn chẳng những giàu nghị lực, hiếu học và còn sáng suốt nhận định những biến động ngoài đời nữa.

Thùy Trang được Thầy xin cho nàng ở trọ gần trường, với lại cách nhà thờ không xa mấy, để cô bé dễ dàng lui tới học đường, nhất là cho cô con gái cưng khỏi bận tâm đến vấn đề sống đạo, của một Ki Tô hữu, nên nàng đỡ vất vả tìm phương tiện, mỗi khi tham dự thánh lễ, vào sáng Chủ Nhật hoặc những ngày lễ lớn, chẳng những thế, kinh đêm, kinh hôm, chầu Thánh Thể, rước kiệu Đức Mẹ Mân Côi, tôn kính Đức Mẹ Vô Nhiễm đều không thiếu nàng.

Người đời thường quan niệm, tuy là một xác xuất tương đối, phỏng đoán với một vài nhận định khách quan, thông thường phái nữ có đức tin mạnh mẽ hơn nam giới, nhưng biết đâu cũng có vài trường hợp ngoại lệ không nói đến.

Cô bé xinh như đóa hồng khởi sắc đầu mùa, chẳng những siêng năng đến nhà thờ, qùy hàng giờ cầu kinh, mà tâm hồn lúc nào cũng rộng mở đón nhận Chúa Hài Đồng vào người, đức tin và sắc đẹp là hai thứ vũ khí vừa bảo

vệ, vừa khoa trương, nàng đã là thỏi nam châm cực mạnh, có sức hút một cách mãnh liệt, với hầu hết các thứ kim loại trong vùng ảnh hưởng, giữa tâm hồn những chàng trai mới lớn, như có sự ly tâm cuồng nhiệt, dù mới gặp nhau lần đầu.

Thân người nàng cao dong dỏng, dáng dấp thuần thục của Á Đông, nước da trắng mịn hơn thạch cao, vừa được điêu khắc gia khéo tay tạc hình, tiếng nói ngọt ngào như loài chim Vành Khuyên líu lo sáng sớm, trước khi bình minh le lói ở chân trời, làm hấp lực bất cứ chú chim nào thức dậy đầu ngày.

Nàng xem như được nằm giữa tâm hồn giàu lòng qúy mến với tất cả con chiên trong họ đạo và mọi người lối phố mà nàng trọ học. Cứ nhìn đi nhìn lại trong ngôi giáo đường, nàng chẳng những là thức ăn tinh thần, không thể thiếu vắng, ngay đến chú học trò giúp lễ cho Cha Chánh Xứ, cũng không khỏi thắc thỏm thương thầm, nhất là mỗi lần chú nâng đĩa hấng dưới cằm, đã tỏ ra một cách lưu luyến, trịnh trọng, khi Cha Sở trao mình Thánh Chúa cho nàng.

Nếu đôi mắt là những máy ảnh cực nhạy, thì võng mô của chàng và nàng đã ghi nhận một vật lạ bắt đầu thẩm thấu, trong con ngươi tràn đầy nhựa sống, của tuổi thiếu thời nhiều mộng mơ và tràn đầy ước muốn.

Thế là cảm tình lâng lâng điểm diện trong tâm tư thầm kín, làm thành vết tích tình yêu điểm diện lên từng vuông da thớ thịt, giữa tâm hồn xao xuyến kỳ lạ, những người trẻ đã rơi vào vùng bao la, của thế giới yêu đương và hò hẹn ở vào lứa tuổi thiên thần.

Mối tình học trò cứ thế lén lén đi vào tâm tư ngày một sâu đậm, thành phố biển Nha Trang ai mà không biết đến cặp uyên ương đó, chẳng những đôi tình nhân trẻ đã để lại những hình ảnh đẹp, cả thể xác lẫn tinh thần, cho thế hệ cùng trang lứa thèm khát, mà còn gầy dựng một đức tin vững vàng và đạo đức có dịp triển khai trong tâm hồn những người trẻ bước vào lãnh vực yêu đương và hò hẹn.

Chiều chiều những bước chân quen điểm diện trên hè phố.

(Trích trong truyện dài Kiếp Hồng Nhan sẽ được tác giả phát hành trong thời gian gần)

Lê Thị Hoài Niệm

Chuyện từ căn nhà ngói đỏ

Buổi trưa, con đường làng quê không thấy một bóng người, không khí thật oi bức, khó chịu, nắng thật gắt lại đứng gió, nên người tôi đẫm mồ hôi. nhìn những căn nhà thấp cao lồi lõm, trồi ra thụt vào hai bên đường dường như cũng uể oải thở hơi nặng nhọc che chắn cho chủ tìm giấc ngủ trưa hoặc tìm nơi trú nắng, cơn nắng như những vạt lửa từ trời đổ chụp xuống trần, muốn đốt cháy những hòn đất quê vung vãi rơi ra từ những lỗ chân bò đang chực mỏ hứng chờ vài hạt mưa cho đỡ khát, mấy cọng cỏ còn sót lại bên lề đường cũng đã vàng úa, héo queo, và mấy bụi tre gai hình như cũng đang nín thở, sợ hít phải hơi nóng vào thân làm cây tre cằn thêm chút nữa, chỉ có thằng bé chăn bò với hai con bò trông thật gầy gò ốm yếu đang đứng trốn nắng dưới tàn cây phía bên kia đường là những vật di động giữa buổi trưa làng. Nắng cũng áp vào tấm lưng tôi như muốn đốt bỏng, dù tôi cũng đã kỹ càng bịt kín khắp cơ thể, tay chân, và vì tôi đang ngồi sau yên xe chiếc Honda do người em đang cầm tay lái nên đành chịu, đã vậy, mỗi vệt bánh xe di chuyển là đất bụi lại bung lên theo, nên không khí đã nóng lại càng thêm khó thở.

-Tới rồi chị, xuống đi!

-Chỗ nào đâu?

-Ngay chỗ chị đứng đó!

Không! không! tôi không thể tin vào đôi mắt mình, bó nhang và chùm hoa trắng tôi đang cầm trên tay như muốn rớt xuống đất, tôi run người và xúc động đến cùng cực với cảnh tượng đang bày ra trước mắt, trời đang nắng

chang chang, nóng đổ lửa đổ củi mà người tôi như phát lãnh, và tôi đã òa lên khóc, tôi cứ đứng mà khóc như chưa bao giờ được khóc, người em cầm lòng không đậu, cũng thút thít khóc theo, cậu nói trong tiếng khóc:

-Thằng Hai nó đập phá hết, nó gỡ từng miếng gạch, hình của Dì Dượng nó cũng đập luôn, chỉ còn tấm hình mặc đồ Lính nên nó sợ không dám đập, giờ chị đã thấy rõ ràng rồi, chớ em tả qua thơ không ai hình dung nổi.

Đúng! Em họ tôi nói đúng, làm sao tôi có thể tưởng tượng nỗi hình ảnh quá bi thương đang hiện ra trước mắt tôi, trên mảnh đất nhỏ xíu nằm sát nách con đường mòn làm lối đi trong xóm, một khung xi măng hình chữ nhật viền quanh ba ngôi mộ, bên trái Dượng tôi, chính giữa là người con trai, và bên này là Dì với hình ảnh những hoa sen trang trí trên từng di ảnh người quá cố, những tấm mộ bia đươc trang trọng xây kỹ lưỡng trên nền đá hoa với hàng chữ ghi danh tánh người đã khuất ngày nào, giờ đã bị đập nát loang lở chỗ mất chỗ còn, chỉ còn lại tấm mộ bia của một người thanh niên rất trẻ, quá đẹp trong bộ quân phục oai hùng được ghi danh tánh ngày sanh ngày mất:

sinh năm 1945

mất năm 1969 là còn nguyên vẹn.

Trên nền đất ở góc mộ là một manh chiếu rách bương, dơ bẩn nằm phủ lên một phần nắm mộ của Dì tôi, và ngoài khuôn viên mộ, một hũng đất sâu như có ai vừa đào lên lấy đất đổ đi một nơi nào khác, và bên này manh chiếu ngoài khung gạch, một cái nền xi măng nhỏ xíu chỉ bằng mỗi cái giường nằm cũng là di tích về cuộc đời thảm thương của những người trong cuộc.

-Chị thấy đó, đây là nền nhà của Dì về cư ngụ trong những ngày cuối cuộc đời, tụi em dựng lên bằng mấy tấm phên tre, chỉ để được một cái chõng tre cho Dì nằm,biết làm sao hơn! Còn manh chiếu rách trong đó là chỗ thằng Hai nó ngủ.

-Thằng Hai nó đập phá, rồi gạch với xi măng đâu?

-Nó bán!

-Trời đất! vật liệu đã xây mồ mả mà người ta mua làm gì?

-Thời buổi bây giờ mà chị, người ta nghèo quá mà, vài cục gạch cũng lót được cái ang nước cho bớt ngập.

-Nhưng nó bán được bao nhiêu tiền?

-Tiền bạc gì, chỉ cần một chén cơm độn cho đỡ đói, ai biểu gì nó không làm, may mà nó chưa đào hết mồ lên để lấy ván hòm đem bán, chắc tại bà con mình ở đây cũng chưa tán tận lương tâm, nên chưa đến nỗi phải mua ván hòm, với lại mỗi ngày người ta còn đi ngang đây, còn nhìn thấy hình anh, thằng Hai nó cũng sợ, nên nó không dám.

-Sao tự nhiên đất ở đây mất hết vậy?

-Thằng Hai nó cũng bán, họ mua rồi đào lên chở đi.

-Trời hỡi! Đất mồ mả mà mua làm gì,

-Thời buổi giờ đâu có ai để ý đất gì, nghĩa địa cũng làm chỗ ở được mà!

-Chị đã dặn anh Ba và mấy đứa coi chừng mà sao để đến nông nỗi này?

-Thì tụi em có coi ngó chớ sao không, nhưng đâu có ở đây suốt ngày mà canh chừng, chỉ cần một đêm nó đói, là sáng hôm sau mả bị đập mấy chỗ rồi. Hôm trước có một người, chắc là bạn Lính của Anh ngày xưa, ảnh nghe tin Dì mất, nên muốn đến thắp nén nhang, không ngờ về đây thấy cảnh thương tâm như vậy, ảnh cũng đứng khóc ròng, anh ấy tốt lắm, đã nhờ người xây lại mộ rất đàng hoàng, rồi ra đi mà không để lại tên, nhưng chỉ mấy bữa sau là nó bắt đầu đập tiếp chị ơi! thiệt khổ quá, hồi còn sống Dì đã khổ, giờ chết rồi mà mồ mả cũng không được trọn lành.

-Oan nghiệt! Thật là oan nghiệt! Sao mà đến nông nỗi này hở trời!

Dì là em kề má tôi, và là chị của hai Dì út. Nghe má tôi kể lại, vì ông bà ngoại tôi chết quá sớm nên mấy chị em phải đùm bọc nhau mà sống, trong lúc má tôi phải buôn tảo bán tần để tìm kế sinh nhai nuôi hai Dì nhỏ, thì Dì, nhờ vào sắc đẹp trời cho, đã được Dượng cưới làm vợ rất sớm. Dì đẹp lắm, hồi đó dưới mắt nhìn của một đứa con nít như tôi, Dì giống y hệt một bà Tiên trong truyện cổ tích, dáng người cao, khuôn mặt đẹp với viền mắt to, sâu, mũi thẳng, miệng nhỏ, suốt ngày dì mặc bộ đồ lụa trắng, ngồi trên ghế sai con Lành đi chợ nấu cơm. Dì là bà tiên, có điều bà tiên không có thân tình với con nít, bọn tôi lúc đó sợ Dì lắm, chỉ lại gần mỗi khi Dì kêu lại viên "thuốc tể" phụ với Dì, đó là việc làm duy nhất hàng ngày của Dì mà tôi biết. Những viên tể trị bá bịnh là những món thuốc "gia truyền" của Dượng đặc chế ra, vì Dượng là một Đông Y Sĩ!

Ngày tôi còn học trường làng, nghe tin Ba của Dượng qua đời, cả một làng đến phụ lo đám chết, và người ta đã giết bò, giết đến mấy con heo để cúng kiếng, gia đình làm lễ thọ tang đến ba ngày, những người học trò từng học thuốc với Dượng, và những người từng là "thân chủ" của ông, khi ông còn làm "Thầy". Ngày đó, tôi thấy ba tôi cứ đi vào rồi lại đi ra, lâu lâu ông mở miệng nói một mình: "đám chết mà giết bò giết heo để cúng kiếng làm chi, nghiệp chướng nặng lắm!"

Dì sinh rất nhiều con, nhưng đến người con thứ năm mới nuôi được, đó là người con trai rất đẹp, và sau đó là hai người con gái cũng giống hệt Dì, đẹp có tiếng lúc trưởng thành, đối với dân làng, hai người em họ tôi thuộc loại "Lá ngọc cành vàng", dễ gì ai bước chân qua ngạch cửa căn nhà ngói đỏ mà không được phép.

Căn nhà Dì Dượng lớn lắm, xây cất trong khuôn viên cả mẫu đất không chừng, nền nhà cao cả thước, tường xi măng gạch đúc thẳng băng, mái lợp ngói đỏ rực trời, ai đi từ xa nhìn ngang qua cũng thấy, căn nhà trên là nơi thờ phượng, căn nhà ngang cũng ván gỗ, bàn hương, nơi Dì ưa ngồi trên cái ghế cao, nhưng dưới nền gạch phải bóng lộn, dù Dì luôn có đôi guốc trong chân. Dì tôi sang cả lắm, nhưng mỗi lần nhắc đến Dì, Má tôi lại thở dài, tội nghiệp

cho Dì không thong thả được như Má tôi, ngày ấy tôi nào biết gì, mãi mới đây mới biết được rằng Dì được Dượng phát tiền chợ từng ngày! Thảm thay.

Chiến cuộc lan tràn, người dân quê phải tản cư về thành phố ở, chuyện đó đối với gia đình của Dì cũng chẳng có mấy đổi thay, vì ba người con của Dì đã về thành phố học từ lâu, người con trai lớn đã là "thần tượng" của nhiều cô gái trẻ trong trường: "đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi" cô nào mà không muốn được chàng kết thân. Và người con gái lớn của Dì, là một trong những người đẹp có tiếng.

Giữa con đường phố lớn thứ ba, Dì Dượng lại xây lên căn nhà đúc hai tầng dài thòng, trước sân có giàn hoa tím, rõ ràng là nơi đáng tìm đến của quí văn nhân, quân nhân cán chính tại địa phương. Nhà Dì lúc nào cũng có khách đến chơi, nhưng Dì vẫn nghiêm nghị, giữ một khoảng cách với tất cả, con cháu có ghé tạt qua nhà, Dì hỏi thăm vài ba câu rồi không thấy Dì đâu nữa, trong khi Dượng vẫn ngày đêm xách túi thuốc đi trị bịnh cho người.

Rồi một ngày lệnh tổng động viên ban ra, người con trai độc nhứt, được cưng như cưng trứng, hứng như hứng hoa, được chăm sóc chìu chuộng đủ điều, nhận lệnh nhập ngũ vào trường bộ binh Thủ Đức khoá 27, Dì như chết điếng trong lòng, mỗi lần má tôi về thăm Dì, là Dì khóc hết nước mắt, nhưng biết làm sao hơn, tuy rằng con trai một, nhưng Dì Dượng chưa đủ già để cậu em tôi được hoãn dịch vì lý do gia cảnh.

May quá! ngày mãn khóa cậu em tôi được về lại tỉnh nhà, Sĩ Quan Địa phương Quân! Dì Dượng tôi có đãi tiệc ăn mừng, vì dù gì đi nữa, một hai ngày cậu ấy vẫn có thể ghé qua nhà thăm hỏi Dì tôi. Nhà Dì Dượng tôi lúc này còn đông vui hơn nữa, vì bạn Lính của cậu em lui tới hà rầm, và cô em họ tôi lại đậu vào trường Sư phạm. Dì tôi vui lắm, Dì thôi khóc với má tôi, vả lại thời gian này đường Quốc lộ số Một cứ bị Việt Cộng đắp mô, gài mìn, sự đi lại quá khó khăn, nên chúng tôi không còn cơ hội ghé thăm Dì.

Căn phòng nội trú trường Sư phạm, nơi tôi và cô em họ cùng chung phòng, chúng tôi đang ồn ào cười nói, đùa giỡn trước giờ đi ngủ, bỗng dưng từ cửa phòng, mọi tiếng động đều ngưng bặt, tin buồn từ dưới phòng giám thị nội trú được thông báo đến cho nữ giáo sinh rằng: "người anh trai Thiếu úy địa phương quân, trong lúc dẫn quân đi truy kích địch, cứu một thằng bé đi lạc, và chính thằng bé ấy đã mở chốt lựu đạn quăng ra, nên có nhiều quân nhân hy sinh ngay tại chỗ, trong đó có cả người Sĩ quan!" Đất trời đảo lộn, Chị em tôi khóc suốt đêm, sưng cả mắt, chỉ chờ trời mau sáng, xin nhà trường cho phép về nhà thọ tang.

Dì tôi cứ ngồi yên như pho tượng gỗ, Dượng thì như kẻ thất thần, may nhờ bà con dòng họ, và những người bạn của cậu em tôi, đám tang có rất nhiều người đến thắp nhang cầu nguyện. Nhưng thay vì mai táng ở nghiã trang trong thành phố, Dì tôi nhất định không chịu, và buộc lòng Dượng

với một ít bà con lớn tuổi đưa quan tài về chôn ngay vạt đất sau vườn nhà. Ngày đó, vườn cây ăn trái cây quả sum suê, ngôi vườn được rào kín trong ngoài khang trang đẹp đẽ, dù rằng tình hình an ninh không có, cứ đêm về là những người mệnh danh "mặt trận giải phóng" về đào đường, đắp mô, đặt mìn bẫy.

Ấy vậy mà Dì tôi không hề sợ, Dì bỏ thành phố về lại làng quê sống một mình, lo chăm nom săn sóc ngôi mộ người con, nghe má tôi nói ngôi mộ lúc bấy giờ đẹp lắm, vì tấm mộ bia có hình người Sĩ Quan VNCH quá đẹp, mà cả làng, người nào còn ở lại cũng xin đến viếng thăm, căn nhà ngói đỏ nhờ vậy cũng đỡ quanh hiu, một người sống trong nhà, một ngôi mộ an táng sau vườn, mẹ con có nhau tưởng chừng mãi mãi, nhưng không.

Dượng tôi bị bệnh! một căn bệnh ngặt nghèo, người con gái út của Dì đã theo cha về tận Sài gòn để chữa bịnh, nhưng cuối cùng nhà thương chê, Dượng phải trở về và trút hơi thở cuối cùng cạnh vợ con. Dì cũng đưa về làng, căn nhà ngói đỏ lần nữa làm chỗ đặt quan tài cuả Dượng, dù năm 74, giặc đã gần như tràn khắp mọi nơi, nhưng tôi và ba tôi cũng bấm gan về dự đám tang Dượng cho trọn nghĩa trọn tình. Bà con đến đông lắm, bịnh nhân ngày trước của Dượng cũng nhiều, hai ngày trôi qua trong êm ắng, Dì tôi khóc gần cạn nước mắt cho con đã mấy năm ròng, giờ khóc chồng nên gần kiệt lực. Sáng ngày thứ ba, đang làm lễ để đưa quan tài đi hạ huyệt, bỗng từ ngoài sân, có nhiều tiếng nói lao xao, bà con dưới bếp cũng chạy bu quanh mấy người vừa mới đến, rõ ràng là gây sự tò mò quá đỗi, tôi chạy vội ra sân, để thấy người đàn bà trung niên, hai tay dắt hai thằng con trai cỡ năm tuổi, rụt rè từng bước, bước lên bậc tam cấp trước hiên nhà, Ba tôi và người cậu bước ra chào hỏi.

-Tôi làVợ của Thầy Ba, và hai đứa này là con sinh đôi của Ổng! bà ấy tự xưng như thế.

Mọi người đều ngạc nhiên đến cùng cực, cứ há hốc mồm mà ngó nhau, sau đó Cậu tôi định mời bà vào nhà để hỏi rõ câu chuyện, vì chưa có ai tin Dượng tôi lại có thêm vợ bên ngoài, vì lâu nay dưới mắt mọi người, Dượng là người chồng và người cha đàng hoàng, đứng đắn. Nhưng sự ồn ào, chộn rộn đã đập đến tai Dì, Dì đã sững người và từ từ ngất xỉu ngay tại chỗ.

Quang cảnh buổi tang lễ thật ồn ào, láo nháo, kẻ chạy lên, người chạy vào, thò đầu, chen lấn để coi mặt người đàn bà lạ với hai đứa nhỏ, thôi không còn tiếng khóc than dành cho người quá vãng, mà bây giờ là những tiếng khóc ấm ức, hai cô em họ tôi cũng đi ra đi vào gạt người này ra, xô người kia đi chỗ khác, không kềm chế được hành động của mình, họ khó chịu ra mặt, bực bội trông thấy, thỉnh thoảng hai người lại hét to lên: coi gì mà coi! Thật là tội nghiệp!

Dì tôi tỉnh lại sau một hồi được đánh gió, uống nước trà gừng, Dì vừa ngồi lên được cũng là lúc Dì đứng bật dậy, Dì phóng lại bàn thờ, vứt bỏ áo tang, cầm lấy di

ảnh của Dượng tôi, đi te te ra cửa và đi luôn không hề quay trở lại. Dì đi đón xe trở về thành phố, bỏ lại quan tài của Dượng nằm chình ình trong căn nhà ngói đỏ, để mặc cho người đàn bà mới đến cứ tự do lạy lục thọ tang.

***

Ba Má tôi nhận tin người con gái lớn cuả Dì đi lấy chồng, nhưng không thấy ai tỏ ý mừng vui, và cũng chẳng về dự ngày lễ cưới, chỉ viết thư chúc mừng, dù lúc đó Dượng còn tại thế. Người con rể của Dì trở nên một thành phần thường trực trong nhà: ở rể. Chuyện đèn nhà ai nấy sáng, người ngoài làm sao nhìn xuyên suốt qua cánh cửa gia đình, dù là dòng họ, bà con.

Chưa trọn một năm, ba má tôi lại nhận được tin vợ chồng người con gái lớn của Dì mới xin con nuôi, một đứa con rơi lai giống Đại hàn. Lần nữa ba má tôi lại kêu trời, mà trời thì ở tận đâu đâu.

***

Theo làn sóng người di tản trở về sau tháng tư đen, gặp lúc kinh tế khó khăn quá đỗi, Dì bán đi căn nhà ở phố, cuộc sống tưởng rằng an bình sau bao nhiêu thăng trầm, biến đổi. Dì có thêm việc mới: lãnh nuôi thằng cháu hờ, vì mẹ nuôi của nó đã sinh con. Bây giờ thằng bé đã ở hẳn trong căn nhà vẫn còn ngói đỏ với bà nuôi, ngày càng lớn nhưng đã chậm mất trí khôn.

Người con gái út đẹp đẽ từ lúc có gia đình, bỗng đổi nghề giáo thành "mụ Tú", ngang nhiên nuôi em út đầy nhà, ăn sang, mặc đẹp, cuối cùng vỡ nợ đi vay mượn lung tung rồi quịt nợ, mà nạn chân chính lại là má tôi. Dì thương cháu nên giúp đỡ tận tình, nhưng chỉ nhận lại những lời nói chẳng chút tình người. Bà giận, tức cho chính mình và khóc đến nỗi mắt mờ, mặc dù chúng tôi đã an ủi, khuyên lơn má tôi nhiều lắm. Dì tôi buồn vì biết con bà làm bậy, mà không nói được nên lời, vì Dì nghĩ mình là người vô dụng, ruộng đất đã bị hợp tác xã lấy mất rồi, và căn nhà ngói đỏ đã bị thằng con nuôi khùng khịu cứ từ từ đập phá, ăn cắp đồ đạc trong nhà đi bán nếu có người mua, ban đầu Dì còn khuyên răn, sau Dì giận la hét, thì bị nó đánh lại, Dì uất ức, trả về cho má nuôi nó, thì không ai nhận lãnh. Nhiều lần Dì thắp nhang khấn vái hai ngôi mộ sau vườn, Dì chực chờ một phép mầu nào đó nơi người con, người sĩ quan hy sinh rất trẻ, lúc sinh tiền Dì thương yêu rất mực. Nhưng cuối cùng, Dì phải bán đi căn nhà ngói đỏ mà tiếc ngẩn tiếc ngơ, chỉ giữ lại một mảnh đất nhỏ dành làm nơi an nghỉ của hai người thân, dựng lên một căn nhà tranh để Dì và thằng cháu nuôi trú ngụ, nhưng rồi nó cũng từ từ lấy từng miếng tranh đem bán. Dì tôi buồn. Dì buồn lắm!

Tin như sét đánh ngang mày, không phải cho riêng Dì mà cả bà con dòng họ, người con gái lớn của Dì đã bị vào tù: vì làm ăn, buôn bán thua lỗ, vay tiền ngân hàng quá nhiều mà không trả nổi, vỡ nợ. Căn nhà nơi góc phố của

hai vợ chồng mua được từ những đồng tiền Dì chia cho đã bị tịch thu, chồng con phải về phía nhà chồng ăn nhờ ở đậu. Trời hỡi! Dì kêu trời không thấu. Dì điên.

Dì tôi bị điên! Dì lơ ngơ láo ngáo, đi lang thang từ đầu trên xóm dưới, người chị họ đem về nuôi, và rồi người em họ đã cất cho Dì cái chòi chắn gió mưa cạnh hai ngôi mồ, bây giờ đã không còn rào dậu. Ba má tôi giúp đỡ cho Dì, nhưng có đồng nào trong tay, cũng bị thằng con nuôi khùng khịu tra khảo, đánh đập rồi lấy mất, cuối cùng, chỉ mỗi ngày người em họ đem đến mấy bữa cơm.

Dì tôi mất! phải khó khăn xin xỏ mới được an táng cạnh chồng con, ba má tôi cũng xây mộ kỹ càng, cũng là ngày người em họ ra tù sau năm năm lao động. Mừng vui! Xúc động? vì nghe tin Dì đã mất, người em bị "Strock" và bán thân bất toại nằm ngay trong bệnh viện

Và nơi đây, ba ngôi mộ nằm ngang hàng trên mảnh đất quê nghèo nàn, loang lở. Hai người con chẳng có cơ hội để chăm nom săn sóc, chỉ còn mấy đứa cháu coi ngó canh chừng nhưng cũng vượt khỏi tầm tay. Oan khiên, nghiệp chướng gì cứ bám lấy gia đình Dì tôi, bây giờ, tôi có muốn xây đắp mồ mả lại cho gia đình Dì, cũng phải coi ngày tháng, người em họ nói thế. Nhưng điều đáng sợ, ngày nào còn thằng cháu nuôi điên điên, dại dại, lớn vởn nơi đây, ngày ấy, chắc mồ mả Dì Dượng tôi vẫn không thể nào còn nguyên vẹn được.